

VƯƠNG TRÍ NHÀN

Buồn vui đời viết

MỘT TÂY AN ĐỨC

Buồn
vui
đời
viết

HOÀ MIỆT BÀN ĐỒI HOÀ VÂN

BUỒN VUI ĐỜI VIẾT

VƯƠNG TRÍ NHÂN

(Sổ tay văn học)

Ghi chú của tác giả Mấy năm gần đây, tôi có nhận viết các mục sổ tay văn nghệ, tạp ghi, phẩm luận v.v... cho một vài tờ báo. Các bài trong mục do các bạn khác viết, thường điếm qua tình hình sách vở mới in hoặc nêu các vấn đề lý luận cấp bách. Riêng tôi muốn viết theo lối trò chuyện thân mật, từ kinh nghiệm của một người trong cuộc, phác hoạ lại đời sống văn học với một ít góc ngách cụ thể của nó. Nay xem lại các bài viết, thấy chúng cũng phần nào có được sự nhất quán trong cách nhìn và giọng điệu, vậy xin tập hợp lại, kính trình bạn đọc xa gần và các đồng nghiệp. Tháng Ba, 1999

V.T.N



CŨNG LÀ NHỮNG SỰ XUỐNG CẤP

downloadsachmienphi.com

Trong một bài viết in trên trang văn học của TT&VH tháng trước, người viết bài này đã tạm ghi nhận một sự thực là trong khi các công trình nghiên cứu giảm sút, thì các loại sách giai thoại lại được dịp tha hồ nảy nở và đó chính là một bước thụt lùi khá rõ trong đời sống học thuật hiện thời.

Nhưng trong khung cảnh hỗn độn của một của sinh hoạt chữ nghĩa thuở giao thời, sự xuống cấp còn thấy bộc lộ ra ở vài phương diện khác.

Đọc lại lịch sử văn học nửa đầu thế kỷ XX, người ta biết rằng trong mấy chục năm ấy, văn xuôi Việt nam đã có những bước tiến rõ rệt. Trong thời gian đầu, những thể nghiệm văn xuôi in trên Đông dương tạp chí Nam phong, Phụ nữ tân văn, Hữu thanh ... còn giống như những ghi chép vụn vặt ngẫu nhiên tùy hứng. Nam hải dị nhân của Phan Kế Bính có bút pháp chẳng khác bao nhiêu so với Lĩnh Nam chích quái thế kỷ XIV. Nhiều truyện ngắn của Nguyễn Bá Học thực chất là viết lại một truyện dân gian (Ví như Chuyện ông Lý Chấm). Trong hoàn cảnh tư duy văn học mới có sự chuyển biến bước đầu

theo hướng hiện đại hoá, sự non đại đơn sơ bộc lộ ở mấy điểm : quy mô tác phẩm thường nhỏ bé ; cách làm văn xuôi của tác giả cũng là cái cách khá cổ, lời kể gần với lời nói hàng ngày, mọi chuyện lướt đi rất nhanh mà chẳng dừng lại ở một chỗ nào cho kỹ càng.

Nhìn kỹ hơn thì thấy trong các truyện kể lúc này, việc miêu tả con người còn bị hạn chế. Người viết không có cách gì thâm nhập được vào thế giới của các nhân vật. Quả thật khi nghĩ về văn học trước Tố tâm (1925), không ai nhớ được một nhân vật nào gọi là có đường nét cho rõ rệt, tức là những con người này cụ thể, những điển hình sinh động, như cách gọi của lý luận văn học.

Bởi vậy, khi đối chiếu, phải thấy từ Tân Đà từng văn tới Tuỳ bút I, Tuỳ bút II, Nhà Nguyễn của Nguyễn Tuân, hoặc từ các truyện ngắn viết những năm cuối thập kỷ 20, đầu 30 của Nguyễn Công Hoan tới truyện ngắn Nam Cao có một bước chuyển khá rõ trong ngôn ngữ thể loại. Cảm tưởng về một thứ văn viết ngày càng rõ ràng. Bút pháp dựng người dựng cảnh ngày mỗi thuần thực để đi gần tới chỗ có thể bước cùng một nhịp với văn xuôi thế giới hiện đại.

Còn như hôm nay, cùng lúc người ta chứng kiến hai quá trình trái ngược : trong khi một số nhà nghiên cứu mau mắn giới thiệu chủ nghĩa hậu hiện đại là thứ thể nghiệm mới nhất của văn học phương Tây và cố tìm ra những vang vọng của chủ nghĩa hậu hiện đại đó ở Việt nam (quả thật cũng đã có những thể nghiệm đáng khuyến khích) thì một quá trình lại gao cũng đang xảy ra : trong một số truyện ngắn truyện vừa, một số ngòi bút thần nhiên quay lại thứ văn chương gần với truyện kể dân gian. Đời sống tràn vào trang sách với vẻ đơn sơ của nó. Nhân vật chỉ thấy hành động mà phần tâm lý thường bị lướt qua. Đọc sách, đôi khi ta có cảm tưởng như lạc vào một đám đông lăm điều lăm nhời, ồn ào, lộn xộn, người nào miệng lưỡi cũng sắc như dao, nên lại cũng giống hết như những người khác. Thành thử, dù có bao nhiêu con người được gọi tên chỉ mặt đi nữa thì người đọc vẫn cảm thấy họ được đặt trong một khoảng cách để không sao trở nên thân thuộc như chúng ta đã từng thân thuộc với những Tám Bính, nhân vật xung tời trong Những ngày thơ ấu, hoặc Chí Phèo, lão Hạc.

Có ai đó sẽ cãi lại : Thế nhưng thứ văn chương đó lại đang có độc giả ! Thì có sao đâu. Như là công chúng vẫn chết mê chết mệt trước các

chương trình đồ vui, hoặc những màn kịch gây cười qua các chương trình truyền thanh truyền hình. Có phải vì được người ta hoan nghênh như vậy mà bảo rằng đó là các tiết mục có giá trị nghệ thuật chắc chắn.

Nhân nói đến sân khấu, lại nhớ Nguyễn Thị Minh Thái có lần đã ghi nhận cái sự lo lắng của nhiều người trước tình trạng một số nhà hát thời nay đang trở lại nguyên hình các gánh hát cải thời phường hội ngày xưa. Nhưng tình trạng lại gao không chỉ bộc lộ trong phương thức tồn tại của các đơn vị nghệ thuật như thế, mà còn trên nhiều phương diện khác : Chẳng hạn một đặc điểm của sân khấu hiện đại là sự phân công rõ ràng giữa kịch bản và vở diễn. Và những người viết kịch có lý do chính đáng để nhận mình là các tác gia văn học. Đây cũng là sự phân công được thực hiện trong sinh hoạt nghệ thuật ở ta những năm từ 1975 trở về trước. Nhưng càng những ngày gần đây thì càng thấy một xu thế ngược lại : lâu lắm không thấy báo nào cho in một kịch bản. Giá có ai muốn cũng không dễ gì tìm được một kịch bản để đọc. Bởi hình như không mấy khi nó có hình hài cố định, mà thường phụ thuộc vào các diễn viên các đạo diễn. Đi vào bếp núc nghề nghiệp, anh em bên sân khấu còn kể với tôi nay là lúc nhiều kịch bản chỉ hoàn chỉnh trong lúc tập tức là theo sự tùy hứng tự phát của các diễn viên. Nghe như thời của Moliere, Shakespeare trở lại chứ không phải thời của B. Shaw, B. Brecht, J. Anouilh.

Thành thử cái tình trạng trở lại truyện kể của văn xuôi hiện nay cũng không có gì là lạ. Các ngành sáng tạo thường vẫn đóng hàng ngang mà đi, trông nhau mà tồn tại.

Nghe nói đến sự xuống cấp, người ta thường chỉ lo lắng (và đôi khi là có sự “ chăm sóc “ quá mức cần thiết) trước những biểu hiện trên phương diện nội dung : tác phẩm này câu khách bằng chuyện giết gân, tác phẩm kia có xu thế ca ngợi bạo lực, một tác phẩm khác nữa quá nhiều yếu tố dung tục. Riêng những đặc điểm thuộc về hình thức thể loại thường ít được để ý.

Nhưng lẽ nào chúng ta quên rằng hình thức biểu hiện là một phần của nội dung, thậm chí là nội dung ở những phương diện sâu xa nhất của nó ?.

VĂN CHƯƠNG VÀ SỰ CHÍNH XÁC

Sai lầm trong công việc là điều khó tránh khỏi. Có điều, cái gì sai cần được nói lại cho đúng. Không nên im lặng sống mãi với những cái tưởng là sự thực chỉ vì lý do duy nhất : nó đã được nhiều người chấp nhận.

Tản Đà toàn tập gồm có năm tập (mới in ra quý I/ 2002) thì riêng tập bốn dành cho các bản dịch. So với toàn tập Xuân Diệu hoặc toàn tập Nguyễn Tuân mới in ra mấy năm trước thì đây là một bước tiến : không biết vì sao, những bản thơ Nazim Hikmet hoặc một số truyện ngắn của Tchekhov, trong cái hình thức tiếng Việt nhiều khi đạt tới sự hoàn hảo mà Xuân Diệu và Nguyễn Tuân thực hiện, đã không trở thành một phần sự nghiệp của các ông ; và lẽ nào đó không phải là điều đáng tiếc ?!

Nhưng Toàn tập Tản Đà còn có một ghi chú khiến một số người không khỏi sững sốt : lâu nay bản tiếng Việt của bài thơ Phong Kiều dạ bạc (Trăng tà chiếc quạ kêu sương — Lửa chài, cây bến, sầu vương giác hồ...), vẫn được xem là một niềm tự hào của ngòi bút dịch thuật Tản Đà thì nay thấy ghi rõ đó là bản dịch của Nguyễn Hàm Ninh. Xem kỹ lại thấy Nguyễn Mạnh Bổng từ hồi tập hợp Tản Đà vận văn (1944) hoặc Nam Trân và các đồng sự khi soạn hai tập Thơ Đường (1962) đều đã không xem Tản Đà là người dịch Phong Kiều dạ bạc. Nhưng ở ta cái gì đó một khi đã thành hình và có một vẻ ngoài hợp lý thì nó bền lắm, về sau biết là có sai nhiều người cũng lảng lờ đi không muốn chấp nhận sự cải chính. Có thể nói đây đang là cả một thói quen thâm căn cố đế đang ngự trị. Hình như với nhiều người, một bản dịch tuyệt vời như Trăng tà chiếc quạ kêu sương không thể thuộc về một ngòi bút dịch thuật nào khác, phi Tản Đà không ai có thể dịch hay đến thế. Bởi vậy cái việc minh định lại tên người dịch và rút bản dịch ra khỏi sự nghiệp Tản Đà không chỉ là một làm cần thiết mà trong hoàn cảnh tâm lý nói chung còn phải được coi như một việc dũng cảm nữa.

Một câu chuyện khác trong giới dịch thuật gần đây cũng nên được chú ý : Lâu nay, bản tiếng Việt của tiểu thuyết Trăm năm cô đơn của Nguyễn Trung Đức cùng hai cộng sự (được dịch thẳng từ tiếng Tây

Ban Nha)vẫn được coi như một tác phẩm hoàn hảo. Thế nhưng một bài trên tạp chí Tia sáng số ra 6/2002 đã nêu lên chỗ đáng ngờ của bản dịch bằng cách đối chiếu một đoạn nhỏ giữa bản tiếng Việt với các bản tiếng Anh tiếng Đức, và nhờ một người biết tiếng Tây Ban Nha khảo lại để rồi chỉ ra những lầm lẫn mà nếu đọc nhanh đọc vội người ta sẽ bỏ qua, song nếu đọc kỹ sẽ thấy vừa không đúng với điều tác giả muốn nói, vừa vô lý, không cần biết ngoại ngữ nào cũng đã thấy vô lý. Tại sao điều này đến nay mới được nói ra, lý do có thể có nhiều nhưng suy cho cùng lý do quan trọng nhất là lâu nay chúng ta hình như không có thói quen xem xét lại độ chính xác của một bản dịch. Cả nước mình có được bao nhiêu người biết tiếng Tây Ban Nha không rõ, song trong số đó mấy ai chịu lao đầu vào một công việc rắc rối như dịch thuật, nhất là dịch tác phẩm cổ điển hoặc những tác giả được Nobel văn chương ? Vậy thì có được bản dịch của Nguyễn Trung Đức đã là phúc lắm rồi ! Sinh thời Nguyễn Trung Đức vẫn được coi như một người làm việc cẩn trọng, nhất là một người tử vì đạo, cam lòng sống trong cảnh hàn vi miễn sao được làm cái công việc thiêng liêng là chuyển những kiệt tác kia ra tiếng Việt, có phải dễ gì mà trong giới dịch thuật hiện nay tìm được người tâm huyết như vậy. Và chẳng, giả sử có người giỏi tiếng Tây Ban Nha hơn dịch giả (hoặc sử dụng những người biết tiếng Anh tiếng Pháp để đối chiếu) thì liệu họ có chịu nhận công việc soát xét lại bản dịch vốn dễ gây phiền phức ? Rồi tiền đâu mà chi cho cái công việc rắc rối đó ? Đã có bao nhiêu lý do khiến cho lâu nay bản dịch của Nguyễn Trung Đức được xem như một bản dịch chuẩn, và đôi khi nếu có ai đó trong lúc trò chuyện tỏ ý phải khảo lại các bản dịch ấy xem chúng chính xác đến đâu thì những người chung quanh sẽ cười ồ lên : người này cho rằng nói thế là xúc phạm một người có tâm ; người khác cười khẩy bảo rằng đó là cả một công việc hoang tưởng không bao giờ làm nổi.

Nên bảo rằng một thói quen qua loa đại khái đã hình thành chắc chắn trong cách làm việc của chúng ta ?

Hay nên nói rằng nay là lúc chúng ta rất yếu lòng, không đủ niềm tin và nghị lực tìm tòi cho kỹ một cái gì hết, và chỉ còn cách bảo nhau rằng cái gì làm được đều đã đáng quý lắm rồi, cái gì hôm qua đã được đông đảo mọi người chấp nhận thì đó là sự thực ?

Hình như cả hai cái lý do nêu trên đều đúng !

Gộp chung cả hai trường hợp Phong Kiều dạ bạc với Trăm năm cô đơn : Bằng kinh nghiệm riêng, tôi ngờ rằng cái việc xác định ai là tác giả bản dịch Trăng tà chiếc quạt sương kia còn cần phải được chứng minh tiếp tục. Liệu Nguyễn Hàm Ninh (1808—1867) một người từng là bạn xướng hoạ thơ với Cao Bá Quát có thể có cái giọng mới như vậy ? Cũng như không biết bao giờ lại có ai đó đứng ra dịch lại Trăm năm cô đơn và cứ tình hình làm ăn của ta hiện nay thì không có gì bảo đảm là sẽ có một bản dịch khá hơn. Song tôi cứ thấy vui vui khi chúng ta bắt đầu công bố những việc này trước dư luận. Trong văn chương vẫn có chỗ cho sự chính xác. Những con số liên quan đến năm sinh tháng đẻ của một tác giả, năm tháng và nơi chốn ra đời một tác phẩm. Những cứ liệu cần thiết cho việc xác định ai là tác giả của một văn bản. Sự sửa chữa thay đổi của một tác phẩm qua những lần xuất bản khác nhau. Sự trung thành với nguyên tác của một bản dịch...Bấy nhiêu dữ kiện nếu không đạt tới sự chính xác cần thiết (chính xác theo nghĩa đen, nghĩa số học hai với hai là bốn) thì mọi nhận định về sau, dù hay ho đến mấy cũng là suy diễn vô nghĩa.

Một điều nữa thuộc về tâm lý mà chúng ta nên bảo nhau : những người thích mang những thanh kiến đã được chấp nhận ra xem xét lại không phải là những kẻ xấu “ những kẻ bới lông tìm vết” như dân gian vẫn nói, mà thực sự là những người có đóng góp. Miễn là công việc được họ tiến hành một cách khoa học thì nó cần được xã hội khuyến khích. Sau nữa, một khi đã biết là có sai lầm trong khâu tư liệu thì nhất thiết phải sửa. Có lần tôi nghe mấy nhà giáo thắc mắc với một vài chuyện mà báo chí mang ra bàn cãi. Họ bảo vấn đề này đã được đưa vào sách giáo khoa rồi, đề nghị không thảo luận nữa, thảo luận mãi làm thầy giáo và học sinh hoang mang. Ô hay, nhà trường phải giảng dạy sự thực chứ sao lại bắt sự thực phải uốn mình theo điều sách giáo khoa đã viết (như kiểu gọt chân cho vừa giày)? Khi sự thực được xác minh lại, sách giáo khoa cũng phải sửa, điều đó có gì là lạ ? Theo hướng này mà nghĩ thì tiếp theo việc công bố ai là dịch giả Phong kiều dạ bạc và việc khảo lại tính chính xác của Trăm năm cô đơn, chắc chắn còn có nhiều sự kiện văn chương khác vốn đã được đặt dấu hỏi cần phải được đưa ra trước công luận.

DỪNG DỪNG NHƯ MỘT CĂN BỆNH

Niềm tha thiết muốn đưa lại cho tiểu thuyết những thay đổi và nói chung làm sao tìm tòi để có được những cách tân so với tiểu thuyết hồi đầu thế kỷ... thực sự là cả một nỗi ám ảnh trong tâm trí nhiều người viết văn hôm nay. Không nói đâu xa, ngay trong báo cáo tổng kết của Ban chung khảo cuộc thi tiểu thuyết 1998 – 2000, cũng đã thấy nói tới một bút pháp “cộng hưởng giữa hiện đại và cách tân”, rồi hiệu lực của việc sử dụng những biện pháp như đồng hiện, độc thoại nội tâm, dòng ý thức... Phiền một nỗi không phải cái gì người ta mong mỏi là tự nhiên làm được ; một mô hình mới mẻ về tiểu thuyết là kết quả của một tư duy hiện đại, nó khác rất nhiều với một vài thủ pháp cụ thể mà một sự khéo tay học theo có thể làm, dù là làm rất khéo léo. Trên đại thể có cảm tưởng tuy đã có một vài sự cải tiến nho nhỏ, song thứ tiểu thuyết mà hôm nay các nhà văn đang viết thực ra cũng không khác bao nhiêu so với tiểu thuyết đã hình thành trong nửa đầu thế kỷ XX. Nhìn vào Hồ Quý Ly : trong cái vẻ chín đều của nó, một sự hoàn chỉnh hiếm có của tiểu thuyết vài trăm trang phổ biến ở ta, cuốn sách này của Nguyễn Xuân Khánh thực ra cũng là tổng kết của một tư duy tiểu thuyết đã qua hơn là mở đường cho một tư duy tiểu thuyết mới khác trước. Trong năm 2001, bên cạnh tập thơ Linh, có một tập thơ khác được coi như có những tìm tòi nghệ thuật, đó là tập thơ mang tên Viết của một số cây bút như Nguyễn Quang Thiều, Nguyễn Quốc Chánh, Mai Văn Phấn, Thảo Phương, Phan Huyền Thư.... và cũng in ra ở nhà xuất bản Thanh niên. Có điều, trong khi Linh có may mắn được bàn bạc râm ran trong dư luận, thì Viết đâu chỉ một lần được một nhắc tờ báo nhắc nhở tới sau đó rồi thôi, thậm chí ít người biết rằng có một tập thơ mang cái tên như thế đã được in ra. Về mặt này mà xét, thì số phận của những tìm tòi của các tác giả in trong Viết có phần hơi giống số phận của những tìm tòi của Nguyễn Bình Phương, Ngô Tự Lập, Bùi Hoàng Vĩ... trong văn xuôi, tức là chỉ được đặt trong giới hạn một chuyện riêng tư của mỗi tác giả và vô hình trung, xem như chẳng có can dự gì đến tình hình sáng tác nói chung. Nhà thơ Phạm Đức chuyên lo việc in thơ ở NXB Thanh niên, trong bài trả lời phỏng vấn in trên tạp chí Văn hoá văn nghệ công an số ra 11/ 2001, cho rằng lối thơ như trong Viết hoặc Linh là một trong nhiều sân chơi có thật của thơ hiện nay. Tiếp theo ý đó của Phạm Đức, tôi cũng muốn đề nghị rằng những cuốn sách trên chẳng những nên in mà còn nên mang ra

trao đổi bàn bạc cặn kẽ. Có người sẽ hỏi sách ra chông chất, đến nhiều tập thơ quyền truyện gọi là bình thường còn không được ai nhắc đến, lấy đâu thì giờ và giấy mực viết về những thứ văn chương như chữ dùng của Phạm Đức là “sân chơi hẻo lánh” kia. Câu trả lời ở đây là, ầy, những tác phẩm loằng xoằng viết theo cái mạch quen thuộc bỏ qua không sao, chứ với những cuốn sách bài thơ muốn cự quây thay đổi (bất cứ tác phẩm nào, thậm chí những tìm tòi chỉ giới hạn trong ít bài đăng báo chứ chưa in thành sách) thì nhất thiết không nên bỏ qua. Chúng vẫn có mối quan hệ với mọi người dù là quan hệ theo một cách riêng: Trong cái vẻ tưởng như cực đoan của mình, chúng nói hộ những ao ước ngấm ngấm có ở anh ở tôi ở nhiều người chúng ta mà vì khiêm tốn biết điều, đúng hơn là vì ngại ngần cầu an, sợ thay đổi, sợ thất bại mà ta không dám dẫn bước. Làm sao có thể thúc đẩy sự sáng tạo ngày một tiến tới, nếu không khuyến khích những thử nghiệm để rồi có sự rút kinh nghiệm ngay về những thử nghiệm đó? Có một nhận xét mà một số người nêu lên rồi lấy đó làm cơ để khuyến khích thái độ im lặng chung quanh các loại sáng tác gọi là tìm tòi hiện nay: có vẻ như chúng không đến được với đông đảo người đọc; chẳng những đứng ngoài thói quen thường thức thông thường, khiến người đọc hơi mệt, mà đơn giản là chúng không hay, một số người đọc kiên nhẫn sau khi bỏ công đánh vật một hồi với tác phẩm cũng thấy chẳng thu hoạch được điều gì sâu sắc. Những nhận xét đó trong nhiều trường hợp là khá chính xác. Xưa nay bao giờ cũng vậy trong bước đi ban đầu, nhiều quá trình tìm tòi thật chẳng khác việc người nông dân sục lưỡi cày sâu xuống lòng đất, cái mà người ta thấy ngay là những tảng đất chua mặn. Một mặt, chắc không ai dám nói rằng mọi việc chuẩn bị cho sự cải cách đã được chuẩn bị chu đáo. Mặt khác, phải nhận là không ít bạn trẻ hiện nay có cái vẻ mà các cụ xưa vẫn nói, đành hanh, chơi trội, “chí to hơn người”, “chưa có tinh đã có tướng”, kiên trì học hỏi nghiền ngẫm thì ít, lo đi quảng cáo cho tác phẩm của mình thì nhiều, việc đầu cơ cái mới không thể cam đoan là không hề có. Thế nhưng tốt hơn hết là hãy bình giá công việc của các bạn trẻ ấy hơn là quá đề tâm xét nét con người họ. Thử nhìn lại cái hiện tượng thường được nêu ra như một mẫu mực của sự tìm tòi và dám thay đổi trong văn chương Việt Nam là Phong trào Thơ mới, người ta thấy ngay là thuở ban đầu cũng không tránh khỏi bao nhiêu thử nghiệm vô lý, nào thứ thơ quá gần văn xuôi của Hồ Văn Hảo, Nguyễn Thị Mạnh Mạnh, nào thứ thơ Bạch Nga, thơ mười hai chân, thơ bắt chước thơ Pháp của Nguyễn Vỹ mà Thế Lữ đã chế giễu một cách cay độc. Xét chung cả sự

vận động của lịch sử thì những sai lầm như thế thực ra vẫn có một tác động tích cực, nhìn cái xe đổ trước mặt chính là một cách hữu hiệu giúp ta đi đúng con đường phải đi. Đòi hỏi mọi thứ thay đổi ngay từ đầu đều hợp lý mức độ có sức thuyết phục thì nào có khác bảo thẳng người ta đừng làm gì cả. Trên đường tìm tòi, một số cây bút trẻ không tránh khỏi chưa tiêu hoá hết những ảnh hưởng xa lạ, tức thử viết theo cách của tác giả A. tác giả B. ở nước ngoài mà người đó yêu thích. Nếu đây là một cách chép bài lộ liễu thì phải có lời cảnh tỉnh đương sự. Ngoài ra, trên nguyên tắc có lẽ chúng ta phải tập cho mình thói quen chấp nhận sự học hỏi, chứ không thể vơ đũa cả nắm, thoáng nhận ra dấu vết nước ngoài là khoái trá rũ tuột mọi nỗ lực của một cây bút ham đọc. Kinh nghiệm của các nhà văn nhà thơ nửa đầu thế kỷ còn đó, một Xuân Diệu từng công khai nhận rằng Tôi nhớ Rimbeau với Verlain, song nhờ thế lại góp phần làm giàu thêm những phương thức biểu hiện của thơ tiếng Việt. Làm sao trong việc ăn, ở, đi lại, mua xe, sử dụng điện thoại tự động, nghe nhạc, xem đá bóng, xây nhà, đi du lịch... ta có sự chia sẻ đầy đủ với cách sống của con người hiện đại, mà văn chương thì lại đứng riêng ra một lối cho được ? Trong hoàn cảnh của một thế giới cõi mờ như hiện nay, niềm ước mơ hoàn toàn tinh khiết chân quê có gì giống như một ảo tưởng. Tốt hơn hết là chúng ta chỉ cần nhắc nhở nhau một cách nhẹ nhàng rằng trước sau một cây bút có bản lĩnh phải tìm được cách thoát ra khỏi những ảnh hưởng mà họ say mê khi đang tập sự. Cái mới cái trẻ thực thụ thường khi sinh động hấp dẫn, khiến chẳng ai nỡ lòng từ chối. Song tìm là khổ, mà khổ nhất là những người vừa muốn tìm, vừa tỉnh táo nhận ngay ra rằng những nỗ lực của mình chẳng đi đến đâu. Lúc bấy giờ hình như chẳng còn làm chủ được mình nữa, người ta rất dễ rơi vào một thứ trạng thái tâm lý có màu sắc hư vô, những gì mình không làm được thì cũng cầu mong đừng có ai làm. Một trong những lý do dẫn tới đứng đưng bất nguồn từ đây. Sự đe nẹt quá đáng dẫu sao cũng còn có thể hiểu được, một số người vốn quen nghĩ một chiều về sự sáng tạo nên đối với mấy cây bút trẻ hiểu động dễ khe khát, song nếu có điều kiện bàn bạc dần dần rồi mọi người sẽ hiểu ra. Sự đứng đưng còn đáng sợ hơn một bậc. Nó đẩy những tìm tòi kia vào trong bóng tối của quên lãng và khiến cho một số người toan tính những bước phiêu lưu tự nhiên phải chùn bước.

DẤU HIỆU CỦA MỆT MỎI VÀ THIẾU KHÁT VỌNG

Các nhà bình luận bóng đá thường dùng một cụm từ để, trong một số trường hợp giải thích sự thất bại của một đội bóng : các cầu thủ thiếu khát vọng chiến thắng. Thú thực là lúc đầu nghe họ nói thế, bản thân tôi cũng lạ và thấy một chút gì đó khó hiểu : chiến thắng, hay thành công, thành đạt, là cái đích của mọi hoạt động. Ngoài việc thỏa mãn nhu cầu tinh thần, nó còn liên quan trực tiếp đến công ăn việc làm, thu nhập, tiền thưởng. Người đời thường chỉ thiếu năng lực chứ mấy ai thiếu khát vọng ? Nhưng xem kỹ một số trận bóng, thì thấy đúng như vậy. Trên sân cầu thủ như người mất hồn lơ vờ, uể oải. Vẫn biết họ có mặt mà không hiểu họ làm gì trong chín mươi phút thi đấu. Hình như chưa đá đã tính rằng không có cách gì đá thắng. Thấy mình bất lực. Ngại va chạm. Khiếp nhược đến mức thấy bóng cũng không dám sút, người nọ đùn đẩy người kia. Thậm chí đôi khi trước mắt chúng ta là một đội bóng cứ chạy loạn cả trên sân, song nhìn kỹ, chỉ là một sự liều lĩnh trong tuyệt vọng. Và người ta chỉ có cách bảo là ở họ đang thiếu hẳn khát vọng chiến thắng. Muốn chuyển bóng đá để bàn thêm những nghề khác, hẳn có người cho là thô thiển. Song, ở đây, cái để chúng ta quan tâm tới hiện tượng là phản thực chất của nó. Bóng đá chẳng qua là một ví dụ, ta hiểu thêm về các hoạt động sáng tạo. Vậy thì, một căn bệnh thấy rõ ở bóng đá như trên đây vừa miêu tả có lẽ cũng có thể giúp cho việc bắt mạch chính xác hơn cái hiện trạng khó khăn đang ngự trị ở một số lĩnh vực sáng tạo khác trong đó có có văn chương. Trong xã hội hiện đại, như các nhà vật lý lý thuyết thường nói, không có gì là không thể xảy ra. Trong quá trình hành nghề, một người viết văn thường thấy dậy lên trong lòng mình nhiều ao ước – chưa làm đã ao ước, càng làm càng ao ước thêm. Nếu biết làm việc một cách hợp lý, người ta sẽ cảm thấy những ao ước ấy không hẳn xa vời, mà gần gũi như vớ tay là chạm được đồng thời lại vẫn thiêng liêng đến mức nếu không đạt tới, thì xem ra đời mình chẳng còn chút ý nghĩa nào nữa. Và đó chính là khát vọng. Có cái khát vọng tự nhiên, khát vọng được trình bày, bộc lộ và trong chừng mực nào đó, đóng góp tiếng nói nhỏ bé của mình cho nhân quần xã hội. Có cái khát vọng hòa nhập, khát vọng muốn được thông cảm, được chia sẻ được làm dịu bớt những điều sôi nổi trong lòng. Trong quá trình viết, lại nảy sinh cái khát vọng muốn tìm tòi và tư hoàn thiện về mặt nghệ thuật, nói cho

văn hoa là là khát vọng xây nên một tòa lâu đài bằng ngôn từ, chưa ai trông thấy bao giờ mà lại mãi lệ đến mức những người khó tính nhất cũng phải trầm trồ khen ngợi ! Dù nhiều bộ mặt như thế nhưng khát vọng vẫn chót lại ở một điểm : nó không phải là ao ước viễn vông mà bao giờ cũng là kết quả một sự suy tính sâu xa. Nó nằm trong tầm tay của người hiểu biết công việc, và trở nên nguồn sức mạnh thúc đẩy người đó nỗ lực dẫn tới. Rồi ra, nó sẽ là cái hơi thở vô hình tồn tại bên trong sách đến mức mãi về sau, mỗi khi tiếp xúc với tác phẩm, người đọc vẫn cảm nghe được hơi thở của nó. Ngay cả khi người viết thiếu một chút may mắn trong lao động nghệ thuật, tác phẩm không trở nên hoàn thiện để rồi có được số phận tốt đẹp như tác giả mong muốn, thì cái phần khát vọng mà người viết đã đặt vào nó vẫn tồn tại và luẩn quẩn sau các dòng chữ. Có thể nói một cách chần chừ không có ngoại lệ rằng khát vọng chính đáng bao giờ cũng tìm được cách biểu hiện tác phẩm. Ngược lại một khi các trang sách không đủ sức lôi cuốn người đọc, trước mặt họ chỉ thấy một khối rời rã, nhọt nhọt ... thì có phần chắc là họ đang phải tiếp xúc với những ngòi bút thiếu năng, thiếu lực, không có lấy một chút tha thiết tối thiểu cần thiết cho một công trình sáng tạo. Điều này sẽ được minh họa rõ qua một số tác phẩm đang ra đời hôm nay. Câu chữ câu thơ, mạch truyện chấp vá ; lời thơ sáo mòn, người viết làm việc vội vã, hình như chỉ cốt viết cho xong ... Bấy nhiêu căn bệnh đã được nói trên báo trí một phần, song so với những cái đã nêu, thì cái phần được giấu đi còn trầm trọng hơn gấp bội. như được đi vào hậu trường của đời sống văn học, người ta đại khái còn được biết thêm rằng sinh hoạt chuyên môn trong những người cùng giới khá lênh loảng, nhà văn thường chỉ lo viết hơn là lo làm việc đều đặn để tích lũy chuẩn bị cho sự viết ; hơn thế nữa, có ngòi vào bàn cũng lo viết ừ một cái cho thật nhanh, vì bao nhiêu thời gian và tâm huyết còn dành cho việc xoay xoã cốt bán tác phẩm với giá cao nhất. Đã có nhiều ý kiến khác nhau được nêu lên nhằm biện hộ và lí giải hiện tượng này, song, nếu muốn quy về tận gốc, có lẽ phải nói tới con người nhà văn với những khát vọng đang mất dần ở họ. Tại sao anh lại thờ ơ với những ý tưởng nảy sinh trong tác phẩm của anh, đây là điều tôi không hiểu nổi. Trên đây là một nhận xét mà nhà văn Nga K. Paustovski viết bên lề tập bản thảo của học sinh trường viết văn Gorki. Sự thờ ơ mà cụ Pau nói ở đây, không khác gì, chính là một sự thiếu khát vọng chúng ta đang bàn. Thờ ơ với những ý tưởng nảy sinh, thờ ơ với từng quyển sách, thờ ơ với cả nghề văn v.v... những thang bậc khác nhau đó là trên cùng một hướng vận động. Và chúng tôi cũng

nghĩ như tác giả Bông hồng vàng – sự thờ ơ ấy, là một cái gì lạ lùng, hiếm khi thấy ở một người làm nghề sáng tạo trước kia, và có lẽ, chỉ đặt vào hoàn cảnh xã hội hiện đại, người ta mới nhận rằng nó đã xuất hiện. Tạm làm một sự so sánh : theo cách nhìn thông thường thì đất là một thực thể vô tận và bền vững, ổn định, có bỏ công ra cây trồng là có thu hoạch. Nhưng theo các nhà nghiên cứu nông nghiệp, nay là lúc đất có thể trở nên thoái hoá, bởi đã bị khai thác quá công suất, hoặc bởi sự lạm dụng các loại phân hoá học. Cũng tương tự như vậy một người viết văn sẽ trở nên trơ lì, thờ ơ, thiếu khát vọng khi giải quyết không tốt mối quan hệ với hoàn cảnh. Nhìn một cách bao quát, có thể bảo chưa bao giờ sự sáng tác văn chương lại được xã hội hoá cao độ như hiện nay. Sự bình thản trong nếp sống nếp nghĩ thời xưa chỉ còn là chuyện trong kí ức. Sang thời hiện đại, sáng tác đồng nghĩa với gấp gáp vội vàng, hôm qua nhân danh phục vụ hôm nay thì để thỏa mãn cái tính hiếu thắng không chịu thua kém ai trong kinh tế thị trường. Người ta vẫn hay nói và thực sự vẫn nhớ như chôn vào ruột về những tác động to lớn mà văn học có thể mang lại cho cuộc sống. Những cái tác động này cần dựa trên một chất lượng ra sao – chuyện ấy đang bị tha nổi. Luôn luôn chỉ có một thứ cần nghĩ tới là sự có mặt. Mà đã như vậy, thì chuyện xô bồ viết lấy được là khó tránh khỏi. Có những nhà văn mãi miết đến mức không còn học hỏi thêm, đại khái giống như cái bình ắc quy, chỉ lo phát điện mà không “ sạc – giê ”, thành thử cần cỗi lúc nào không biết. Lại nữa, tuy nỗ lực chủ quan, nhưng việc duy trì khát vọng lại phụ thuộc vào mối quan hệ giữa nhà văn với môi trường, với dư luận. Một người không thể cứ viết một cách đầy tâm huyết và có sự chuẩn bị kĩ lưỡng cho sáng tác khi những nỗ lực chính đáng của anh ta không được xã hội đánh giá đúng. Và chắc chắn anh ta sẽ sớm nản lòng khi nhìn ra chung quanh thấy những đồng nghiệp khôn vật, lấu cá lại tọa hưởng vinh hoa phú quý. Nói như cách nói của các nhà xã hội học, bây giờ cá nhân sẽ rơi vào tình trạng cô độc, cảm thấy mọi chuyện phi quy tắc, phi chuẩn mực và thực sự là tuy vẫn nói ra miệng đầy đủ chuyện không ngoan đúng mực, nhưng trong thâm tâm anh ta đã không còn tin ở chính mình. Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn có từng diễn tả rất hay cái thực trạng tinh thần kiểu đó trong mình : “ Bỗng dưng tôi mất hẳn lòng say mê được trình bày những điều mới lạ trong sáng tạo. Chẳng hiểu bắt nguồn từ đâu, chỉ cảm thấy một sự mơ hồ trục trặc, một cái gì đó lệch đi trong đời sống tinh thần của mình. Nói chung, hình như tôi không còn bị cám dỗ bởi những giấc mơ nữa ”. (Dẫn theo Anh Ngọc Từ thơ đến thơ). Những trường

hợp Trịnh Công Sơn nói ở đây còn là bệnh nhẹ, ở một số nhà văn hôm nay, quá trình này kéo dài và đã trở nên nặng nề hơn. Và bệnh càng nặng thì các đương sự càng cảm thấy cách làm của mình là có lí, không còn muốn nghe ai phải trái bàn bạc gì nữa. Sau khi bảo rằng đời sống văn chương gần đây chỉ có nền không có đỉnh, loanh quanh ở mức làng nhàng, một nhà văn đã nêu ra lí do để biện hộ : là trong lịch sử, vẫn có những thời điểm như thế : Chẳng những ở ta, mà ngay ở bên Tây, bên Tàu cũng có khi dăm bảy năm liền chẳng lấy ra được tác phẩm nào đáng kể. vậy cứ bình tĩnh không nên sốt ruột. Đây phải chăng cũng là một gợi ý để chúng ta yên tâm chịu đựng sự thiếu khát vọng ở một số cây bút hiện thời ? Ví dụ nếu ai có dịp đọc lại thời kỳ 1932 – 1945 sẽ thấy mấy năm từ sau 1940, nhiều người sáng tác cũng tự nhiên cảm thấy khốn quẫn, mệt mỏi hẳn. Nhà thơ Thâm Tâm từng có bài Vọng nhân hành trong đó nói tới hai dạng nhà văn bất lực lúc bấy giờ : Một bên là Thăng bó văn chương ôm gối hận, còn bên kia Thăng thí cho nhảm sức võ sinh. Cái tài của Thâm Tâm là ông biết chỉ ra rằng bên cạnh sự căn cỗi, bế tắc thì nhiều khi thì chính do thiếu khát vọng mà con người cứ làm lung tung cả lên, cốt lấy số lượng và đỡ trống trải trong lòng. Tuy nhiên cũng phải nói thêm là lịch sử không bao lặp lại hoàn toàn, ở hai thời điểm khác nhau. Xưa nhiều người viết khi gặp bế tắc, thường trốn vào im lặng, bế bút mà thẻ là không dính dáng gì đến văn chương chữ nghĩa nữa. Nay có hiện tượng nhiều người không viết được gì nhưng vẫn nặng, không chịu rút lui, ngược lại, chẳng bám lấy danh hiệu nhà văn để hưởng chút ưu đãi của xã hội. Hoặc xưa cũng có hiện tượng viết liều viết ẩu, nhưng những người có sống qua thời ấy cho biết thật chưa bao giờ sự làm sách làm báo hỗn loạn như bây giờ. Đáng chú ý là trong khi mãi miết một cách vụ lợi, một số người loại này lại có hy vọng rất vu vơ tin rằng cứ làm đại đi không biết chừng có lúc vớ được những chú cá lớn. Nói cách khác, họ thích tin vào những phép màu, nó khiến cho người ta có thể có được những kiệt tác để đời mà không cần tốn sức lực. Mà những ao ước vu vơ (kể cả lòng tin vào những phép màu đột nhiên xuất hiện) thì khác xa với những khát vọng lớn lao cũng y như các tay chơi nghiệp dư khác hẳn với những cây bút làm nghề có trình độ và có bản lĩnh.

THỜI CỦA NHỮNG LIỆU PHÁP SỐC

Khoảng mười lăm năm trước, khi vừa mới in những truyện ngắn đầu tay, nhà văn nọ đã được đón tiếp nồng nhiệt, phải nói là một cuộc rước đón dễ không ai bằng. Một nhà nghiên cứu đã viết bài phân tích một vài đặc điểm trong phong cách của ông. Gần đây, tại một cuộc giao lưu văn học, khi bạn đọc hỏi nhà văn nay đã thành danh về mấy nhận xét lâu nay vẫn được xem là một phát hiện kia, thì được ông trả lời : các giáo sư nhiều khi nói cũng hay, nhưng có khi nói nhảm. Trong trường hợp này, nhận xét của vị giáo sư về tôi mười mấy năm trước là nói nhảm. Trong một dịp bực bực với báo chí, một đạo diễn điện ảnh tự nhận mình là thằng hèn. Còn trong một cuộc tranh cãi kéo dài hiện nay, những từ hiếm hoi như tiểu nhân, tiểu khí, hàng tôm hàng cá, hãnh tiến, đề tiện v.v.. đã được sử dụng để chỉ những địa chỉ cụ thể. Những người quen nhìn văn nghệ sĩ theo kiểu lý tưởng hoá thì nhăn nhó : sao lại thế ? các vị đã nóng đầu hết cả rồi sao? Người khác bình tĩnh hơn chỉ thủng thẳng cắt nghĩa : cứ thế lại hoá hay. Thời của những liệu pháp sốc mà. Phải nói thẳng mới được việc. Tôi thì tôi chỉ nghĩ : Nếu lâu nay chúng ta đã nghĩ về nhau như vậy thì nên viết ra còn hơn bực bội để bụng. Thử đi tìm lại những gì chúng ta đã nói với nhau hàng ngày. Có bao điều chưa bằng lòng, bao điều lẽ ra phải khác mà chưa khác được. Người cầm bút nói riêng các nghệ sĩ nói chung cũng là những người bình thường như mọi người khác. Ai như thế nào công việc đến đâu, người trong giới đều biết và đánh giá được đầy đủ. Chỉ có điều hôm qua chưa nói thì hôm nay đã nói. Thử cắt nghĩa tại sao lại phải dùng liệu pháp sốc như vậy. Một thời gian dài, hình như có một quy ước không ghi thành văn bản mặc nhiên được công nhận. Đó là, trên mặt giấy, trước bàn dân thiên hạ, ta chỉ được phép nói hay về nhau. Cung kính. Khiêm nhường. Ve vuốt. Nịnh nọt. Nói thể nào cũng được, chỉ trừ nói thẳng, nhất là chê thì càng không được. Hãy xem sự ngỡ ngàng của một số người khi những sự việc vẫn được thăm thì giữa một hai người nay được lôi tuột ra trước đám đông. Ra lâu nay ta sống quá dờ mà lại hai lần dờ ở chỗ động cái gì lạ tai một chút là che giấu. Những cái nhọt bực để lâu như thế, lôi thôi lắm. Không có gì lạ khi thấy một số người lợi dụng dịp này để thoả sức tuôn ra những lời quá đáng về người khác. Cái giới hạn giữa việc chỉ ra sự thật và một hành động gọi là xúc phạm nhiều khi khá mong manh và khó rạch ròi phân xử. Lại có những người chỉ giả vờ sám hối, giả vờ tự xỉ vả để

đề cao mình, ca công tụng đức mình. Có điều như người ta thường nói trước sau rồi cái kim trong bọc cũng lòi ra. Câu hỏi cuối cùng : Liệu những liệu pháp sốc này có giải quyết được vấn đề ? Trả lời : Chưa đâu ! Phải biết bảo nhau làm việc đã. Phải có những yêu cầu cao về nhau. Phải chờ đợi cái ngày những mối quan hệ hàng ngày được giải quyết theo tinh thần văn hoá. Với từng cá nhân cũng thế mà với cả một giới nghề nghiệp cũng thế.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

KHI ĐÃ THIẾU TÍNH NGHỆ THUẬT THÌ ĐỀ TÀI NÀO RỒI CŨNG VẬY

Dưới nhan đề Cuộc sống không phải là như thế, bài viết của nhà báo Thu Hà trên Tuổi trẻ số ra 18-19-04 chốt lại ở một nhận định : “Đến hội diễn vào năm thứ tư của thế kỷ mới, quả thật người ta không biết xem gì, và xem xong không biết phải thích thú với cái gì. 80% các vở tại hội diễn này là về đề tài chiến tranh. Đất nước trải qua nửa thế kỷ chiến tranh, đề tài hậu chiến nhiều là đương nhiên, nhưng 30 năm hoà bình rồi, đứa trẻ sinh năm 1975 cũng đã kịp làm cha, và những đứa con sinh năm 1995 có quyền được nhìn thấy trên sân khấu những gì mà cuộc sống hôm nay đang diễn ra, thấy trường học công viên và siêu thị ... chứ không phải chỉ những cánh rừng, căn hầm, thấy máu tiếng bom đạn tiếng gào thét thanh và những hồn ma nhảy múa “. Mặc dầu đây là những nhận định có liên quan tới giới sân khấu, nhưng tôi cho rằng chúng ta không nên bỏ qua : nó là một gợi ý để người ta cùng nghĩ về các ngành nghệ thuật khác trong đó có giới văn chương. Lẽ tự nhiên là đằng sau một những lời than vãn chính đáng như trên, có thể đặt ra hàng loạt câu hỏi :

— Có phải là chúng ta đang làm việc một cách rất là duy ý chí, cho rằng cái nào cần thì làm, còn người xem và bạn đọc có cần không có thích không, không coi là chuyện phải theo dõi và tính toán ?

— Mỗi quan hệ giữa đề tài và chất lượng : tại sao có nhiều đề tài được coi là cần thiết, đầu tư để làm, lại khó vào với đời sống ?

— Lại còn hiệu quả nghệ thuật của công việc nữa chứ. Có phải khi xảy ra tình trạng chạy theo đề tài thì trước mắt chúng ta chỉ còn là những tác phẩm làm ăn theo kiểu may thuê viết mướn kiếm ăn lần hồi, bôi bác xong chuyện ? Đại khái là vậy, tuy nhiên, không chỉ có vậy. dấu hiệu của một tình trạng hời hợt Nhận xét về sự phân bố đề tài nói trên được nhiều người chia sẻ, bằng chứng là sau đó, báo Tuổi trẻ có thêm bài Nên tăng cường tính thời đại cũng với ngụ ý chính là nên đưa lên sân khấu (và nói chung đưa vào phim ảnh trang sách) những gì thuộc về đời thường. Phải chăng, đây là chỗ nhiều người lâu nay cảm thấy bức xúc, nên nhân có người của báo nêu lên thì cũng tỏ ý tán đồng ?!. Về phần mình, với tư cách một nhà chuyên môn, tôi muốn

nói thêm : Kể ra nói quá nhiều về đề tài, cũng là một chuyện bất đắc dĩ. Trong nghệ thuật, đề tài chỉ có một ý nghĩa theo cách ta vẫn nói “trương đông nhỏ”, nó chỉ là một cái cớ nào đó để tác giả nêu ra những vấn đề của mình. Yêu cầu một cuốn tiểu thuyết in ra, cũng như một vở kịch được diễn, phải mang một cuộc sống hàng ngày ta vẫn sống là đúng, nhưng có lẽ phải nói rõ hơn. Nên nhớ đây là tác phẩm văn nghệ. Trong dạng thức lý tưởng, nó phải có cái gì vượt hẳn lên trên so với chất thông tấn. Ở đây, rất cần những chi tiết, nhưng cái cần hơn lại là tư tưởng tình cảm cách xúc động cách suy nghĩ của con người. Bởi giữa một tác phẩm viết về chiến tranh với một tác phẩm đi vào đề tài hoà bình vẫn có một nét chung. Đó vẫn là thời đại chúng ta đang sống, là những con người quanh ta. Một khi đã đi vào con người thì mọi chuyện sẽ quện với nhau chặt chẽ. Bây giờ, viết về chiến tranh mà người ta thấy cả vấn đề của con người trong hoà bình, viết về quá khứ mà người ta lại thấy như là giúp vào việc soi sáng cuộc sống trước mắt. Và đây chính là nghệ thuật ở trình độ cao của nó. Còn như khi đã thiếu cái phần căn bản này của tính nghệ thuật, thì đề tài nào rồi cũng vậy. cái toàn bộ bị quên lãng. Nhắc lại câu chuyện bên sân khấu, sau hết, trong tôi thoáng qua một chút chạnh lòng : dẫu sao, một vấn đề có thực cũng đã được rảo lên để mọi người cùng nghĩ. Còn trong sinh hoạt văn chương thì sao ? Hàng ngày, trong hoàn cảnh báo chí tung bừa viết về đủ mọi hiện tượng thì sách vở in ra bị thờ ơ nhất. Tức như là sống chui sống nhủi không có ai biết. Tôi không có số thống kê cụ thể song dự đoán hàng năm số sách sau khi được in mà được báo chí nhắc tới chắc chỉ chiếm độ dăm bảy phần trăm. Và điều quan trọng hơn : may lắm thì người ta mới đủ sức quan tâm tới từng quyển sách. Còn sau một năm xét chung lượng các tập truyện ngắn hoặc tiểu thuyết in ra như một toàn bộ, người ta thấy gì về đề tài, về cách thể hiện, về xu thế tư tưởng, từ đó thấy vấn đề nào nổi lên từ tình hình sáng tác... cái đó chưa ai tính chuyện trả lời cho dư luận ! Liệu văn chương có giống như bên sân khấu ? Hay nó lại đang ngả theo một hướng khác, ví dụ đua nhau kể những chuyện đời dung tục, hàng ngày con người lừa dối nhau, hành hạ nhau, kèm thêm vài tiếng cười khúc khích mua vui ? Nếu thế thì sao ? Có lẽ vì một hội diễn sân khấu căng ra cũng chỉ có mười mười lăm vở, nên người ta còn bao quát được rồi nhận xét mà sách in ra thì quá nhiều nên đọc không xuể chẳng ? Đối với một phương diện vẫn được xem là quan trọng như sinh hoạt văn chương, sau một thời gian nào đó, chẳng lẽ không có

biện pháp nào để tìm tới một sự biểu nhất lãm, tức là nêu lên một toàn cảnh vốn luôn luôn thay đổi, để cùng rút kinh nghiệm ?



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

CÁI MÀ CHÚNG TA THIẾU NHẤT LÀ SỰ SÂU SẮC

Thử nhìn nhận tình hình phê bình tranh luận hiện thời Một thời đại trong văn chương chỉ được đánh dấu đầy đủ thông qua những cuộc tranh luận. Tuy chất lượng những cuộc tranh luận ấy người ta có thể đánh giá văn chương tiến hoá đến đâu. Tranh luận để mở đường, tranh luận để cùng nhau làm mới những việc đã cũ. Có lẽ vì nghĩ thế mà chúng thường được các nhà văn học sử chăm chú ghi nhận. Vũ Đức Phúc ở Hà Nội (1971) và Thanh Lăng ở Sài Gòn (1973) ... từng viết nhiều về cái mà họ gọi là những cuộc đấu tranh tư tưởng hoặc đơn giản là những vụ án trong quá khứ. Gần đây, nhóm Nguyễn Ngọc Thiện cũng sưu tầm tới trên hai ngàn trang tài liệu, làm nên bộ sách mang tên Tranh luận văn nghệ thế kỷ XX (sách ra ở NXB Lao Động, 2002) Những cuộc tranh luận hôm nay thì sao? Một người nước ngoài sau khi dự những cuộc hội thảo về phố cổ Hà Nội phải kêu lên : Sao mà các chuyên gia lắm ý kiến thế ! Mỗi người một ý, chẳng ai giống ai, do vậy cũng chẳng ai nghe ai. Vào cuộc hội thảo, mỗi người đọc xong bài phát biểu của mình thì chuẩn, và người chủ trì hội thảo — vốn thiếu chủ kiến rõ ràng — cũng chẳng đưa ra nổi một kết luận cho ra kết luận. Thành thử vẫn có hội thảo đầy mà lại như là chưa có. Trên văn đàn dăm bảy năm gần đây, cũng có tình trạng tương tự. Vào thời điểm sự sáng tạo đang chuyển đổi, có bao nhiêu việc phải cùng bàn bạc lại. Trong khi đánh giá một vài hiện tượng văn chương mới nảy sinh, bàn thêm về một vài khái niệm mới được du nhập, nhất là khảo sát tình hình chung và bàn về cái hướng mà văn chương phải đi tới... các đầu óc nhạy cảm đã chạm tới đủ mọi vấn đề quan trọng. Lại nữa ở đó luôn luôn có những ý kiến khác nhau, nó là mầm mống cần thiết cho một cuộc tranh luận. Thế nhưng có cái lạ là nhìn lại cả cuộc trao đổi nào ra đầu ra đuôi. Toàn những tràng pháo xịt hoặc pháo tép mà không có lấy một tiếng pháo đùng chắc chắn sẽ vang vọng vào lịch sử. Nghĩa là chúng không đủ sức tác động vào đời sống, đến mức mà sau này các nhà văn học sử phải tính tới, khi viết về giai đoạn chúng ta đang sống. Khi lý giải tình trạng bế tắc này, nhiều người đã nói tới cái khó của tranh luận thời nay : Không có đất, không có tờ báo nào chịu trận, tức dám theo đuổi một cuộc tranh luận đến cùng. Hoặc tranh cãi một hồi chẳng biết ai sai ai đúng và cũng chẳng có ai đủ sức đứng ra làm trọng tài phân giải. Nhiều người cũng đã than thở cho cái gọi là

tình trạng thiếu văn hoá tranh luận vốn đã quá rõ ràng. Một ý kiến nêu ra, được người khác phản bác, thế là biến thành lời qua tiếng lại. Không thảo luận mà cãi vã. Xen vào nhiều động cơ cá nhân. Đây ác ý khi bắt bẻ những sơ hở tầm thường. Lấy việc hạ nhục đối thủ làm sung sướng v.v... Những nhận xét đó đều đúng. Nhưng theo ý tôi sở dĩ một thời gian dài chúng ta không có được những cuộc tranh luận có chất lượng trước tiên vì các ý kiến (kể cả người xướng lên ban đầu lẫn người phản bác lại) bản thân nó không mấy khi tránh khỏi tình trạng hời hợt, người viết thường không đặt được vấn đề đúng với tầm vóc nó có thể có, lại càng không tìm được cách lý giải có sức thuyết phục. Chất lượng các ý kiến nêu ra càng thấp thì người ta càng dễ sa đà vào những cuộc cãi lộn vụn vặt và các báo càng thấy cần phải cho các cuộc đấu khẩu ấy kết thúc sớm. Thạch Lam từng viết từ hơn nửa thế kỷ trước, trong tập Theo dòng: "... ở nước ta, bất cứ phong trào gì đều có một tính chung là nông nổi, chỉ hời hợt bề ngoài. Cái mà chúng ta thiếu nhất là sự sâu sắc. Bởi ta không chịu phân tích và suy xét kỹ nên bất cứ vấn đề gì chúng ta cũng không biết được rõ ràng và chu đáo, biết một cách thấu suốt ". Ở lĩnh vực nào không biết, chứ riêng đối với những cuộc tranh luận hôm nay thì nhận xét đó giống như một sự tiên tri, không ai cãi lại nổi.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

VĂN CHƯƠNG VÀ SỰ CHÍNH XÁC

Sai lầm trong công việc là điều khó tránh khỏi. Có điều, cái gì sai cần được nói lại cho đúng. Không nên im lặng sống mãi với những cái tưởng là sự thực chỉ vì lý do duy nhất : nó đã được nhiều người chấp nhận. Tản Đà toàn tập gồm có năm tập (mới in ra quý I/ 2002) thì riêng tập bốn dành cho các bản dịch. So với toàn tập Xuân Diệu hoặc toàn tập Nguyễn Tuân mới in ra mấy năm trước thì đây là một bước tiến : không biết vì sao, những bản thơ Nazim Hikmet hoặc một số truyện ngắn của Tchekhov, trong cái hình thức tiếng Việt nhiều khi đạt tới sự hoàn hảo mà Xuân Diệu và Nguyễn Tuân thực hiện, đã không trở thành một phần sự nghiệp của các ông ; và lẽ nào đó không phải là điều đáng tiếc ?! Nhưng Toàn tập Tản Đà còn có một ghi chú khiến một số người không khỏi sững sốt : lâu nay bản tiếng Việt của bài thơ Phong Kiều dạ bạc (Trăng tà chiếc quạ kêu sương — Lửa chài, cây bến, sầu vương giấc hồ...), vẫn được xem là một niềm tự hào của ngòi bút dịch thuật Tản Đà thì nay thấy ghi rõ : đó là bản dịch của Nguyễn Hàm Ninh. Xem kỹ lại thấy Nguyễn Mạnh Bông từ hồi tập hợp Tản Đà vận văn (1944) hoặc Nam Trân và các đồng sự khi soạn hai tập Thơ Đường (1962) đều đã không xem Tản Đà là người dịch Phong Kiều dạ bạc. Nhưng ở ta cái gì đó một khi đã thành hình và có một vẻ ngoài hợp lý thì nó bền lắm, về sau biết là có sai nhiều người cũng lảng lạng lơ đi không muốn chấp nhận sự cải chính. Có thể nói đây đang là cả một thói quen thâm căn cố đế đang ngự trị. Hình như với nhiều người, một bản dịch tuyệt vời như Trăng tà chiếc quạ kêu sương không thể thuộc về một ngòi bút dịch thuật nào khác, phi Tản Đà không ai có thể dịch hay đến thế. Bởi vậy cái việc minh định lại tên người dịch và rút bản dịch ra khỏi sự nghiệp Tản Đà không chỉ là một làm cần thiết mà trong hoàn cảnh tâm lý nói chung còn phải được coi như một việc dũng cảm nữa. Một câu chuyện khác trong giới dịch thuật gần đây cũng nên được chú ý : Lâu nay, bản tiếng Việt của tiểu thuyết Trăm năm cô đơn của Nguyễn Trung Đức cùng hai cộng sự (được dịch thẳng từ tiếng Tây Ban Nha) vẫn được coi như một tác phẩm hoàn hảo. Thế nhưng một bài trên tạp chí Tia sáng số ra 6/2002 đã nêu lên chỗ đáng ngờ của bản dịch bằng cách đối chiếu một đoạn nhỏ giữa bản tiếng Việt với các bản tiếng Anh tiếng Đức, và nhờ một người biết tiếng Tây Ban Nha khảo lại để rồi chỉ ra những lầm lẫn mà nếu đọc nhanh đọc vội người ta sẽ bỏ qua, song nếu đọc kỹ sẽ thấy

vừa không đúng với điều tác giả muốn nói, vừa vô lý, không cần biết ngoại ngữ nào cũng đã thấy vô lý. Tại sao điều này đến nay mới được nói ra, lý do có thể có nhiều nhưng suy cho cùng lý do quan trọng nhất là lâu nay chúng ta hình như không có thói quen xem xét lại độ chính xác của một bản dịch. Cả nước mình có được bao nhiêu người biết tiếng Tây Ban Nha không rõ, song trong số đó mấy ai chịu lao đầu vào một công việc rắc rối như dịch thuật, nhất là dịch tác phẩm cổ điển hoặc những tác giả được Nobel văn chương ? Vậy thì có được bản dịch của Nguyễn Trung Đức đã là phúc lắm rồi ! Sinh thời Nguyễn Trung Đức vẫn được coi như một người làm việc cẩn trọng, nhất là một người tử vì đạo, cam lòng sống trong cảnh hàn vi miễn sao được làm cái công việc thiêng liêng là chuyển những kiệt tác kia ra tiếng Việt, có phải dễ gì mà trong giới dịch thuật hiện nay tìm được người tâm huyết như vậy. Và chẳng, giả sử có người giỏi tiếng Tây Ban Nha hơn dịch giả (hoặc sử dụng những người biết tiếng Anh tiếng Pháp để đối chiếu) thì liệu họ có chịu nhận công việc soát xét lại bản dịch vốn dễ gây phiền phức ? Rồi tiền đâu mà chi cho cái công việc rắc rối đó ? Đã có bao nhiêu lý do khiến cho lâu nay bản dịch của Nguyễn Trung Đức được xem như một bản dịch chuẩn, và đôi khi nếu có ai đó trong lúc trò chuyện tỏ ý phải khảo lại các bản dịch ấy xem chúng chính xác đến đâu thì những người chung quanh sẽ cười ồ lên : người này cho rằng nói thế là xúc phạm một người có tâm ; người khác cười khẩy bảo rằng đó là cả một công việc hoang tưởng không bao giờ làm nổi. Nên bảo rằng một thói quen qua loa đại khái đã hình thành chắc chắn trong cách làm việc của chúng ta ? Hay nên nói rằng nay là lúc chúng ta rất yếu lòng, không đủ niềm tin và nghị lực tìm tòi cho kỹ một cái gì hết, và chỉ còn cách bảo nhau rằng cái gì làm được đều đã đáng quý lắm rồi, cái gì hôm qua đã được đông đảo mọi người chấp nhận thì đó là sự thực ? Hình như cả hai cái lý do nêu trên đều đúng ! Gộp chung cả hai trường hợp Phong Kiều dạ bạc với Trăm năm cô đơn : Bằng kinh nghiệm riêng, tôi ngờ rằng cái việc xác định ai là tác giả bản dịch Trăng tà chiếc quạt kêu sương kia còn cần phải được chứng minh tiếp tục. Liệu Nguyễn Hàm Ninh (1808—1867) một người từng là bạn xướng họa thơ với Cao Bá Quát có thể có cái giọng mới như vậy ? Cũng như không biết bao giờ lại có ai đó đứng ra dịch lại Trăm năm cô đơn và cứ tình hình làm ăn của ta hiện nay thì không có gì bảo đảm là sẽ có một bản dịch khá hơn. Song tôi cứ thấy vui vui khi chúng ta bắt đầu công bố những việc này trước dư luận. Trong văn chương vẫn có chỗ cho sự chính xác. Những con số liên quan đến năm sinh tháng

đề của một tác giả, năm tháng và nơi chốn ra đời một tác phẩm. Những cứ liệu cần thiết cho việc xác định ai là tác giả của một văn bản. Sự sửa chữa thay đổi của một tác phẩm qua những lần xuất bản khác nhau. Sự trung thành với nguyên tác của một bản dịch...Bấy nhiêu dữ kiện nếu không đạt tới sự chính xác cần thiết (chính xác theo nghĩa đen, nghĩa số học hai với hai là bốn) thì mọi nhận định về sau, dù hay ho đến mấy cũng là suy diễn vô nghĩa. Một điều nữa thuộc về tâm lý mà chúng ta nên bảo nhau : những người thích mang những thành kiến đã được chấp nhận ra xem xét lại không phải là những kẻ xấu, “ những kẻ bói lông tìm vết” như dân gian vẫn nói, mà thực sự là những người có đóng góp. Miễn là công việc được họ tiến hành một cách khoa học thì nó cần được xã hội khuyến khích. Sau nữa, một khi đã biết là có sai lầm trong khâu tư liệu thì nhất thiết phải sửa. Có lần tôi nghe mấy nhà giáo thắc mắc với một vài chuyện mà báo chí mang ra bàn cãi. Họ bảo vấn đề này đã được đưa vào sách giáo khoa rồi, đề nghị không thảo luận nữa, thảo luận mãi làm thầy giáo và học sinh hoang mang. Ô hay, nhà trường phải giảng dạy sự thực chứ sao lại bắt sự thực phải uốn mình theo điều sách giáo khoa đã viết (như kiểu gọt chân cho vừa giày)? Khi sự thực được xác minh lại, sách giáo khoa cũng phải sửa, điều đó có gì là lạ ? Theo hướng này mà nghĩ thì tiếp theo việc công bố ai là dịch giả Phong kiều dạ bạc và việc khảo lại tính chính xác của Trăm năm cô đơn, chắc chắn còn có nhiều sự kiện văn chương khác vốn đã được đặt dấu hỏi cần phải được đưa ra trước công luận.

TÂM SỰ NGƯỜI ĐI HỘI THẢO

Sắp đến lễ kỷ niệm 25 năm ngày mất của một nhà thơ nọ. Sinh thời ông được coi như một trong những nhà văn hàng đầu của đời sống văn học nên lẽ tự nhiên là đơn vị sở tại nơi nhà thơ này công tác lo làm một cuộc hội thảo, một việc rất hợp lòng người. Về mặt cá nhân mà nói, tuy không có một văn bản nào quy định sẵn, song ai cũng hiểu thời nay được mời dự một cuộc hội thảo nào đó tức là một phen tên tuổi người làm khoa học được khẳng định. Có lẽ vì vậy mà nhà nghiên cứu X. bạn tôi không khỏi đau khổ khi buộc phải từ chối tham dự cuộc hội thảo sắp tới. Anh tìm đến tôi để than thở :

— Khổ lắm, ngày giỗ kẻ tận nơi thì người ta mới đến mời, làm như là lúc nào mình cũng rồi, và chỉ ngồi vào bàn khoảng bút là xong. Kiểu mời như vậy tức đã coi các báo cáo chẳng ra gì rồi. Đến lúc mình vừa gãi đầu gãi tai nghĩ ngợi thì lại được ngay một câu thúc giục : Xin anh quyết định ngay cho nếu không còn mời người khác. Chỉ còn thiếu cách nói trắng ra rằng chẳng qua tôi nể anh nên mời thôi, chứ không có anh đã có người khác, vậy thì còn gì mà không từ chối phắt.

Ra thế ! Trông vẻ đau khổ của bạn, tôi đành yên lặng chứ không dám nói gì thêm, trong bụng thầm nghĩ không ngờ bạn mình lạc hậu quá : thời nay người ta làm hội thảo để lấy thành tích và đi hội thảo cho vui chứ mấy ai tính chuyện chất lượng mà anh lo. Còn như quan niệm về người báo cáo ấy ư ? Chỉ có trật tự duy nhất là trật tự quan chức hoặc học hàm học vị ngoài ra không cô thì chợ cũng đông, và điều quan trọng nhất : Anh đòi anh được công nhận như một tiếng nói buộc phải có nếu không thì không ra hội thảo ư ? Nói thật nhé, cái ý nghĩ loại đó không bao giờ có trong đầu chúng tôi. Không rõ hôm ấy tôi khéo đóng kịch ra sao mà anh bạn quá tin, còn tiếp tục dốc bầu tâm sự :

— Khi thấy mình lưỡng lự, người đến mời không quên bổ sung, rằng hôm ấy có TV về quay, nói xong tỏ vẻ thương hại rằng ngon lành như thế cơ mà, lẽ nào một người có lý trí bình thường lại bỏ qua. Thì ra họ coi mình là loại đi họp chỉ thích nhoi lên hàng đầu để máy quay lia qua vài giây, về nhà dọa vợ con, thế là cái máu tự trọng dờ hơi nổi lên, nhất định cảm ơn tạm biệt. Cái may của anh bạn tôi là vẫn còn một chút tỉnh táo, nên mới tự nhận là mình dờ hơi, và thú thực rằng mình

thấy tiếc. Nhưng dẫu sao anh đã không nhận lời, tức đã nhất quyết là mình. Cá nhân anh còn thế, thử hỏi những người tổ chức hội thảo làm sao họ thay đổi quan niệm vẫn có, nào là chuẩn bị thật chu đáo nào là mời bằng được người nọ người kia phát biểu, toàn những việc làm phiền cho họ chứ không thể giúp họ sang trọng hơn ? Rồi họp hành lộn xộn chẳng ai nghe ai, rồi có những người đi họp chỉ vì phong bì (có ban tổ chức chỉ thích phong bì thật nhẹ để mời được rộng ; khi thể bắt buộc phong bì phải tương đối nặng thì người ta chỉ dành giấy mời cho những người cánh hẩu) — làm sao liệt kê hết ra đây những điều lạ lùng quanh ta ?

Có điều một năm có bao nhiêu cuộc hội thảo tương tự như hội thảo về nhà thơ nọ, tôi biết rằng không đi đám này rồi bạn tôi với tất cả sự nhạy cảm của mình sau cơn bức bối lại phải có mặt trong đám khác, chắc anh không đủ sức mà từ chối mãi. Bởi có một câu mà người ta thường nói với nhau và tôi đoán trong bữa cơm chiều trong gia đình vợ con anh cũng nói với anh, khi nghe từ chuyện tham nhũng, chuyện cháy rừng, tới chuyện ngộ độc thức ăn :

— Thời buổi này, nước nào chẳng thế !

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

MỘT TÌNH TRẠNG “LÀNG NHÀNG” ... CHƯA CÓ ĐƯỜNG RA

Trước khi bàn chuyện làm sao có tác phẩm hay, một việc cần kíp hơn là thử trả lời câu hỏi: chúng ta đang có một sinh hoạt văn chương như thế nào ? Trong khi nhiều người say sưa với các thành tựu kinh tế thì các chuyên gia ở khu vực này lưu ý : bấy nhiêu bước đi của ta chưa là gì cả so với sự thăng tiến của kinh tế thế giới, hơn thế nữa chưa thể gọi đó là một sự phát triển bền vững. Hoặc vào những ngày này, nói tới giáo dục là người ta nghĩ ngay tới những lạc hậu, bất cập, và cả những u bướu mà nó mang trên mình. Tôi nghĩ rằng đời sống văn chương cũng cần được nhìn nhận theo tinh thần thực sự cầu thị như vậy. Vừa được vừa chưa được, làng nhàng, uể oải Muốn miêu tả bất cứ vấn đề gì của văn học gần đây, hầu như người ta đều phải dùng tới hai câu trả lời trái ngược. Văn học có thành tựu không ? Có chứ, nhiều lắm! Nhưng cũng lại phải nói nó vẫn lọt thỏm đi trong cái bề bộn của đời sống. Sách ra nhiều nhưng chưa kịp kết tinh lại thành những giá trị chắc chắn. Cả khối là một đám đông lũng nhùng, có những cuốn khá, nhưng khi hỏi liệu có cuốn nào chín đẹp tới mức vượt hẳn lên – người ta ngần ngại, nói quanh cho xong. Và khi cùng lúc hỏi nhiều người, thì ít khi có được một ý kiến chung. Về lực lượng cầm bút, có vẻ như “quân đông”, nhưng “tinh binh tinh tướng” không nhiều. Càng già càng dẻo càng dai là lối nói để động viên nhau. Sự thực không ai mong chờ những bước tăng tốc bùng nổ ở lớp đứng tuổi. Vậy mà lớp trẻ – kết quả của công tác đào tạo từ nhiều năm trước – lại chỉ hoạt động ở mức ...cầm chừng. Lâu nay, những thanh niên tài năng không chọn văn học để lập nghiệp. Người đã vào nghề thì sớm lâm vào thế bí. Số cây bút trẻ khẳng định được mình quá ít. Chính bằng những thành tựu làm được mà một nền văn học xác lập mối quan hệ của mình với xã hội. Văn học ta mấy năm qua có gắn bó với đời sống không ? Có chứ. Đó vẫn là điều lâu nay chúng ta cùng tâm niệm để thêm tự tin trong công việc. Thế nhưng thử nghĩ lại từ khi bước sang thời hiện đại, có bao giờ số lượng in từng đầu sách thấp như bây giờ ? Khi bạn đọc quay lưng với văn chương, nhất là với một lớp bạn đọc đã có thời coi thơ văn là tất cả đời sống tinh thần của họ, thì đây là một điều không bình thường. Đổ tội cho sự phát triển của truyền hình, điện ảnh ư ? Không nên. Trong sự suy thoái của văn hoá đọc, có lỗi của chính giới sáng tác. Trước các độc giả, một cách vô tình, những

người viết văn thời nay đã đánh mất đi sự thiết yếu của mình ; do chỗ trang sách không đáp ứng được những đòi hỏi tinh thần của họ nên cũng không còn được họ bầu bạn như trước. Trong tiến có lùi Chúng ta thích nói về những tiến bộ của văn học và thường không sao chịu nổi khi không khẳng định được là hôm nay đang hơn hôm qua. Nhưng xét thực tế, muốn thấy tiến bộ ở mức nào cũng không đơn giản. Đại khái tình hình cũng giống như trong giao thông, nhớ lại những chiếc xe đạp vật vờ hôm qua thì có chiếc xe máy để chen chúc trên đường cũng mừng lắm rồi. Nhưng nếu biết rằng thế giới người ta tiến lên với tàu siêu tốc thì làm sao có thể cầu an rồi nhắm mắt tự ru ngủ với bước tiến quá chậm như vậy ?!. Huống chi nhìn vào sự gia tăng của xuất bản phẩm hiện nay, còn thấy trong sự tiến lên có sự thụt lùi.

Tiến : sách ra dày dặn, giấy trắng in đẹp.

Lùi : số cuốn non kém lớp lớp đang chiếm tỷ lệ khá lớn.

Một khía cạnh mới của đời sống văn học là sự chi phối của xu thế thương mại. Đây không hẳn là tất cả nguồn cơn của nhiều sự tệ hại, ngược lại phải thấy nó có giải phóng sức làm việc cho một số cây bút nào đó. Chỉ có điều là đồng thời nó cũng làm hỏng một số người. Đó không phải do lỗi của cái xu thế thương mại kia, mà do chính người trong cuộc không giữ nổi mình. Và chẳng tuy đã gọi là làm hàng, nhưng xét cả số lượng lẫn chất lượng, hàng ta còn thua kém rất nhiều, bởi trình độ người làm hàng quá non, mới lo học đòi, chứ còn lâu mới gọi là biết ”thương mại “ đến nơi đến chốn. Bên cạnh đó, lối tư duy văn chương theo kiểu việc làng việc xã, —mấy ông đồ nho chén tạc chén thù rồi tức cảnh sinh tình,— vẫn đang tồn tại và có cơ nảy nở nhiều hơn trước, để rồi trở thành mảnh đất thuận tiện cho sự “ lại gạo “ của nhiều tư tưởng lỗi thời. Quan niệm văn chương kiểu này thường được nấp dưới chiêu bài “ trở lại truyền thống “ nên cũng ít bị lên án. Sự xuống cấp của lao động nghệ thuật Dấu sao phải nhận trong dăm năm gần đây, thành kiến xã hội đối với những tìm tòi hình thức đã dần được gỡ bỏ. Cả trong thơ, tiểu thuyết lẫn phê bình lý luận, đều thấy xuất hiện những ngòi bút muốn đóng vai trò tiên phong mở đường, hội nhập với thế giới. Nhưng do đã “cóng tay” lâu ngày nên khi tìm tòi, nhiều người vẫn rơi vào lúng túng gượng gạo. Có vẻ như những tìm tòi ấy chưa bắt nguồn từ sự đổi mới tư duy nghệ thuật nên chưa thể có hiệu quả chắc chắn. Trong khi đó, căn bệnh dễ dãi, viết bừa viết ẩu,

viết lấy được ...vẫn ngày mỗi trầm trọng. Số người bắt tay cầm bút với ý thức sáng rõ về lao động sáng tạo, muốn từ đỉnh cao của tri thức văn hoá mà viết, viết trong khao khát muốn vươn tới sự hoàn hảo ... số người đó gần như không có và hình như cũng ít ai định tự đào tạo theo hướng đó. Thói chạy theo danh lợi không chỉ là biểu hiện của tâm lý nóng vội mà còn là sự tha hoá của ngòi bút trên phương diện làm người, sự mất thiêng của lý tưởng nghề nghiệp. Thiếu những tài năng tầm cỡ Nhiều người thường kêu rằng các giải thưởng văn chương hiện nay thiếu sức thuyết phục. Nhưng nên thông cảm với các ban chấm giải : cái nền chung chỉ có vậy. Tạm gọi là có một tình trạng làng nhàng bao trùm lên mọi hoạt động. Mà điều đáng lo ngại hơn là những nhân tố giúp chúng ta có khả năng vượt qua cái bãi lầy kiêu đó đang quá non yếu. Trong bóng đá, người ta thường nói tới loại cầu thủ có khả năng truyền cảm hứng cho đồng đội, dẫn dắt trận đấu và toả sáng đúng lúc. Tương tự như vậy, một tập hợp những người làm nghề mạnh không chỉ cần đông, mà quan trọng hơn, cần có những người nổi hẳn lên để đóng vai trò dẫn đạo đột phá mở đường. Không nói đâu xa, ngay nền văn học mới hình thành ở Việt Bắc những năm kháng chiến chống Pháp, cũng đã có được yếu tố cần thiết số một đó. Đứng sau nhà cách mạng Tố Hữu là những cây bút có tài năng, có chủ kiến mà tuổi lại đang còn trẻ (tuổi trung bình của họ lúc ấy chỉ khoảng 30). Đó là những Nguyễn Huy Tưởng, Nguyễn Đình Thi, Xuân Diệu, Nguyễn Tuân, Nam Cao, Tô Hoài v..v.. Còn bây giờ, những cây bút tầm cỡ loại đó không có. Hoạt động của Hội nhà văn gần đây có bị kêu nhiều ở chỗ ít dám đối diện với các vấn đề quan trọng của sáng tác và ngã nhiều sang một thứ hội ái hữu nghề nghiệp. Thế nhưng trong hoàn cảnh hiện nay thì khác đi làm sao được ?

XIN ĐỪNG TỰ ĐỒNG NHẤT KIỂU ẤY !

Báo Văn nghệ vừa có thông báo từ nay phụ bản Thơ không chỉ ra hàng quý mà còn ra hàng tháng. Trong bài viết in trên trang đầu của số in kỳ này, ban biên tập dẫn lại câu nói của Octavio Paz “ Thiếu Thơ thì đến cả ăn nói cũng trở nên ú ớ “. Tiếp đó còn viết “ Điều đó chứng tỏ Thơ là linh hồn của mỗi dân tộc, là căn cốt của nền văn học “ (chữ Thơ ở đây được viết hoa dù trong một số tài liệu Octavio Paz viết về thơ mà tôi đọc được không thấy có cái sự viết hoa này). Nói khách sáo thì có thể bảo đây toàn là những lời vàng ngọc, nhưng thôi, cứ nôm na mà nói, đây toàn là những lý lẽ tuyệt đối đúng đắn. Không chỉ riêng Ban biên tập tờ Thơ mà nhiều cây bút khác cũng có ý nghĩ như vậy. Tuy nhiên xin bổ sung đôi điều có liên quan đến những khái quát này :

Cái sự cao quý sang trọng nói ở đây là dành cho những gì đích thực là thơ chứ không phải dành cho những thứ nghe mang máng là thơ, được đọc một cách hùng hồn hoặc mũi mũi làm cho người ta tưởng là thơ, và in trên mặt giấy cũng có dạng thức nhang nhác như thơ — mà nhìn kỹ nghe kỹ ngẫm kỹ thì không phải. Thơ thứ thiệt, cũng như mọi thứ tinh túy trong đời, có đâu mà sẵn như chúng ta tưởng. Một tình hình có thực đang xảy ra là : sau khi sưu tầm được ít nhận xét cổ kim sâu sắc, một số người làm thơ hiện nay có thói quen lấy chúng khoác cho thơ mình, tức là đồng nhất những gì mình viết với thứ nghệ thuật cao siêu khả kính mà nhân loại đã sáng tạo. Chỗ trong nhà với nhau mà nói, lúc hứng lên, chẳng hạn bên bàn nhậu với đám bạn bè, hay lúc cần thuyết phục vợ để mẹ cháu chi cho mấy đồng tiêu vặt ... thì cũng được đi. Nhưng tôi tưởng lúc tỉnh táo thì một người nghiêm túc phải có chút dè dặt tự hoài nghi về mình, chưa bằng lòng với mình, và lại càng không cho phép mình sung sung mà nhận như vậy trước bàn dân thiên hạ. Bởi cái sự lầm lẫn tự nhiên tự phát ấy suy cho cùng dễ bị coi là một trò bịp, một cách dối mình dối người, nó cản trở chúng ta đi tới trên con đường tự hoàn thiện và vươn tới thứ thơ chân chính như mình ao ước. Nhiều lúc tôi cứ hay nghĩ vẩn vơ trước những câu nói thông thường mà mình và chung quanh vẫn nói. Ví dụ nói sự sống bao giờ cũng là tốt đẹp là đáng ca ngợi đã đúng chưa. Bởi có sự sống của con chim đang bay hoặc đoá hoa mới nở, nhưng cũng có sự sống của dân của muỗi, của các loại vi trùng sinh bệnh — mà cái sự sống thứ hai

này cũng được khoa học xem là bất diệt, ít ra là đến ngày hôm nay. Người đời, dù nguy biến đến đâu, cũng chẳng bao giờ dám nhân danh sự sống để ca ngợi một luồng hoa um tùm những cỏ. Nói rằng sự phân biệt giữa thơ dở và thơ hay ít nhiều cũng có phần tương tự như sự phân biệt giữa hoa thơm và cỏ dại có thể là hơi quá lời. Nhưng tôi muốn đề nghị chúng ta nghĩ theo hướng đó. Phải biết chán ghét thậm chí ghê sợ thơ dở thì mới mở đường cho thơ hay xuất hiện.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

VAI TRÒ CỦA LÝ LUẬN

Sự song hành giữa lý luận và thực tiễn là một đặc điểm của tư duy hiện đại. Trong vật lý thiên văn, người ta bảo rằng nhiều ngôi sao đã được tìm thấy bằng tính toán trên trang giấy trước khi người ta quan sát được nó bằng các loại kính viễn vọng. Trong văn chương thế kỷ XX cũng có tình trạng tương tự. Nhiều nhà văn (trong số này có những người về sau đoạt giải Nobel) bắt đầu bằng những tuyên ngôn mang tính cách lý thuyết, sau đó mới viết để kiểm tra lại và chứng minh thêm lý thuyết của mình. Nhưng đó là chuyện của những nền văn chương khác ở những nước khác. Còn ở ta hiện nay, mọi chuyện được quan niệm gần như ngược lại. Khía cạnh lý luận của sáng tác ư, chuyện xa vời quá. Thậm chí với một số cây bút đầy tự tin thì lý luận được xem như sự bịa đặt của ba bốn anh bất tài, rồi hơi không biết làm gì ghé vào văn chương xin việc, và toàn đưa ra những điều không cần gì cho những người cầm bút. Ngay ở những lớp sáng tác được mở thì thời giờ để học lý thuyết cũng bị thu hẹp đến mức tối thiểu, nói nôm na là học cho lấy lệ, có bao nhiêu sức lực anh hãy đổ vào sáng tác giữa những người mới lớp và người đi học có sự thoải thuận ngầm như vậy. Nói thì dễ làm mới khó, anh có tài anh hãy viết ra cho tôi xem chứ còn bàn xem thơ phải như thế này thơ nên như thế kia ư, cái đó “chẳng đáng một xu” — đại khái với tinh thần sùng bái hành động người ta phải tuốt. Tiểu thuyết là gì, trong thời đại hiện nay tiểu thuyết đang biến đổi theo hướng nào để theo kịp những biến động trong tâm lý và tư tưởng con người, như thế nào mới gọi là tiểu thuyết hiện đại... — khi tổ chức một cuộc thi to tát như thi tiểu thuyết chẳng ai nghĩ đến chuyện giới thiệu thêm sách vở để cùng đọc hoặc mang ra trao đổi trên mặt báo. Cứ viết đi rồi cái hay tự nó cất nghĩa tất cả. Ở chỗ riêng tư có thể cũng có ai đó tự đặt cho mình những câu hỏi đi sâu vào nghề nghiệp nhưng người ta cũng biết ngay rằng có bàn cũng chẳng có ai hưởng ứng, âu là ta hãy cứ làm như mọi người. Chẳng cần nhìn rộng ra các nước khác mà chỉ nhìn lại văn học VN thế kỷ XX người ta cũng nhận những kinh nghiệm khác hẳn. Đầu những năm hai mươi, vào dịp bắt đầu có nhiều người viết tiểu thuyết theo lối mới, trên tạp chí Nam Phong Phạm Quỳnh có ngay một bài khảo luận khá công phu, sau được in thành cuốn sách riêng. Những năm ba mươi, ý kiến bàn về tiểu thuyết càng nhiều. Tới đầu những năm bốn mươi Vũ Bằng lại giảng giải tỉ mỉ về tiểu thuyết trong cuốn Khảo về tiểu thuyết (trước

đó cũng đã cho in báo). Khoảng năm 1954, ở Sài Gòn nhóm Sáng tạo có một cuộc thảo luận kỹ về nghệ thuật tiểu thuyết trong đó bộc lộ khao khát vượt qua giai đoạn tiền chiến để có một trình độ tư duy mới. ở Hà Nội, NXB Văn học cho in nhiều cuốn sách mỏng nhưng có ý nghĩa thiết thực như Nói về tiểu thuyết của Ngô Cường, Ngụy Kim Chi, Mao Thuần ; Kinh nghiệm viết văn của Triệu Thụ Lý, Ngải Vu ; Công việc viết văn của Ehrenburg ; Những mưu toan đổi mới trong nền tiểu thuyết hiện đại của Dneprov và Kuznetsov ; sách của tác giả trong nước có Công việc của người viết tiểu thuyết của Nguyễn Đình Thi và Viết tiểu thuyết của Nguyễn Công Hoan, Võ Huy Tâm. Lâu nay, những cuốn sách tương tự không được giới thiệu, loại sách nặng như Lý luận và thi pháp tiểu thuyết của Bakhtin, Nghệ thuật tiểu thuyết của Kundera dịch ra rồi đấy, nhưng không được người trong giới bàn bạc trao đổi. Mà chừng nào chỉ có vài người người tâm đắc với việc đổi mới tư duy tiểu thuyết làm việc trong âm thầm đơn độc, chừng đó nền tiểu thuyết đại trà nói chung còn đi vào vết xe cũ.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

KHI MÀ LÝ LUẬN KHÔNG TÌM THẤY CHỖ ĐÚNG

Sự song hành giữa lý luận và thực tiễn là một đặc điểm của tư duy hiện đại. Trong vật lý thiên văn, người ta bảo rằng nhiều ngôi sao đã được tìm thấy bằng tính toán trên trang giấy trước khi người ta quan sát được nó bằng các loại kính viễn vọng. Trong văn chương thế kỷ XX cũng có tình trạng tương tự. Nhiều nhà văn (trong số này có những người về sau đoạt giải Nobel) bắt đầu bằng những tuyên ngôn mang tính cách lý thuyết, sau đó mới viết để kiểm tra lại và chứng minh thêm lý thuyết của mình. Nhưng đó là chuyện của những nền văn chương khác ở những nước khác. Còn ở ta hiện nay, mọi chuyện được quan niệm gần như ngược lại. Khía cạnh lý luận của sáng tác ư, chuyện xa vời quá. Thậm chí, với một số cây bút đầy tự tin thì lý luận được xem như sự bịa đặt của ba bốn anh bất tài, rồi hơi không biết làm gì, ghé vào văn chương xin việc, và toàn đưa ra những lời khuyên vô bổ cho những người cầm bút. Ngay ở những lớp sáng tác thịnh thoàng được mở thì thời giờ để học lý thuyết cũng bị thu hẹp đến mức tối thiểu, nói nôm na là học lấy lệ. Nghe cho biết thôi chứ có bao nhiêu sức lực anh hãy đổ vào sáng tác, giữa những người mở lớp và người đi học có sự thỏa thuận ngầm như vậy. Nói thì dễ làm mới khó, anh có tài anh hãy viết ra cho tôi xem chứ còn bàn xem thơ phải như thế này thơ nên như thế kia ư, cái đó “ chẳng đáng một xu ” — đại khái với tinh thần sùng bái hành động người ta phải tuốt lý luận như vậy. Tiểu thuyết là gì, trong thời đại hiện nay tiểu thuyết đang biến đổi theo hướng nào để theo kịp những biến động trong tâm lý và tư tưởng con người, như thế nào mới gọi là tiểu thuyết hiện đại... — khi tổ chức một cuộc thi to tát như thi tiểu thuyết kéo dài cả trong mấy năm, chẳng ai nghĩ đến chuyện giới thiệu thêm lý luận mới về tiểu thuyết để cùng đọc cùng trao đổi. Cứ viết đi rồi cái hay tự nó cất nghĩa tất cả, cuối cùng vẫn là cái cách nói ấy. ở chỗ riêng tư, có thể cũng có ai đó tự đặt cho mình những câu hỏi đi sâu vào lý luận và nghề nghiệp. Nhưng lại biết ngay rằng có bàn cũng chẳng có ai hưởng ứng, âu là ta hãy cứ làm như mọi người. Chẳng cần nhìn rộng ra các nước khác mà chỉ nhìn lại văn học VN thế kỷ XX người ta cũng nhận những kinh nghiệm khác hẳn. Đầu những năm hai mươi, vào dịp bắt đầu có nhiều người viết tiểu thuyết theo lối mới, trên tạp chí Nam Phong, Phạm Quỳnh có ngay một bài khảo luận khá công phu, sau được in thành

cuốn sách riêng. Những năm ba mươi, ý kiến bàn về tiểu thuyết càng nhiều. Tới đầu những năm bốn mươi, Vũ Bằng lại giảng giải tỉ mỉ về tiểu thuyết trong cuốn Khảo về tiểu thuyết (trước đó cũng đã cho in báo). Khoảng năm 1954, ở Sài Gòn, nhóm Sáng tạo có một cuộc thảo luận kỹ về nghệ thuật tiểu thuyết, trong đó bộc lộ khao khát vượt qua giai đoạn tiền chiến để có một trình độ tư duy mới trong cái thể loại luôn luôn biến đổi này. ở Hà Nội, NXB Văn học cho in nhiều cuốn sách mỏng nhưng có ý nghĩa thiết thực như Nói về tiểu thuyết của Ngô Cường, Ngụy Kim Chi, Mao Thuần ; Kinh nghiệm viết văn của Triệu Thụ Lý, Ngải Vu ; Công việc viết văn của Ehrenburg ; Những mưu toan đổi mới trong nền tiểu thuyết hiện đại của Dneprov và Kuznetsov ; sách của tác giả trong nước có Công việc của người viết tiểu thuyết của Nguyễn Đình Thi và Viết tiểu thuyết của Nguyễn Công Hoan, Võ Huy Tâm. Lâu nay, những cuốn sách tương tự không được giới thiệu, loại sách nặng như Lý luận và thi pháp tiểu thuyết của Bakhtin, Nghệ thuật tiểu thuyết của Kundera dịch ra rồi đấy, nhưng hình như không mấy người trong giới tìm đọc, bằng chứng là ít được báo chí đả động tới. Mà chừng nào chỉ có vài người người tâm đắc với việc đổi mới tư duy tiểu thuyết làm việc trong âm thầm đơn độc, chừng đó nghệ thuật tiểu thuyết nói chung còn đi theo vết xe cũ.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

CƠ HỘI CHO LÝ LUẬN

Sự suy thoái âm ỉ. Một năm bình thường nữa lại sắp trôi qua. Trong vòng mười hai tháng ấy, các nhà văn vẫn viết ra đều đều, các nhà xuất bản vẫn hoạt động, các giải thưởng vẫn tới hẹn lại lên ... Và vào dịp cuối năm tới đây, báo chí lại sắp có những bài thuộc dạng đánh giá tình hình, tổng kết, rút kinh nghiệm. Nhưng lòng người vẫn thấy quan ngại. Suốt một năm trời, gần như không có cuốn sách nào có được khả năng bùng nổ, tức làm cho người ta say mê, náo nức tìm đọc và đọc xong rồi thấy nó vận vào mình, liên quan đến chính mình. Ngược lại, dù rằng ở đó không phải là không có những nỗ lực âm thầm, song phần lớn những gì chúng ta làm được còn đang ở trong tình trạng lơ lửng, tản mạn, mỗi chỗ một tí, mỗi người một tí, không sao dồn tụ lại được cái gì nên hồn. Nếu không phải là những vụ ồn ào giả tạo thì trong những trường hợp khá nhất, các tác phẩm mà người ta tưởng rằng có thể hy vọng cũng chỉ gọi ra cảm giác bằng phẳng, không ghét nổi mà cũng không yêu nổi. Bởi vậy, luôn có cảm tưởng đời sống văn học đang vận động như một thói quen. Đây đó vài cuộc tranh cãi có làm cho văn đàn sôi động lên được một lúc, có điều rút cục, chúng vẫn mang dáng dấp những cuộc cãi vã nặng về yêu ghét cá nhân, chứ chưa chứng tỏ sự có lý, tức sự cần thiết của mình, càng chưa đưa ra được những kết luận có ý nghĩa nghề nghiệp để thúc đẩy sự sáng tạo đi tới. Bởi vậy, cái đáng sợ nhất là sự hờ hững của bạn đọc, cái đó cũng đang kéo dài. Và một khi chính những người viết văn cũng hờ hững với những gì do mình và các đồng nghiệp của mình làm ra thì người ta có thể nói tới một căn bệnh mệ môi đã thành mạn tính. cái mới của một cuộc hội thảo Trong tình hình ấy, như báo chí đã đưa tin, cuối tháng 11-2004, một cuộc hội thảo riêng về công tác lý luận trong văn học đã được tổ chức. Thông thường nói tới những cuộc hội thảo loại này, người ta kể ra những báo cáo đi vào một vài nội dung kinh viện, hoặc thông báo kết quả của một ít thông tin cập nhật từ nước ngoài. Nhưng hội thảo kỳ này có chỗ khác. Nhiều tham luận tập trung nói lên tình trạng căn cỗi, xơ cứng, xa lạ với đời sống và thiếu triển vọng của công việc. Nghĩa là các nhà lý luận cũng đã bắt đầu thấy sốt ruột trước cái cách tồn tại của chính mình. Và đây chính là ấn tượng sâu sắc nhất mà hội thảo để lại. Lâu nay, mặc dầu cùng là những phân ngành khác nhau của đời sống văn học, nhưng lý luận cứ đi một đằng mà sáng tác đi một nẻo. Nay trong cái sự tự thấy bất mãn với chính mình kia, lý

luận và sáng tác lại như xích lại gần nhau. Người lạc quan bỗng cảm thấy một cơ hội may mắn có thể mở ra. vai trò có thể có của lý luận. Thật ra, ngay sau khi gọi ra tình trạng trì trệ của văn học, nhiều người đã thử đi tìm những nguyên nhân của căn bệnh nan y này. Có điều, nghĩ lại những bí kíp từng biết, thấy cái gì ta cũng đã áp dụng. Nhà văn phải gắn bó với thực tế đời sống ư, có ! Cần được sự quan tâm của xã hội ư ? Lại cũng không thiếu. Ngay cả cái gọi là sự tự do nữa : đây là một khái niệm dễ gây bàn cãi ; song thử nhìn vào một ngành gần gũi như mỹ thuật thì thấy rồi nó cũng chỉ có ý nghĩa tương đối ; nghĩa là rồi có hơn ngày hôm nay đi nữa, tự nó cũng chẳng đủ sức tạo nên những giá trị lâu dài ; thành thử bảo đây là cái sự níu kéo văn học cũng không phải. Vậy chẳng nhẽ cuối cùng nhân tố phải đặt thành vấn đề là chính cái cách suy nghĩ của chúng ta về văn học. Bởi chính nó là đầu mối, nên nó phải khác đi rồi thì may ra mới có cơ giúp cho tình hình thay đổi ? ồ, có thể lắm, có thể lắm. “Hiện nay tôi tin rằng không có những sự cải thiện nào trong số phận của loài người lại có thể thực hiện được cho đến khi có sự thay đổi lớn lao xảy ra trong kết cấu căn bản của những phương thức suy nghĩ của họ “. John Stuart Mill (1806-1873), nhà triết học và kinh tế học người Anh đã viết như vậy trong cuốn tự truyện, và Jawaharlal Nehru đã dẫn lại trong đoạn kết cuốn sách Phát hiện Ấn Độ của ông (bản dịch tiếng Việt in ra ở NXB Văn học 1990). Bàn lẽ với nhau một chút về sự sáng tác văn học hiện thời mà lại dẫn ra một câu nói muốn khái quát những vấn đề có liên quan tới số phận loài người như vậy ở đây e không hợp, song tôi vẫn cảm thấy bị ám ảnh bởi câu nói đó và mang máng cảm thấy có thể chỉ có nó mới giải quyết được những khúc mắc liên quan tới khu vực hẹp mà mình đang quan tâm ! Nên nhớ vào lúc Nehru viết quyển sách trên, cuộc sống tinh thần của đất nước ông đang trải qua một giai đoạn khó khăn, khi mà người ta “ còn đang phân vân giữa một bên là sự gắn bó mù quáng với những tập tục cũ và bên kia là sự bắt chước nô lệ những cung cách sống và làm việc của nước ngoài “. Chính trong hoàn cảnh ấy mà Nehru thấy cần đặt vấn đề như J. Stuard Mill, tức là cần thay đổi cả một phương thức suy nghĩ. Không chừng đây là một sự gợi ý cần thiết ?! Và nếu giả thiết này được xác minh, thì tức là lý luận đang có cơ hội : trong khi tự tìm cách thay đổi, chính nó cũng sẽ là cái hích làm cho sự sáng tác ra khỏi tình trạng trì trệ đã kéo quá dài

TÌM ĐAU CON ĐƯỜNG TRẢI HOA CHỜ SẴN

!

Trở lại với những cuộc đấu tranh trong làng thơ hồi Thơ mới Tuy bức tranh chung còn lờ mờ thấp thoáng và các ý kiến phát biểu thường mang cái vẻ dờ dang ấp úng, nhưng rõ ràng là hiện nay đang có một cuộc đấu tranh cũ mới trong làng thơ. Người này nói thơ ta cũ lắm rồi phải thay đổi đi ; người kia bảo cái hay thì không có chuyện cũ mới, một số thể nghiệm các bạn trẻ mới trình ra gần đây là con đường lầm lạc không triển vọng. Trong lúc chờ đợi có ai đó đứng ra tổng kết tình hình, và tiên đoán những bước tiếp theo, tôi muốn trở lại với một sự kiện trong lịch sử là cuộc đấu tranh cũ mới trong thơ hồi 1932 – 1941 (từ hồi Phan Khôi cho in bài Tình già cho đến khi Hoài Thanh viết Thi nhân Việt nam 1932-1941). Tạm thời có thể nêu ra một số nhận xét sau đây :

1/ Cái mới chỉ xuất hiện khi xã hội có nhu cầu. Trước khi nói đến những thay đổi trong cách cảm cách nghĩ của con người và do đó trong nghệ thuật, Hoài Thanh đã nói tới những thay đổi trong xã hội. Ông bảo “Cho đến những hàng cùng ngõ hẻm cuộc sống cũng không còn giữ nguyên hình như ngày trước” . Đời sống mang sẵn trong mình nó những lời cắt nghĩa đối với văn học, người ta chỉ còn có việc là tìm ra chúng.

2/ Chẳng bao giờ có một con đường trải sẵn hoa để đón chào cái mới cả. Mà thực chất nó là kết quả một cuộc đấu tranh với nhiều cuộc co đi kéo lại. Ngoài việc công bố những bài thơ, thời ấy các đương sự còn dùng tới nhiều hình thức đối chọi khác, mà phổ biến nhất là tranh luận công khai trên mặt báo. Lại có cả những cuộc đăng đàn diễn thuyết, người ta tranh nhau nói để cãi cho cánh của mình. Bề ngoài nháo nhào lộn xộn. Tuy tình hình có khi phải mất cả chục năm, mới ngã ngũ đâu là kẻ thua đâu là người thắng.

3/ Cái cũ có uy tín, lại có quá khứ. Cái mới nhiều khi hiện ra trong cái vẻ dờ dang thô kệch. Phải đến lúc có những tài năng như Thế Lữ xuất hiện, thì Thơ mới mới coi như chiến thắng. Đó là những cá nhân có khả năng ghi bàn vào những thời điểm cần thiết và do đó có vai trò quyết định xu thế một trận đấu, như trong bóng đá hiện đại người ta

thường nói.

4/ Nhiều khi tình hình diễn ra không theo một quy luật nào cả. Trong lịch sử văn học, Phan Khôi ít khi được nói tới như một nhà thơ. Ông lại thuộc về lớp người cũ, thẩm nhuần văn hoá Nho giáo, chỉ lớn lên mới tiếp nhận phương Tây theo con đường tự học. Bài Tình già được ông cho đăng lần đầu trên Phụ nữ tân văn là một tờ báo in ở Sài Gòn, trong khi trung tâm của Thơ mới về sau lại chuyển về Hà Nội, với các tờ Phong hoá Ngày nay. Đây chỉ là một ví dụ. Đi sâu vào còn có thể kể ra những điều oái oăm khác, chính chúng tạo nên cái vẻ thú vị riêng của cuộc chơi.

5/ Thơ cũ đã quá quen thuộc nên mặc dù truy về gốc cũng là hàng ngoại nhập (học theo thơ Đường), song lại được coi là có chất dân tộc. Còn Thơ mới lúc đầu bị chê là không hợp với cách cảm cách nghĩ của người Việt. Truyền thống thường được viện dẫn ra để bài bác cái mới. Nên biết thêm là về sau, hồi kháng chiến chống Pháp, những vài hát nổi tiếng như Sông Lô của Văn Cao, Vì nhân dân quên mình của Doãn Quang Khải khi mới xuất hiện cũng bị kêu là quá Tây. Vậy thì người sáng tác có thể yên tâm, trước khi được công nhận, bao giờ mình cũng có tội. Mà người tiếp nhận cũng nên bình tĩnh hơn một chút : Có thể những cái hôm nay ta chê bai, ngày mai với ta lại trở thành thân thiết không thể rời bỏ. Tùy thuộc vào việc nhìn sâu vào tình hình hôm nay đến đâu, còn có thể rút ra nhiều bài học khác. Và bấy nhiêu điều rút lại chỉ chứng tỏ việc trở lại với lịch sử là không bao giờ thừa. Người ta có thể xem xét tình hình trước mắt mà không bao giờ nên có những sót ruột thậm chí cái kinh vô lỗi./.

LÀM GÌ ĐÂY, LÚC VỀ GIÀ ?!

Nhân sự đóng góp của Tản Đà trong những năm cuối đời, thử tìm một ít liên hệ tới các nhà văn hôm nay Tản Đà (1888 -1939) là một trong số ít ỏi những nhà thơ Việt Nam sinh ra để làm thơ, vung bút thành thơ, ngồi đâu có thơ đấy — mà toàn là thơ hay, thơ đề đời, chứ không phải là thơ con cóc, thơ vè, thơ nhăng nhít của mấy ông sẩm giời bất vận. Sức sáng tạo của tác giả Thề non nước thật tràn trề. Mà lòng tự tin nơi ông cũng mãnh liệt như mọi con người hiện đại. Bởi vậy, người ta hẳn lầy lã khi nhìn lại một sự thực : tác giả qua đời năm 1939, khi vừa năm mươi một tuổi, còn tập thơ cuối cùng của ông, tập Khôi tình con II thì in ra trước đó có tới gần hai chục năm (về sau chỉ có thơ tuyển).

Đặc biệt từ hồi xuất hiện những tập thơ mới quan trọng như Người sơn nhân (Lưu Trọng Lư 1933), Mấy vần thơ (Thế Lữ -1934), Điều tàn (Chế Lan Viên -1937), Thơ thơ (Xuân Diệu- 1938) thì ông vĩnh biệt hẳn thơ, đến thơ đăng báo cũng không gửi, mà lo kiếm ăn nơi khác. Viết báo. Viết tạp văn. Và dịch dịch cả văn xuôi (Liêu trai chí dị) lẫn thơ (thơ Đường). Và ngồi chú giải Truyện Kiều. Tóm lại là làm bất cứ thứ gì để có thể quên đi một tình yêu sâu nặng, để khỏi nhớ mình là nhà thơ. Vẫn hăm hui kiếm ăn, nhưng không bao giờ kiếm ăn bằng thơ. Việc này có một cái lợi : người ta không bao giờ cảm thấy Tản Đà hết duyên mà vẫn tham xuất hiện, lê lét trong nghề, cò đấm ăn xôi, bám vào cảm tình vốn có của dư luận để ăn vạ. Xét chung cả đời, ông không âm lịch, cũng không cổ lỗ trong quan niệm về nghề nghiệp. Ngược lại người đương thời cũng như đời sau luôn luôn cảm thấy Tản Đà là người làm nghề có bản lĩnh, biết từ giả “sân cỏ”, ngay khi sự nghiệp đang ở đỉnh cao, hơn nữa có thể nói là người hết lòng với thơ, xem thơ là việc của thần thánh và bao giờ cũng đối xử với thơ theo kiểu trân trọng muôn vàn, muôn vàn trân trọng (chữ của Tây sương ký). Cũng nên biết thêm là trong việc này, không chỉ có sự biết điều, sự kiềm chế của người trong cuộc, mà còn có sự giúp đỡ chí tình của lớp trẻ nữa. Giúp đỡ như thế nào ? Chúng ta biết nhóm Tự lực văn đoàn vốn yêu quý Tản Đà. Nhưng yêu quý một cách rất tinh táo. Chính họ gợi ý để Tản Đà dịch thơ Đường, và những bản dịch hay nhất của ông đều in ở Ngày nay cơ quan phát ngôn của họ, tờ báo trí thức nhất mà cũng có uy tín nhất lúc ấy. Nhưng chỉ có thế. Còn thơ

Tản Đà thì nhất định Ngày nay không in. Tôi ghi lại một ít sự kiện này để thử nghĩ về công việc của mình cũng như của những người cùng tuổi với mình mấy năm tới, khi chúng tôi bước sang tuổi già. Một vài câu hỏi mà tôi thường đặt ra đại khái như :

— Có phải có những việc dành riêng cho tuổi trẻ, còn tuổi già nên tính việc khác ?

— Có phải cách tốt nhất để giữ được một uy tín là đừng làm cho uy tín đó trở nên nham nhở bởi những cố gắng bám trụ tầm thường ?

— Có phải sự bảo thủ, và hơn thế nữa sự hoang tưởng, là thói quen tự nhiên có ở mọi người, kể cả những cây bút có lúc được xem là thiên tài và để sửa chữa cái cố tật đó, rất cần có sự giúp đỡ thông minh và kiên quyết của lớp trẻ ?

Trường hợp Tản Đà đã mang trong mình lời đáp sống động cho những câu hỏi này, mỗi người có thể rút ra để áp dụng cho mình. Có nhiên bao giờ cũng có những ngoại lệ. Nhưng nên biết thêm rằng cỡ như Tản Đà cũng không coi mình như ngoại lệ, thì có nghĩa là ngoại lệhiếm hoi lắm.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

NHẬN THỨC VỀ NGHỀ VÀ TÌNH NGHĨA NGHỀ NGHIỆP

Nhiều đoạn trong hồi ký Đời viết văn của tôi, được Nguyễn Công Hoan dành để kể về cách hiểu của ông với nghề văn. Cho đến trước 1945, nghề chính của ông vẫn là nghề dạy học, cầm bút chỉ là việc làm thêm. Có đến mấy chỗ, ông nhấn mạnh rằng với cái nghề phụ này, ông vừa mãi miết đeo đuổi vừa chẳng coi ra gì. Mà lý do chính có lẽ là nghề viết văn ở ta lúc ấy còn đang trong giai đoạn trứng nước, nên thường bày ra nhiều trò nhô nhăng :

“Làng văn, từ xưa đến giờ quả là cái chợ “.

” Một đạo, người ta sợ những người làm nghề cầm bút như sợ hủi “.

Khi một người cầm bút có việc đến nhà ai, thường bị người ta nghi ngờ và chỉ “ muốn tổng ra khỏi nhà cho sớm “. Với nhiều “ nhà văn “ chỉ lai vãng qua nghề ít ngày rồi bỏ hẳn (nhất là loại chỉ lảng tráng trục lợi), mỗi khi nhắc đến họ, Nguyễn Công Hoan dùng đến cái chữ khá nặng “ những người cầm bút nửa đời nửa đoạn “. Hiện nghề viết văn ở nước ta chưa được khảo cứu một cách nghiêm túc, nên không thể nói cái cách nhìn nhận như trên của Nguyễn Công Hoan là xác đáng hay quá khích. Chỉ biết chẳng những Nguyễn Công Hoan mà một vài nhà văn nổi tiếng khác như Thế Lữ, Vũ Bằng cũng thường hay nói về nghề văn bằng những lời lẽ tương tự. Lại một cái là trong khi có vẻ như hạ bệ mặt sát nghề mình như vậy, thì các nhà văn tiền chiến lại là người tha thiết với nghề, hết lòng làm nghề, và nhất là nhiều người làm việc với hiệu xuất khá cao, để lại cho đời nhiều cuốn sách có giá trị. Mặt khác, giữa các đồng nghiệp thường có tinh thần hiếu hoà thân mật. Hãy nhớ lại những số báo Tân Dân được làm nhân cái chết của Tản Đà và Vũ Trọng Phụng. Thương tiếc nhau không cần khóc văng cả lên để khoe với đời hoặc trộ đời. Chỉ trong ít dòng lưu niệm cũng đã thấy toát lên mối giao tình đậm ấm của những kẻ “ cùng một lứa bên trời lận đận “. Mà chẳng cứ đối với người chết, với các đồng nghiệp đang sống, người ta lại càng cảm thấy cần phải độ lượng. Nguyễn Công Hoan có một chuyện này khiến ai biết ra đều khâm phục : Khoảng 1935, sau khi ông viết xong Tắt lửa lòng Cô giáo Minh, thì Tự Lực văn đoàn có đến mấy bài viết rêu rao là ông ăn cắp

văn của Khải Hưng trong Nửa chừng xuân và văn Nhất Linh trong Đoạn tuyệt. Chơi nhau đến thế là cùng ! Lê Tràng Kiều, Lăng Nhân đã đứng ra bênh vực. Chính Nguyễn Công Hoan cũng đã ba lần lên tiếng phản bác lại. Thế mà về sau, khi đã thành đạt (từng là chủ tịch đầu tiên của Hội Nhà văn Việt Nam), trong hồi ký, ông không hề đề cập tới chuyện này, và vẫn nhắc đến Khải Hưng, Nhất Linh bằng những lời tử tế. (Sinh thời, Thạch Lam cũng từng có lần có lỗi xử rất nhả như vậy : Trên báo Ngày nay, dưới bút danh Nhất Chi Mai, ông lên tiếng than phiền trước những trang viết đen tối của Vũ Trọng Phụng. Tác giả Dứt tình đáp lại bằng những lời lẽ khá nặng nề. Nhất Chi Mai –mà chúng tôi đoán là Thạch Lam — không bao giờ trở lại với câu chuyện này nữa, mặc dù ai cũng biết rằng trong thâm tâm, ông vẫn nghĩ về văn chương Vũ Trọng Phụng như đã nghĩ.) Những việc đã cũ hôm nay tôi mang ra nhắc lại, bởi có nhiều chuyện tạm gọi là thời sự văn nghệ lại diễn ra theo tinh thần ngược lại. Một mặt mỗi khi có dịp đăng đàn diễn thuyết trước bạn đọc, không ít nhà văn nhà thơ hôm nay thường hết lời ca tụng cái nghề của mình, nào là cao đẹp nào là sang trọng, tưởng như đây là đất hội tụ của những vị thánh, và trên đời này không có nghề gì cao quý hơn. Mặt khác, trong lúc đua tranh trên văn đàn, nhiều người chỉ muốn làm tương, thao túng dư luận và không muốn ai có ý khác mình. Ghen ghét tị nạnh. Dìm dập chê bai. Kết bè kết cánh làm ăn, nhưng lại sẵn sàng quay lưng trở mặt, thui ngằm nhau, khi kiếm được miếng ở chỗ khác. Mỗi khi trong giới có ít việc gọi là “ cơm chẳng lành canh chẳng ngọt “, thì sôi lên sùng sục tìm đủ mọi cách để truy bức đối thủ và ghép cho họ đủ thứ tội. Và cái sự thù lâu oán nặng chắc không ai dám đảm bảo là không có. Nếu như mang các sự kiện ghép lại với nhau thì người ta lại thấy là trong nhiều trường hợp, càng những người to mồm nói rằng nghề của mình là cao sang, lại càng giỏi xử tệ với đồng nghiệp. Nghĩa là hoàn toàn ngược với cả hai phương diện làm nên thái độ của Nguyễn Công Hoan mà chúng tôi đã thử dẫn lại ở trên. Xin phép không cần bình luận gì thêm.

LẤY Đâu RA NHỮNG TỔNG KẾT GIÁ TRỊ ?

Vào dịp năm cũ qua đi năm mới vừa tới, đọc báo chí nước ngoài thấy chỗ nào cũng có những tổng kết với xếp hạng đánh giá mà đậm sột ruột : ở ta việc này thường làm quá kém ! Chẳng hạn trong lãnh vực văn nghệ, nhất là chung quanh văn chương, thì hình như lâu nay mọi người đã nản lòng, đến kỳ đến hạn phải tổng kết mà ai cũng ngại, các biên tập viên không muốn đi đặt bài, các nhà chuyên môn lẩn tránh không muốn phát biểu ý kiến, và cực chẳng đã có người nào nhận làm thì cũng không tin lắm ở hiệu quả cái việc mình làm, chỉ đại khái làm cho xong chuyện. Đến như người đọc, có thể đoán nay là lúc ít ai có ý ngóng chờ, nhiều người thậm chí trông thấy những bài gọi là tổng kết này trên mặt giấy vẫn đứng đưng, trong bụng thừa biết rằng cái thực trạng đời sống văn chương nó ở chỗ khác chứ còn những từ ngữ hoa mỹ kia đâu có viết cho mình, làm sao mà tin rằng nó khái quát được một vấn đề gì đó, và một khi người ta đã đọc nó một cách qua loa thì lấy đâu ra những sự tán thành hay bác bỏ một cách tâm huyết. Kể ra, cái sự không thể tổng kết, không sao tổng kết được, không khó cắt nghĩa : Ngay trong đời sống hàng ngày chúng ta đã quan liêu với nhau. Sách vở in ra tràn ngập song gần như ai viết cái gì chỉ người đó với may ra một ít bạn đọc của người đó biết mà thôi. Việc điểm sách trên mặt báo hiện thời mang tính cách tùy tiện gặp đâu làm đấy mỗi nơi làm một kiểu và không có sức bao quát. Thế thì cuối năm lấy gì làm cơ sở để mà tổng kết với xếp hạng ? Nhìn vào thực chất của đời sống sáng tác, lâu nay nhiều người đã nói tới tình trạng đáng quan ngại, ấy là công việc ăn rộng ra theo bề mặt mà thiếu sự phát triển theo bề sâu. Có nên mà không có đỉnh, cái cách nói ấy bây giờ đã được công nhận đến mức chẳng làm ai bức mình. Trong cái vẻ hết sức đa dạng của các công trình sáng tạo, các tác phẩm lại giống hệt nhau ở mức độ đầu tư lao động ít ỏi, mức độ thâm canh sơ sài. Và ai cũng hiểu vậy cả, hiểu rằng chẳng có thì giờ, nhất là càng không đủ kiên nhẫn để làm cái gì cho kỹ càng cả. Vội vội vàng vàng, chạy vạy lo liệu cốt sao công phu tối thiểu mà lợi ích tối đa, thế là thắng rồi ; còn như một cái gì giống như lý tưởng, như những gì hồi trẻ từng ước ao, trong bụng không dám nghĩ tới. Nhìn vào những người còn chút nghiêm túc, không biết có phải là xa sự thực lắm nếu phỏng đoán trong khi lảng lảng làm việc, hình như chúng ta đang sống bằng những niềm tin riêng của mình và mỗi cá nhân theo đuổi một chuẩn mực riêng ? Thước đo

đã khác nhau thì còn đo đạc làm sao bây giờ. Một điều có thể an ủi : lâu nay, mọi người đã được miễn dịch. Trong sự bất lực chung, nhiều cây bút vẫn đang viết ào ào. Thế nhưng tôi tin cái sự mỗi người như kẻ đi đêm lọ mọ sống và viết, trong khi bức tranh chung mờ mờ nhạt nhạt, cái tình trạng ấy còn đang dẫn tới tình trạng vô cảm. Đèn nhà ai nhà ấy rạng, không tìm thấy người hơn mình để học hỏi để kính trọng, nhất là để tìm thấy đã kích thích cho công việc riêng của mình, kẻ cũng buồn lắm chứ ! Và chẳng, theo lô-gích mà suy, thì như một câu trong Truyện Kiều, một mình lưỡng lự canh chầy đường xa nghĩ nổi sau này mà kinh, một khi công việc hôm nay làm đã không sao tổng kết xếp hạng được cho rành mạch, tự nhiên là việc tương lai cũng không ai dự đoán nổi./.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

TẠI SAO THƯA VẮNG CÁC BÀI ĐIỂM SÁCH?

Văn học còn trong tình trạng kính nhi viễn chi. Chỉ cần nhìn vào phần tin thể thao, là người ta thấy nhiều mặt đời sống hiện nay đã được báo chí chúng ta đề cập khá kỹ. Hàng ngày đọc báo, bạn đọc có thể biết được từ kết quả các giải bóng lớn đến một số cầu thủ ngôi sao trong các giải đó mới mua một cỗ xe bao nhiêu, mới để một kiểu đầu như thế nào. Sự hào phóng đối với thông tin thể thao không phải là điều khó hiểu, vì đây là một khu vực nhạy cảm, lâu nay đã thu hút vui buồn của hàng triệu người. Nhưng còn những ngành khác, lẽ ra cũng cần được đề mắt tới, nếu không được bằng bóng đá thì cũng không nên sơ sài như hiện nay. Tôi muốn nói tới văn học. ở đây, người ta đang chứng kiến một tình trạng trái ngược. Một mặt trong tâm thức của nhiều người, văn chương là một cái gì ghê lắm, danh giá để đời, tên tuổi đi vào lịch sử. Mặt khác thông tin trên mặt báo về văn học lại nghèo nàn nhạt nhẽo. “Kính nhi viễn chi”, người ta lảng tránh. Trong sự thông tin kém cỏi như vậy, riêng phần đọc sách vì không màu mỡ riêu cua không câu khách được tí nào, nên càng bị ghẻ lạnh. Đôi khi có cảm tưởng nhiều loại sách đang như đứa con hoang, sau khi ra đời thì lang thang trôi nổi, không ai biết là có, không rõ chất lượng đến đâu. Một hiện tượng như thế kéo dài đã lâu và ai cũng thấy vô lý, nhưng không biết làm thế nào để tìm ra cách đưa sách trở lại vị trí vốn có. Tại sao không ai viết điểm sách ? Trong phạm vi của sách văn học, tôi thử nêu cả những lý do gần lẫn những lý do có vẻ hơi xa xôi, nhưng đúng là chúng có tác động đến việc điểm sách. Quan niệm quá cũ Sinh hoạt văn chương của chúng ta trên nét lớn được tổ chức theo những mẫu mực sẵn có từ bốn năm chục năm trước. Đại khái cũng giống như bên sản xuất mới chỉ lo làm cho nhiều hàng chứ còn chưa lo chuyện chất lượng, ở đây, cũng chỉ lo bảo nhau viết cho nhiều, chứ còn các hoạt động phụ trợ bao gồm theo dõi số phận tác phẩm sau khi ra đời, tìm hiểu sự đánh giá của người đọc, và trước đó, cả chuyện tiếp thị nữa, đang bị thả nổi, tùy nghi di tản. Nhiều người không biết rằng điểm sách là một mục một tờ báo chuyên ngành nhất thiết phải có. Cũng vì loanh quanh trong một cơ chế sản xuất nhỏ, nên trong tâm lý của giới cầm bút và cả giới làm báo, điểm sách là một công việc quá vất vả, người ta không buồn làm. Nói tới việc điểm sách, nhiều người cười khẩy không nghĩ là việc nghiêm chỉnh. Cả đến các cây bút

trẻ cũng gần như không ai tính chuyện lập nghiệp bằng cái việc xem như lật vật này. Viết đề mà viết Nghĩ cho cùng một cuốn sách chỉ tồn tại khi có người cần viết ra nó và có những người muốn đọc nó, trong một số trường hợp là móc túi lấy tiền mua nó bằng được. Hiện nay, từng cuốn sách in ra với số lượng quá thấp, mà người mua cũng tàn mạn, đến mức người ta phải nghi ngờ về lý do ra đời của nó : Phải chăng nay là lúc sách ra chỉ để thoả mãn nhu cầu người viết, còn nó chả có tác động cụ thể tới ai, hoặc có tác động cũng chỉ là một thứ phủ bụi, không gây nổi ấn tượng và bởi không có ai buồn lên tiếng, nên nó cứ vạ vật âm thầm như vậy ? Các nhà văn có chịu khó đọc nhau? Nhiều nhà sáng tác lên tiếng chỉ trích : sách chúng tôi đã viết đầy ra đầy tại các anh phê bình không chịu làm việc, cho nên không có điểm sách. Nhưng trong hoàn cảnh mà giới phê bình chưa hình thành như ở ta, một sự oán trách như thế nếu không phải làm dáng thì cũng không thực tế, và kết quả chỉ là một thứ gió bay lên trời, vô bổ vô nghĩa. Theo chỗ chúng tôi biết loại người chuyên viết điểm sách – như một thứ chuyên gia ném trong ngành thực phẩm — ở nước nào và thời nào cũng hiếm vì nghề này quá khó ; ngược lại, phổ biến ở nhiều nước là tình trạng người viết văn viết về nhau. Người viết trong trường hợp này có cả hai tư cách, vừa giúp đồng nghiệp của mình đưa sách đến bạn đọc vừa đứng về những tác phẩm khách quan, để cân đo đong đếm công việc đồng nghiệp đã làm. Đã có một thời các nhà văn ở ta làm việc như thế, Nguyễn Đình Thi viết về Truyện Tây bắc của Tô Hoài, Chế Lan Viên viết về Những bước đường tư tưởng của tôi của Xuân Diệu, còn Xuân Diệu thì viết về ánh sáng và phù sa của Chế Lan Viên. Nhưng hình như cái thời ấy đã vĩnh viễn qua rồi. Trong hoàn cảnh sự quan tâm đến nhau ngày càng hời hợt –nói nôm na là ngần ngại hoặc giữ kẽ đủ điều – người ta vẫn để ý đến nhau, nhưng là để ý xem ai mới chạy được cái giải thưởng nào, hoặc áp phe được món tài trợ nào béo bở, chứ còn nghiêm túc theo dõi nhau và tha thiết trông chờ ở sự tiến bộ của nhau — mà trước tiên là sự tiến bộ trên phương diện nghề nghiệp –, loại đó hơi hiếm. Đã không đọc nhau thì làm sao còn viết được nữa? Người ta hiểu sự đơn độc sáng tạo một cách thiên cặn, và tuy rất hay nói về phong trào, song sự lo lắng đến phong trào chung lại là điều quá hiếm. Đó là chưa kể sự nói thật đang có cái khó của nó, một vài câu nhận xét chân thành về nhau chả ăn nhằm gì mà chỉ mang vạ, tức chuốc lấy sự thù oán. Như thế thì có đốt đuốc cũng không thể tìm ra người chuyên viết điểm sách cho các đồng nghiệp một cách vô tư và hiệu quả — cũng là dễ hiểu.

ĐẦU PHẢI NGOẠI LỆ ?

Bao giờ thì VN có giải Nobel văn chương Hàng hoá Việt Nam thường được coi là nghèo nàn về mặt chủng loại. Những công cụ hoặc đồ dùng thiết yếu cho sinh hoạt hàng ngày cái gì cũng có, nhưng đơn sơ chưa đạt tới mức độ hoàn thiện. Trong hoàn cảnh giao lưu kinh tế với nước ngoài được mở rộng, người sản xuất của chúng ta khá nhạy cảm trong việc tiếp nhận. Nghĩa là thấy ai làm cái gì ta cũng chịu khó mô phỏng bắt chước. Song thường nhái theo kiểu cách học được mà ít có khả năng tạo ra những mẫu mã mới và không xây dựng nổi những thương hiệu có uy tín, nên thua ngay trên sân nhà, tức không cạnh tranh nổi với hàng hoá nhãn mác nước người. Không có tiền thì đành bóp bụng chịu, chứ nếu có, người tiêu dùng hôm nay vẫn sính dùng hàng ngoại hơn hàng nội. Trên đây là những đặc điểm đang chi phối sự sản xuất vật chất ở ta. Chúng được nói nhiều, được phân tích kỹ trên mặt báo và mọi người đều biết, cả những người làm nghề sáng tạo ra các cửa cải tinh thần (trong đó có các nhà văn nhà thơ) cũng biết. Chỉ có điều không ai chịu có một chút liên hệ tối thiểu, nhìn các mặt hàng khác mà nhận chân giá trị thứ hàng mình làm. Ngược lại, nhiều người cầm bút vẫn nuôi ảo tưởng, hình như nghề của mình là một ngoại lệ, văn chương mình làm ra không thể xoàng xĩnh như mấy thước vải do các hãng trong nước dệt hoặc mấy viên thuốc nội khi con ốm bắt đắc dĩ mới mua cho con dùng. Không, ta kém những gì không biết, chứ văn chương không chịu kém ai cả ! Sự thực thì như thế nào ? Thử nhìn vào một thể tài mà bạn đọc đang tha thiết mong đợi và nhiều người cũng đang háo hức lập nên kỳ tích là thể tiểu thuyết. Đây vốn không phải là một thể văn nội sinh, mà chỉ mới được du nhập từ khi người Pháp tới (thể truyện nôm trong văn học trung đại mới chỉ là những mầm mống sơ khai). Và mặc dù tiểu thuyết VN thế kỷ XX được viết khá nhiều, song còn quá sớm nếu bảo rằng chúng ta có một truyền thống tiểu thuyết hùng hậu như nước này nước nọ. Chẳng có người trong cuộc nào công khai thú nhận, song về lý mà xét, có lý do để dự đoán rằng không ít cuốn tiểu thuyết được viết và in ra thời gian vừa qua tạm gọi là thành công trên phương diện thể loại chẳng qua nhờ biến báo những kinh nghiệm học được từ nước ngoài. Chưa thể nói tới những sự đột phá tìm tòi, những bước mở rộng quan niệm về thể tài mà người ta thường bắt gặp ở những nền tiểu thuyết lớn (cũng tức là chưa có những mẫu mã mới như bên kinh tế thường nói). Một nhà

nghiên cứu văn hoá đã đưa ra ví dụ khái quát :Việt Nam không sáng chế ra chiếc xe đạp, nhưng đứng ở góc độ khai thác hiệu năng của chiếc xe đạp để phục vụ cho các nhu cầu sinh hoạt thì không ai bằng người VN. Tôi nghĩ rằng thành tựu của tiểu thuyết ở ta cũng ở mức độ tương tự, tức là ta khá hơn cả trong việc vận dụng tiểu thuyết để phục vụ đời sống, thế thôi.Viết thì cứ viết đọc thì cứ đọc, cần trao giải thưởng để động viên nhau thì cứ trao, nhưng bốc nhau lên quá thì không nên. Tinh táo trong việc đánh giá thành tựu đã qua chính là một cách để đỡ có những hy vọng hão huyền và cả những đòi hỏi lố bịch. Tư duy về văn học ở ta còn loanh quanh ở mức như thế này, văn hoá nghề nghiệp ở những người viết còn dừng lại như thế kia, thì hy vọng làm gì cho mệt. Gần đây một vài người thích nêu ra những câu hỏi vui vui kiểu như bao giờ VN có những người đoạt giải Nobel văn chương. Tôi nghĩ câu trả lời không có gì khó khăn lắm : đại khái bao giờ người Việt có những phát minh khoa học lớn được cả thế giới áp dụng ; hoặc có những nhà hoá học tìm ra những nguyên tố mới ; hoặc gần gũi hơn, bao giờ bóng đá Việt Nam Việt Nam ở vào tốp 5 tốp 10 trong bảng xếp hạng bóng đá thế giới — thì lúc ấy thơ văn tiểu thuyết chúng ta trước sau sẽ có Nobel. Văn chương không thể là một ngoại lệ, sự sáng tạo trong văn chương cũng nằm trong tiềm năng sáng tạo chung,và cùng trình độ như mọi ngành nghề khác.

TRONG MỘT MÀN SƯƠNG LỜ MỜ...

Về đôi mới tư duy trong tiểu thuyết Không biết cái cũ làm sao biết được cái mới....đấy là ý nghĩ nảy sinh trong đầu óc tôi khi theo dõi một số cuộc trao đổi về tiểu thuyết đăng tải trên báo chí thời gian gần đây, kể cả trên tờ TT&VH của chúng ta. Nay là lúc đi đâu cũng thấy nói tới đôi mới tiểu thuyết. Mà lại là đôi mới tư duy kia. Chúng ta không bằng lòng với hiện trạng, chúng ta muốn có những đổi thay về cơ bản. Về mặt tình cảm, phải nhận rất nhiều tâm huyết ở người cầm bút đã được bộc lộ. Kiên quyết khẳng định tiểu thuyết không chết. Xót xa về tình trạng yếu kém của tiểu thuyết đương thời. Than vãn rằng viết tiểu thuyết vất vả mà thu nhập thấp. Sau hết là những khao khát khôn nguôi, khao khát muốn được làm hết sức mình cho tiểu thuyết tương lai. Chỉ có điều những tình cảm nồng nhiệt đó không được nâng lên thành lý tính, thành sự nghiên cứu chi li tỉ mỉ theo những bài bản khoa học chắc chắn. Người thì đề cập tới khả năng bịa y như thật của tiểu thuyết và cho rằng người viết ở ta còn chân chỉ hạt bột quá. Người thì tìm cách phân biệt truyện ngắn với tiểu thuyết. Lạc sang câu chuyện đề tài, có người đi vào tiểu thuyết nông thôn, tiểu thuyết chiến tranh. Lại có người nhấn mạnh mối quan hệ giữa thể tài với tuổi tác và cho rằng tiểu thuyết là thuộc về tuổi trẻ, hoặc xoáy vào câu chuyện tài năng và phẩm hạnh công dân của người cầm bút... Tóm lại là các phát biểu thường đi loanh quanh bên rìa, chưa áp sát cái nhu cầu bản về tư duy thể loại. Trên nguyên tắc, một nền văn học đã có nhiều tiểu thuyết được viết ra tức là một quan niệm về tiểu thuyết đã được hình thành và quan niệm đó là một bộ phận làm nên quan niệm về văn chương mà mỗi thời theo đuổi. Song ở ta các quan niệm — nhất là quan niệm về hình thức — chỉ được hiểu ngầm với nhau mà không bao giờ được trình bày rõ ràng ; nếu coi các tiểu thuyết đã in được làm theo một mô hình thì mô hình đó chưa bao giờ được khảo sát theo con mắt thông kê cân đo đong đếm đầy đủ. Một lý do nữa là sự thiếu sót của khoa học lịch sử : xưa nay ở ta mọi việc tổng kết xem xét lại công việc đã làm trong quá khứ thường bị coi nhẹ, và tiểu thuyết cũng không ra khỏi thông lệ đó. Bên Trung Hoa, những tổng kết về thể loại được làm rất sớm và rất kỹ, bản thân Lỗ Tấn ngay từ những năm ba mươi thế kỷ XX đã cho in một cuốn sách bao quát lịch sử tiểu thuyết Trung quốc. Những việc như thế một vài nhà nghiên cứu Việt Nam gần đây có làm song nặng về những việc liên quan đến sáng tác đương thời, đánh giá

rồi xếp chỗ cho các nhà tiểu thuyết hơn là tìm hiểu tư duy thể loại. Còn các nhà văn thì cho là không cần nghĩ tới. Giữa mới và cũ vốn có một mối quan hệ chặt chẽ ; ở mọi lĩnh vực đời sống, cái mới nào cũng là mới so với một cái cũ nào đó. Biện chứng của quá trình tư duy ở đây là trước tiên nhờ biết thể nào là mới nên có điều kiện nhận ra thể nào là cũ, sau đó nhờ đi vào hiểu kỹ cái cũ mà lại biết cái mới sâu sắc hơn, và thấu hiểu những khía cạnh mới của cái mới mà tiếp nhận. Trong thực tế, cả hai chiều đó của tư duy sáng tác ở các nhà tiểu thuyết hôm nay còn đang hoạt động cầm chừng và điều đó đã bộc lộ qua các phát biểu trên mặt báo. Do thông tin bùng nổ, giờ đây các loại kiến thức có liên quan đến quan niệm mới về tiểu thuyết ít nhiều có được giới thiệu, nhiều chữ nghĩa cập nhật — mối quan hệ giữa sử thi và tiểu thuyết, Trăm năm cô đơn và Phê độ, Bakhtin và Kundéra... cũng đã có được nhắc nhở. Song theo tôi hiểu, tất cả chỉ đang ở dạng lớt phớt. Thành thử, nếu hỏi thật, chắc hẳn là chưa ai trả lời được rành mạch một tư duy mới về tiểu thuyết bao gồm những yếu tố gì, có bao nhiêu loại mô hình tiểu thuyết mới và khả năng áp dụng những mô hình đó ở ta đến đâu. Rồi ra, trong thực tiễn sáng tác, sẽ là ai vẫn người ấy, nhiều nhà văn sẽ lại hào hứng nói đến sự tự do, tức là thích viết thể nào thì viết như vậy, và yên tâm khảo nhau rằng thể là hiện đại rồi, chứ cái gọi là đổi mới thì còn phải chờ nhiều cuộc khởi động khác.

NHIỀU ĐANG TRỞ THÀNH NHIỀU !

Sự phong phú không phải bao giờ cũng chỉ có một ý nghĩa duy nhất. Có sự phong phú của những giá trị cao đẹp làm giàu thêm cho đời sống và có sự “trăm hoa đua nở” của những thứ hàng tầm tầm vô thường vô phật, nhìn vào chỉ thấy bộn bề. Lại nữa, có sự phong phú trong trật tự tạo nên tầng tầng lớp lớp mạch lạc nó ngược hẳn lại với sự đa tạp chen chúc hỗn độn. Cái sự phong phú thứ hai này thường được hiểu như là nhiều, tạp, rối loạn và rất khó tạo được hiệu quả đáng lẽ nó có thể có. Mỗi khi nghĩ về sinh hoạt báo chí ở ta những năm gần đây người khó tính đến đâu cũng phải mừng khi thấy có sự phát triển vượt bậc về số lượng kèm theo đó là sự linh hoạt trong kiểu dạng thông tin và tính tích cực trong việc hướng về bạn đọc phục vụ bạn đọc. Song cũng phải nhận là một bộ phận báo chí của ta còn đang ở vào tình trạng có gì làm nấy chất lượng thông tin chưa cao. Nhiều đang có nguy cơ trở thành nhiều và nếu không được sửa chữa một bộ phận báo chí sẽ làm lẫn mình đi, tự đánh mất mình trong một sự nhốn nháo đáng tiếc.

Còn nhớ những năm từ 1975 trở về trước : Những ai từng có viết lách ít nhiều hẳn nhớ là hồi đó báo chí ít ỏi tới mức viết không có chỗ đăng, mỗi lần nhìn báo đăng bài người khác là cảm thấy ngay rằng không gian giành cho mình bị thu hẹp lại. Và chúng tôi thường nói đùa : y như cảnh nhà cửa chật chội cả mấy thế hệ cùng phải sống chung trong một căn phòng vài chục mét vuông, hơi một tí là sinh bực bội.

Cho tới năm 1968, các hội viên của Hội nhà văn Việt Nam chỉ có một “sân chơi” duy nhất là báo Văn nghệ 16 trang < các tờ văn nghệ địa phương cũng chưa sẵn như bây giờ >, bởi vậy tôi còn nhớ là đầu năm 1969 khi có giấy phép cho ra tờ tạp chí Tác phẩm mới thì nhiều cây bút kể cả những người phụ trách tỏ ra rất hào hứng. Toàn dân dày dạn kinh nghiệm trận mạc, không phải các anh có ảo tưởng rằng làm báo là dễ và có ngay được các sáng tác tốt. Và nhất là việc hình thành nên một tờ báo có khuôn mặt riêng cốt cách riêng thì ai cũng biết là khó vô hạn. Nhưng tất cả lại đều hiểu rằng tờ báo là nơi tập tành thể nghiệm, và chẳng bí chỗ viết chỗ đăng quá rồi, nên vẫn vui như bắt được của. Nhà thơ Chế Lan Viên vốn nổi tiếng là sắc sảo và giỏi tổng kết đưa ra một câu bình luận được nhiều người đồng tình :

– Thôi thì ba thằng giống nhau còn hơn một thằng tự giống mình !

Chỉ có cái lợi là hồi ấy sự viết lách thường khi kỹ càng và không ai có cái tâm lý chạy theo số lượng. Nay thì tình hình hoàn toàn ngược lại. Bao nhiêu đến mức chắc chắn không ai đọc xuể. Và người làm sao thì của chiêm bao làm vậy, giữa tờ nọ với tờ kia tưởng khác nhau mà hoá ra chỉ là biến thể của nhau. Đây đó vài tờ mới ra có tạo được chút ấn tượng mới trong ít số đầu nhưng về sau thì lại quanh quẩn như cũ. Người có tâm huyết không sao rũ bỏ nổi cái cảm giác là hình như sức lực của ta chỉ có đến thế, ai cũng muốn viết hay hơn nhưng chưa biết làm cách nào, và nếu cứ đà này mà kéo thì bạn đọc có sớm cảm thấy no nề đến phát ngán cũng không có gì là lạ.

Hãy tạm lấy một ví dụ : chưa bao giờ như bây giờ những tin tức có liên quan đến sinh hoạt văn hoá văn nghệ thể thao nước ngoài vào Việt Nam nhanh đến thế và được mở ra rộng rãi đến như thế. Chỉ có mấy điều phải lưu ý, một là thực ra chuyện linh tinh lặt vặt thì nhiều bài viết nghiêm túc có tính chất nêu vấn đề thì ít, và hai là dù thuộc loại nào nữa thì nói chung các bài viết ấy phần lớn thuộc dạng lược thuật, tức bên nước người họ đã viết sẵn, giờ ta mang về đảo xuôi đảo ngược một chút cho vừa với trình độ bạn đọc, thế thôi. Chứ loại bài xuất phát từ yêu cầu trong nước mà đặt vấn đề, bằng cái nhìn của người Việt Nam mà theo dõi và đánh giá, và cuối cùng đạt đến cái đích cần thiết là qua thông tin về nước ngoài giúp cho việc làm tốt hơn công việc trong nước – loại bài đó gần như chưa có. Tình hình cũng không khá hơn bao nhiêu khi xem xét lại những thông tin do chính chúng ta viết, bàn ngay về đời sống trước mắt có liên quan đến mỗi chúng ta.... Phải nói ngay là do đạo đức nghề nghiệp được đề cao và luật lệ quy định chặt chẽ nên không mấy khi có bài đặt điều nói bừa tức là sự chân thực trong thông tin được tôn trọng.

Nhưng cái thực ở đây là cái thực ở trình độ đơn giản sơ lược : trong khi không sai gì về mặt chi tiết thì lại không đạt tới trình độ khái quát cần thiết. Và thông thường bài báo viết địa phương nào đơn vị nào thì chỉ các đối tượng đó để ý ngoài ra người ở địa phương khác ngành nghề khác chẳng thấy có gì liên quan. Dăm miếng cau khô mấy lọ phẩm hồng, có thể mượn lại mấy câu thơ Hoàng Cầm tả cái mệt hàng xén của mấy bà già lọ mọ trên các chợ quê bên kia sông Đuống để hình dung ra tình trạng bài vở trên một vài tờ báo hôm nay < những

cái mệt xưa giờ đây có thể thay bằng tủ kính lại thêm nhiều mặt hàng xịn hơn và ngay bao bì cũng là thứ ny lông bền chắc mà lại bóng bẩy hơn, song thực chất nào có khác ! > Một khi không đạt tới những bước đột phá về chất lượng mà chỉ lan ra theo số lượng, báo chí dù có cố gắng đèn mấy cũng không khỏi rơi vào tình trạng ngổn ngang bề bộn. Cùng lúc có nhiều tiếng nói cất lên song như lẫn vào nhau và đứng lùi ra mà nghe chỉ còn thấy một cái gì ồn ã kèm theo khá nhiều tạp âm. Tẻ nhạt do nghèo nàn ít ỏi dẫn sao vẫn có khía cạnh đáng thông cảm. Tẻ nhạt ngay trong cái bề ngoài phong phú dồi dào thì cái ấn tượng về sự tẻ nhạt ấy mới thật nặng nề bởi người ta phải thâm hiểu với nhau rằng không dễ gì mà thoát ra nổi. Muốn hay không muốn, báo chí vẫn là thứ công cụ tiện dụng để giúp xã hội tự nhận thức và sự thực là từ hơn bốn trăm tờ báo đang tồn tại trong phạm vi cả nước, nếu chịu khó đọc, người ta luôn luôn tìm ra được những bài viết hay với nhiều ý tưởng sâu sắc.

Nhân đây tôi có một đề nghị nhỏ: chính báo chí nên kiên luôn công việc tự sàng lọc chính mình. Khi thấy báo bạn vừa có một bài viết hay, ta nên cân nhắc để nếu có thể đăng lại kèm theo lời giới thiệu trang trọng mong bạn đọc cùng biết. Có nhiên đây là một chuyện khó, như việc phân loại người có năng lực và kẻ bất tài, người có đóng góp và kẻ ăn bám đang làm cả xã hội đau đầu. Song theo tôi, cái chính là ở đây nên vượt qua những sự tự ái lật vật. Vâng tôi cũng biết rằng một vài bài tôi sắp đăng đây có yếu một tí. Thậm chí đôi khi tôi thừa biết rằng chẳng qua chúng được xào xáo từ các báo khác. Song trên danh nghĩa nó là inedit chưa đăng ở đâu bao giờ, thế là được rồi. Chứ đăng lại bài báo khác ấy ư ? Tức là đề cao họ và tự thú nhận về sự kém cỏi của mình ? Có ai lại chịu chơi nước lép kiêu ấy !? Ấy chính cái lối nghĩ ấy đã khiến nhiều người trở nên ích kỷ một cách rất hồn nhiên và do đó tiếp tay cho sự hỗn hào, ồn nhiễu, ba vạ... mà không hay biết.

KHÔNG NỖI LO NÀO LÀ CỦA RIÊNG AI

Trong hai năm 1997-1998, việc xuất bản trở lại các bộ sưu tập báo chí vốn in ra đã lâu (Tiên Phong, Văn Nghệ – 50 năm trước; Tao Đàn – 60 năm trước) được nhiều người khuyến khích, vì nó gợi ra cho thấy nhiều khía cạnh khác nhau trong đời sống văn chương nay đã thuộc về lịch sử, trong số này, có một điều ít người để ý: ấy là những tác phẩm tạm gọi là xuất sắc thường tìm về hội tụ với nhau, trong những quãng thời gian nhất định.

Trong Văn Nghệ 1948, người ta được đọc liên tiếp Đôi mắt và ở rừng của Nam Cao, Những người ở lại của Nguyễn Huy Tưởng, những bài thơ không vắn thuộc loại hay nhất của Nguyễn Đình Thi. Và ngay trong Văn Nghệ số 1 (ra 3/1948) đã có Cá nước của Tố Hữu, Làng của Kim Lân, bản nhạc Sông Lô của Văn Cao. Rải rác trong Tao Đàn 1939, người ta đọc được những thiên truyện hay nhất của Nguyễn Tuân, sau này sẽ làm nên Vang bóng một thời, cũng là những bài tiểu luận xuất sắc của Hoài Thanh, Lưu Trọng Lư, Phan Khôi, Trương Tửu...

Cũng thời gian này, trên Ngày nay, nhóm Tự Lực văn đoàn cho in những tác phẩm thuộc loại chín nhất, chắc chắn nhất của Khái Hưng, Thạch Lam, Xuân Diệu. Điều này, sẽ còn lặp lại ở nhiều thời điểm khác. Hoặc đó là văn học Hà Nội những năm 60, khi mà gần như cùng lúc thấy có Sông Đà và Trước giờ nổ súng, ánh sáng và phù sa và Mùa lạc, Sống mãi với thủ đô và Sóng gầm v.v...

Hoặc lùi về trước nữa, thời kỳ nửa sau thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX, khi mà có hàng loạt truyện nôm khuyết danh xuất hiện. Các nhà nghiên cứu văn học gần đây đã đưa ra nhiều bằng cứ chứng minh rằng Nguyễn Du có quan hệ thân tình với Hồ Xuân Hương: Các tài năng thường hẹn nhau hội ngộ. Và giống như những loài hoa cùng nảy nở vào mùa xuân, các tác phẩm xuất sắc thường chọn dịp để đứng cạnh nhau, làm nên một mùa hoa đẹp.

* Nếu như các vở kịch, các bộ phim bao giờ cũng là những công trình tập thể, thì các tác phẩm văn học tồn tại theo lối khác hẳn. ở đây, chỉ có một người đứng tên duy nhất. Bởi vậy, ở đây mà nói đến sự phối

hợp công việc, hẳn ai cũng cho là khiên cưỡng, giả tạo. Sự đơn độc trước trang giấy như một thứ số phận, một người mới bước vào nghề đã biết, và càng ở lâu trong nghề càng thấm thía. Tuy nhiên, nếu hiểu vai trò của chung quanh theo nghĩa rộng, bao gồm gợi ý khuyến khích, tạo không khí, gây lòng tin, thì người ta có thể nghĩ khác. Lịch sử còn ghi những mẫu chuyện, chẳng hạn, chính Thế Lữ kể cho Thạch Lam một trường hợp tương tự, rồi Thạch Lam sẽ viết nên Dưới bóng hoàng lan; hoặc nghe lời khuyên của Vũ Trọng Phụng, mà Nguyễn Tuân đã làm hai tập phóng sự Ngọn đèn dầu lạc và Tàn đèn dầu lạc. Con gà tức nhau tiếng gáy, nếu trong đời sống, cái sự ghen ăn tức ở chẳng hay ho gì, thì trong công việc, nó thường khi lại là thứ gia vị cần thiết. Sau khi đọc Đoạn tuyệt của Nhất Linh, Nguyễn Công Hoan thấy phải viết bằng được cuốn sách khẳng định vai trò của gia đình. Và thế là chúng ta có Cô giáo Minh. Còn đây, không khí đầu năm 1948, khi chuẩn bị làm một số tạp chí Văn Nghệ, do Kim Lân kể lại "Sau một thời gian chạy giặc, anh em náo nức viết: Giời lạnh... Đêm mỗi anh mỗi đèn". Tới giờ Kim Lân còn nhớ là thiên truyện Làng của mình đã được sửa chữa ra sao sau những lời góp ý của Tố Hữu. Và từ những ngày chung sống một cơ quan với những Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Huy Tưởng, Nguyễn Hồng, ông chột lại một nhận xét: "Nguyên những câu chuyện trao đổi tranh luận của các anh cũng là những trang bị thật bổ ích cho tôi" Những ví dụ trên, cùng bao ví dụ tương tự cho thấy không khí chung trong giới sáng tác có liên quan tới sáng tạo của một cá nhân ra sao: Hoá ra, trong khi đơn độc trước trang giấy trắng, một người viết vẫn luôn luôn ở trong mối quan hệ với những người khác, với đồng nghiệp, bằng cách giao đãi, tiếp nhận, tranh cãi, đối thoại. Vì thế mới có chuyện "hội tụ", hện nhau mà xuất hiện.

* Bây giờ thì không riêng ai nữa, hầu như cả thế giới cầm bút ở ta đều đã công nhận rằng đời sống văn học hôm nay mở ra theo chiều hướng rộng, nhưng lại thiếu chiều cao, có nền mà chưa có đỉnh. Số người viết trở nên hội viên Hội Nhà văn ngày mỗi nhiều mà số mới viết lại đông hơn. Sách vở bày bán la liệt. Có điều, sau một năm, hoặc vài ba năm, bảo có tác phẩm nào đọng lại được, thì không ai dám nói. Có một câu hỏi đang ám ảnh mọi người. Làm sao để có tác phẩm hay? Nên có thêm những biện pháp gì để cho gà đẻ trứng vàng, mỗi nhà văn viết ra được cái tác phẩm chính họ ước ao mà cả xã hội cũng hoan hỉ đón nhận? Đã có một ít lời bàn bạc đây đó, tìm cách gỡ ra cái bế tắc này. Lại cũng đang có những ngòi bút, nói theo chữ anh em trong nghề, là

phục xuống, ngồi viết, hi vọng rằng, với nỗ lực cá nhân, sẽ “ném ra những trái bom”, tạo nên một sự bất ngờ trước dư luận, khiến cho mọi người phải giật mình và tên tuổi tác giả phải được chép vào lịch sử. Thế nhưng tôi ngờ rằng căn bệnh “thiếu đỉnh cao” của nền văn học hôm nay không thể giải quyết bằng những cách đơn giản, đại khái như dúm cho các nhà văn một ít tiền, hoặc kêu gọi mọi người ngồi lì trước trang giấy trắng. Như các ví dụ trên kia đã chỉ rõ, ở đây phải có sự cùng chăm lo đến không khí chung. Và một khi có hiện tượng thiếu tác phẩm giá trị mà hàng tầm tầm lan tràn, thì người ta không thể chỉ tìm nguyên nhân ở công việc của từng người cụ thể, ngược lại phải nghĩ đến đời sống văn học nói chung, “cái toàn bộ” kể từ trình độ nhận thức, kinh nghiệm nghề nghiệp, cho tới khả năng tiêu hoá những bài học của ông cha và kinh nghiệm của nước ngoài, cách quan hệ của những người trong giới với nhau. Nếu cái nền chung đã “có chuyện” thì mọi nỗ lực cá nhân rất khó thực hiện, và nếu có, cũng không tránh khỏi méo mó, kỳ cục.

* Lệ thường khi viết xong tác phẩm và đưa nó ra trình làng, một nhà văn thường trông trước trông sau, chờ đợi phản ứng của bạn đọc, nhất là các đồng nghiệp. Nhưng một yêu cầu tối thiểu như thế, giờ đây, là một cái gì có phần xa vời. Trên mặt báo, thường chỉ có những lời xác định đúng sai, còn như các ý kiến về cái hay cái dở thì lơ mờ, lẫn lộn, ít khi có dịp bộc lộ. Kể ra, cũng có loại người đánh dấu chấm hết cho tác phẩm rồi thì chỉ còn một ý nghĩ rằng mình đã viết là phải thật hay, chẳng còn điều gì phải bàn ngoài chuyện lo chạy cho cuốn sách vừa in giải này giải nọ. Nhưng để loại người đó sang một bên, tôi nghĩ tới cái bơ vơ của một ít người viết còn thành tâm: Giá có tính chuyện hoàn chỉnh cái đã viết và rút kinh nghiệm cho cuốn sách sau, cũng không biết trông vào đâu cả. Muốn bàn bạc với nhau thì trước tiên, phải quan tâm tới nhau. Song từ lúc nào không biết, trong giới cầm bút, nếu tôi không lầm, đã hình thành nên một kiểu quan hệ lấy sự khôn khéo làm đầu vị. Nghĩa là không ngó ngàng gì tới cách sống của nhau, chẳng bênh người có tài, mà cũng chẳng bức mình với kẻ bất lương viết ầu. Khi có dịp gặp mặt, chỉ có khen ngợi. Khen lấy lòng thôi chứ thực ra cũng chẳng buồn đọc nhau, bởi tin rằng, ai viết lách thế nào, người ấy tự chịu trách nhiệm. Một cách sống ích kỷ như thế, bề ngoài có thể tạo nên một không khí thanh bình giả tạo, nhưng suy cho cùng, sẽ có hại cho từng người, kể cả người viết lâu năm lẫn người mới viết. Lại nói tới chuyện thể nghiệm. Tuy là một thực thể thống nhất, song mỗi tác

phẩm văn chương vẫn có thể phân tích ra thành nhiều phương diện: đề tài, ngôn ngữ, thể loại. Một tác phẩm xuất sắc, cố nhiên, phương diện nào cũng đạt tới mức hoàn chỉnh. Tuy nhiên, chúng chỉ xuất hiện sau khi đã qua những bước thử nghiệm, và đây là một ví dụ về vai trò của tập thể trong sự sáng tạo: có khi thành tựu của người này lại dựa trên bước đi thăm dò của người khác. Những người thử nghiệm tự biết sức mình là chưa thể làm ngay tác phẩm lớn, nhưng tha thiết với đời sống chung, nên sẵn lòng đi vào tìm tòi trong một phương diện nào đó, cho người khác làm điểm tựa. Thiếu đi sự hào hiệp ấy thì – như chúng ta đã thấy – những tác phẩm tốt rất khó xuất hiện.

* Cũng như một số đồng nghiệp, lâu nay tôi hay nghĩ việc chăm lo đến không khí sáng tác nói chung, và quan tâm tới những người trong giới chỉ thuộc phạm vi đạo đức cá nhân, hoặc đơn giản hơn, là một cách để tránh đi những phiền phức không đáng có. Song có lẽ đã đến lúc phải xem đó là cả một vấn đề nghề nghiệp thiết cốt tới sự tồn tại của chính mình. Bởi có hiểu như thế mới giải thích được tình trạng trì trệ hiện thời, cũng như tìm được phương hướng sống, làm việc ngày mỗi hiệu quả.

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

TRANG SÁCH VÀ TUỔI TÁC

Ở bìa 4 cuốn tiểu thuyết Ồm ờ... Xuân, tôi đọc được một số chi tiết có liên quan đến tác giả Trần Văn Sáng:

- Sinh năm 1914.
- Đã viết nhiều báo tiếng Việt, tiếng Pháp trước 1945, kể cả Phong Hoá, Ngày Nay.
- Có tác phẩm in ra từ 1935. Sau đó có truyện dài Chua cay với lời đề của Thế Lữ, truyện ngắn Con Mếu với tựa của Vũ Trọng Phụng.
- Bắt đầu viết và in lại từ 1995, trong đó có hồi ký, tiểu thuyết...

Thử làm một ít phép tính cộng thì thấy: tác giả nay đã trên 80. Tác phẩm đầu tay in ra năm 21 tuổi.

Trong cuộc đời cầm bút, có những quãng nghỉ kéo dài tới trên dưới nửa thế kỷ! Đây có lẽ là một ví dụ về khả năng dẻo dai của một ngòi bút. Nôm na mà nói, có thể bảo với ông và những người như ông văn chương quả là một thứ nghiệp chương. Nó theo đuổi người ta từ trẻ đến già. Một khi đã sa vào đấy, chẳng khác chui vào một cái hom: đường ra không có. Dù thành công, dù thất bại, người ta cứ phải loay hoay với nghề và chỉ có cách xem việc cầm bút là một bộ phận của đời sống.

Bên cạnh Trần Văn Sáng, có thể kể thêm hàng loạt trường hợp tương tự.

Trần Kim Trắc, có truyện in ra từ 1954, nghỉ một mạch gần bốn chục năm rồi mãi tới 1990 mới xuất hiện trở lại.

Phùng Cung, về công tác ở Hội Văn nghệ Việt Nam từ trong kháng chiến chống Pháp, có truyện in trên báo từ 1955-1956, trải qua trăm ngàn trăm luân vất vả, vẫn không bỏ làm thơ, tới 1995 thì gom lại được thành một tập 200 bài, in ra đặt tên là Xem đêm.

Đào Phương, từng được biết tới với Thỏ lên Điện Biên, nghỉ viết cũng mấy chục năm, nay lại gắng gỏi làm một tập hồi ký và dịch, đặt tên chung là Vào Điện Biên Phủ.

Ngân Giang và Hữu Loan, Trần Dần và Lê Đạt, Hà Minh Tuân và Siêu Hải... kể làm sao hết những cây bút ở ta mà quãng cách giữa tác phẩm nợ với tác phẩm kia là 15-20 năm. Không ít người trong họ, nói cho đúng là bị tai ách nghề nghiệp, khổ vì nghề, điều đứng xiêu liêu vì nghề, hẳn đã có lúc thề cách đến già, không cầm lấy bút làm gì. Nhưng sau một thời gian loay hoay, lại vẫn không bỏ được niềm say mê từ lúc mười tám đôi mươi lại tiếp tục viết.

* Không rõ cái nghiệp chương này có còn đúng với lớp các nhà văn trẻ hôm nay? Một câu hỏi như thế, bây giờ chưa trả lời ngay được. Chỉ biết rằng, nhiều bạn trẻ ngày nay, nhìn việc cầm bút không thiêng liêng như các lớp trước. Đại khái, sau khi cho in một vài tập truyện và được trong giới khen là có hi vọng người ta sẵn sàng tuyên bố là khi cần, sẽ bỏ viết đi buôn – một điều những người đi trước thở mới vào nghề thường không dám nghĩ, có nghĩ cũng không dám nói. Vậy, cái gọi là món nợ nghiệp chương nói ở đây, là một sản phẩm của lịch sử? Có thể lắm! Nhưng không phải vì thế, mà nó không đẹp.

* Trong cơn bức bối vì phải đọc quá nhiều thơ dở, và để phản ứng lại những dương dương tự đắc của đám bảy người một chiều đề cao sự sáng tạo trong thơ, một nhà phê bình đã có một liên tưởng khủng khiếp. Theo ông, “chúng ta văn huyênh hoang là chúng ta yêu thơ nhưng thực sự chúng ta chỉ yêu thơ như Mã Giám Sinh yêu Thuý Kiều mà thôi”. Tôi, tôi không nghĩ thế. Đồng ý là có nhiều thơ dở dang và sẽ được in ra, nó làm khổ con mắt cũng như tấm lòng của người yêu thơ thực sự. Nhưng hãy đặt địa vị vào những người làm thơ. Quả thật, giữa cuộc đời nhiều điều không như ý này, việc được viết ra ý nghĩ của mình là cả một điều an ủi. Nếu cần so sánh, tôi muốn nghĩ rằng thơ với chúng ta nhiều lúc như những đồ chơi trong tay đám trẻ con nhà nghèo. Lấy đâu ra tiền để mua những đồ chơi sang trọng hơn? Thôi thì bằng lòng với mấy mẫu gỗ, mấy đoạn giấy, mấy cái que... này vậy?

Trở lại câu chuyện văn chương và tuổi tác. Tôi không cho rằng cứ ham mê say đắm có sống có chết để viết, rồi sẽ có văn hay, thơ hay.

Không, rất có thể, là một số sáng tác của những người thuộc các trường hợp tôi nêu ở đây, chẳng gây hiệu quả nào đáng kể trong lòng bạn đọc. Song có một sự thực ta phải ghi nhận: họ đã cả đời gắn bó với nó, họ đã say mê và nhất là họ không từ bỏ nổi nó. Với tất cả sự kính trọng phải có khi nói về những người lớn tuổi, tôi vẫn muốn nghĩ rằng một số người trong họ mãi mãi là hình ảnh của đám con nhà nghèo bằng lòng với thứ đồ chơi tội nghiệp tự tạo nên bằng tấm lòng và bàn tay của chính mình. Và như thế, với một cuộc đời, cũng đã là đủ.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

BAO GIỜ CÓ MẶT HÀNG RIÊNG?

Những yêu cầu mà đông đảo bạn đọc đặt ra với một nhà văn được họ yêu mến thường khi phong phú tới mức tham lam và chắc chắn không thể thực hiện được. Đại khái, đó phải là một cây bút viết nhiều viết khoẻ, biết động chạm tới những lĩnh vực khác nhau của đời sống. Cây bút ấy không những phải viết hay mà còn phải dễ hiểu. Quyền sách của ông làm cho người ta say mê từ trang đầu, và sẽ để lại dư vị khá lâu sau khi gấp lại v.v... Đã rõ ràng là những yêu cầu ấy không mấy ai đáp ứng nổi, nên gọi là kẻ ra cho vui. Còn như một cái nhìn phải chẳng đối với người viết văn – đây cũng là những tiêu chuẩn thường được người trong nghề đặt ra để đo tính nhau – thì có phần đơn giản hơn. ở đây, người ta chỉ trông chờ ở mỗi đương sự một cái gì riêng, người khác không thay thế được. Món hàng độc ấy (độc đáo chứ không phải độc hại) có thể hiểu theo nhiều nghĩa. Một đề tài được trở đi trở lại (như kiểu Tô Hoài với các loài vật, hoặc Kim Lân với các trò chơi gà, đánh vật). Một loại nhân vật có đường nét riêng (như cái “tôi” tai ngược, khi mang tên Nguyễn, khi mang tên Bạch, của Nguyễn Tuân). Một giọng văn riêng (như Hoàng Đạo Thuý với lối văn cộc lốc, rơi rớt từ thời Hoàng Tích Chu). Rút gọn đi một bước nữa, một nhà văn sẽ dễ dàng được ghi nhận, nếu có lấy một tác phẩm được nhiều người cùng biết, kiểu như Hoàng Ngọc Phách với *Tổ Tâm*, Lưu Trọng Lư với *Tiếng Thu*, Quang Dũng với *Tây Tiến* v.v... Như vậy, trong cái nghề nóng lạnh thất thường này, công việc của mỗi người đã đành là phải ngồi vào bàn, là viết, là phục vụ. Song tất cả chỉ có ý nghĩa khi nhà văn biết mang lại cho trang sách một ánh sáng khác, và nhuộm cho nó một sắc thái chỉ ở anh ta mới có. Sự tìm ra chính mình, cái việc tưởng như chủ quan ấy, hoá ra lại có ý nghĩa khách quan. Đó không phải là làm điệu, làm dáng, mà chính là việc cần thiết. Không phải ngẫu nhiên, một số nhà văn có lối đặt tên sách theo kiểu nhấn mạnh vai trò bản thân: *Tôi đọc*, *Người đi tìm mặt*, *Tôi vạch mặt tôi*, *Tôi lật con bài của tôi*, *Tôi thú nhận là tôi đã sống* v.v... Tuy vậy, có một sự thực hiển nhiên: ấy là chẳng có một cuốn cảm nang nào dắt dẫn nhà văn đi tới “mặt hàng” in dấu ấn riêng đời mình cả. Con đường để một cây bút tự khẳng định bản sắc, thật muôn màu muôn vẻ. Có người vừa cầm bút, vớ ngay được mảnh đất chưa ai đặt chân, và rồi cứ thế khai thác. Có người sinh sau đẻ muộn, đến với nghề lúc các mặt hàng chính đã có người “thâu” hết cả rồi, bắt buộc phải nghĩ ra những ngón nghề

mới để khẳng định lý do sự có mặt của mình. Túng thì phải tính, hoá ra đắc thế! Đặt bên cạnh một số người ngẫu hứng dễ dàng “tìm ra mình”, có một số khác trải qua chặng đường cơ cực hơn. Sau cái giai đoạn cốt viết ít trang trình làng, được dăm bảy năm vui chơi, lúc nào đó, họ chợt nhận ra mình cũng chỉ tấp nham quạ vật như nhiều người. Đời mình, họ muốn làm lại. Và bởi lẽ cái cây được uốn khi đã lớn nên chi sự thay đổi ở đây vất vả chậm chạp. Một số “nửa đường đứt gánh” Chỉ một ít người sống sót trong sự sây vầy đón đầu. Cái gọi là mặt hàng riêng, sự thuần nhất riêng của một ngòi bút thường khi đến với người ta trở trêu như thế. Cho nên, nó là chuyện cần được thông cảm hơn nữa, cần được khuyến khích. Mỗi cá nhân đơn độc, lúc này hơn lúc nào hết, cần được sự hỗ trợ của đồng nghiệp và bè bạn. Hồi mối quan hệ văn học Liên Xô (cũ) và Việt Nam đang được triển khai rộng rãi, thỉnh thoảng tôi cũng có dịp được gặp một số đồng nghiệp là các nhà nghiên cứu đến từ Moskva, Leningrad... Sau vài lời giao đãi chung chung đâu có tới mấy lần tôi nhận được câu hỏi đầy thiện ý: – Thế đề tài chủ yếu của đồng chí là gì? Có vấn đề nào hoặc tác giả nào được đồng chí thường xuyên quan tâm? Xin cho biết, trong tất cả những cái đã cho in, công trình nào của đồng chí được coi như công trình chủ yếu? Khỏi phải nói, trước những câu hỏi kiểu ấy tôi đã đỏ rừ mặt, không biết trả lời thế nào. Mạng tiếng là mấy chục năm liên tục theo đuổi nghề lý luận phê bình, song tôi thường lan man hết chuyện này tới chuyện kia, cái gì cũng hăm hờ cụng đầu vào, rồi ít lâu sau, lại bỏ lửng, chạy sang cái khác. Một điều khiến tôi tự an ủi: Chung quanh nào có khác chi mình? Nhìn trước nhìn sau, số nhà văn thâm canh vào một đề tài đã ít, số người dám theo đuổi những tìm tòi riêng để có được những khai phá mới trong cách nhìn đời sống cũng như cách viết, số đó càng ít. ở chỗ riêng tư, cũng có nghe nói về một vài người định tính cho đời mình một cái gì đó gọi là độc đáo. Nhưng được ít lâu, họ nản. Việc thì khó quá. Lại không có không khí chung, có chuyện ngắc ngứ muốn mang bàn bạc cũng không biết nên nói ở đâu. Thời buổi ồn ào thế này, ai đóng cửa ngòi “luyện đàn” như ngày xưa? Thôi thì viết ừ cho xong, còn ra góp mặt với mọi người. Sáng tác đã vậy, phê bình càng vậy, giá có hoa thơm bướm lượn với lại chuồn chuồn đập nước, thì cũng không có gì lạ. Nói cho đúng ra, trong nghề của tôi, không phải không có những chuẩn mực, ở đây là những người cả đời theo đuổi một sự nghiệp. Giữa vô số xuất bản phẩm xô bồ, xoàng xĩnh, vài năm gần đây, riêng tôi thú nhất mấy cuốn sách nghiên cứu: Tư tưởng phương đông gọi những điểm nhìn tham chiếu, Góp

phần nghiên cứu văn hoá và tộc người, Người Mường ở Hoà Bình, Nho giáo và văn học Việt Nam trung cận đại, Đến hiện đại từ truyền thống. Tác giả của mấy cuốn sách đáng quý ấy là những học giả vừa quá cố:

Cao Xuân Huy (1900-1983), Nguyễn Từ Chi (1925-1995) và Trần Đình Hượu (1928-1995).

Nét thần thái trong cách làm việc của các học giả ấy là mỗi người có một đề tài để suốt đời theo đuổi. Họ “sống chung” với nó, từ lúc còn trẻ. Và suốt đời họ chỉ có nó, làm cái gì cũng nghĩ tới nó, tìm tòi học hỏi được điều gì cũng quy về mối liên hệ với đề tài sẵn có ở mình. Một điều lạ nữa là sinh thời, các học giả này gần như sống trong im lặng. Tìm đến các ô phích thư viện có liên quan đến tên tuổi họ, người ta chỉ nhận thấy một vài tài liệu mỏng (mấy quyển sách nói trên, đều chỉ in ra, sau khi tác giả qua đời). Cái việc họ sống kỹ lưỡng, sống thành thực với đề tài hình như tìm thấy ở cách tồn tại im lặng này một khu đệm có ý nghĩa bảo vệ. Những tấm gương ấy, ít nhiều không phải chúng tôi không biết. Có điều, để biện hộ cho sự lười biếng của mình, tôi lại lý sự: cả một thế hệ có khi chỉ đề ra được vài người như thế. Nhìn kỹ mà xem, các cây bút bậc thầy ấy có chút gì đó quá cao siêu thánh thiện, vốn liếng văn hoá Đông Tây thâm hậu, mà cốt cách kẻ sĩ an bản lạc đạo, lại được trui rèn từ lúc còn nhỏ. Họ là những người ta nghĩ tới để sợ, chứ không phải nghĩ tới để noi gương! Đám chúng sinh “hơn nửa đời hư”, từng lê lét trong tình trạng nghề ngỗng dở dang, vừa ham chơi vừa ham danh lợi như phần lớn chúng tôi, làm sao theo nổi? Rồi cứ thế lần lữa qua ngày, tham bát bỏ mâm, sống bằng những quả pháo chuột lệt đệt mà không bao giờ có nổi một quả pháo đùng của... cả một đời cầm bút. Những người có dịp sống ở Hà Nội liên tục dăm chục năm nay thường gặp nhau ở một nhận xét: khẩu vị của dân kinh kỳ cũng đang trở nên pha tạp. Người xưa thưởng thức quả bánh trong sự tinh khiết riêng của từng món. Cái bát phở bò của người ta mà anh chan bằng cái môi có đá tí vị gà là người ta bắt đền ngay. Đẳng nào phải ra đẳng ấy. Lại càng không bao giờ có chuyện một cửa hàng bày ra vừa phở, vừa cháo, đôi khi lại ghé cả bún ốc nữa! Mùi vị bốc lên, thấy đã hỗn tạp, làm khổ cho cái mũi rồi, còn nói chi ăn vào làm chán cái miệng. Và những hàng quán bán tạp nham như thế, người ta bảo nhau chắc như đinh đóng cột rằng không có món nào ngon lành thật hạt cho được. Nhắc tới chuyện này, có thể mấy cây bút

“tiện gì viết nấy” tỏ ý thích thú bởi có thêm một lý do để đá gà sang những khu vực vốn không phải đất của mình. Nhưng lại có người tỏ ý lo ngại, bởi cảm thấy tình trạng nghiệp dư trong văn chương xem ra sâu cây bén rễ từ nhiều chuyện lắm, rồi đây chưa biết gỡ ra làm sao. Vâng, gì thì gì, chứ cái sự phân công lao động ngày một tinh vi, sự tiến tới chuyên nhất, là xu thế mà mọi xã hội sẽ hướng tới, chắc chúng ta cũng sẽ không nằm ngoài quy luật chung ấy.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

NHỚ LẠI MỘT CUỘC PHIÊU LƯU CÓ HẬU

Từ trong bản chất của nó, sự sáng tạo trong nghề văn là đối nghịch với mọi trạng thái ngưng đọng, trì trệ. Ai đó từng nói nhà văn là kẻ đời đời khởi nghiệp, và chúng ta phải hiểu câu nói đó với cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng có thể có của nó. Sau khi có một vài tác phẩm trình làng, các cây bút gọi là có triển vọng thường được đưa về công tác ở các cơ sở xuất bản, báo chí. Đứng ngoài mà nhìn, dễ tưởng rằng từ ấy, được sống trong lòng của giới văn chương, người kia đã có thể yên chí làm nghề.

Nhưng ở đây ít ai dám nghĩ thế. Một ngòi bút tự trọng nghĩa là một ngòi bút luôn luôn đặt ra yêu cầu cao với mình. Một mặt, anh ta cố gắng trở nên chuyên nghiệp, tức là viết sao chất lượng đều đều, trang viết “sạch nước cần”, bài ngắn báo chí có thể sử dụng, tác phẩm dài hơi được giới xuất bản cho in. Mặt khác, anh ta lại phải phấn đấu làm sao để không tự lặp lại mình, hơn thế nữa để ngày càng tìm tới một cái gì đích thực là mình. Sự cân bằng giữa ổn định và thay đổi có liên quan đến câu chuyện gọi là phong cách.

Khi đã viết nhiều, thì mỗi ngòi bút đều có đường ray riêng, kiểu suy nghĩ và khai phá vấn đề, kiểu kết thúc câu chuyện... mà riêng người đó mới có. Nhưng một phong cách, theo đúng nghĩa của nó, vẫn phải bao hàm một khả năng đi tới cùng trên con đường đã lựa chọn để mở ra cái triển vọng không ai ngờ trước. Đọc một nhà văn có bản lĩnh người ta vừa thấy quen thuộc vừa từng bước ngạc nhiên: Anh ta đã tìm ra cách để “tự bùng nổ”, “tự giải phóng” theo cái hướng chính anh ta cũng không hay biết!

* Đã đặt đời mình vào việc viết văn, lẽ tự nhiên chẳng ai muốn trở thành một ngòi bút đơn điệu, nghèo nàn. Và giữa những người cùng làm nghề, lời chê “thợ viết”, “công chức” có lẽ là một trong những lời chê nặng, có thể dẫn tới thù oán nhau đến mãi kiếp. Ấy thế nhưng không phải cái gì người ta không muốn là đã dễ dàng tránh ngay được. Trong cái gọi là giới cầm bút, vốn cũng đa dạng như cuộc đời này bên cạnh nhà văn bản khoán, nhà văn như kẻ đi đường không bao giờ ngừng, cùng là nhà văn vật vờ, nhà văn lạc đường vào nghề, nhà văn xích lô “tây cũng chở mà lợn cũng chở”... còn luôn luôn tồn tại một

ít người mà tuy không tiện nói ra, nhưng chung quanh đều cảm thấy rất gần với ý niệm về một thứ gì đều đều, mòn mỏi... Hoặc là trời sinh ra anh ta đã có cái tạng như vậy. Hoặc là sau những năm tháng cực cực không đi tới đâu, anh ta trở nên đầu hàng, buông trôi. Lại không loại trừ cả những trường hợp “miệng khôn tròn đại”, ngoài miệng luôn luôn chân thành phát biểu rằng phải tìm tòi, mà trong thực tế, cứ đầu đóng đây, tác phẩm càng tổng ra ùn ùn, thì mọi đứa con càng giống nhau như lột. Vâng, quả thực nỗi đau này không của riêng ai, và trong nhiều trường hợp, người ta phải ghi nhận tình trạng lực bất tòng tâm, thiện chí có thừa song không sao thực hiện được. Đặt trong hoàn cảnh ấy, người ta càng nhớ tới một số tác giả vượt lên trên sự quen tay, quen việc, tạo ra những bước đột biến cho cuộc đời mình. Và nếu như điểm xuất phát của người đó càng thấp, độ trì trệ trước đó càng cao, thì cái sự cất cánh càng đáng khâm phục.

* Giữa những người viết một vài chục năm gần đây, ví dụ thích hợp nhất cho sự đột biến này có lẽ là Duy Khán (1934-1993). Từ khoảng những năm 80 về trước trong đầu óc của một số đồng nghiệp như bọn tôi, Duy Khán là một nhà thơ thuộc loại hơi... yếu. Nghĩa là cũng thường có thơ đăng báo, thơ in sách đây, nhưng chưa trở thành một giọng điệu riêng. Chẳng những thế, đôi khi thơ anh lại có vẻ ồn ào, phô, dễ dãi, toàn những bệnh tôi kỵ với cái nghề thơ mà anh theo đuổi. Ấy thế mà dùng một cái, tập văn xuôi Tuổi thơ im lặng xuất hiện (1986). Đang từ một người làm thơ, Duy Khán chuyển sang văn xuôi. Đang từ một người dễ dãi chạy theo các đề tài thời sự, Duy Khán trở lại với cái phần ký ức tuổi thơ nằm sâu và đã trở nên bền chặt trong tâm trí. Anh viết về những người thân trong gia đình. Anh viết về đình làng, về những năm mộ bên đường, về con mèo, con vện trong nhà. Từ các trang viết, người đọc nghe ra một giọng nói xót xa mà lại đầm ấm. Ngòi bút ấy đang viết cho chính mình. Người ta cảm thấy một phương hướng đúng đã được gợi mở và thành tâm chờ đón lời tâm tình của tác giả. Các nhà văn đọc miệng thường nói đùa: Có những cuộc đời dang dở, viết lách chưa được gì, đến mức có nhắm mắt cũng không yên. Ngược lại, có những tác phẩm viết xong rồi thì người viết có thể xoa tay tựa như là làm xong nghĩa vụ với đời. Tuổi thơ im lặng của Duy Khán là thuộc cái dạng tâm huyết như thế.

* Cũng như mọi người làm các nghề khác trên đời, những người viết văn có nhu cầu hoàn thành công việc theo cái nhịp độ đều đều hàng

ngày. Bởi kèm theo đó, là nhu cầu kiếm sống, nuôi dưỡng bản thân và gia đình. Buộc một nhà văn lúc nào cũng mạo hiểm thử sức trong những công việc không phù hợp với họ, là một cái gì bất cận nhân tình, và hơn nữa, một ảo tưởng.

Lịch sử văn học không hề ghi chép, song thực tế là trong đời sống văn học không thiếu những kẻ bóc đồng, toan tính những việc đầu đầu, rút cục dở giảng, dở đèn, và trở thành lỗ bịch. Không những chính họ thân tàn ma dại, mà cả bạn bè gần gũi họ cũng bị làm phiền, và những người thân trong gia đình thì bị kéo theo vào vòng khổ ải. Có một câu rất thực mà những người trong nghề hay nói với nhau: “Tự lượng sức mình là điều quan trọng nhất đối với người viết”.

Đó là những gì đám người từng trải rút ruột truyền lại cho đám hậu sinh “ngựa non háu đá”. Nhưng oái oăm thay, cái nghề đang nói ở đây là một nghề lạ. Nó không để cho người ta sống trong bình lặng. Thường xuyên nó đòi hỏi người ta tạo ra những sản phẩm mới theo mẫu mã mới, những sản phẩm đơn nhất không có một bản sao tương tự trên đời. Cái thế cân bằng ở đây là cân bằng động. Vậy thì trong khi vẫn làm ăn đều đều, nghề nghiệp lại đòi hỏi mỗi người viết phải có con mắt tách ra, đứng ngoài mà nhìn, để nghĩ rằng tất cả có thể làm khác so với thói quen mình vẫn làm, cả cuộc đời mình có thể khác đi, so với cái mẫu hình mà mình vẫn theo đuổi. Rồi từ ý nghĩa phải chuyển sang hành động. Thành công chưa thấy đâu, còn thất bại lúc nào cũng rình rập? Không sao, cái chính là những thèm muốn tự đổi khác đã trở nên không thể che giấu, nó làm cho mọi nỗi e sợ tiêu tan và mang lại cho sự liêu lĩnh một vẻ đẹp.

Thơ Xuân Diệu:

Thà một phút huy hoàng rồi chợt tối – Còn hơn buồn le lói suốt trăm năm.

Và thời soạn tập *Từ ấy*, Tố Hữu cũng đã viết: Sống tung sóng gió thanh cao mới – sống mạnh dù trong một phút giây. Những câu thơ ấy đều giả thiết một kết quả cực đoan, đều muốn truyền sang người ta cái khoái cảm được ăn cả ngã về không, nó là cái điều một số người nghĩ tới đã ngần ngại, nhưng lại có thể mở đường cho việc tự giải phóng sức sáng tạo chân chính.

* Sẽ là quá đáng nếu bảo rằng Duy Khán là một nhà văn lớn và Tuổi thơ im lặng là cuốn sách làm điên đảo người đọc. Không, mọi chuyện ở đây đơn giản hơn nhiều. Trong khi kể lại những kỷ niệm mà tác giả đã sống trong thời thơ ấu, tập truyện nhỏ của Duy Khán có cái vẻ của một chùm quả mà hầu như bất cứ ai cũng với tới được, song lại bỏ qua. Cũng như điều đáng nói chính ở Duy Khán, là anh đã viết nó ở tuổi 50, và sự thực là đã bỏ cả “nàng thơ”, chuyển sang văn xuôi, xoay lại cả đời viết của mình để làm một cuộc thăng hoa nho nhỏ mà chính anh cũng không ngờ tới. Bởi chỗ xuất phát của tác giả Tuổi thơ im lặng gần gũi với phần lớn những người cầm bút hôm nay, và cái đích mà tác giả đạt tới cũng nhũn nhặn khiêm tốn như một thành quả lao động chân chính, nên trường hợp Duy Khán nói ở đây cũng giống như một lời kêu gọi: Hãy thử tìm tới những cách nghĩ khác để rồi thử làm khác những gì bấy lâu vẫn quen làm. Hãy xem lại đâu là chỗ mạnh của mình, và nếu như những gì riêng tư nhất, gần bó với ta sâu sắc nhất, còn chưa được khai thác, thì hãy mạnh dạn đầu tư sức lực và suy nghĩ vào đấy. Dù rằng không phải bao giờ cũng có hậu, song một cuộc phiêu lưu tìm lại chính mình thường khi có thể mang lại cái vị say người cho những cuộc đời cầm bút tẻ nhạt.

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

MỘT CÁCH “TIẾP ĐẤT” NHE NHÀNG

Với một khối lượng chữ nghĩa khiêm tốn – in ra chưa đầy 100 trang khổ sách 13×19, tiểu thuyết *Tổ Tâm* xuất hiện như một cuốn sách lạ trong đời sống văn chương những năm đầu thế kỷ. Nhưng có điều lạ hơn, là sau khi ra đời, cuốn sách ấy được in đi in lại nhiều lần và sự thực là chỉ riêng nó thôi, đã đủ sức đưa Hoàng Ngọc Phách (1896-1973) vào lịch sử văn học.

Trong quá trình tìm hiểu trở lại đời sống văn chương đầu thế kỷ, tôi thường nhớ lại trường hợp *Tổ Tâm* của Hoàng Ngọc Phách để hiểu ra một cách tồn tại khá sang trọng trong văn học. ở đây, có mấy điểm, nó là chỗ khác so với cách làm văn chương của chúng ta hôm nay. Trong khi Hoàng Ngọc Phách viết xong sách từ 1922 mà để mãi, tính mãi, rồi qua 1925 mới cho in thì nhiều người viết hôm nay có thói quen mãi một viết lấy được, mới đặt cái tên đã lo xin giấy phép, và viết xong một lần, đọc lại quảng quảng lại gửi gấp cho in. Tuy nhiên, đây vẫn chỉ là chuyện nhỏ. Điều đáng để ý hơn: Giá kể như ngày hôm nay, sau một “chiến tích lấy lòng” như *Tổ Tâm*, nhà văn liền “thừa thắng xông lên”, sinh năm đề bảy, thì từ 1925 Hoàng Ngọc Phách ngưng ngay lại.

Trong khi vẫn làm cái nghề chính là dạy học, ông tiếp tục viết lách, nhưng ngả hẳn sang việc khảo chứng văn chương cổ, chữ tịch không có thêm một cuốn tiểu thuyết nào nữa. Sự khác nhau thật đã rõ rệt. Tạm thời có thể hình dung: trong khi một số nhà văn hiện nay tồn tại như một bóng cây trông xa lúc liu những quả là quả, nhưng đến gần nhìn kỹ sẽ là rất nhiều quả lép quả hỏng, thì ở Hoàng Ngọc Phách cây có một cành, cành có một quả, song đây là thứ quả chín mẩy, vỏ căng, sắc vàng đượm và đi qua, nghe được cả mùi thơm để chịu riêng thứ quả chín mới có.

* Nếu như bất kỳ ở đâu, sự nóng vội đều đã dẫn tới hỏng việc, thì trong sáng tạo văn chương, nó càng vô duyên một cách thảm hại. Khi truyền nghề lại cho người mới nhập cuộc, các nhà văn lớp trước thường không quên lưu ý là ở đây số lượng phải để ra một bên, so với chất lượng. Trong điều kiện của thời bao cấp, nhiều người chúng ta đã miệt mài làm việc, trong bụng thành thật nghĩ rằng một đời người để

lại được dăm ba bài thơ, vài truyện ngắn, ít trang phê bình sắc sảo, cũng đã là danh giá lắm. Thế nhưng mười năm gần đây, lối sống của kinh tế thị trường xâm nhập vào cả xã hội. So với cái từ tốn chậm chạp hôm qua, việc in ấn xuất bản hôm nay trở nên khởi sắc như chưa bao giờ có. Với một số người, hình như nay là lúc có thể “ăn già bữa”. Gấp gáp năng động được hiểu một cách đơn giản, tức là đồng nghĩa với nóng vội. Ta quên rằng mình chưa được chuẩn bị những điều kiện cần thiết, chưa đủ nội lực để thích ứng. Mãi viết, mãi in, ta có ngờ đâu mình đang chạy theo số lượng, tức là rơi vào một cuộc đua bắt tuyệt vọng. Trong khi ấy, thật ra cái chính của kinh tế thị trường là tiền nào của ấy, là mọi người phải có mặt hàng riêng cùng những phương cách tốt nhất trong việc khai thác bản thân mình. Nói cách khác, những vấn đề của nghề nghiệp phải được đặt lên bàn cân, với tất cả tính chất khắc nghiệt của nó. Nhưng đây, đôi khi lại là điều, với những sốt sắng thường xuyên, ta ngại động chạm tới nhất. Người ta đã nói khá nhiều về sự cần thiết của dư luận xung quanh một quyển sách mới, nó là cái phương thức hữu hiệu, tác động trở lại nhà văn, giúp anh ta điều chỉnh lại mình và quyển sau viết ra sẽ khác hơn quyển trước. Nhưng còn một điều quan trọng hơn, mỗi người viết muốn nghe ở bạn bè, ở người đọc, ấy là những vấn đề có liên quan tới cả đời văn của anh ta.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online
 “Mình sẽ sử dụng tài năng như thế nào đây?”

“Nên làm cái gì và nên bỏ cái gì?”.

“Đầu tư công sức vào đâu là chính đáng?”.

Và để chủ động sáng tạo nên số phận văn chương, cả những câu hỏi: “Ta sẽ hạ cánh ra sao?” cũng nên được đặt ra khi chưa quá muộn. Sở dĩ nhiều nhà văn trước kia có chỗ đứng riêng của họ trong văn học sử – như trường hợp tác giả Tố Tâm ở trên vừa nói – một phần là vì họ biết cách trả lời riêng cho những câu hỏi lớn đó, dù không phải bao giờ họ cũng có ý thức đầy đủ.

* Năm 1943, nhân cuộc phỏng vấn của nhà phê bình Lê Thanh, Hoàng Ngọc Phách tâm sự “Tiểu thuyết Tố Tâm tôi viết trong trường Cao đẳng. Hồi đó, tôi có mục đích viết một quyển tiểu thuyết khác hẳn những tiểu thuyết đã có cả về hình thức và tinh thần. Về hình thức chúng tôi xếp đặt theo những tiểu thuyết mới của Pháp, lối kể chuyện,

tả cảnh, theo văn chương Pháp cả. Về tinh thần, chúng tôi đem vào những tư tưởng mới, tâm lý nhân vật được phân tách theo phương pháp của những nhà tâm lý tiểu thuyết có tiếng đương thời”. Đã rõ là Hoàng Ngọc Phách muốn làm một cuộc cách mạng trong văn chương, để tạo ra một bước ngoặt. Và ông cũng thừa biết rằng mình được tiếp nhận như thế nào. Đằng sau câu nói nhũn nhặn “có lẽ nó (tức cuốn *Tổ Tâm* – VTN) ra đời vào lúc người mình đang chờ một tiểu thuyết như thế” là một khẳng định kín đáo: tác phẩm của ông đã vượt ra khỏi phạm vi cá nhân để trở thành một hiện tượng có tầm vóc xã hội. Ấy vậy mà khi nghe Lê Thanh hỏi tại sao, sau *Tổ Tâm*, ông không viết nữa, Hoàng Ngọc Phách đã thực thà thú nhận: “ở trường ra, đi làm ít thì giờ quá” “Vả chẳng sức yếu, làm việc thường đã thấy mệt, nên cũng nản” (tất cả những đoạn vừa dẫn đều được Lê Thanh ghi lại trong *Cuộc phỏng vấn các nhà văn* – 1943). Dưới con mắt của con người bây giờ thì ở chỗ này, Hoàng Ngọc Phách tỏ ra hơi bệt. Như là ông có phần cầu an, khiếp nhược (!). Ông không đủ nghị lực để vượt lên khỏi mọi khó khăn hàng ngày. Mà ông cũng không đủ ý chí để khai thác cái ưu thế sẵn có (!). Chỉ có điều thú vị là chính cái sự không may ấy của Song An lại khiến cho hình ảnh của ông hiện ra trong tâm trí các thế hệ sau với những nét gầy gò, không loè nhoè, lại càng không phải trừ bì bớt xén.

* Nói theo ngôn ngữ thể thao, so với các nhà văn bây giờ, lúc xuất phát, Hoàng Ngọc Phách tự đặt cho mình một mục đích lớn hơn, ông đi xa hơn, mà lúc tiếp đất (tức trong việc chia tay với nghề văn) ông cũng tỏ ra dứt khoát và gọn ghẽ hơn. Ở nhiều nước trên thế giới thỉnh thoảng lại thấy báo chí trình trọng đưa tin rằng một số nghệ sĩ biểu diễn hay một ngôi sao thể thao nào đó vừa tuyên bố giã từ cái nghề làm họ nổi tiếng. Chẳng phải là họ bị ai sa thải hay hất ra đường. Đây là việc họ tự nguyện. Ngay sau khi lên đến đỉnh cao của tài năng, họ cảm thấy nên dừng lại. Bởi họ không muốn hình ảnh của mình trở nên tầm thường thâm hại, ngay trước mắt công chúng. Việc Hoàng Ngọc Phách sớm từ giã nghề viết tiểu thuyết tuy lý do hơi khác, song hiệu quả cuối cùng thì cũng có gì na ná như thế.

* Trong một thiên truyện mang tên *Ngôi nhà có căn gác nhỏ*, văn hào Nga Tchekhov từng mượn lời nhân vật để ghi nhận cái cảm giác đáng buồn sau đây: “Một cánh đồng cỏ cháy khô chạy dài, đơn điệu và hoang vu như sa mạc, chắc cũng không làm người ta thấy tẻ nhạt,

chán chường, như một người ngồi đó, nói năng uể oải và không biết bao giờ mới chịu bỏ đi”. Một ý nghĩ như vậy, dưới con mắt một số người, có thể bị xem như độc ác, khinh bạc. Con người bao giờ cũng đáng quý. Sao lại nỡ bảo là sự có mặt của con người, tiếng nói của họ, gọi ra cảm giác tẻ nhạt, chán chường kinh khủng? Nhưng nay là thời mà mọi tiếng nói đã có dịp cất lên, mọi hoạt động được bộc lộ, đến mức người ta trở nên khao khát sự tĩnh lặng, sự thanh sạch hơn bao giờ hết. Các nhà sinh học hiện đại đã thử nghiên cứu về tiếng ồn để rồi kết luận rằng tiếng ồn là có hại cho sự sống, bao gồm từ sự nảy nở của một hạt thóc, tới sự trưởng thành của một con thú nhỏ. Trong hoàn cảnh ấy mà xét, một câu nói như của Tchekhov vừa dẫn là một ý nghĩ thành thật, có tính tới những tế nhị trong sự giao tiếp giữa người với người, do đó có thể bảo là một ý nghĩ nhân hậu. Bởi lẽ, văn chương cũng là một cách người ta trò chuyện với nhau nên ở đây, nương tựa vào Tchekhov, chúng tôi mới nhắc lại trường hợp của Hoàng Ngọc Phách, nhất là cách “tiếp đất” nhẹ nhàng của ông. Làm được như ông ư? Với người đã có một Tố Tâm của mình cũng khó mà với người chưa có một Tố Tâm của mình lại càng là chuyện khó. Nhưng giữa cuộc đời mải miết hiện nay, có lẽ nên thỉnh thoảng nghĩ đến ông, ít ra là để biết rằng bên cạnh cách sống, cách làm việc của chúng ta, trong văn chương còn có thể có những cách tồn tại khác hẳn.

LÀNG VĂN CÓ GÌ VUI?

(Thử phân tích một phương diện đời sống văn học những năm 1987-1990) Nghe tin rằng ở Liên Xô cũ, các tạp chí cho in ra hàng loạt những Chức vụ muối, áo trắng, Bò rừng, Những đứa con của phố Arbat, Quyền tướng nhớ v.v... và v.v... , có nhiều bạn đọc đã có ý hỏi các nhà văn ở ta, liệu tới đây, có thể có những tác phẩm tương tự (Chỉ loại đó thôi chứ chưa phải những tác phẩm lớn hơn, những kiệt tác) ?

Không rõ khi gặp những câu hỏi loại đó, các anh các chị khác trả lời thế nào, phần tôi, một lần tôi đã buột miệng: “Không, không thể có được!”. Trả lời xong, cũng thấy buồn. Biết đâu, thời gian tới, một vài nhà văn nào đó sẽ đưa ra những quyển sách từng được nghiền ngẫm kỹ, vừa mới mẻ về tư tưởng, vừa chín về nghệ thuật, sách đã viết ra từ mấy năm trước, và bây giờ mới đưa tới nhà xuất bản. Khi ấy, sự phỏng đoán của mình là sai, mình bị cười giễu mà vẫn vui. Song theo tôi hiểu, ở ta, những dấu hiệu cho thấy sắp tới có hàng loạt tác phẩm loại đó, còn chưa xuất hiện.

Lý do: cái nền chung của chúng ta còn quá yếu; sự lạc hậu của sáng tác văn học, với ý nghĩa một ngành sản xuất tinh thần, thấy khá rõ, đã đến lúc chúng ta nên thẳng thắn với nhau về chuyện này. Trước khi nói sự thật về toàn xã hội, những người cầm bút phải sống phẳng với nhau về chính thực trạng ngành mình cái đã.

* Làng giáo có gì vui? là tên một bài phóng sự khá sắc sảo về giáo giới ở ta. Ngay sau khi đọc bài báo đó (của Hoàng Minh Tường, báo Văn Nghệ số 42- 1987), trong tôi chột nẩy ra cái ý giá có ai thử làm một phóng sự tương tự “Làng văn có gì vui?”, chắc cũng phác họa ra một bức tranh vừa ngộ, vừa bi đát không kém. Nào điều kiện sống chật vật, trong căn phòng gia đình, nhiều người viết còn thiếu ngay cả cái bàn của mình. Nào chuyện nhuận bút thấp một cách thảm hại. Nào là không khí nghề nghiệp nhạt nhẽo, cái hay cái dở lẫn lộn, và nhiều khi, người viết cảm thấy công việc của mình chả có chút nghĩa lý gì cả. Biết rằng viết văn không thể giàu có, nhiều người vẫn tự an ủi: viết để thỏa cái lòng yêu cuộc sống, cái “chính nghĩa cảm” của mình. Khi mà cả cái yêu cầu tưởng như bé nhỏ đó, cũng rất khó thực hiện được, người ta có “ngã lòng”, thì cũng không ai có thể mở miệng để trách ai

được. Sự ngã lòng đó đã đến, đang đến, mỗi ngày một ít, ở mỗi người một dạng, tình tê lã lùng, nhưng không ai che giấu nổi. Có người thuộc loại nổi tiếng mà đến hàng chục năm nay không viết gì. Có người sau những quyển đầu tiên viết “ra viết”, có tên, có nghề, giờ bỏ, xoay ra lo chuyện kiếm sống. Chẳng hạn đi nói chuyện (nói chuyện cũng cần thôi, nhưng nếu lấy việc đó làm chính, bỏ sáng tác, tức là chuyên nghề rồi) hoặc chẳng hạn, nhận “thần” viết sử, viết dư địa chí, hoặc nhiều loại “đơn đặt hàng” khác. Một động tác thường thấy: viết ký cho đài, cho các số báo đặc biệt, sau các chuyến đi. Trong các bài ký đó, cố ý nhắc tên một vài đơn vị sản xuất, tổ hợp nọ, xí nghiệp kia. Nhuận bút bài viết chẳng bao nhiêu nhưng cơ sở được nhắc sẽ nhượng lại với giá rẻ hoặc biểu không nhà văn vài tạ xi măng, mấy chục mét vải, về bán đi nuôi con. Thành thử đôi khi vẫn có bài in ra, thậm chí có sách ra mà tự mình xấu hổ, chẳng muốn tặng ai. Nhưng, “giao kèo với quỷ sứ” đã ký mất rồi, những chuyến đi đó tiếp tục. Nhân danh “lăn lộn với thực tế” người ta lảng tránh hết chỗ này đến chỗ khác, còn sự học hành tu luyện, suy nghĩ thêm, đọc sách thêm, lo cho một câu, lo cho một chữ, thì ngày càng ngần ngại. Và cái ước mơ viết những tác phẩm để đời, những ước mơ từng ôm ấp khi mới vào nghề, ngày càng thấy xa dần, xa mãi.

* Bây giờ thì không ai bảo ai, nhiều người viết chúng ta đều thấm thía rằng văn nghệ ta còn nghèo, sáng tác của chúng ta vừa thấp về trình độ tư tưởng, vừa yếu, kém, cổ lỗ về trình độ nghệ thuật. Thế nhưng nhìn kỹ thì mười năm nay lại thấy có một tình trạng ngược lại, là phồn vinh giả tạo. Do nhu cầu tuyên truyền, sách ra không phải ít. Vậy mà các nhà xuất bản vẫn thường xuyên ở tình trạng đói bản thảo (bản thảo tạm in được, chứ không phải bản thảo kém, cổ nhiên), và phải cố in cho đủ kế hoạch đề tài. Bởi vậy số người viết văn xuôi có bốn năm quyển sách mà không phải hội viên Hội nhà văn rất nhiều. Số người làm thơ có trên trăm bài thơ đăng báo và chỉ cần nhà xuất bản hô một tiếng là “dọn dẹp” thành một vài tập thơ “sạch sẽ”, số đó càng nhiều. Chất lượng những tác phẩm loại này thế nào, chắc chúng ta đều biết: phần lớn, đó là thứ hàng tầm tầm, hoặc đôi khi gọi người ta nghĩ tới một thứ quả xanh, giá để nửa cũng có thể chín, nhưng chót hái xuống rồi, không bao giờ chín được nữa. Đây không phải căn bệnh dành riêng cho các cây bút không chuyên nghiệp. Những người “thành danh” rồi, vẫn nhiều phen làm hàng kiểu ấy. Danh hiệu nhà văn chỉ giúp cho sản phẩm của người ấy trông khéo hơn một chút (thơ uốn éo

nặng nề hơn; văn xuôi, kịch ra miêng ra nghề hơn), nhưng rút cục, vẫn là thấp hơn nhiều so với nhà văn có thể làm được, lại càng thấp hơn, so với đòi hỏi của bạn đọc hiện nay. ấy là không kể thứ hàng giả, hàng rơm, lấy cốt truyện của nước ngoài xào xáo lại, cóp nhặt văn phong, cách viết của người khác. Lỗi làm “hàng chợ”, lỗi biến văn học thành một sản phẩm thương mại trước đây tưởng chỉ có ở xã hội tư bản, nay đã lây lan đến nhiều người và có những “ca” không phải là không trầm trọng. Thử nhìn vào trình độ nghề nghiệp của người viết trong các sáng tác, chúng ta sẽ thấy: giống như những gian phòng chúng ta ở hiện nay, vừa chật chội, lại vừa luộm thuộm, nhiều cuốn sách đã in ra tùy tiện trong dẫn dắt, xộc xệch về bố cục, nhân vật phát triển chẳng đâu vào đâu, đặc biệt rất nhiều chi tiết sai. Trong giới thỉnh thoảng vẫn xì xào: ông nọ tả người Mán mà hoá ra chi tiết ở người Mường, ông kia kể chuyện đời Lê ra chuyện đời Nguyễn. Giới khoa học đọc văn, kêu lên “Sao chỗ này các bố liệu thế, bịa ghê thế!”, nhưng rồi những bịa đặt ấy qua đi, lại đến những bịa đặt khác, bởi có bắt được quả tang chẳng nữa, cũng chả chết ai kia mà. Hình như chả ai có lỗi cả. Và ai tài lẩn, tài đánh bài lờ, mặt cứ tỉnh bơ trước những phê bình “lặt vặt” kiểu ấy, người đó sẽ thắng. Nói riêng về chuyện văn chương chữ nghĩa. Nếu không sợ mang tiếng là hàm hồ cay nghiệt, tôi muốn nói đã lâu lắm, chúng ta không có được những ngòi bút có văn hay, những giọng văn thật độc đáo. Ngược lại giờ đây, giờ nhiều trang sách dễ có cảm tưởng như nhìn vào mẹt gạo mới đóng, trấu sạn còn đầy, và điều đáng tiếc là cò đại ăn lẩn cả vào mảnh đất chuyên canh của những ngòi bút một thời được coi là kỹ tính. Hình như bây giờ lúc nào chúng ta cũng phải viết trong tình trạng “ngồi không yên ổn, đứng không vững vàng”, và không sao tìm thấy sự bình tâm cần thiết! Người này dùng chữ cẩu thả, người kia câu cú vụn vặt lung tung, mẹo luật tối thiểu cũng vi phạm. Người khác nữa, khi dịch cứ bê nguyên cú pháp nước ngoài vào văn nước mình, đến một dấu phẩy cũng không chịu thay đổi. Quả thật, tiếng Việt đang chịu dày vò mà ở thế kỷ này, nó không đáng phải hứng chịu. Bàn về phê bình văn học, gần đây chúng ta thường nhắc tới một số căn bệnh thâm niên của nó như thô thiển công thức, hoặc cơ hội, nói theo. Nhưng phê bình ở ta còn một điểm nữa rất tệ là nhiều khi chỉ truy nhau quan điểm, chăm chăm xác định đúng sai (theo những tiêu chuẩn tùy tiện, tạm bợ), còn sự phân biệt hay dở nhiều khi chỉ làm chiếu lệ. Không phải tất cả, nhưng lối phê bình càn cọt đó rất thường gặp. Đây lại là một lý do nữa khiến các loại hàng tầm tầm, hàng chợ, thi nhau đua nở. Thế phê bình không chỉ

ra được cái hay cái dở, thì phê bình còn tồn tại làm gì? Thưa, trong nhiều trường hợp, phê bình văn học biến thành thứ “văn” tuyên truyền giúp cho phát hành bán sách, thành một thứ bao bì có cũng được, không cũng được, hoặc một thứ hoạ tiết trang trí cho sản phẩm là cuốn sách. Mà cũng là một thứ chi tiết phụ, rất rẻ mạt: hàng khan, hàng xấu cũng bán được, thì việc gì phải quảng cáo! Trong số những kỷ niệm cay đắng của một người viết phê bình văn học, tôi nhớ những lần người ta rỉ tai tôi: ngành nọ, ngành kia mới ra quyển sách đấy, viết cho nó đi, rồi nó lấy tuyên truyền phí trả thêm cho. Một lần khác, một nhà văn cùng tuổi thương cảnh túng đói, đến mặc cả lơ lửng:

– Này, tỉnh X. đang cần thêm mấy bài cho cuốn tác giả văn học của nó đấy. Cậu viết cho nó một bài. Định đòi mấy trăm nào? (hỏi ấy mấy trăm còn quý).

Tôi còn đang ngắc ngứ, chưa hiểu làm ăn thế nào, thì, như chợt nhớ ra điều gì, anh bạn tắc lưỡi, vút toẹt quyển sách xuống bàn.

– Mà thôi, chả nhờ cậu làm gì. Để tớ bảo mấy thằng giáo viên cấp ba ở huyện nó viết. Bài viết sẽ thành kinh, mà muốn bảo chữa gì cũng dễ.

Phê bình văn học của chúng ta lâu nay còn dở, nên rẻ rúng như thế là có lý – có người sẽ bảo như thế. Nhưng rồi sự rẻ rúng ấy lại làm cho phê bình ngày càng dở hơn, trở nên tùy tiện, vô trách nhiệm hơn. Tích tiểu thành đại, đến nay, đã có thể nói là trong khi đánh giá nhau (thậm chí làm những công việc với ý định để đời, như viết các loại từ điển), chúng ta cũng quá dễ dãi, không có chuẩn mực vững chắc. Khi những thành phẩm xoàng xĩnh, tầm thường, được xúm vào khen là hay là tuyệt, được đưa vào sách trích giảng văn học để dạy trong nhà trường, trở thành đầu đề cho các sinh viên làm luận án tốt nghiệp, thì tự nhiên những tìm tòi chân chính sẽ mất dần đi, và tình trạng ngưng trệ thoái hoá sẽ lây lan, khó lòng ngăn chặn.

* “Tại sao văn học chúng ta chưa có tác phẩm lớn?”

– Mỗi lần soát xét lại tình hình là một lần câu hỏi đó được đặt ra cho cả giới. Câu trả lời gần đây của nhiều người là: tại sự trói buộc, tại cái “hành lang vừa hẹp vừa thấp” (chữ của Nguyễn Minh Châu) nó hạn chế chúng ta, khiến chúng ta thường vừa viết vừa run, không dám là

mình, không viết hết mình. Nói thế là đúng, nhưng tôi cho là còn phải thấy lý do sự đình đốn, trì trệ khá toàn diện rằng buộc, cả ngành chúng ta (chứ không riêng ai) thiếu những tiền đề cần thiết để làm việc. Công tác nghiên cứu văn học cổ quá chậm trễ, không mang lại hiệu quả thiết thực. Đặc biệt, thiếu sự giao lưu thường xuyên và lành mạnh với văn hoá thế giới, nên cách sống, cách làm việc của từng người cũng như các hoạt động của toàn ngành (tức là trình độ sản xuất) còn ở tình trạng lạc hậu. Chẳng những thế, trong một thời gian dài, mặt nghề nghiệp của sáng tác bị coi nhẹ, sự đào tạo bồi dưỡng không đến nơi đến chốn, không hình thành nổi dư luận chân chính. Khi cá mè một lứa trong đối xử thì làm sao người thợ có tay nghề tinh xảo yên tâm cho được? Tổng hợp cả hai mặt đó lại, trên một số phương diện nghề viết văn hiện nay vừa giống tình trạng trong nông nghiệp, con trâu đi trước cái cày đi sau là phổ biến, vừa giống các nghề thủ công, nghề đúc đồng, nghề dệt lụa, thợ giỏi ít dần. Tại sao có sự đình đốn như vậy? Dĩ nhiên, ở đây, có vai trò của sự trói buộc quá lâu, trói buộc vô lý mà không ai cãi được, nên người ta chỉ còn hình thức phản đối thụ động là chẳng cần gì, chẳng thiết gì, sẵn sàng làm bậy, làm hèn mình đi, thế nào cũng xong. Nhưng đây mới là một khía cạnh. Nhìn rộng ra hơn, phải thấy ở đây, không ngoài lý do sâu xa là đất nước nghèo khó, chiến tranh liên miên, mọi người lúc nào cũng mải miết bận bịu, đến những việc lớn như lo bữa ăn hàng ngày, dạy con cái học hành... còn chưa xong, thì còn lấy đâu thì giờ mà bàn văn chương nghệ thuật, nên chi, bề ngoài có vẻ ngất nghèo, nhưng thật ra, xã hội vẫn quá dễ dãi, không yêu cầu cao ở văn nghệ. Rồi tự chúng ta dễ dãi với nhau. Dần dần, mỗi ngày một ít, ta kéo ta xuống, ai cũng thấy, mà không biết trách nhiệm tại ai. Giờ đây, tại một số địa phương nghệ thuật không khỏi ít nhiều có cái vẻ một thứ hát xẩm, cốt vui tai mọi người, sáng tác thành một thứ hề, một thứ nghệ nhân mà không phải nghệ sĩ, với đầy đủ ý nghĩa của chữ ấy... Khi người cầm bút đã ở vào tình trạng bạc nhược suy thoái như thế, thì dù có gỡ hết trói buộc, mở ra cho đi trên những hành lang cao rộng chẳng nữa, cũng không phải ngay một lúc, làm được những việc muốn làm. Còn là nhiều vất vả, rồi ngành văn học của ta mới trở thành một ngành sản xuất lành mạnh, và những tác phẩm lớn mới có cơ nảy nở. Đã có người nhận xét một cách cực đoan: không những trình độ của chúng ta hiện nay thua kém so với thế giới mà ngay cả so với các bậc tiền bối, ta cũng không chín được tới cái độ như thời đại họ cho phép họ, nên những sáng tác tốt của thời đại ta đóng góp vào lịch sử văn học dân tộc có lẽ cũng... khá khiêm tốn. Có

phải vậy chẳng, cái này nên bàn, nhưng nếu đúng như thế, thì ở đây, có phần trách nhiệm của mỗi chúng ta, và cộng cả lại, trách nhiệm của cả giới, thứ trách nhiệm của người trong cuộc không gì thay thế được.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

NHỮNG SỰ TƯƠNG PHẢN

Mỗi khi có dịp hình dung lại đời sống văn học ở Hà Nội những năm từ 1986 về trước, tôi thường không khỏi lạ lẫm về ý nghĩa trọng đại mà lúc ấy, dư luận xã hội đặt vào một quyển sách. Bước đi thông thường của một người viết văn ở lứa tuổi tôi, là sau khi có bài đăng báo (thơ, truyện, phê bình văn học), phải dăm bảy năm và già dặn ra là chục năm người ta mới có cơ may được in một quyển sách đầu tiên.

Cho tới hết 1975, ở Hà Nội, chỉ có một nhà xuất bản chuyên lo in các loại sáng tác và nghiên cứu phê bình là nhà Văn học. Mà mỗi năm, văn xuôi in ra chỉ chưa đầy hai chục tập, thơ trên dưới một chục, và phê bình nghiên cứu, vài ba cuốn gì đó. Nhà văn hồi đó còn ít, nhưng sự chia phần đã thực là khó. Bởi vậy, hình dung cái ngày có sách được in, lũ chúng tôi thường bảo ngày một con ngài hoá bướm có lẽ cũng chỉ thiêng liêng đến vậy.

* Năm 1977, sau cả chục năm hành nghề và liên tục có bài in trên báo chí của Hội, tôi đã trở thành hội viên Hội Nhà văn. Nhưng cuốn sách tập hợp các bài viết đã được chọn lọc cẩn thận, thì xếp hàng mãi ở nhà xuất bản Văn học, không đến lượt. Lúc nói vui với bạn bè, thường vẫn bảo in được quyển sách còn khó hơn vào Hội! Có điều, tôi cũng chẳng lấy thế làm buồn. Năm 1967, ba anh Hoài Anh, Ngô Văn Phú, Phạm Ngọc Cảnh chen chúc trong một tập thơ mỏng. Năm 1969 anh Ma Văn Kháng châu chực mãi mới tin được một tập truyện ngắn, trong khi số truyện đã in báo, đã được giải thưởng nọ, giải thưởng kia đủ cho dăm ba tập. Một ông kềnh như Nguyễn Tuân cũng chẳng may mắn gì hơn. Sau khi Sông Đà được in ra 1960, phải 13 năm sau, tức 1973, một cuốn sách khác là Hà Nội ta đánh Mỹ giỏi mới được trình làng. Mà đó là in ở Hội Văn nghệ Hà Nội. Chứ ở nhà Văn học, thì phải tính tới quyển Ký, nghĩa là 16 năm. Hơn cả chặng đường của cô Kiều lưu lạc! Giữa hai quyển sách ấy là bao nhiêu phá sản, đồ vỡ, đến nay còn lưu lại, thành những câu chuyện để cả giới truyền tụng. Đại khái có khi sách đã sắp chữ rồi, có bông in rồi, vẫn bị cúp. Năm 1982, Tuyển tập Nguyễn Tuân được biên soạn, trong sự chờ đợi của mọi người và của cả tác giả. Bởi một tuyển tập in ra lúc đó là một cái gì lớn lắm: Là sự khẳng định một đời văn, một sự nghiệp văn học. Song Tuyển tập Nguyễn Tuân làm năm ấy chỉ vền vện có hơn 800 trang.

Không có Nguyễn. Không có Chùa đàn. Và Chiếc lư đồng mắt cua chỉ được trích một đoạn ngắn. Năm ấy, cụ Nguyễn 72 tuổi. Nhắc lại ít chuyện như trên để thấy một sự tương phản và lối in sách bây giờ. Nay là lúc sự in ấn thuận tiện đến mức dễ dãi. Một cây bút mới viết nhì nhằng một hai năm nếu muốn, đã có sách in với tên họ thật to ngoài bìa, to hơn cả tên cuốn sách. Một người làng nhàng, cũng có thể thu nhập các bài viết tạp nham của mình dưới một cái tên rất oai: tuyển tập. Trên đại thể, ai có tiền hoặc chạy được người tài trợ, lập tức có thể đứng tên sau một cuốn sách. Tiền càng nhiều, sách in càng dày càng đẹp. Một đẳng là cái khung cửa quá hẹp đến mức nản lòng. Mặt khác là cái lối in ào ào, quý hồ đa bát quý hồ tinh rút cục khiến cho người ta nghĩ rằng những chuẩn mực có thể hiểu thế nào cũng được. Tôi nhớ những ao ước hôm qua: ao ước có thêm giấy mực có thêm chỗ in. Nhưng khi những thay đổi ấy tới thì chúng lại khiến tôi ngán ngại.

* Sau câu chuyện in sách, là chuyện in bài phê bình. Do sách ra ít, từ 1986 về trước, các cuốn sách xuất bản ở Hà Nội dễ dàng được nhắc tới trên báo Văn Nghệ. Và cái cách nhắc cũng mang đặc điểm của thời gian ấy, tức là có sự phản cấp rõ rệt. Sách bình thường chỉ được điểm qua trong một bài đọc sách nho nhỏ. Sách được coi là thành công và quan trọng thì mới được dành cả trang báo. Thậm chí, ai viết bài phê bình cũng phải tính sao cho đáng đối với người có sách được mang ra phê bình. Chữ nghĩa đánh giá nhau thì cân đi tính lại thận trọng, như trong những bản án! Còn như phê bình hiện nay: Lại chỉ có thể gói gọn trong hai chữ tùy tiện. Một quyển sách xoàng mà tác giả giỏi chạy, có thể có tới dăm bảy bài nhắc nhở trên đủ các loại báo. Trong khi đó, sách tốt lẫn đi, nhoe đi giữa thương trường ồn ào và bụi bặm. Hôm qua sự chặt chẽ được duy trì, nhân danh chất lượng tức cũng là nhân danh tác dụng to lớn của văn chương trong đời sống tinh thần. Thôi thì hoàn cảnh khó khăn, không nói làm gì! Còn như hôm nay, khi sự xô bồ được mặc sức tung hoành, nhân danh sự phong phú đa dạng và tinh thần dân chủ, mọi chuyện liệu sẽ đi tới đâu? Tôi không dám chắc rồi ra sẽ nảy nở những tác phẩm có giá trị. Hoặc nếu có, đó sẽ chỉ là những ngẫu nhiên bột phát, mà không phải do công phu chuẩn bị. Bởi tuy chỉ ghi tên một tác giả, song mỗi thành tựu sáng giá thực ra bao gồm đóng góp chung của nhiều người làm nghề, cùng sống trong một giai đoạn lịch sử.

* Đã có một thời, chúng tôi phải xếp hàng mới xin được chữ ký để mua mấy quyển tiểu thuyết phương Tây mới dịch ra tiếng Việt. Nay thì sách của những Camus, Malraux, Sarraute, Duras chỉ in nhỏ giọt vì chẳng ai buồn đọc. Cũng như đã một thời, người ta quan niệm khoa học xã hội không cần đi học ở nước nào hết, văn bằng không là gì cả. Còn như ngày nay không ít trường hợp chung quanh một nhân vật có kèm ba chữ PTS là những giai thoại kể rằng bằng cấp có được do xoay xoã chạy chọt ra sao. Cũng lại là những thái cực, những tương phản... mà không phải tiến bộ

* Có một câu chuyện cũ kể rằng sau khi chú ngựa nọ vượt qua một chặng đường dài, chủ nhân thương tình cung cấp cho nó đầy đủ cả thóc lẫn nước. Điều oái oăm là ở chỗ lần ấy người ta đặt cả giỏ thóc lẫn thùng nước cách đều hai bên chú ngựa. Do chỗ vừa đói vừa khát, cái gì nó cũng thềm, cứ ngoảnh sang trái định uống nước, lại ngoảnh sang phải tìm thóc. Giãy giữa mãi rồi quá mệt, nó lăn ra chết. Không biết có một chuyện ngẫu nhiên như vậy không hay đây chỉ là chuyện bịa? Nhưng tôi cho rằng cái tình thế nói ở câu chuyện là có thể có. Người ta có thể chết đứng khi bị đặt: “một cách chính xác đến từng mi-li-mét” giữa hai yêu cầu tương tự, và khả năng lựa chọn là tối ưu như nhau. Còn đây, một điều có thật khác, là tình thế của bọn tôi bây giờ, bị đặt cách đều giữa hai phương án buồn chán như nhau, ngoảnh về quá khứ thấy tội nghiệp mà nhìn vào hiện tại cũng không thể bằng lòng. Không dễ mà “chết”, tức không dễ bỏ nghề, song quả thật là quá mệt mỏi! Sao cuộc sống trong khi tiến lên về phương diện này, lại lùi về phương diện khác? Bởi tham vọng của con người ta vô cùng, nên chỉ lùi một chút thôi, đã thấy nặng nề. Nói không biết đường nào mà lựa chọn, là vớ vẩn ghê. Ầy.

* Một cô bạn cùng cơ quan với tôi, có chồng cũng làm công việc dây đưa đến văn chương chữ nghĩa, và hay mua sách. Mới đây, cô khoe một việc mà cô cho là đã giúp đỡ đắc lực cho chồng:

– Em phải bỏ cả một buổi để giúp nhà em dọn dẹp bớt sách cũ đi. Căn phòng bằng cái lỗ mũi mà kèn càng mấy giá sách. Đại khái có mấy cuốn của Nam Cao với lại Thạch Lam, hồi trước giấy đen bìa mỏng khó bảo quản lắm. Bây giờ cũng cuốn sách cũ ấy được in lại, giấy trắng, bài đẹp, trông ngon lành như miếng giò lụa. Vậy thì để cuốn sách cũ làm gì cho mệt? Tôi buột miệng:

– ấy chết, chớ có vội vàng như thế, phải xem cho kỹ đã. Nên biết là hồi trước, giấy xấu mực nhạt, nhưng sách thường chữa mo-rát cẩn thận. Còn như bây giờ, có nhiều cuốn, trông mỹ miều thế, nhưng in sai có khi bỏ sót cả đoạn văn của người ta.

– Thế anh khuyên em thế nào?

– Trong những trường hợp như thế phải để cả hai. Một cuốn để đọc và một cuốn để ngắm. Nói xong cũng thấy buồn cười, và cả buồn... buồn nữa.



TRẢ GIÁ ẤT LÀ ĐAU ĐÓN.

Tại sao văn học ta rơi vào tình trạng lúng túng như hiện nay? Hỗn loạn âm tính và hỗn loạn dương tính. Vai trò của tỉnh táo hiểu biết. Hãy bắt đầu bằng cách tự phê phán. Cũng như nhiều đồng nghiệp đang cầm bút, tôi thường lẩn mẩn nghĩ ngợi về vị thế của nhà văn trong xã hội hiện thời và tình hình văn học nói chung. Các ý nghĩ đến rồi lại đi, rồi vụn, mâu thuẫn, lúc thế này lúc thế khác. Bản thân tôi mỗi khi nghĩ xong điều gì cũng thích tự phản bác; trong tâm trí luôn luôn có những cuộc đấu khẩu mà sự thắng bại khó lòng xác định rành mạch. Dưới đây tôi thử ghi lại một số ý nghĩ loại đó dưới dạng đối thoại, những mong tìm thấy sự đồng cảm của bạn bè, đồng nghiệp.

– Có phải là văn học hiện thời đang mất giá, và nếu đúng như thế thì lỗi tại ai?

– Theo tôi biết, một người như nhà văn Tô Hoài rất hay nói về điều này. Đại khái ông bảo hơn nửa thế kỷ cầm bút, tình cảnh chưa bao giờ tang thương như bây giờ; sách ra loạn xạ, hay dở lẫn lộn, đầu sách có tăng, nhưng số in từng cuốn ngày mỗi giảm. Nhuận bút thì thê thảm không ai tưởng tượng ra nổi. Trong một thiên truyện mang tên Anh hùng bĩ vận (trong tập Một thời gió bụi, NXB Lao Động 1993) Nguyễn Khải kể chuyện một xã anh hùng nay tụt hậu, và chạnh lòng nghĩ tới nghề văn, cảm thấy thân phận mình thật cũng chẳng khác những người dân làm côi ở xã N. nó “Lầm liệt một thời mà bây giờ thì... tội nghiệp quá”. Nói chung, tôi cũng thấy mọi chuyện xảy ra đúng như các bậc đàn anh ấy đã nói. Khác chăng là khác ở cách cắt nghĩa tại sao lại có thảm trạng ấy. Và tiên trách kỷ, hậu trách nhân, tôi thấy có phần lỗi ở những người làm văn học. Chúng ta nên tự soát xét lại, nên thấy rằng có thời gian ta đã được chiều chuộng quá, giờ phải trả giá, sự trả giá bao giờ cũng đau đớn, song khách quan mà xét tình cảnh hiện nay là đáng với số đông người cầm bút chúng ta, ở đây chẳng có gì là oan uổng cả.

– Anh không giở trò chơi trội đấy chứ ? Trong khi cả những người ở các ngành khác cũng thông cảm với chúng ta thì anh lại tự túm ngực chửi mình. Chẳng nhẽ anh không thấy hồi trước xã hội ta trọng đãi

văn chương. Còn hiện nay, sự quan tâm của xã hội đến chúng ta suy giảm hẳn, vì thế mới xảy ra những cảnh xé rào viết bậy?

– Tôi biết có một thời cả xã hội cùng đọc mấy quyển sách xoàng xĩnh mà đến nay, không ai buồn đọc lại nữa. Dĩ nhiên là hồi ấy mấy nhà văn thời danh là những cái tên thường xuyên được nhắc nhở trên cửa miệng mọi người, còn bây giờ thì có bao nhiêu thú vui khác thu hút họ, nói tới văn chương, mặt họ dửng dưng không chút xúc động. Nhưng tôi cho như thế là phải. Chả nên tiếc những “ngày oanh liệt” hôm qua làm gì. Thà không có còn hơn sự thương cảm nông nổi bốc đồng của một thời ấu trĩ. Cái đích mà văn học cần phải chinh phục lớn hơn nhiều. Tôi cũng cho rằng nên sớm từ bỏ cái ý nghĩ là trong giới chúng ta có nhiều người tài ba mà chưa được đối xử xứng đáng. Tôi muốn nói ngược lại, trong chúng ta nhiều cái tên nghe khá kêu, mà thực chất không có gì, rồi đây sẽ bị lãng quên rất nhanh. Nói chung, công việc chúng ta làm được vừa mỏng mảnh, đậm bạc, vừa nhiều của giả. Trong một xã hội khép kín thì một ít giá trị đang dờ được ngộ nhận, được đồng nhất với chân tài, đó là điều dễ hiểu. Nhưng trong xã hội cởi mở hôm nay, sự sứt giá lại là dễ hiểu nốt. Chỉ những ai quen sống bám vào sự ngộ nhận mới luyện tiếc thời xưa cũ.

– Tôi không ngờ anh lại nhân tâm đến thế! Anh không làm được gì, nên tưởng chung quanh ai cũng tay trắng như mình, và muốn lộn xộn bát nháo cho “bình đẳng” cả một lượt.

– Tôi tự nhận thấy mình chưa tồi tàn đến mức trắng trợn, hư vô. Tôi chỉ muốn mọi người cùng nhìn vào một sự thực, là những cái chúng ta làm được chưa bao nhiêu, thành tựu thua kém cả ông cha, chứ đừng nói không là gì, so với thế giới. Tôi biết khi xuất phát, nhiều ngòi bút ở ta có tài, song do thiếu công phu tu luyện, do phải tự đốt cháy lên ngay lập tức để tồn tại nên những cái các anh các chị ấy làm ra lắm khi nham nhở, bất thành nhân dạng. Trong một thời gian dài nhiều tác phẩm có giá trị trong quá khứ không được in lại, sách hay của thế giới bị cấm cửa, không được dịch, nên thứ hàng tầm tầm ấy có giá, thậm chí được tổ lên là những tác phẩm có sức sống lâu bền. Song không thể bằng lòng với những giá trị đang dờ đó, không thể hãnh diện theo kiểu “cứ chân đất mà đi vào lịch sử” mãi được.

– Anh không nên có cái giọng giễu cợt vậy. Chính anh cũng biết sở dĩ chúng ta chưa làm được nhiều là do hoàn cảnh quá khó khăn. Để chúng ta có thể ngày một hoàn thiện, xã hội phải ưu ái hơn, giúp đỡ chúng ta nhiều hơn.

– Đồng ý, nhưng có nhiều cách giúp. Nghiêm khắc, yêu cầu cao cũng là giúp, mà dễ dãi, bỏ qua cho nhau mọi yếu kém cũng là giúp. Trong hai cách này, cách thứ hai chỉ có hại chứ không có lợi. Tiếc thay, đây lại là cách nhiều người chúng ta mong đợi – những người không sống nổi với cơ chế thị trường và luôn luôn nghĩ về thời bao cấp với nhiều tiếm nuôi.

– Anh hãy nói rõ hơn ý nghĩ của mình.

– Chẳng có gì là rắc rối cả. Tôi chỉ muốn bảo sở dĩ nhiều người chúng ta nản lòng và muốn trốn chạy khỏi đời sống cạnh tranh hôm nay vì thực lực quá yếu. Mà sở dĩ chúng ta yếu ớt như vậy, vì được chiều chuộng quá – vâng, chiều chuộng thật sự, chứ không phải khinh bỉ như có người đã nói. Trước những thành phẩm xoàng xĩnh của chúng ta, xã hội đã quá rộng lượng. Hi vọng nhiều, chờ đợi nhiều, mà chiều cố lại càng nhiều nữa. Sự chiều chuộng ấy, hôm qua là cần, nhưng giờ đây nghĩ lại, nó là yếu tố khiến chúng ta giảm chân tại chỗ, bé nhỏ, còi cọc, không lớn lên được.

– Anh nói gì lạ vậy, tôi không tin. Để những ưu tiên về tinh thần sang một bên hãy nói một việc liên quan trực tiếp đến mọi người – chuyện trả công, trả nhuận bút. Không phải hôm nay mà từ mấy chục năm nay, nhuận bút vẫn bị coi là quá thấp, khiến không ai sống nổi với nghề văn.

– Quá thấp, đồng ý. Nhưng là thấp so với một số tác phẩm có giá trị. Còn với đa số các tác phẩm xoàng xĩnh, thứ hàng phổ biến từ tay chúng ta, thì nhuận bút vậy đã là khá cao, chẳng thể mà, khi phát hiện ra điều này, khối người không chịu bỏ công viết kỹ nữa, chỉ mãi chạy theo đầu sách, bôi số trang ra thật nhiều. Chất lượng luôn có vấn đề thì nhuận bút ngày càng thấp, tưởng cũng không có gì lạ. Rộng hơn câu chuyện nhuận bút, tôi muốn nói về sự kiếm sống, về thu nhập của nghề viết. Theo tôi quan sát trong những năm qua, có một loại người

rất tài trong việc khai thác cái gọi là uy thế nhà văn, tận dụng nó để nuôi nấng bản thân và gia đình.

– Dù sao cũng chỉ có vài trường hợp cá biệt.

– Không đúng, mỗi người chúng ta đều có cái cách kiếm tiền của mình bằng nghề văn, chỉ có điều không trúng những quả đậm như một vài “cao thủ” kia thôi.

– Chưa bao giờ chúng ta phê phỡn no nê như... như những người nắm các đầu mối kinh tế.

– Chỗ này tôi cũng thấy như anh. Về sự hưởng thụ, nói chung nghề của ta thật thanh đạm. Nhưng nếu có dịp xem những người làm kinh tế xoay xở mới biết, họ lao tâm khổ tứ, họ năng động kinh khủng. Còn chúng ta, một thời gian dài, chúng ta ỷ vào năng khiếu, nên viết quá dễ dãi. So với thứ lao động uể oải, cầm chừng của giới viết văn từ trước đến giờ, thì sự hưởng của chúng ta là rất xứng đáng.

– Anh không điên đầy chữ? Nghề cầm bút xưa nay vẫn được mệnh danh là một nghề sáng tạo cao quý.

– Vâng. Trên lý thuyết thì vậy, nhưng trong thực tế thì không hẳn. Lúc đi họp cần phát biểu trước bàn dân thiên hạ, hoặc lúc tụ bạ vui vầy nhiều người trong chúng ta thích hô lên thật to rằng mình đau đời lắm, tâm huyết lắm, rằng mình thường xuyên suy nghĩ lao lung, vất vả nặng nề như người mẹ mang thai. Nhưng khi cầm đến bút thì lại câu thả qua quýt, suy nghĩ hời hợt cốt cho xong chuyện để có bản thảo mang bán. Không gì khác, chính sự loạn xạ trong đời sống văn học hôm nay, là hậu quả trực tiếp của cách sống chúng ta đã sống hôm qua, nó là một sự trả thù man dại mà cũng tất yếu nếu có thể nói như vậy.

– Suy diễn. Thành kiến. Độc ác. Tôi không hiểu được những điều anh nói.

– Mọi chuyện đâu có khó thấy đến như thế, chẳng qua các anh không muốn thấy thôi. ở trên tôi đã nói trong nhiều năm, chúng ta xúm vào khen những cuốn sách quá xoàng xĩnh. Sự hỗn loạn bắt đầu từ đây.

– Những tác phẩm ấy có thể còn thô sơ non nớt, chưa được chau chuốt, thậm chí có thể chưa hay, nhưng chân thành muốn phục vụ, muốn có ích ngay, thế là được rồi, anh còn đòi hỏi chi nữa?

– Nhưng bảo rằng chúng là những tác phẩm chói sáng tuyệt vời, thì là không được, là gây mầm hỗn loạn. Hơn nữa vấn đề không phải là chót tôn vinh... nhằm một hai cuốn sách nào đó, chuyện ấy muốn quên đi cũng dễ. Vấn đề là một thời gian dài các tiêu chuẩn nghệ thuật thực sự bị xem thường, chúng ta dễ dãi nâng đỡ nhau, chiếu cố nhau, lại càng hào phóng trong việc khen tặng nhau. Nhiều cuốn sách không đáng in cũng in. Nhiều người viết văn đáng lẽ chỉ nên ghé thăm qua văn chương một chút, song cũng vào tận chiếu giữa, và do chỗ không có sự đào thải, nên vĩnh viễn ngồi đó toạ hưởng kỳ thành. Nghĩ tới họ, người đọc đâm ngán. Mà trước tiên, là nhiều anh em cùng nghề cũng thấy ngán, người đã viết từ trước thì cùn mòn cẩu thả đi, người mới cầm bút thì cảm thấy lớp người đi trước không có gì đáng trọng, và nghề viết không công bằng đẹp đẽ như người ta vẫn nói. Gặp lúc thuận tiện, là họ xóc tới, viết ào ào, in ào ào, rồi nhân đó, chửi vung cả lên, vênh váo rằng mình có bạn đọc không kém ai hết.

– Hay lắm, anh đã bắt đầu chạm đến cái đời sống văn học hầu lớn hôm nay đây. Chắc là thấy mọi chuyện nhốn nháo thế, anh thích lắm, hả dạ lắm!

– Không hẳn. Tôi cũng chả thích gì văn học thương mại. Cũng như nhiều người tôi thấy một số tác phẩm ám chỉ hiện nay được viết với một lý tưởng thẩm mỹ tầm thường, tay nghề quá thấp nên biến thành những vụ trả thù hèn hạ. Nhưng văn học hôm nay vẫn có cái này mà tôi cho là khả thủ. Nó không tự tìm cách che giấu thực chất của mình. Có gì dơ bẩn, nó đã phô hết. Thành ra trong đối xử, có cái tiện. Đại khái, sự hỗn loạn hôm qua là một thứ bệnh đang ủ, lại che che giấu giấu, nên có thể gọi là một sự hỗn loạn âm tính, còn sự hỗn loạn hôm nay cứ chường hết cả ra, nên là một sự hỗn loạn dương tính. Đã gọi là bệnh thì đăng nào cũng dở, nhưng nghĩ cho cùng, bệnh như hôm nay dễ chữa hơn.

– Thật khó hình dung một người hơn hai chục năm gắn bó với đời sống văn học sinh động của chúng ta như anh, mà ăn nói lại hồ đồ như vậy! Tôi ngờ rằng, không ai trong giới cầm bút đồng tình với anh cả.

Trong ý nghĩ của số đông những cây bút loại trên dưới năm mươi như anh nhất là trong tâm khảm các bậc đàn anh, lớp trên nữa, thời gian trước đây là một thời gian văn học phát triển hài hoà, tự nhiên nền nếp, cái thời gian lãng mạng như Nguyễn Khải đã gọi...

– Đó chỉ là bề ngoài. Cái nền nếp tĩnh lặng mà người ta hay nói chỉ là giả tạo. -... Trong thời gian ấy chúng ta đã đào tạo được những nhà văn đáng tin cậy, những ngòi bút lao động nghiêm túc mà bây giờ không sao có nổi. Tôi không thể tin những Nguyễn Tuân, Xuân Diệu, hoặc hai người mà anh đã nêu lúc đầu, Tô Hoài, Nguyễn Khải, cùng là nhiều anh chị em khác, lại có liên quan đến cái mà anh gọi là đời sống hỗn loạn trước đây, dù chỉ là hỗn loạn “âm tính”.

– Nói thẳng về người khác bao giờ cũng khó nhưng các trường hợp riêng thường khi lung linh sinh động đến mức mà hình dung về chúng lại là một cách tốt nhất để giúp người ta hiểu về cái chung. Bởi vậy dù rất ngần ngại, tôi cũng in phép được nói một chút. Trong bốn người anh nêu lên, tôi chỉ xin nói về một người đã mất. Muốn cho công bằng người ta phải nhận Xuân Diệu là một nhà thơ lớn và bây giờ tôi vẫn nghĩ thế. Song trong thời gian cuối đời có nhiều bài, ông dùng lý trí để viết. Uy tín Xuân Diệu lớn quá thành thử mấy chục năm sự lổ mỗ không đều của thơ Xuân Diệu không ai dám viết. Tưởng rằng đó là việc riêng của tác giả Thơ thơ. Có biết đâu rằng mặc dù là một thứ lao động cá thể, song sự sáng tạo trong văn học vẫn tồn tại như một sự nghiệp chung. Anh không thể viết tốt nếu cái nền chung quanh quá tồi. Khi cái nền chung này xao động, không ổn định, hơn nữa bị phá hoại, thì anh cũng không ngồi yên mà viết được nữa kia.

– Tóm lại anh thấy tất cả đều có lỗi.

– Cũng gần như thế.

– Không ai thoát khỏi số phận chung của chúng ta hôm qua?

– Nhiều người có vẻ nổi lên trên cái nền kém cỏi ấy, song, suy cho cùng vẫn không ra thoát, vẫn lãnh đủ phần trách nhiệm và thực tế là cả những đau đớn ê chề khi cái nền chung ấy thay đổi.

– Vậy bắt đầu phải làm gì.

– Một số người thích kêu to lên để chung quanh thương hại, hoặc ngồi than thở. Một số khác mất hết lòng tin, cho rằng xã hội đã chà đạp mình, mình cũng chà đạp xã hội nữa, tóm lại là muốn làm gì thì làm, đến đâu thì đến. Riêng tôi, tôi không tin rằng mọi chuyện hồng hết, mà cần phải đóng góp vào việc vượt qua cái thời điểm xót xa hôm nay. Công thức muôn đời vẫn là: hãy tự cứu lấy mình. Có điều trong việc tự cứu này, đầu tiên phải nhận thức cho sòng phẳng, tự biết mình là ai, chỗ mạnh chỗ yếu của mình là gì, mình mười phần tốt đẹp mà bị rẻ rúng hay thật ra mình cũng hư hỏng nốt. Chỉ bao giờ ta hiểu rõ rằng sự lạc hậu ở ngay chính mình, thì lúc đó, ta mới có cơ khá lên được. Đây là một công việc khó, rất cần đến sự sáng suốt, sự tỉnh táo hiểu biết, tóm lại cần đến lý trí là điều mà trở trêu thay, văn học ta lâu nay vẫn từ chối. Ở nước nào cũng vậy, ở xã hội ta, cả thời phong kiến lẫn thời Pháp thuộc cũng vậy, văn nhân đồng nghĩa với người có học vấn (chữ không phải chỉ có năng khiếu) nhưng mấy chục năm nay, ở ta, hai khái niệm ấy bị tách rời, và tôi cho rằng, cả trong những năm bao cấp, lẫn trong những năm kinh tế thị trường gần đây văn học ở ta phát triển khó khăn, lý do là ở sự tách rời ấy!

– A ha! Thế là thò đuôi khỉ rồi nhè! Nói xuôi nói ngược một hồi, cuối cùng hoá ra anh muốn đề cao ngành lý luận phê bình của mình. Thế nhờ các nhà văn ở ta thích quan niệm rằng nếu một người không có năng khiếu, thì có đọc đến vài vạn quyển sách chẳng nữa, cũng chẳng viết nên một câu thơ cảm động lòng người – mà trong thực tế sáng tác vẫn vậy, thì anh nghĩ sao, liệu anh còn cảm thấy có quyền bàn bạc với mọi người, và anh có còn tin ở cái đơn thuốc của anh nữa không?

– Vâng, tôi biết nhiều nhà văn ở ta tuy không nói ra, nhưng vẫn nghĩ bụng: lý luận phê bình đánh đấm lăm chỉ tổ bị ghét, mà có xúm vào khen thì cũng không có gì để giới sáng tác trọng. Gần đây, người ta lại còn hay bảo tự mình các nhà văn ở ta vốn rất hồn nhiên, trong sáng, chẳng qua giới lý luận phê bình nhiều sự hay đưa ra các thuyết vơ vẩn, nên đời sống văn học mới nảy sinh một vài vấn đề không lành mạnh. Và người ta e dè, ngần ngại muốn gạt chúng tôi sang một bên. Biết thế nên dạo này một số anh em viết phê bình cũng chẳng buồn viết nữa, hoặc ngồi chơi xem các nhà văn nhà thơ tặng bốc lẫn nhau, hoặc quay về nghiên cứu văn học quá khứ. Nhưng có làm gì cái số phận riêng mấy cây bút phê bình chúng tôi, điều quan trọng là lối thoát của cả nền văn học, và trong việc này, nếu phải nhắc lại ngần lần tôi vẫn

nhắc rằng chúng ta không thể thiếu sự tỉnh táo, sáng suốt, không thể thiếu lý tính được.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

PHÊ BÌNH TRONG CƠ CHẾ TỰ THOẢ MÃN CỦA ĐỜI SỐNG VĂN HỌC

Thời gian qua, mỗi khi bàn về những nhân tố hạn chế sự sáng tạo trong văn nghệ, người ta chỉ mới nói đến cơ chế trói buộc. Chức năng sợi dây trói do phần “tự kiểm duyệt” ngự trị trong từng người cầm bút đảm nhiệm. Và nhiệm vụ ấy được cụ thể hoá trong công việc của giới phê bình.

Nhớ lại những vụ việc “có vấn đề” trong mấy chục năm qua, từ Cái gốc (Nguyễn Thành Long), Tình rừng (Nguyễn Tuân), Đêm đợi tàu (Đỗ Phú), Sẹo đất (Ngô Văn Phú), Cây táo ông lành (Hoàng Cát), người ta hẳn thấy giới phê bình đã đóng một vai trò không lấy gì làm sáng giá cho lắm. Có điều đời sống văn học không phải chỉ có những vụ việc. Là nhu cầu tự bộc lộ của mỗi người cầm bút, nhưng sáng tác cũng là một hoạt động mà xã hội cần thiết. Đời sống đòi hỏi phải có các tiểu thuyết, các tập truyện ngắn, tập thơ, các công trình nghiên cứu văn học như phải có cơm, có thịt, có điện, có nước, có đồ chơi cho trẻ thơ, gương lược cho phụ nữ. Bởi vậy, giữa hai vụ việc, để làm nên nhịp sống hàng ngày của đời sống văn học, người sáng tác vẫn làm việc đều đều. Tác phẩm ra đời rồi có sự trao đổi thảo luận, khen chê, có cả tặng giải cho nhau nữa. Chính ở đây đã bộc lộ căn bệnh: Mẹ hát con khen hay. Sự tự lừa dối, nếu có thể nói như thế. Thử nhớ lại những bản tổng kết, những báo cáo về tình hình văn học sau một thời kỳ nào đó, sau một đợt đi thực tế chẳng hạn hoặc thử nhớ lại những bài xã luận ra trong những ngày lễ lạt là chúng ta đủ rõ. Sẵn giấy mực trong tay, chúng ta tha hồ trưng ra những lời tự khen mình, người nọ khen người kia, làm chứng cho tâm lý Ta là ta mà lại cứ mê ta mà Chế Lan Viên đã phát biểu một cách thành thực. Với một sự tự tin không che giấu, chúng ta sẵn sàng coi những sáng tác của mình là bất tử, có thể sánh ngang với những giai đoạn rực rỡ trong lịch sử văn học dân tộc và không kém gì nước ngoài. Rõ ràng, ngoài lý do tạo sự cân bằng trong tâm lý sáng tác sau những vụ việc, xu thế tự thoả mãn này là để biện minh cho những hạn chế ngặt nghèo trong giao tiếp với văn học thể giới cũng như trong việc tiếp nhận di sản văn học quá khứ. Cơ chế của sự tự thoả mãn gồm nhiều yếu tố nhưng quan trọng nhất, là tạo ra một cái chuẩn thấp hơn hẳn so với chuẩn thông thường mà mọi nền văn học ở mọi nơi và mọi lúc vẫn dùng. Theo cái chuẩn giả tạo này,

tác phẩm nào đi vào các vấn đề siêu hình, tác phẩm nào có vẻ khó hiểu một chút là xa lạ và không có giá trị. Cũng theo tiêu chuẩn này, nội dung và hình thức có sự tách rời rõ ràng và mặc dù vẫn cho hình thức là quan trọng, nhưng lại đặc biệt lưu ý nội dung mới là yếu tố quyết định, mà cái nội dung này thì được hiểu thiên cận, vụ lợi. Thói lâu cá có thể tìm thấy ở đây mảnh đất tuyệt diệu. Cũng như khi nói về sự trói buộc, chúng tôi cho rằng sự lạc hậu này trước tiên nằm trong ý thức từng người cầm bút. Nó cũng là cái tâm lý một thời cần giải toả. Nhưng không ở đâu nó hiện ra lộ liễu và gây tác hại như trong phê bình văn học. Đọc các bài viết hồi ấy, chỗ nào chúng ta cũng gặp những giọng điệu đại loại “một bước tiến mới”, “một bước phát triển của ngòi bút”, “một đóng góp vào đời sống”... Rồi “người mở đầu” cái nọ, người “tiêu biểu” cái kia, rồi “đỉnh cao” của lối này, lối khác. Đọc mãi người ta đâm nghi ngờ, hoặc người viết phê bình dễ dãi đến mức vô nguyên tắc, hoặc anh ta định dùng những lời khen này vào mục đích đen tối nào đó. Nếu những lời khen dễ dãi vô trách nhiệm nói trên chỉ xuất hiện trên các bài báo vật thì còn đi một nhẽ. Đằng này, người ta cũng thường xuyên gặp nó trong những lời giới thiệu mở đầu các tuyển tập, các bài tổng luận mở đầu hay kết thúc cho các sách giáo khoa văn học, từ phổ thông đến đại học, thậm chí, cả các từ điển văn học. Ngay trong những công trình được coi là nổi tiếng một thời, người ta cũng gặp lối khen chê kiểu đó. Chẳng hạn cuốn Tiểu thuyết Việt Nam hiện đại của Phan Cự Đệ: gạt đi phần lý luận dở dang, chấp vá, thì chỗ hỏng chính của cuốn sách này là nó trình bày một bức tranh sai lạc về tiểu thuyết Việt Nam hiện đại. Tác giả thường có lối khen quyền sách này là “mẫu mực chín muồi của tiểu thuyết hiện thực xã hội chủ nghĩa”. Trong quyền sách kia “có sự kết hợp nhuần nhuyễn tính hiện thực và tính Đảng”. Lại nữa, trong khi minh họa cho những luận điểm của mình, tác giả có lối trộn lẫn rất tự nhiên, đoạn trên là Balzac, Hugo, Tolstoi, Dostoievski, đoạn dưới là Tô Hoài, Nguyễn Đình Thi, Chu Văn, Phan Tứ, và nếu căn cứ vào những hình dung từ định giá thì hình như là họ rất gần nhau! Một ví dụ khác, phần viết về văn học đương đại, trong cuốn Từ điển văn học (nhiều tác giả thực hiện) cũng có sự dễ dãi khó chấp nhận. Viết như thế về một nền văn học còn đang vận động, không chỉ không đúng sự thật mà còn làm cho cả bộ từ điển trở nên khắp khiêng, thiên lệch. Những gì xảy ra với phê bình khi sự ngợi khen dễ dãi trở thành chức năng chủ yếu của nó? Điều đập vào mắt chúng ta là phê bình đã tạo ra một hệ thống ngôn ngữ kỳ lạ. Để hiểu giá trị một quyền sách và tầm cỡ tác giả, người ta

phải xem bài phê bình viết về nó được đặt ở trang nào, mục phê bình nay đọc sách. Số lượng chữ nghĩa dành để nói về nó cố nhiên phải là một yếu tố được tính toán từ đầu. Chất lượng sách thì khác nhau mà lời khen thì có hạn, và sự chê bai bị coi là không nên nói ra, cho nên nhiều người viết phê bình (trong đó có cả người viết bài này) phải tìm một hệ thống uyển ngữ nào là thành tựu bước đầu, thành tựu đáng ghi nhận, đóng góp không nhỏ, bước tiến nhất định... Việc tìm cho ra những chữ làm cho người có sách được phê bình bằng lòng nhiều khi chiếm phần quan trọng trong những cuộc mặc cả giữa biên tập viên các báo và người viết phê bình. Bởi vì đó là đối nhân xử thế, giải quyết không khéo dễ gây va chạm. Còn như việc nhà phê bình nhân dịp đọc sách trình bày những luận điểm học thuật, hoặc những suy nghĩ về đời sống về nghề nghiệp, việc đó càng thu hẹp càng tốt. Lâu dần rồi điều đó chẳng ai đợi chờ ở phê bình nữa! ấy thế nhưng về phần mình, thì vai trò người ngợi khen để đãi cũng đã làm cho nhiều nhà phê bình vênh vang lắm. Trong nhiều bài viết, người ta bắt gặp một giọng điệu đáng sợ: cái giọng cả quyết tưởng mình nắm giữ chân lý và ban phát danh vọng, cái giọng tự tin khó chịu của kẻ nghĩ rằng mình đã xếp hạng ai thì chỉ có tuyệt đối chính xác. Thường những nhà phê bình này luôn luôn tự đồng hoá với dư luận xã hội, với người đọc, họ tự coi mình đại diện cho yêu cầu thời đại và đủ thứ quyền lực khác trong khi không ai trao cho họ cái quyền ấy cả. Thế còn giới sáng tác, thái độ của họ với những người dựng bia này ra sao? Cố nhiên, sau khi viết sách lại nhận được một lời phê bình đích đáng thì cũng thú lắm. Song khốn nỗi những lời khen giá trị đâu có mấy, điều thường xảy ra là lời khen xuất phát từ những mỹ cảm thô thiển và nhiều khi dựa hẳn vào sự nghe ngóng từ cấp trên, nên như chúng ta đều biết, nhiều người sáng tác tỏ ý khinh nhờn người viết phê bình và nghề phê bình ra mặt. Sinh thời, Chế Lan Viên có nói một câu nổi tiếng: “Nhà văn học ba năm trở thành nhà phê bình, nhưng nhà phê bình học ba mươi năm cũng không trở thành nhà văn được”. Có hàng loạt người sáng tác, nhất là người làm thơ lâu lâu lại tạt sang phê bình, coi phê bình là một thứ nghề phụ trở về lúc nào cũng kịp. Thật ra không phải họ không có lý: Khi chỉ rút lại trong việc khen chê từ một cái chuẩn thấp thì người trong cuộc nhất định phải giỏi hơn rồi. Nhưng dẫu sao cả nền phê bình cũng cần vài tên tuổi làm mặt hàng. Và đây là điều đã xảy ra trong mối quan hệ tuyệt vời này: một mặt khinh phê bình như vậy, nhưng mặt khác, nhiều người sáng tác lại tìm cách lợi dụng phê bình. Họ hiểu, nếu trì trệ kéo dài thì chính những người phê bình kia lại đưa họ

lên đài danh vọng và ở lại với lịch sử. Thật là một mối quan hệ đáng ghê sợ. Trong không khí cởi mở hiện nay, rõ ràng giới phê bình chúng ta cần nghĩ lại về chính mình. Có những chỗ lâu nay ta yên chí mọi việc đầu vào đó, hình như đã đúng hướng rồi, chỉ cần cố lên một tí là được, thực chất lại vẫn là việc hồng. Công việc ngợi khen mà phê bình đảm nhiệm trong những ngày qua là thuộc loại đó. Trong cả hai vai trò sợi dây trời và người ngợi khen một cách dễ dãi, phê bình đều hiện ra như một nhân tố cản trở sự phát triển lành mạnh của văn học. Khó lòng nói khi nào nó có tội hơn, khi nào đáng thể tất hơn. Qua đây càng thấy phê bình là khó. Không phải ngẫu nhiên nhìn lại văn học Xô Viết hơn bảy mươi năm qua, người ta nhận thấy không có nhà phê bình nào tồn tại với lịch sử, và một cuốn lịch sử văn học giá trị vẫn chưa được viết. Tôi không nghĩ rằng số phận chúng ta lại may mắn hơn.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

AI BIẾT HỎI AI...

(Hay là sự thiếu vắng của dư luận trong sinh hoạt văn học hiện nay)

- Bạn đọc sẽ trông vào đâu để chọn sách đọc và khi cần, mua sách?

– Các nhà văn sẽ trông vào đâu để đánh giá đúng thực chất công việc của mình và tự hoàn thiện ngòi bút ? Những câu hỏi đó, chỉ được trả lời, khi xã hội hình thành được một dư luận lành mạnh. Nhưng có phải ai cũng sốt ruột và cảm thấy cần có một dư luận như thế? Chưa chắc...

Từ những quyển sách rơi vào im lặng. Nguyễn Khải vốn là một trong những ngòi bút năng động bậc nhất của nền văn học chúng ta. Sau mấy chiến tích vang dội một thời (Gặp gỡ cuối năm, Thời gian của người), từ sau 1986 ông lại chứng tỏ sức sống của mình bằng sự đột phá vào các đề tài trước mắt trong hàng loạt truyện ngắn mới in báo. Chỉ riêng năm 1993, các truyện ngắn gần đây của Nguyễn Khải được tập hợp lại trong hai cuốn Một thời gió bụi, Sự già chừa Thăm và ông đại tá về hưu.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Thế nhưng điểm mặt các tờ báo lớn mấy năm gần đây người ta thấy: trong khi Nguyễn Khải thường được các phóng viên săn đón phỏng vấn, thì chính các tác phẩm trên hầu như không có tờ báo nào nhắc tới, chứ đừng nói là đặt chúng trong cái mạch sáng tác của tác giả, để từ đó rút ra những điều khái quát liên quan đến đời sống văn học nói chung. Nhưng Nguyễn Khải không phải là người duy nhất được dư luận trên mặt báo đối xử theo kiểu như vậy.

Hầu như đến nay, Lê Lựu vẫn chỉ được biết tới như tác giả Thời xa vắng in ra lần đầu năm 1986, mặc dù từ đó đến nay nhà văn này đã có thêm nhiều cuốn tiểu thuyết khác: Đại tá không biết đùa, Chuyện làng Cuội, Sóng ở đáy sông. Những bước đi gần đây của Ma Văn Kháng trong Heo may gió lộng, Ngày đẹp trời và gần đây nhất, trong Trăng soi sân nhỏ hoặc những bước đi của Phan Thị Vàng Anh trong Khi người ta trẻ và Hội chợ chưa được quan tâm thích đáng (mặc dù Vàng Anh cũng thường được phỏng vấn chẳng kém Nguyễn Khải). Một tình trạng tương tự như vậy, cũng thấy khá rõ ở thơ. Trong năm 1994,

cùng lúc cả Bóng chữ của Lê Đạt lẫn Cổng tỉnh của Trần Dần được in ra.

Nhưng mỗi cuốn, một số phận riêng: Một bên, Bóng chữ được chào đón, được phân tích, được phê phán, nói chung được đề cập tới trong khoảng chục bài phê bình trên các loại báo (và nười ta bảo rằng lâu lắm mới có một tập thơ thu hút được sự chú ý đến vậy, mà chỉ là do những vấn đề nghệ thuật nó đặt ra, chứ không phải do chuyện tư tưởng tức cái ý nghĩa xã hội mà độc giả tìm thấy ở nó).

Còn bên kia, Cổng tỉnh thì đến nay đâu mới có một hai bài điểm sách nhận xét qua loa. Thế có nghĩa là so với Bóng chữ thì Cổng tỉnh yếu ớt, kém cỏi, không ai đọc? Không đúng. Nhiều người trong giới vẫn bảo nhau, rằng thật ra đây là một tập thơ khá chừng chặc và mừng cho Trần Dần là vẫn giữ được ngòi bút có phong cốt cứng cáp. Một cán bộ của Nhà xuất bản Hội Nhà Văn, nơi in cả hai tập thơ trên của Trần Dần và Lê Đạt còn cả quyết rằng thật ra so với Bóng chữ, Cổng tỉnh là có chất hơn và mang tâm huyết của tác giả rõ hơn. Nhưng cái dư luận miệng ấy chưa được phản ánh lên mặt báo, và người ta vẫn có quyền bảo tập thơ của Trần Dần chìm đi trong cái năm nó được xuất bản. Những bước thăng trầm Cũng như mỗi con người, mỗi tác phẩm văn chương vốn có một số phận riêng.

Khi đến tay bạn đọc, tác phẩm sinh động là tác phẩm mời gọi người ta đối thoại buộc người ta phải lên tiếng, khen và chê, chấp nhận và phản đối. Một cách tự phát, các ý kiến chung quanh một tác phẩm cứ thế hình thành. Nhưng đến xã hội hiện đại, khi mà mọi hoạt động được phân công rõ rệt, để được chuyên môn hoá cao độ, thì xuất hiện hẳn một loại người lấy việc đo đếm bình giá, nhận xét văn chương làm nghề nghiệp. Trong những trường hợp lý tưởng nhận xét của họ vừa xuất phát từ kinh nghiệm riêng, vừa thu góp được phản ứng của công chúng. Thay cho những ý kiến tự phát ban đầu, nay là lúc một cái gì tự giác đã xuất hiện. Và đó chính là dư luận. Không nói đâu xa, xã hội ta mấy chục năm gần đây, vượt lên trên khó khăn về kinh tế, vượt lên trên cả bom đạn chiến tranh nữa, các sáng tác văn học vẫn ra đời, và các ý kiến đánh giá vẫn được đăng tải đều đều trên mặt báo, khiến người ta cảm thấy có một dư luận tồn tại.

Trong sự ổn định của nó, dư luận ấy là một thứ đồng hồ đo tốc độ

chiếc xe đang chạy, một tấm kính phản ánh đời sống văn học biến động hàng ngày (còn chính xác đến đâu lại là chuyện khác). Song dăm bảy năm gần đây, lại thấy xảy ra một tình trạng lộn xộn, mà ai cũng kêu, nhưng không biết làm sao thay đổi: Sách in ra nhiều hơn bao giờ hết. Còn sự sàng lọc, tức là cơ chế đánh giá sơ bộ và giúp bạn đọc chọn sách thì hoạt động kém cỏi đến mức không có được hiệu quả đáng lẽ phải có.

Đằng thẳng mà nói thì trang phê bình của các báo vẫn còn và vẫn có bài viết về tác phẩm nọ tác phẩm kia. Có điều ở đó, người ta chỉ mới thấy phần nào sự phân biệt đúng sai, còn như chuyện hay dở – một yêu cầu cốt tử đối với một dư luận lành mạnh – thì lại chưa được quan tâm đúng mức.

Vì thế, mới có hiện tượng mọi người khen chê nhau lung tung vô tội vạ, và trong khi không ít tác phẩm xoàng xĩnh được quảng cáo bằng đủ mọi cách khiến người ngoài nghề hoa cả mắt, thì những tác phẩm tương đối quan trọng lại dễ sót. Ở một mức độ nào đó, có thể bảo dư luận đang trở lại giai đoạn tự phát, và việc thiếu vắng những cây bút phê bình có uy tín được cả người sáng tác lẫn công chúng nể trọng chính là một trong những dấu hiệu của sự khủng hoảng mà chúng ta đang nói.

Chờ đợi, chờ đợi, chờ đợi. Không nên tuyệt đối hoá tính chính xác của dư luận. Giống như người bắt cá ngay giữa dòng nước, các nhà phê bình chuyên nghiệp luôn luôn có thể sai. Và nhìn rộng ra, ngay cả đông đảo bạn đọc đôi khi cũng có thể sai, lúc thì họ quá rộng rãi với tác phẩm này, lúc khác lại quá khắt khe với tác phẩm kia, và sự thiên kiến là không thể tránh khỏi, sự hòa theo nhau lại càng phổ biến hơn. Thế nhưng với tất cả tính chất tương đối của nó, dư luận vẫn là một bộ phận không thể thiếu của đời sống tinh thần trong xã hội hiện đại. Vượt lên trên lối phê bình đao to búa lớn can rở và những kiểu tăng bốc lẫn nhau đã quá lỗi thời, cái mà công chúng đang cần là một dư luận tốt, lành mạnh, hoạt động đều đặn và hợp lý. Một dư luận như thế không những là có ích cho bạn đọc, mà còn có ích cho người sáng tác, bởi nếu còn viết, thì các nhà văn chân chính vẫn còn khao khát mỗi ngày viết một khá hơn và cái chính họ chờ đợi không phải là những lời hoa mỹ nói bên chén rượu mà là những nhận xét có tình có lý có cân nhắc thận trọng. Còn như cứ duy trì tình trạng như hiện nay, thì có

nhà văn đã nói với chúng tôi là họ bơ vơ, không biết mình đang viết thành công thất bại thực sự như thế nào để lo liệu làm ăn tiếp. ...

Nhưng một sự nghiêm khắc với mình, và chờ đợi đối thoại để ngày một hoàn thiện như thế, đang là một thái độ hiếm hoi. Phổ biến hơn là một cái nhìn dừng đọng: ở, phê bình có nhiều, có rối rắm đến đâu đi nữa, thì nhà văn vẫn viết đều đặn, và bạn đọc vẫn tự chọn sách lấy để đọc, rồi ngồi tán gẫu với nhau, tóm lại là đời sống văn học vẫn vận động theo cái nhịp sôi động của nó, có gì mà phải làm ồn? Sau Một thời gió bụi, Sư già chùa Thắm và ông đại tá về hưu, đến lượt Hà Nội trong mắt tôi của Nguyễn Khải được in ra, rồi một tập truyện ngắn chọn lọc của tác giả này mười năm qua cũng đang được chuẩn bị, thế là được rồi. Không có các bài phê bình ư? Bây giờ thì Nguyễn Khải còn cần đến ai lắng xê nữa? Và không có bài giới thiệu, nhưng để ý xem, vào thời điểm này các báo đang nháo lên chạy số Tết, mà người đầu tiên nhiều báo muốn đặt viết, sẽ là Nguyễn Khải, bên cạnh thơ Nguyễn Duy, thơ Thanh Thảo, truyện ngắn Phan Thị Vàng Anh, thì truyện ngắn Nguyễn Khải sẽ là món đầu vị của nhiều số báo tết đang được bày biện, chẳng đã đủ vinh dự hay sao? Vâng, trong văn học hôm nay, dư luận vẫn tồn tại, nhưng là tồn tại theo kiểu như thế. Còn bao giờ nó thay đổi thì không ai biết.

“ÔNG TA KHÔNG BIẾT BAY!”

(Hay là câu chuyện chống vụ lợi và nguy hiểm trong việc khai thác văn học quá khứ) ở đâu không biết chữ trong văn học nghệ thuật, cái cũ luôn luôn có giá của nó. Chẳng thế mà mấy năm nay trong khi đi tìm lối thoát cho công nghiệp điện ảnh, các nhà làm phim đua nhau khai thác các cốt truyện sẵn có trong văn hoá dân gian và cổ điển.

Sau Thăng Bờm người xem lại được gặp gần như đồng thời cả Thăng Cuối lẫn Trang, gần đây lại có thêm Đêm hội Long Trì. Bên giới xuất bản, việc in lại sách cũ cũng nô nức như ngày hội: Một ví dụ dễ thấy là việc xuất hiện trở lại các tiểu thuyết Tự Lực văn đoàn. Nó gọi cho chúng ta hình ảnh một cây tre hôm qua bị vít chặt bao nhiêu, hôm nay bật lên mạnh bấy nhiêu, lỗi tuột cả những người đứng vít nó lên theo. ý chúng tôi muốn nhớ tới mấy nhà giáo kiêm nhà phê bình văn học nổi tiếng, thuở hàn vi từng lập nghiệp bằng nhiều sự kiên quyết, trong đó có kiên quyết và triệt để phê phán Tự Lực văn đoàn, nay lại trang trọng viết những lời giới thiệu cho một số tiểu thuyết của văn đoàn ấy mới được in lại.

Quan điểm của các ông đã thay đổi các ông cần trình ra cho được sự thay đổi đó trước mọi người hay đây chỉ đơn giản là đòi hỏi của cuộc mưu sinh (và cả sự kiên quyết hôm qua thật ra cũng là một cách mưu sinh mà thôi), chúng tôi không rõ. Chỉ biết cuối cùng các giáo sư đã vui lòng đứng tên bên cạnh Nhất Linh, Khái Hưng, âu cũng là vinh dự cho các nhà văn đó rồi! Cũng trên phương diện trả lại ý nghĩa cho các giá trị chân chính trong quá khứ, lại đã thấy có những việc nghiêm túc hơn và đòi hỏi công phu hơn cũng được tiến hành.

Khi cầm trên tay những Thầy Lazarô Phiên hay Hoan châu ký (tiểu thuyết cổ do Trần Nghĩa khảo đính và giới thiệu) người đọc hoàn toàn hiểu rằng trong việc “phục chế” các thứ đồ cổ quý giá này không thể có chuyện chạy theo một hay kiếm chút tiền bạc. Phải có một tâm tình sâu sắc như thế nào với di sản văn học dân tộc người ta mới quyết tâm làm việc đó giữa lúc văn hoá đại chúng tràn ngập như thế này. ở đây chưa nói tới khâu kỹ thuật tức là phải tổ chức khai thác cho chu đáo, phải có vốn đầu tư ra sao để làm cho đảng hoàng và người làm khoa học cũng yên tâm với công việc của mình. ở đây chúng tôi chỉ lưu ý

một vấn đề tưởng như đã cũ mà vẫn phải dè chừng: ấy là câu chuyện công bằng. Nếu không có một cách nhìn thông thoáng chúng ta dễ rơi vào tình trạng chủ quan, hẹp hòi chỉ khai thác những gì có lợi cho ngày hôm nay, rồi lại giở mọi lý lẽ để chứng minh rằng việc mình làm là phải, rút cục làm nghèo đi sản dân tộc đi một cách đáng sợ, như hôm qua chúng ta đã mắc phải.

Những ý nghĩ đó đã đến với tôi khi tình cờ có dịp cầm trên tay cuốn Người trí thức Việt Nam qua các chặng đường lịch sử của Vũ Khiêu do NXB T.P. Hồ Chí Minh cho in 1987. ở trang 181 bắt sang trang 182 nhân viết về Nguyễn Khuyến, GS. Khiêu viết: “Bao nhiêu người đã để lại những thơ văn còn nhiều hơn ông (chỉ Nguyễn Khuyến – V.T.N.) nữa.

Trên ba ngàn bài thơ của vua Tự Đức còn giữ lại trong thư viện Khoa học Trung ương đã mấy ai đến đọc bao giờ! Nhưng thơ ông (vẫn Nguyễn Khuyến – V.T.N) thì khác (...) bao người đã chép thơ ông, bình thơ ông, thuộc thơ ông”. Đọc đến đoạn này chúng tôi không khỏi giật mình. Suốt thời học phổ thông và đại học (sư phạm văn) chưa bao giờ bọn tôi được nghe nói là Tự Đức có nhiều thơ thế. Chưa thấy nào giảng, chưa sách nào giới thiệu. Đã có ai phiên âm và nhà xuất bản nào cho in ra đâu để chúng tôi có sách mà đọc? Và chẳng giá có biết chữ Hán hoặc chữ nôm nữa, thì ở Hà Nội trước 1975, cũng phải qua khâu làm giấy giới thiệu, khâu duyệt rất phiền hà mới được đọc. Vì đây là sáng tác của một vị vua vẫn được xem như có tội với nhân dân, với đất nước cơ mà! Canh giữ sáng tác của Tự Đức cẩn mật như vậy, sau đó lại chê thơ ông không được ai tìm đọc thì dễ quá rồi còn gì. Về mặt phổ biến, chắc chắn là sáng tác của Tự Đức không thể so với bất kỳ nhà thơ hạng nhì hạng ba nào của ta bây giờ, nói chỉ đến Nguyễn Khuyến.

Mượn cách nói của Nguyễn Minh Châu, có thể bảo loại như Tự Đức sau khi bị trời liên được chúng ta mang ra giảng giải với bạn đọc rằng ông ta không biết bay! Sức mảy mà Tự Đức cãi lại nổi! Cuốn sách của GS Khiêu in ra 1987 và bài viết về Nguyễn Khuyến còn được viết từ một vài năm trước nữa. Có thể hôm nay hiện tượng Tự Đức đã được GS hiểu khác. Nhắc lại mấy câu so sánh ở đây, tôi chỉ muốn lưu ý: Có nhiều khi chúng ta đã vô lý đến kỳ cục mà chúng ta không biết. Có thể một dịp nào đó người viết bài này cũng đã “hạ” một câu tương tự về

một hiện tượng tương tự. Vấn đề bây giờ là chúng ta cùng phải tìm cách dứt khoát giã từ với cái quá khứ lỗi lầm ấy. Để cho những giá trị có thật tự nó sẽ bay lên.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

CÒN PHẢI TÍNH TỚI BẠN ĐỌC NỮA CHỨ!

Ai người từng để mắt tới việc làm vườn đều biết rằng trồng trọt là một quá trình lựa chọn không bao giờ ngừng. Có được giống tốt chưa đủ. Sau khi gieo hạt, thường không mấy khi người ta mang đi trồng mọi cây con nảy mầm mà chỉ chọn ra những cây khoẻ nhất. Những cây mọc khoẻ, lại chăm xem cây nào cho quá nhiều quả ngon, để kỳ sau nhân giống. Vấn đề không phải chỉ là loại trừ cỏ dại, mà là giữa những cây cùng loại, cũng phải có sự chọn lọc, để những gì kém cỏi bị hạn chế đi đến loại bỏ. Nếu hỗn độn là bản chất tự phát của tự nhiên thì lựa chọn tức là mang lại một trật tự và giúp cho thiên nhiên phát triển ngày một hợp lý.

Khi hướng vào những công việc của con người, mọi sự lựa chọn lại càng cần duy trì theo những tiêu chuẩn nghiêm ngặt. Không phải bất cứ cái gì do con người làm ra đều là đáng quý. Việc gạt bỏ những sản phẩm xấu, hỏng, thoát nhìn có vẻ tàn nhẫn, song thật ra lại là một việc vô cùng nhân hậu, nó khiến cho hoạt động của con người có được kết quả tối ưu, và đẩy tới sự tiến hoá của xã hội. Người đứng ra lựa chọn phải có kiên thức, đồng thời lại phải có sự tinh tế biết người biết của, hơn nữa, có sự dũng cảm, dám chịu trách nhiệm.

Nói như một câu trong Truyện Kiều: “Thân tàn gan đục khơi trong Là nhờ quân tử khác lòng người ta” Cần nói dài dòng như trên về sự lựa chọn, bởi lẽ, trong một phương diện của đời sống xã hội hiện nay là các hoạt động văn học, người ta bắt gặp một sự hỗn độn không thể chấp nhận.

Như chúng tôi đã lưu ý nhiều lần (qua các bài viết trong mục Sổ tay hàng tháng) nay là lúc các sáng tác đang bung ra về số lượng, mà cơ chế lựa chọn thì không theo kịp. Sự đánh giá giới thiệu trên báo chí thiếu độ tin cậy cần thiết. Những cuốn sách gọi là tuyển truyện hay tuyển thơ hay thường xuyên in ra, nhưng thường được biên soạn dễ dãi, tùy tiện.

Định hướng vào cái đời sống sáng tác đang vận động hàng ngày, các giải thưởng nhiều hơn bao giờ hết, nhưng hình như cũng nhàm chán hơn bao giờ hết. Và trước tiên, sự hỗn độn được bổ sung đều đều,

bằng việc cấp giấy khai sinh cho những cuốn sách kém cỏi, ở đó, người làm biên tập chối bỏ công việc của mình, chỉ cốt có thêm đầu sách, còn chất lượng chuyên môn thế nào không cần biết.

Tình trạng nghiêm trọng đến mức dư luận nhiều phen lên tiếng, chẳng hạn gần đây cả báo Đầu tư cũng kêu về sự loạn thơ, còn báo Văn Nghệ đã đăng thư bạn đọc than phiền rằng quá nhiều tập thơ lá cải! Trước mắt chúng ta, không phải là “mảnh vườn xưa hoang vắng” mà là một mảnh vườn tốt um lên nhưng chẳng ra hàng ra lối gì cả, dây leo chất chồng, cây cho quả ngọt bị cây cho quả chua lấn át.

* Nhìn vào thực trạng nói trên, trong khi một số người lo lắng, thì một số người lại gật gù tán thưởng. Họ có cả một lô những lý luận bảo vệ cho sự hỗn độn nói trên, trong đó, có thể quy lại như sau: Một là, phải có bình đẳng trong sáng tạo. Mọi sự sáng tạo đều có quyền được trình diện. Hai là, sự lựa chọn nào cũng có thể rơi vào sai sót, vậy thì bản khoản lọc lựa làm gì, hãy cứ ném ra, rồi tùy bạn đọc. Quyền bình đẳng đúng là một cái gì thiêng liêng, không ai có thể phủ nhận. Thế nhưng cái quyền đó chỉ dành cho những sáng tạo thực sự. Nói cách khác, ở đây phải có những cái chuẩn, cái ngưỡng tối thiểu. Một thiên truyện viết bôi bác, cốt truyện chấp vạ lung tung, câu cú sai ngữ pháp, đọc vào chẳng thấy toát lên một ý tưởng nào rõ rệt, hoặc một bài thơ hình thành theo lối ghép vắn, lắp lại những điều nhảm chán, không có quyền nhận là những sản phẩm mang ý nghĩa sáng tạo. Nó có thể được làm ra để chép trong sổ tay “tác giả”, hoặc vài người bạn, nhưng nhân bản lên, làm thành sách, cho bày bán ở các hiệu sách, tức là muốn được xã hội hoá rộng rãi, thì phải bị hạn chế và những người giúp cho nó xuất hiện, phải bị phê phán. Việc tước bỏ quyền tồn tại của những “tác phẩm” tiên thiên bất túc, bất thành nhân dạng chẳng khác gì nhổ bớt trong vườn các cây cho quả chua quả lép, nó là điều phù hợp với lương tri tối thiểu của con người, không thể coi là bất công, tàn nhẫn. Đây đó, thỉnh thoảng các nhà văn học sử lại có dịp lôi ra những hồ đồ của một số nhà xuất bản trong việc đánh giá một số kiệt tác (Umberto Eco đã chế giễu chuyện này, trong bài phiếm luận mang tên “Chúng tôi lấy làm tiếc là không thể xuất bản tác phẩm của ông”, in trên tạp chí Văn học nước ngoài số 1.1997). Một số người đã chộp lấy những chuyện tương tự như thế này để nói rằng thôi thôi, tốt hơn hết là chẳng lựa chọn hay dở gì nữa, cứ cho in tuốt. Song một

công việc nghiêm túc như định giá và cho phép một cuốn sách “xuất xưởng” không thể dễ dàng bị sỗ toẹt như vậy.

Đúng là nhiều cuốn lịch sử văn học Pháp gần đây còn ghi lại một sự thực:

Khi viết xong *Đi tìm thời gian đã mất*, M. Proust gửi cho mấy nhà xuất bản và đều bị từ chối. Nhưng không phải là toàn bộ giới xuất bản bấy giờ đáng đánh đòn cả, lý do đơn giản là, cuối cùng, tác phẩm ấy của Proust vẫn được một nhà xuất bản lớn đương thời là nhà Grasset cho in. Từng sự lựa chọn chỗ này chỗ khác có thể sai lầm, nhưng toàn bộ công việc lựa chọn, định giá, vẫn là cần thiết.

* ảo tưởng không phải là độc quyền của riêng ai. Sau cơn hứng khởi làm ra một vật phẩm mới, xúc động đầy mình, người cầm bút nào cũng sung sướng và muốn nhân những gì mình vừa viết ra thành nhiều bản, muốn gửi nó tới tay mọi người trong bàn dân thiên hạ. Thế nhưng tôi tin là một người bình thường, có lương tri lành mạnh, khi bình tĩnh lại, được người khác chỉ ra chỗ yếu thực sự trong “tác phẩm” của mình một cách có lý có tình, sẽ dễ dàng tỉnh ngộ và chấp nhận rút lui, kể cả rút lui cái lý luận “ai cũng có quyền sáng tạo”. Điều đáng quan ngại hơn là đôi khi, những lập luận nói trên lại bắt đầu từ một thái độ không nghiêm túc, trở thành trò đùa của một số cây bút tạm gọi là lâu năm trong nghề.

Trước tình trạng khó khăn của sáng tác, trong thâm tâm tự cảm thấy bất lực, không vượt lên nổi, người ta liền tìm cách “chung sống” với nó. Nguy hiểm dễ thích nghi. Lấy số lượng để thay cho chất lượng. Và phỉnh nịnh đồng nghiệp để cùng tạo nên niềm tin giả tạo. Múa may một lúc với thứ lý luận đó, cũng thấy hay hay, tự mình bị mê hoặc bởi lời lẽ của mình, thế là lại tiếp tục đùa bỡn nữa. Có biết đâu, dù động cơ thế nào không biết, song một khi đã cổ động cho sự hỗn độn tự phát, người ta chỉ tự tố cáo là đã mất hết lòng tin tối thiểu vào công việc của mình, cũng như ngăn cản người khác tin rằng, bằng lý tính cần thiết, từng con người cũng như toàn bộ xã hội có thể đi dần tới sự hoàn thiện.

* Còn một “điểm đối chiếu” nữa mà sau hết, mọi câu chuyện văn chương phải tính tới, đó là bạn đọc. Hoạt động trong trăm ngàn lĩnh

vực khác nhau của đời sống, những người bình thường đâu có thì giờ tự lựa lấy sách. Họ phải trông chờ một phần vào sự gợi ý của giới chuyên môn. Trong việc mua bán những đồ lật vặt hàng ngày không ít phen họ đã phải chịu đựng cái cảnh hàng tốt không có, lật đi lật lại chỉ có mấy thứ hàng xấu hàng hỏng, còn đám người bán thì ồn ào bên cạnh, anh này làm cò mời cho chị kia, càng lắm thầy dùi thì người mua càng rối ruột, không biết đằng nào mà lần. Trong cái việc một số cây bút thảo khoán cho nhau in sách (cứ có tiền là được in!) rồi xúm vào tăng bốc nhau, người ta không khỏi cảm thấy thấp thoáng không khí chợ trời nói trên. Lúc bấy giờ, liệu văn chương có còn đáng được gọi là một lĩnh vực cao đẹp trong đời sống tinh thần như chúng ta hằng mong muốn?



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

TIẾNG VIỆT RỒI SẼ RA SAO?

Cách gọi tên các tháng trong tiếng Việt nói chung bình thường, nếu không kể tới mấy trường hợp đặc biệt: tháng mười một gọi là tháng một, tháng mười hai gọi là tháng chạp, và tháng đầu năm gọi là tháng giêng. Đối với tháng mười một, cách gọi này hơi bất tiện, nên nó đã tự động bị loại bỏ: riêng cách gọi tháng chạp, tháng giêng thì không vướng cái nhược điểm ấy.

Có lẽ bởi vậy, nên nhiều cuốn từ điển loại như Việt- Hán, Việt- Nga, Việt- Anh vẫn ghi các từ này, để người ngoại quốc được biết. Cũng như một số nhà dịch thuật vẫn dùng các từ này để dịch xuôi. Song trên các phương tiện thông tin đại chúng của ta, theo chỗ tôi nghe được, hầu như cả hai từ ấy, lại có ít cơ may được sử dụng. Vào những ngày này, nếu xem các chương trình ti-vi VTV1, VTV3, luôn luôn người ta được nghe nói ngày bốn tháng một (4-1), ngày năm tháng (5-1) v.v...

Và nếu đó trở thành xu thế chủ đạo thì tức là những từ vốn sống dai dẳng, từ mấy trăm năm qua (bằng chứng là chúng đã được ghi trong Từ điển Việt-Bồ-La của A. de Rhodes (1651) đến nay có nguy cơ trở thành tiếng Việt cổ, một thứ tử ngữ.

* Lý do người ta có thể nêu ra khi nói tháng một mà không nói tháng giêng. – Sợ có bạn đọc, bạn xem truyền hình không hiểu. – Muốn cho mọi chuyện trở nên đơn giản “đã có từ tháng một rồi, thì việc gì còn phải dùng tháng giêng nữa, cho rạch việc”. Nhưng liệu có thể nhân danh sự đơn giản (và cả sự trong sáng nữa!) để khai tử những từ đã có sức sống lâu bền? Tôi ngờ ở đây, mọi chuyện được làm theo một thói quen tự phát, hơn là có suy nghĩ cân trọng, và đó là điều nên được tính lại.

* Bên cạnh những từ, những cách nói mất đi (hoặc có khả năng mất đi) lại có những từ mới, những cách nói mới ngày một sinh sôi nảy nở. Một cháu nhỏ bốn tuổi khoe với tôi món đồ chơi mới được mẹ mua: – Cái ô tô này hơi bị đẹp đấy bác ạ. Rồi sợ tôi hiểu lầm, cháu giảng giải thêm:

– Hơi bị đẹp là đẹp, chứ không phải là xấu đâu!

Cháu nhỏ quả có sự nhạy cảm cần thiết. Trong tiếng ta, từ bị thường đi kèm với ý kém, dở, đáng bỏ đi (“bức tường đã bị ngả màu”, “bộ cánh đã bị loại sớm”...), nhưng ở đây, nó lại được dùng để lưu ý tới một trạng thái tốt, có chất lượng. Thì đúng là một cách nói lạ rồi còn gì! Có điều, tuy chỉ mới gia nhập vào kho tàng tiếng Việt độ mười năm nay song nó, cũng như một vài cách nói khác (rách việc, ti ti lần..) đang trở nên phổ biến, và từ chỗ chỉ dùng để đùa bỡn, đi dần sang các lĩnh vực nghiêm chỉnh.

Sau chuyến thăm Mỹ cuối 1995, nhà nghiên cứu Hoàng Ngọc Hiến kể với tôi là khi nói chuyện với Việt kiều, ông đã lưu ý tới những hiện tượng mới trong tiếng Việt như hơi bị đẹp, và người nghe tỏ ra khá hào hứng. Liệu những cách nói này có quyền tồn tại lâu dài? Tôi đoán ở đây không mấy ai biểu quyết phản đối.

* Do việc tiếp xúc với các thứ tiếng nước ngoài được mở rộng, nên nhìn chung, không chỉ vốn từ mà cả kiểu câu của ta cũng đang trở nên phong phú hơn. Chẳng hạn, đây là một kiểu câu mới.

– Tại cuộc họp, đã thảo luận các dự án xây dựng một khu chế xuất. Loại câu này ban đầu được sử dụng để dịch các câu vô nhân xưng trong tiếng nước ngoài.

Sở dĩ nó được chấp nhận, bởi nó gọi lại một cách đặt câu vốn có:

- Trong thôn xóm, đang lan truyền một bệnh dịch.
- Trên đỉnh đồi, hiện ra một lùm cây.
- Sau lưng theo một vài thằng con con (Truyện Kiều)

Thế nhưng việc gì cũng phải có giới hạn của nó. Từ kiểu câu nói trên, người ta đang đi đến chỗ dùng giới từ ở đầu câu một cách quá ư hào phóng.

- Với sự giúp đỡ của các thầy cô đã làm cho các em ngày một tiến bộ.

Tôi cho rằng đây là cách nói sai, bắt nguồn từ một cách nghĩ luộm thuộm, chứ chẳng phải sáng tạo gì cả. Nó không làm giàu thêm, mà chỉ làm bản tiếng Việt.

* Vai trò sàng lọc và cố định ngôn ngữ dân tộc trước tiên thuộc về các nhà văn, nhà giáo. (Lâu lắm không nghe thấy có nhà văn nào mới xuất hiện, mà được người trong giới khen là có văn, văn hay, văn đẹp!). Song trong thời buổi bùng nổ của các phương tiện thông tin đại chúng như hiện nay, thì cái sự làm giàu, làm sạch tiếng Việt còn phải trông chờ ở các nhà báo (cả báo viết lẫn báo nói) và nói chung bất cứ ai có sử dụng đến chữ nghĩa để phát ngôn trong xã hội.

Cửa hàng sách ấy là chỗ tôi thường lui tới. Người bán hàng đã quen giọng tôi từ lâu. Tôi nhớ là lúc đó, tôi cũng không có việc gì vội, nên nói khá từ tốn. Ấy vậy mà người bán hàng cứ ngỡ ra không hiểu mấy tiếng tôi vừa nói và mãi đến lúc tôi lục ra cuốn sách, anh ta mới mỉm cười, ngó ý xin lỗi.

Quyển sách gì mà có cái tên khó nghe, khó nhớ đến thế? Xin thưa, đó là cuốn Tuỳ tưởng lục của nhà văn Ba Kim, do Trương Chính và Ông Văn Tùng dịch, NXB Văn hoá Thông tin, 1998. ở trang 3, sau cái tên Tuỳ tưởng lục, cũng không có chưa thêm mấy chữ này nên hiểu là gì. Tôi đành vận dụng hiểu biết lờ mờ của mình để cắt nghĩa. Tuỳ đây hẳn là tuỳ ý, tuỳ tiện. Tưởng đại khái là nghĩ ngợi. Còn lục, chắc không phải là sáu mà là ký lục, biên chép. (Truyện Kiều: Phong tình cổ lục còn truyền sử xanh). May quá, lúc giờ đến trang 8, ta cũng thấy những người dịch nói tạt ngang, đại ý bảo rằng mỗi bài (trong tập) đều có tên riêng, nghĩ đến chuyện gì, viết chuyện đó đúng như cái tên chung “tuỳ tưởng”. “Một thứ nhớ gì ghi nấy, nghĩ gì ghi nấy” – tôi luôn tiện trình bày quá trình “giải mã” của mình với người bán sách, để giá có ai hỏi, anh ta còn bật mí cho họ hiểu một cách sơ lược. Cắt nghĩa xong, thấy hú vía, giá quyển sách nào tên tuổi cũng phải mò mẫm mãi mới đoán ra nổi thế này, thì cũng sợ luôn, không dám đến với các quầy sách nữa. Hoặc có đến thì phải mang theo từ điển.

* Đông Chu liệt quốc và Thủy hử, Hồng lâu mộng và Tây du, Vũ trung tuỳ bút và Truyền kỳ mạn lục, rồi Ngọc lê hồn, Tuyết hồng lệ sử, rồi Lôi Vũ, Nhật xuất, A. Q chính truyện... Kể ra, từ xưa tới nay đã bao nhiêu tác phẩm, hoặc của người Trung Quốc, hoặc của tổ tiên

ta, viết bằng chữ Hán khi dịch ra tiếng Việt, cứ để nguyên cái đầu đề sẵn có, và người đọc mặc nhiên hiểu. Vậy Tuy tưởng lục nói ở đây cũng là chuyện thường tình, có việc gì mà phải ồn lên? Trước một lời phản bác như thế, xin phép được trả lời vắn tắt:

– Một là cái gì người trước đã làm, hay thì ta nên theo, dở thì ta nên tránh, chứ sao lại nhắm mắt làm theo để đánh đổ bạn đọc?

– Hai là trong thực tiễn dịch thuật từ Hán sang Việt, cũng đã có nhiều kỳ công sáng tạo.

Trong phạm vi các đầu đề thôi, cũng đã có thể tạm kể, như lấy Chuyện làng nho để dịch Nho lâm ngoại sử, lấy Rừng thẳm tuyết dày để dịch Lâm hải tuyết nguyên, lấy Chuyện cũ viết lại để dịch Cổ sự tân biên. Thế thì một bản dịch của năm 1998, có nên bệ nguyên xi cách đọc theo âm Hán-Việt ra ngoài bìa sách, như Tuy tưởng lục? Lại như e rằng dịch ra không diễn đạt được hết ngụ ý tác giả? Thì sao không dùng cái cách một số người khôn ngoan đã dùng, là sau nghĩ gì ghi nấy, chưa thêm ba chữ tuy tưởng lục, để cả người thạo chữ Hán lẫn người “chữ nhất bẽ làm đôi không biết”, đều được thỏa mãn?

* Cái sự ép buộc, bắt bạn đọc phải ăn tươi nuốt sống những từ Hán-Việt mà họ chỉ hiểu lơ mờ, không chỉ thấy trong việc xử lý đầu đề, mà ngay trên văn bản tác phẩm. Đại khái, nếu tra từ điển, tôi cũng biết tản nghĩa là thông thả, không kiềm thúc, còn đạm nghĩa là nhạt. Song quả thật là tôi hoang mang không hiểu hai chữ ấy, khi ghép lại nghĩa là gì. Không may cho tôi là nó lại vừa xuất hiện trên một tạp chí chuyên ngành văn chương, tờ Văn học nước ngoài. Trên số 5 của năm 1997, tờ tạp chí này có in một loạt tản văn của Giả Bình Ao với lời giới thiệu trang trọng.

Khi cất nghĩa những đặc trưng của tản văn và nêu mấy yêu cầu đặt ra với nhà văn sử dụng thể tài này, người giới thiệu đầu tới vài ba lần dùng chữ tản đạm. Theo chỗ tôi tra cứu, chẳng những các từ điển tiếng Việt chưa ghi nhận từ này bao giờ, mà trong các văn bản thông thường hoặc truyện ngắn, tiểu thuyết đã in, nó cũng chưa hề một lần xuất hiện. Khi nghe tôi than vãn về một vài từ thuần Hán khác như tiền thủ, dã sinh, hân thưởng... cùng với tản đạm, được sử dụng có phần tùy tiện, có người tỏ ý bênh: làm thế để giúp cho tiếng Việt ngày thêm

phong phú. Tiếng nước nào cũng có chuyện bổ sung thêm từ mới. Song theo tôi nghĩ, đó là một việc cần được làm có tính toán, cân nhắc, lại có sự chuẩn bị chu đáo, giúp cho bạn đọc tiếp nhận được chính xác nghĩa của từ mới. Chắc chắn, đó không thể là một việc làm mới gửi bán cho vui. Và trong khi để in 1.000 bản, thực tế họ chỉ in độ vài trăm là đủ.

* Thế các thi sĩ (không thuộc hai loại người trên) làm thế nào để có thơ in? Vẫn có cách của họ. So với các tiểu thuyết và các tập truyện ngắn thì các tập thơ có một ưu thế hơn hẳn: Chúng thường mỏng mảnh dăm chục trang hoặc cùng lắm, ngót nghét trăm trang. Với một xí nghiệp sản xuất hay buôn bán, bảo trợ cho một tập thơ như thế này không bao nhiêu, có khi chỉ phí chỉ bằng một đợt quảng cáo ngắn trên tivi. Đây là điều cả các nhà thơ lẫn một số giám đốc đều biết rất rõ. Thành thử đã hình thành một lối xuất bản như sau:

– Nhà thơ mang thơ đến nhờ xí nghiệp X, công ty Y tài trợ. Đôi khi trong sách hoặc ngay ngoài bìa 4, có ghi lời cảm ơn nồng nhiệt với cơ sở “Mạnh Thường Quân” đã chi tiền cho in.

– Sau khi in xong trừ số trả bản quyền cho tác giả, số còn lại xí nghiệp lấy làm phần thưởng cho các cuộc thi, làm tặng phẩm thi đua, hoặc phát không cho cán bộ công nhân viên đọc.

Lối xuất bản có tài trợ này khá phổ biến, tới mức cách làm như Anh Ngọc trong hai tập thơ mới in thuộc những trường hợp ngoại lệ, ít người có gan làm vậy.

* Lý lẽ của Anh Ngọc trong việc không chạy cơ quan tài trợ:

– Tôi đã thấy không ít tập thơ được bảo trợ in, phát cho công nhân, họ không đọc, thậm chí đôi khi các xí nghiệp ấy không buồn phát cho ai nữa, in xong, xếp xó một chỗ chờ ngày bán cân. Tôi... tôi chỉ muốn thơ mình có người đọc, giá kể họ không đủ tiền, tôi sẵn sàng tặng, miễn họ yêu thơ thực lòng.

Tóm lại, nhà thơ chỉ muốn sông phẳng. Nhưng hãy xem, những người tự trọng đã phải trả giá như thế nào? Chạy tiền để in đã khó. Nhưng một vài nhà thơ còn cho biết nông nổi mang thơ đi gửi bán mới thật cơ

cực. Ai chẳng biết bây giờ cửa hàng bán sách không thiếu. Giá kẻ có sách luyện thi, sách tin học, sách dạy ngoại ngữ, họ sẽ thâu ngay. Chứ thơ thì thù lao cũng mấy chục phần trăm đấy, nhưng sách mỏng, bán chậm, không mấy người muốn nhận. Đến tận đây thì nhiều người sòng phẳng thật ngấy đến tận cổ, và chúng ta mới hiểu tại sao nhà thơ Anh Ngọc lại ước ao có chỗ để quảng cáo!

* Có người nghe chuyện này buông một câu lạnh lùng:

– Tại thơ không hay, nên mới đa sự.

Hữu xạ tự nhiên hương, thơ hay thì không cần quảng cáo, bạn đọc cũng đổ đi tìm mua. Một khi thơ đã không hay, không ai muốn in, không ai muốn mua, thì còn viết với xuất bản làm gì nữa cho nhọc! Nhưng đây là lý lẽ của người đứng ngoài, nhất là của những người trẻ, lớn lên vào thời của máy tính và tiếng Anh, nếu giỏi có thể xin làm việc ở các công ty nước ngoài. Còn như khi người ta đã trên dưới 50, đã sống (đôi khi là vất vả, nhưng đôi khi là rất vinh quang) với nghề làm thơ một vài chục năm, làm sao có thể nghĩ như thế được. Còn nước, còn tát, còn viết được họ còn cục cựa với niềm tin sâu xa rằng lịch sử văn học thực ra vận động bằng sự sống sót của những ảo tưởng. Bạn đọc có quyền dừng dừng! Nhưng các nhà thơ có quyền bám trụ! Và chỉ cần một chút thân tình với thơ, người ta cũng phải nhận rằng việc đưa thơ đến với bạn đọc thật là gian lao và cái giá để trả cho sự sòng phẳng thật quá cao vậy.

CƠ CHẾ VÀ SỰ THÍCH ỨNG

Nhìn lại những vất vả của một đời văn tài hoa như Tản Đà, trong một bài viết in trên Ngày nay cuối năm 1939, tức là sau khi Tản Đà mất mấy tháng – và sau này in lại trong tập Theo dòng – Thạch Lam tỏ ý than tiếc là “những tác phẩm của ông dễ không có quyền nào xuất bản tới ba lần”. Ý Thạch Lam muốn nói giá sách được in nhiều, thì sinh thời, Tản Đà sẽ đỡ túng hơn. Bài viết kết lại ở cái ý: Mua sách, quý sách, đó là cách công hiệu nhất để nâng đỡ những tài năng thất vọng và khiến cho nền văn chương của nước nhà đến chỗ thịnh vượng và phong phú.

* Thạch Lam nói thế có cái lý của ông. Theo một tin quảng cáo in trên Ngày nay, tới 1940, Hồn bướm mơ tiên của Khái Hưng đã in ra tới nghìn thứ 15 (lần xuất bản thứ 8). Cũng khoảng thời gian ấy, một cuốn tiểu thuyết luận đề gây sôi nổi trong dư luận, là cuốn Đoạn tuyệt của Nhất Linh cũng được in khoảng năm sáu lần gì đó. Mà quãng trước sau 1940, dân Việt Nam mới độ 25-30 triệu (thời Tản Đà: Dân hai trăm triệu hai người lớn – Nước bốn nghìn năm vẫn trẻ con). Mà hồi đó số người không biết chữ còn đông lắm. Thành thử, việc Hồn bướm mơ tiên hay Đoạn tuyệt được in ra với số lượng như thế, đã là đạt đến con số lý tưởng. Từ chỗ đứng rất thuận lợi của mình và các đồng nghiệp, Thạch Lam có tỏ lòng ưu ái với Tản Đà, thì cũng là chuyện dễ hiểu.

* Trong đời sống văn chương tiền chiến, Thạch Lam nổi tiếng là người kỹ tính và có yêu cầu cao về nghề nghiệp. Nhân câu chuyện của Thạch Lam với Tản Đà, chúng ta nhận ra một sự thực: Cả những nhà văn nghiêm túc bậc nhất, và không chịu về hòa với dư luận thông thường, cũng rất coi trọng số lượng in ra của từng cuốn sách mình đã viết. Không gì khác, đó là cách tồn tại của anh ta, là điều kiện để anh trò chuyện với bạn đọc. Số lượng trong trường hợp nói ở đây, chính là dấu hiệu của chất lượng. Chính từ chỗ này, chúng tôi muốn trở lại với cái tình trạng mà nhiều người đã đề cập tới – tình trạng dân số cả nước lên tới trên 70 triệu và số người biết chữ đâu chiếm tới 70-80% vậy mà các sáng tác trong nước in ra lại chỉ quanh quẩn ở con số 1.000 hoặc dưới 1.000. Dẫu sao, cũng phải công nhận đây là tình trạng trở trêu không nên có. Thế nhưng, điều đáng nói ở đây là tình trạng trở trêu ấy ngày mỗi trở thành một xu thế rõ rệt. Không ai biết làm thế

nào để chống lại nó. Ngược lại, người ta chỉ có cách thích ứng với nó. Người làm biên tập xử lý bản thảo qua loa cho xong – sách in có một ngàn bản chứ có nhiều nhận gì mà phải cẩn thận! Ngay các nhà văn nhiều người cũng đâm ra dễ dãi với chính mình. Chẳng nhẽ đi đòi người ta phải tặng bản in cho nhiều vào à? Mà đòi sao được! Âu là tiền nào của ấy, sách in ít, thu nhập ít, thì lao động bỏ ra càng ít càng tốt.

* Cũng là quan tâm tới số lượng, nhưng thay cho bản in, một số nhà văn bây giờ chỉ biết lo sao có thêm đầu sách. Và quang cảnh chung của giới sáng tác hiện ra, như một đám đi cầu, nhiều người giật luôn tay, nhưng toàn là những thầu dầu, cá mương, với lại đồng đông cân cân, mà những con chép, cá trôi, những con cá quả trữu cần, thì chỉ còn là những ước mơ ngày một xa xôi!

* Xét trên lý thuyết, thì cái giải pháp tùy nghi nói ở đây, có vẻ ngược hẳn với bản chất nghề văn: – Là người cầm bút, sự tự trọng của anh để đâu? – Lại nữa, có thể không ai khuyến khích anh, song chắc chắn, không ai phản đối, nếu anh ngồi chau chuốt tác phẩm cho thật kỹ lưỡng. Vậy anh hãy ngồi lý làm việc cho họ biết tay. Gái có công, chồng chẳng phụ – sau khi in ra lần đầu chỉ dăm trăm hoặc một ngàn bản, cuốn sách mang đầy tâm huyết và in dấu tài năng của anh sẽ biến rất nhanh khỏi các quầy hàng. Báo chí khen ngợi hết lời. Các đại lý tới tấp yêu cầu tái bản. Lúc ấy, các nhà xuất bản lại chẳng chạy bỏ tới, mà dúm tiền vào tay anh xin cho in tiếp, tôi chớ kể! Có điều, đó là những khả năng chỉ xảy ra trong lý thuyết. Trong thực tế loại nhà văn biết thâm canh, dám thâm canh, tính chuyện làm việc cho tương lai, loại đó đang còn quá hiếm. Và loại người viết không bị miếng cơm manh áo thúc bách, hơn nữa dù giàu có lên, vẫn cứ ham viết hay viết kỹ, loại đó càng hiếm. Vâng, tôi có thể an bản lạc đạo, thậm chí ngồi lý cân đo tính toán từng câu từng chữ, nhưng lúc nhìn lên trước mắt tôi biết bao đồng nghiệp xoàng xĩnh hơn, cẩu thả hơn, vẫn cứ ra sách tới tới, rồi giải thưởng nọ giải thưởng kia – con gà tức nhau tiếng gáy, hỏi tôi bình tĩnh sao được! Cái sự kiên trì “không chịu uốn mình trước cơ chế làm ăn tùy tiện hiện thời” cần được sự khuyến khích thân tình của hoàn cảnh. Một khi sự khuyến khích như thế chưa có, việc khá nhiều người cầm bút phải tìm cách thích ứng, như chúng ta thấy, dù có đáng trách bao nhiêu, song suy cho cùng cũng là chuyện tự nhiên không thể tránh khỏi.

QUÝ HỒ ĐA BẤT QUÝ HỒ TÌNH!

(Thử cắt nghĩa tại sao có hiện tượng tác phẩm in ra rất nhiều, nhưng lại ít cuốn đạt tới chất lượng cần thiết)

– “Chưa bao giờ sách xuất bản nhiều như bây giờ, những tác phẩm đua nhau ra đời như bướm nở ngày mùa, như chuồn chuồn vỡ tổ. Đáng phàn nàn về sự nhiều chẳng? Không, vẫn chương chúng ta còn cần nhiều nữa, hàng ngàn, hàng vạn quyển, đủ để bày trong các thư viện, trong các tủ sách gia đình. Điều đáng phàn nàn là cái giá trị của những văn phẩm đó viết ra một cách vội vàng, một cách cầu thả, một cách đáng khinh rẻ vô cùng”.

– “Lẽ đâu mà nước ta lại có lắm người viết tiểu thuyết đến thế?... Mà mỗi người cũng viết ra tới 30 – 40 cuốn. Họ có biết họ làm gì? Chưa chắc! Viết được một bộ tiểu thuyết hay thật khó. Hàng ngày thường có những người vì ít tội nhỏ mà phải tù phải vạ. Sao lại không có hình phạt dành cho một cuốn tiểu thuyết dở?”. Mới đọc qua dễ tưởng những nhận xét ấy vừa được viết ráo mực vì chúng quá đúng với tình hình sáng tác văn học hôm nay. Nhưng không phải vậy. Câu thứ hai là của một người Pháp, ông này viết về tiểu thuyết Pháp thế kỷ XIX, nhà phê bình Thiệu Sơn lấy ra để minh họa cho một ý tưởng của mình trong cuốn Phê bình và cáo luận in từ năm sáu chục năm trước (1933). Còn câu trước là của Thạch Lam in trong tập Theo dòng (1941), khi dẫn giải ý. Thạch Lam còn nhắc lại một câu chua chát của A. Ghide: “Nếu họ viết ít đi, ta sẽ thấy thích viết hơn”. Hoá ra không phải chỉ ở thời ta đang sống, ở nước chúng ta, mà ở mọi nước vào mọi thời, trong văn học đều có hiện tượng làm hàng theo kiểu quý hồ đa bất quý hồ tinh. Và cuộc đấu tranh cho chất lượng luôn luôn là một cuộc đấu tranh tuyệt vọng. Để chấp nhận nó, hay nói cho lạc quan hơn, để tạo thêm những cơ may trong cuộc đấu tranh với nó, chúng ta hãy thử lý giải hiện tượng lạ lùng này xem sao. Đại khái có thể có ba lý do sau đây:

1. Trên phạm vi tổng quát: Trình độ văn học chưa phát triển, nhà văn chỉ làm được có thế.
2. Xét ở khâu phổ biến tác phẩm: Vì còn nhà xuất bản cho in, và nhất

là vì còn có bạn đọc đọc họ.

3. Xét hẹp về tâm lý người viết: Sở dĩ một người viết chạy theo số lượng vì làm thế có lợi, còn làm khác thì sẽ thiệt.

Cách cắt nghĩa thứ nhất bao giờ cũng đúng nên lại có vẻ một thứ nói cho xong chuyện.

Cách cắt nghĩa thứ hai có tính đến một khía cạnh tế nhị là trình độ bạn đọc, đúng hơn là sự dễ dãi của họ.

Còn cách cắt nghĩa thứ ba thoát nhìn có vẻ như là chỉ biết đến đồng tiền, ấy là những chuyện lật vặt, sao lại mang ra để nói về một lĩnh vực thiêng liêng như văn học? Làm như vậy là đánh giá thấp các nhà văn?...

Nhưng theo chúng tôi hiểu, ở cái chỗ mà chúng ta thường bỏ qua đó, lại có nhiều khúc mắc, chính nó là một thứ đầu mối có liên quan đến chất lượng sáng tác. Có một sự thực đơn giản hình như ai cũng biết, song lại vô tình hay cố ý không muốn nói ra, ấy là trong sự sáng tác, giữa một cuốn sách dở và một cuốn sách hay, công sức bỏ ra chênh nhau không biết đâu mà kể. Thường thường trong nền văn học nào cũng vậy, mỗi cây bút viết tầm tầm đọc được cũng là những người không khó khăn lắm nếu cần phải sản xuất đều đều thứ hàng tầm tầm của họ, bảo họ viết gấp ba gấp bốn cái mức đang có, họ cũng làm nổi. Chỉ khi bảo họ chau chuốt làm kỹ lấy một cuốn thật hay, vượt lên khỏi mức thông thường, thì họ mới thấy lúng túng. Trừ những người còn quá ảo tưởng về mình, số đông sẽ bó tay cam chịu. Việc phiêu lưu quá. Mất công thì rõ rồi. Nhưng chắc đâu mất công vậy mà đã nên com cháo gì? Cái hay là chuyện phi phồng. Và khi tính sang chuyện thu nhập thì người ta càng nản. Vâng, cố đuổi theo chất lượng đôi khi chỉ được cái tiếng hão. Theo cách tính nhuận bút hiện nay giữa các sáng tác thuộc loại hàng xịn, hàng cao cấp, hàng thượng đẳng và loại kém, loãng xoàng, in tạm được, sự chênh lệch chả có là bao, cao lắm cũng chỉ một hai chục phần trăm. Ngồi tính một lúc ai cũng thấy ngay là ngồi viết mười cuốn tiểu thuyết dở chắc chắn vớ bẫm hơn đầu tư công sức cho một cuốn tiểu thuyết hay. Vả chẳng cái hay lại dễ gây ra tai vạ. Vả chẳng cái hay thường ban đầu khó chấp nhận, trong giới đã không dễ chịu nhau, chứ chưa nói tới bạn đọc thông thường vốn bạn

bị với các công chuyện và các trò vui khác. Có đến cả trăm thứ và chẳng ấy nó níu kéo người ta, nó khiến cho trừ khi có sự thúc bách đặc biệt, còn ngoài ra không mấy ai tự làm phiền mình, ngồi kỳ cạch với thứ văn chương để đời đó cả. Người Pháp từng nói tới cái thông lệ nỗ lực tối thiểu. Làm gì cũng vậy, khi chỉ có cùng một kết quả, cái nào ít vất vả hơn nói chung sẽ được người ta ưa chuộng hơn. Bảo rằng các nhà văn cần vượt lên trên cái thông lệ ấy, là quá yêu và quá kỳ vọng ở họ. Tốt hơn hết là nên có cái nhìn thông cảm với lớp người cầm bút và gia đình họ để rồi có sự độ lượng với những tính toán của mỗi người khi ngồi trước trang giấy trắng. ở trên chúng ta đã nói rằng hiện tượng viết nhiều chạy theo số lượng thời nào và nước nào cũng có. Song, bên cạnh đó ở các nước ấy vẫn thấy có nhiều trường hợp các nhà văn dám bỏ ra cả chục năm để viết một cuốn sách, lúc mới tung ra dư luận chưa công nhận chỉ dám in có vài trăm bản, họ cũng cứ bỏ công làm. Tại sao? ở đây ngoài sự ham muốn, ngoài những lý do thiêng liêng như nhu cầu tìm hiểu chân lý, khám phá sự thật và phiêu lưu vào những bí mật của nghệ thuật – tóm lại là những động cơ trong sáng của chúng ta hay nói – thì còn những lý do rất trần tục: Họ biết chắc rằng khi cuộc thí nghiệm thành công, sách sẽ in ra rộng rãi và với số tiền tác quyền rất lớn, họ sẽ đủ để sống đời. Mà ở ta cái sự bảo đảm ấy chưa có. Tóm lại nhà văn làm ăn lớn cứ tính theo cách của họ, còn chúng ta cứ làm ăn cò con theo cách của chúng ta. Sự phát triển của một nền văn học sẽ luôn luôn bị những tính toán nho nhỏ trong tâm lý các nhà văn chi phối. Phải mạnh dạn mà nói thẳng với nhau như vậy! Còn nếu như cứ dấu biệt cái lý do thật ấy đi, viện ra toàn những cơ đầu đầu để giải thích chất lượng sáng tác, thì mọi chuyện sẽ mãi mãi dừng lại ở cái điểm chết như cũ, người ta cứ viết nhiều viết vội, và những tác phẩm tốt nếu có, chỉ là những ăn may ngoại lệ.

VĂN HÓA QUÀ VẬT

Mười lăm năm trước, một người bạn tôi sau thời gian đèn sách công phu từ nước ngoài trở về hăm hở bắt tay vào xây dựng sự nghiệp như trước đây hằng ao ước: Anh dịch. Và dịch toàn những tác giả cỡ cổ điển của thế giới: Goethe, Schiller, Brecht v.v...

Bằng đi một dạo, không thấy anh mang đến tặng những cuốn sách dịch “nặng đồng cân” ấy nữa. Bảo rằng thay đổi nghề thì hơi quá, nhưng độ hơn một năm gần đây, cách kiếm sống của anh hoàn toàn đổi khác hẳn. Đến nhà anh chơi, thấy la liệt quanh bàn hàng chồng báo. Báo Anh, Pháp, Mỹ, Đức đã đành rồi. Lại cả báo Thái Lan, báo ấn Độ nữa. Công việc của anh là lọc ra những tờ báo đó các mẫu tin vui, lạ, giật gân, có kèm theo ảnh càng tốt. Rồi anh phỏng dịch và cắt dán gửi cho các báo. Báo này không dùng lại gửi báo khác. Thu nhập đều đều; so với việc dịch cổ điển hồi nào, còn nhỉnh hơn nữa.

* ở các nước khác, mới học dịch thì chỉ được dịch các mẫu tin và phải từng trải trong nghề lắm rồi, người ta mới được phép dịch tác phẩm cổ điển của các văn hào lớn trên thế giới. Hành trình văn hoá của anh bạn tôi diễn ra theo chiều ngược lại. Tuy nhiên, điều đáng nói là hành trình ấy của anh không phải do ý anh muốn mà là do diễn biến của đời sống văn hoá trong nước quy định.

Từ một đời sống văn hoá được quan niệm một cách cổ điển – non kém yếu ớt nhiều khi giả tạo nữa nhưng vẫn là theo kiểu cổ điển – giờ đây chúng ta đang có một đời sống văn hoá nhộn nhịp, màu sắc sặc sỡ, biến đổi luôn luôn để cuối cùng thành một món “tạp pí lù” hỗn độn. Sách nghiêm chỉnh bị sách nhí nhố đánh bại. Và giữa sách với báo, tạp chí, thì cái sau được ưa chuộng hơn cái trước, trừ một vài tiểu thuyết Tàu hoặc các tiểu thuyết thông tục kiểu Angiêlich..., còn nói chung người ta ngại đọc sách dày. Thà dễ tiền mua báo, ở đó, cái gì cũng có một tí, một tí thời sự vùng Vịnh, một tí chống tham nhũng, rồi một tí lượm lặt gần xa, soi ống kính vào từ cuộc sống riêng của diễn viên này đến thói xấu kỳ cục của chính khách kia; tất cả được xào xáo đến điếc cả mũi, song thực chất là một thứ quà vật, nhẹ nhàng dễ tiêu và chả gây ra tác hại cũng như đã không mang lại lợi lộc gì. Bên cạnh phần văn hoá nước ngoài thì phần văn hoá trong nước gần đây cũng được

báo chí săn sóc theo kiểu quà vật. Phần lớn đó là giai thoại, là chuyện đồn thổi, một thứ mách lẻo, nói cho vui, nghe cho vui. Cách đây mấy năm, nhân kỷ niệm 100 năm sinh Tần Đà, một nhà xuất bản lớn ở Hà Nội đã tung ra một cuốn sách viết về ông. Nhưng không phải là một chuyên khảo đi vào phân tích khuynh hướng sáng tác hoặc một số tác phẩm chính của tác giả. Trước mắt tôi giờ đây là một tập sách mỏng, ngoài bìa đề rõ giai thoại Tần Đà, tóm lại là một số mẩu chuyện về ông, mẩu nào cũng ngộ ngộ, hay hay (Cố nhiên, nếu ngẫm nghĩ kỹ thì cũng thấy có nghĩa!). Thậm chí, hãy nhìn vào cả một số tiểu thuyết cũng thấy không gì khác, cũng là thứ quà vật giúp người đọc giết thì giờ, ngoài ra cam đoan không bắt người đọc phải nghĩ ngợi. Người viết tặc lưỡi: “Cốt sao có tiền”. Nhà xuất bản có lý lẽ hằn hoi “Sách phải có người đọc chứ? Thời buổi dịch vụ cơ mà”. Quà vật đã chiến thắng! Phong cách quà vật đã hoàn toàn thắng!

* Cái gì tồn tại đều có lý của nó. Phải ngó ngàng lắm, mới tính chuyện cầm hản quà vật. Chỉ hiềm đã gọi là quà, đều không được lần át bữa chính. Một người chủ gia đình bình thường khi xem sổ tiêu pha, nếu thấy tiền quà trội hơn khoản tiền ăn mấy bữa chính, hản không khỏi giật mình, và phải tìm cách hãm ngay tình trạng lộn tùng phèo ấy lại. Chỉ có một điều đời sống văn hoá một nước không giống hản tình hình tiêu pha trong gia đình. Nó có vẻ của tất cả mọi người mà lại không phải của riêng ai. Bởi vậy, cái xu hướng quà vật kia mới có cơ ngạo nghễ lần tới. Không biết có phải là quá không khi dự đoán rằng người ta có thể chết đói về văn hoá ngay khi no ứ các thứ quà vật đó?

BÓNG TỐI DƯỚI CHÂN ĐÈN

Trong số ra ngày 21-4-1991, báo Hà Nội mới chủ nhật có cho đăng ngay trên trang đầu một bài báo hơi lạ. Bài điều tra đó kể rằng ở Hà Nội báo này chạy báo nọ ế, rằng cuộc thi ở báo này được khen và cho là hay hơn ở báo kia v.v... và v.v...

Sở dĩ gọi đó là bài báo lạ, vì nó phá vỡ một thói quen hình thành từ lâu: thói quen báo chí không nói gì về mình. Bán được báo là yêu cầu của thị trường. Mỗi khi gặp nhau, câu đầu tiên dân làng báo thăm dò nhau là dạo này báo lên báo xuống ra sao, số in từng tờ ra sao. Nhưng đó là bí mật nghề nghiệp! Nhìn trên mặt báo thật có trời biết có báo ế và vì sao mà ế. Chính báo chí lại thiếu thông báo về ngành của mình. Thiếu tính báo chí trong các hoạt động của giới báo chí. Phương Tây có câu ngạn ngữ đại ý bảo ở dưới chân đèn bao giờ cũng là bóng tối.

Các cụ ở ta xưa cũng đã nói: dao sắc không gọt được chuôi. Xem ra những câu nói thông minh ấy vẫn đúng với báo chí thời nay. Báo chí sinh ra để nói về mọi chuyện. Còn chuyện của giới làm báo thì bạn đọc đi mà nghe lỏm!

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

* Nhân đây, nhìn ra một khu vực rộng hơn, khu vực có liên quan đến cả xã hội, là đời sống văn hoá trong nước. Cũng giống như tình hình báo chí vừa nêu, điều oái oăm đang thấy rõ ở đây là chính nó – văn hoá – lại thiếu cái đặc tính mà ai cũng tưởng nó sẵn nhất trong hoạt động của mình: tính văn hoá. Trước khi có nghĩa là “những hoạt động của con người nhằm thoả mãn nhu cầu của đời sống tinh thần” văn hoá trong các thứ tiếng phương Tây vốn có một nghĩa hẹp hơn mà cụ thể hơn: sự thâm canh, sự làm kỹ, làm đến thành thực, một việc gì đấy. Còn ở phương đông văn hóa đi liền với nghĩa làm đẹp, trau chuốt, tô vẽ, làm cho dễ coi. Đối chiếu với những tiêu chuẩn đó thì không ai có thể yên lòng và văn hoá ta được. Từ biên soạn một cuốn sách đến sản xuất một bộ phim, từ phối hợp với nhau trong dàn nhạc đến dịch một cái phim, vẽ một tranh minh hoạ, cái phong cách làm việc đang chi phối không ít người chúng ta là sự cầu thả, sự qua loa cốt cho xong chuyện, còn chất lượng công việc thế nào không tính. Tâm trạng ăn xổi ở thì bộc lộ ra với thiên hình vạn trạng, những cách thể hiện dễ thấy và khó thấy. Làm văn hoá mà người ta tranh chấp

nhau như ngoài chợ trời. Chụp giật là gì? Là nghĩ ra một sáng kiến mới phải làm lấy được làm thật nhanh, chậm chân là có kẻ nâng tay trên mắt, dù học chẳng hiểu gì về công việc hết. Móc ngoặc với nhau để làm bậy, dìm dập những kẻ không cùng cánh vế, bắt chấp mọi lời kêu ca, mọi lời phê bình, thậm chí sẵn công cụ trong tay, giáng cho kẻ phê bình mình những đòn mạnh như trời giáng, đây là những thói xấu được tha bổng, được coi như không có tội, trong giới người làm văn hoá. Cái lý mà người ta nêu ra trong trường hợp này là: bởi không ai nuôi tôi nên tôi có quyền làm tất cả những gì cần thiết cốt sao sống sót... Người ta tự nhủ như vậy. Đi tới cùng, cái phương châm xử thế trên dẫn một số người làm văn hoá tới đâu chắc chúng ta biết: sự trâng tráo, sự lý lợm, toàn những đặc tính phản văn hoá. Nhưng ai cũng thế thôi! Huê cả làng! Kiếm sống cái đã! Một điều cũng phải nói thêm là mặc dù hoạt động khá nhộn nhịp nhưng trên mặt báo, đời sống văn hoá trong nước rất ít được nhắc tới.

Một diễn viên Hollywood vừa chết, hàng loạt báo có tin; một nàng Madonna thất vọng vì tình, hàng loạt báo đua nhau khai thác. Rồi những bộ phim đang ăn khách ở Pháp, quyền sách sắp được viết ở Mỹ, giá bán một bức tranh ở cửa hàng bán đấu giá bên thủ đô nước Anh... thời buổi làm ăn này, tin đến nhanh lắm, tin gì cũng có. Nhưng hàng tuần hàng tháng sách trong nước có những quyển nào được in, quyển nào được tìm đọc, thì không ai hay; một bộ phim thuộc loại tốn kém nhất ở ta hiện làm mất bao nhiêu tiền, mà món tiền đó đã được phân chia như thế nào, thì không ai biết. Cũng như phần lớn chúng ta chỉ biết mang máng mà không có ý niệm gì cụ thể về cuộc sống của các diễn viên lúc về già, hoặc quang cảnh hoang tàn cũ nát của các thư viện, hoặc tâm lý chán chường của học sinh các trường nghệ thuật. Giả sử ngẫu nhiên có nhà báo nào buồn tình đi viết về những chuyện đó thì bài viết trước khi in đã bị tước bỏ hết sự thực để khỏi gây phiền, do đó cũng không còn làm cảm động được ai. Cứ thế đời sống văn hoá trong nước chìm vào bóng tối, ở đó lắm người song cũng nhiều ma, ở đó tất cả lẫn lộn mà sống. Thời nào kia và bên những xứ nào kia, sở dĩ người ta có thể làm văn hoá được, bởi chính mỗi người trong cuộc đều ấp ủ một niềm tin sâu xa, tin rằng con người có thể sáng tạo nên những giá trị vượt qua thời gian để trường tồn cùng nhân loại. Trong đời sống nước ta, ở một số người làm văn hoá hôm nay, đây lại chính là thứ đang thiếu thốn nhất. Lâu dần, thậm chí một số người cho rằng lòng tin đó là một thứ xa xỉ không hề cần cho người làm văn hoá. Và

ở dưới chân đèn, bóng tối cứ quánh đặc lại! 20. Bốc đồng và những nguyên do của nó Báo Văn nghệ số 31 (2-8-97) có đăng những lời phản nản của một bạn đọc về những câu chữ bốc đồng trong một bài viết nhân bế giảng khoá V trường viết văn Nguyễn Du cũng in ở tờ báo này, số ra hai tuần trước đó. Đọc lại thì thấy lời phản nản kia là chính đáng thực. Thử kê ra một số mỹ từ mà người ta dành cho một số khoá sinh ở lớp viết văn này:

– Anh A: “già dặn, nhất quán”.

– Chị B: “một bản lĩnh thơ nữ”, “có lửa, đặc điểm dương tính đáng quý, đam mê nhưng cẩn trọng”.

– Anh C: “thơ đích thực với sức tưởng tượng phi thường gợi sự liên tưởng có tầm nghệ thuật cao”.

– Chị D: “u hoài, ma quái, thể hiện một thế giới xa xăm, huyền ảo, không lấm bụi trần, có rất nhiều câu thơ hay, bài thơ hay đạt đến mức kinh điển”.

– Anh E: gây ấn tượng về “sự lấp lánh và hiện đại kỳ lạ”. v.v... và v.v...

Như thế mà mới nhận xét rằng thiếu khiêm tốn, ngạo mạn, tưởng còn là quá nhẹ!

* Một điều đáng nói ở đây: những nhận xét trên không những học sinh tự bốc nhau lên, mà trong nhiều trường hợp là của Hội đồng giám khảo nhà trường dành cho khoá sinh (người viết đã chưa rõ như thế ở phần chú thích).

Điều này khiến tôi liên tưởng tới một chuyện gần đây thường gặp trong các gia đình: thời buổi bây giờ nghe con cái đi học về, báo rằng được thầy cô cho điểm cao, mà thấy sượng tai. Xem kỹ bài vở của con, mới phát hiện ra một sự thực: là nhiều bài đáng ra hỏi mình đi học thầy cô lúc ấy chỉ cho 7-8 thì thầy cô bây giờ toàn cho 9-10. Không phải trẻ con chúng nó không biết đâu. Chúng dùng cái chữ của kinh tế thị trường: điểm của các thầy cô thời nay “rẻ” lắm. Có điều dễ hiểu là cho điểm cao thế, không mất gì của thầy mà chỉ mang lại niềm

vui cho cả học trò, cả phụ huynh, nhất là niềm vui cho cả trên sở, trên bộ, tội gì không cho!

* Vâng, những mỹ từ trong bài viết về khoá V Trường Viết văn Nguyễn Du, sở dĩ làm cho bạn đọc trái tai, là bởi nó được xuất hiện quá tập trung. Chữ nhìn rộng ra, trên mặt báo người ta bốc nhau bằng những lời lẽ đâu có hạn chế hơn. Thôi thì đủ thứ: bước đột phá mới, đỉnh cao của tìm tòi, khám phá ngang tầm thời đại... Có lần, tôi nghe một nhà thơ kiêm nhà phê bình sắc sảo khen một nhà thơ khác là “mượn bút của trời” để sáng tạo. Trời ơi, hình như với Nguyễn Du, người ta cũng không mấy khi hạ những chữ như thế! Hàng năm, tờ báo nọ thường tổ chức những cuộc thi thơ, thi truyện ngắn. Đã thi phải có giải, người nọ người kia được giải nhất, giải nhì, tưởng cũng là chuyện bình thường. Bỗng nhiên ai đó húng lên phong cho một người được giải nhất là trạng nguyên thơ. Thế là hàng loạt người dùng theo một cách “vô tư”, không ai xem là chuyện chướng.

* Bốc đồng một chút trong khen chê, kể ra chỉ là một bệnh nhẹ. Song cũng là tự nhiên nếu xem nó như một dấu hiệu của một căn bệnh trầm trọng hơn: bệnh thiếu lực, tức ở đây, trong văn nghệ, là sức sáng tạo suy yếu, thành quả làm ra, chính những người trong cuộc cũng thấy không vừa lòng, mà không biết cách nào để làm được hơn, đành phải vuốt ve mơn trớn nhau, đề cao nhau, cho đỡ buồn. Chắc nhiều người đã biết nhưng xin cứ ghi lại ở đây tình trạng hiện thời ở một số khu vực cụ thể của sự sáng tạo văn chương.

– Tiểu thuyết vẫn có, nhưng phần lớn là có những tiểu thuyết viết dông dài, không dựa trên một quan niệm vững chắc nào về thể loại.

– Truyện ngắn xuất hiện đều đều, trong đó, từng tuyển có thể rất khá. Nhưng nhìn chung thì sao?

Trước đây sở dĩ một cuốn sách ra như Vang bóng một thời của Nguyễn Tuân có giá trị vì nó như một nải chuối chín đều, quả nào cũng đẹp, cả tập được tổ chức chặt chẽ theo một chủ đề thống nhất. Còn như các tập truyện ngắn gần đây thường chỉ được hình thành theo đề tài, theo giới tính của tác giả, hoặc do chỗ các truyện ấy cùng in ở một tờ báo nào đó, thuộc một địa phương nào đó. Ngay những tập truyện riêng củ một tác giả cũng được gom lại tùy tiện, đại khái sau

một thời gian chăm chỉ viết lách, tác giả thấy đủ số trang làm nên cuốn sách thì mang in, như trong một rổ hoa quả, dăm quả doi, vài quả ổi, mấy quả nhãn... quả xanh quả chín lẫn lộn, bảo đa dạng cũng được, mà bát nháo cũng được.

– Phê bình văn học gặp đâu hay đấy, lại tản mát tùy tiện, đến mức phải nghĩ rằng nó gần như không có. Thay vào đây khá phổ biến là những giai thoại văn chương, tức là những chuyện đồn thổi về những nhà văn mà không ai đảm bảo về độ chính xác.

– Những tập chuyên khảo có chất lượng về một vấn đề nào đó, một tác giả nào đó, lại càng hiếm hoi. Nhiều cuốn sách in ra mới trông có vẻ công trình dày dặn, nhìn kỹ, chỉ là tập hợp những bài viết đây đó của những tác giả khác nhau hoặc các bài đã đọc trong một cuộc hội thảo mà có khi như trong một dàn nhạc, mỗi người chơi theo một kiểu, chẳng có chỉ huy thống nhất, chẳng có hoà âm phối khí gì cả. Như thế thì làm sao khỏi nản lòng? Để tìm ra chút tự tin ngõ hầu tiếp tục hành nghề, âu là nhắm mắt nhắm mũi, coi như không biết rằng có những chuyện đó, mà chỉ thấy toàn đỉnh cao với lại tuyệt vời. Và những cơn bốc đồng cứ thế lây lan, câu chuyện về thầy trò trường Nguyễn Du chỉ là một ví dụ nhỏ.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

BỘT PHÁT

Chẳng hạn trong lúc mải dịch, không tìm thấy từ tương đương, thì cứ theo âm Hán Việt mà chép, rồi ai muốn hiểu thế nào thì hiểu.

* Xung quanh câu chuyện “nhập lậu” cách dùng từ đặt câu của tiếng Hán vào tiếng Việt, còn một hiện tượng nghiêm trọng hơn và cũng đang có cơ phổ biến! Một trong những nguyên tắc chủ đạo của ngữ pháp tiếng Việt là từ được coi là quan trọng để trước, từ phụ thuộc để sau, ví dụ ở ta ai cũng nói cái đồng hồ của tôi, người tình cũ, làng Hồ Khẩu, trong khi ở tiếng Hán người ta nói ngược lại: ngã đích thủ biểu, cựu tình nhân, Hồ Khẩu thôn.

Thế thì giải thích và xử lý ra sao những cụm từ Hán Việt sử dụng cú pháp tiếng Hán, ví dụ câu lạc bộ, giáo khoa thư, hàng không mẫu hạm? Như các nhà ngôn ngữ học đã xác định, đó là những hiện tượng tồn tại trong lịch sử, nên coi chúng là những ngoại lệ, tức những hiện tượng không bình thường và bất đắc dĩ mới để cho các cụm từ tương tự xuất hiện.

Vả chăng, khi cực chẳng đã phải làm công việc lắp ghép từ mới, thì có một nguyên tắc cần tôn trọng: ấy là chỉ sử dụng cú pháp Hán để ghép các từ gốc Hán, còn với các từ thuần nôm, thì hoàn toàn nghiêm cấm. Tiếc thay, nhìn vào sách báo hiện nay, người ta thấy nhan nhản những lỗi lắp ghép bừa bãi. Nào là cổ nhà văn, cựu nhà viết kịch, nào là đệ nhất nhà hàng, Thanh Tú quán, cựu ngôi sao bóng rổ và cả thơ tuyển (với nghĩa tập hợp nhiều bài thơ được chọn). Thử phân tích một trường hợp cụ thể: để chỉ một cây bút viết văn đã qua đời, có thể dùng cổ tác gia hoặc nhà văn quá cố. Dùng cổ tác gia thì sang trọng, nhưng cái chữ tác gia (với nghĩa người viết văn) không ai biết. Dùng nhà văn quá cố thì hơi dài. Để vừa sang trọng, vừa ngắn gọn, người ta liền sáng chế ra chữ cổ nhà văn. Có biết đâu như thế là làm hỏng tiếng Việt!

* Thăng con nhỏ của tôi mới đến tuổi đi học, rất thích thú với cái cặp đề rõ Bao Thanh Thiên bằng chữ Hán hắc hoi. Học theo chúng bạn, nó hát: Trên trời cao chim hót Triền Chiêu đi với người yêu Bao Đại Nhân không thích Triền Chiêu đi ra công đường Tôi giật mình chột

nghĩ: Khi cần hình dung lại mấy bộ phim còn in hằn lên trong đời sống tinh thần mình và bạn bè mấy năm nay, loanh quanh chỉ thấy toàn những Tây du với Khát vọng, Hồng lâu mộng với Tình Châu Giang, Tể tướng Lưu gù với Người Bắc Kinh ở Nữ ước. Câu chuyện Tuỳ tưởng lục với lại cổ nhà văn vừa nói ở trên hình như cũng nằm trong cái mạch ấy chẳng? Trước khi tìm ra đối sách phải cùng nhau ghi nhận xem có phải đang có một điều gì đó cần được tính kỹ để giải quyết. Tức là trước khi bốc thuốc, hãy trả lời cho câu hỏi: có phải đang có một căn bệnh?



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

CÁI GIÁ CỦA SỰ SÒNG PHẪNG

Ngoài 50 tuổi, đã là Hội viên Hội Nhà văn VN từ năm 1980, bạn tôi, nhà thơ Anh Ngọc, vừa cùng lúc cho in hai tập thơ: Một con mèo nằm ngủ trên ngực tôi (thơ viết), và Độc thoại của Marilyn Monroe (thơ dịch).

Nhận được sách tặng, tôi hỏi ngay:

- Chi phí độ bao nhiêu?
- Tổng cộng bằng một chiếc xe Chaly.
- Thu hồi vốn bằng cách nào bây giờ?
- Gửi bán mỗi nơi một ít.

Rồi anh nói thêm:

– Tôi chỉ ước có một tờ báo nào cho quảng cáo, tức là cho phép tôi trả tiền thuê một ít “đất” trên báo để tin cho bạn đọc là có hai tập thơ như thế, giá bấy nhiêu, bấy nhiêu và nếu muốn mua xin mời đến số nhà... Nhưng ở ta chưa có tiền lệ, nên không báo nào nhận cả.

* Câu hỏi đặt ra: Trong việc đưa thơ đến với bạn đọc, trường hợp Anh Ngọc nêu trên ở đây, có phải điển hình không?

Câu trả lời: cũng không hẳn. Theo chỗ tôi biết, các nhà thơ tạm gọi là chuyên nghiệp (Hội viên Hội Nhà văn VN ngành thơ) trước khi tính chuyện bỏ tiền in sách còn phân vân chần. Số người mạnh tay một lúc in hai tập càng ít. Về mức độ máu mê, chắc chắn họ không thể bằng hai loại người dưới đây:

Một là: những anh em đang tấp tễnh vào nghề, muốn có một tập thơ đầu tay để làm cái danh thiếp trong giao thiệp, hoặc có cơ xin vào hội này, hội nọ.

Hai là: các vị cán bộ nhà nước sắp về hưu, tâm sự đầy mình; hoặc các

doanh nhân đã thành công trên thương trường muốn có thêm thơ để tự khẳng định một phương diện nữa trong con người tài năng ở mình. Nhưng với hai loại này, thì việc bán thơ không đặt ra. Thường họ in để biếu, họa hoàn lăm



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

QUYỀN ĐƯỢC HÁCH

Trong lời giới thiệu viết cho Tuyển tập Nguyễn Bính 1986) nhà văn Tô Hoài từng kể lại cái cảnh lần đầu được gặp tác giả Lữ bước sang ngang như sau:

“.. Còn nhớ Nguyễn Bính mặc bộ quần áo tây trắng đã tả, ống quần và ống tay áo cũng lờm xờm như tóc tai...

Bắt tay rồi, Nguyễn Bính hỏi tôi:

– Đây có tiền không?

Như đã biết nhau từ bao giờ. Tôi cảm động được anh hỏi han thân tình như thế. Tôi mỉm cười. Thế là, cũng chẳng đợi tôi trả lời, có lẽ cái cười hiền lành của tôi đã khiến anh thấy tôi sẵn sàng rồi. Anh sai luôn:

– Vào bánh giò “Đờ mắng” mua dăm chiếc nhé, năm chiếc cũng không thừa đâu. Từ sáng tới chưa được miếng nào vào bụng”.

Đọc qua cả đoạn, bạn đọc thường thường – trong đó có cả người viết bài này – chỉ mang máng đoán ra ẩn ý của Tô Hoài: hẳn ông muốn mách cho ta thấy cái nhếch nhác của đám người cầm bút lúc bấy giờ. Nhưng trong một lần nói chuyện riêng với ông, tôi được ông thổi thêm vào tai:

– Nguyễn Bính tài thì tài thật, nhưng phải cái tật là tự coi mình hơn hẳn anh em, thích sai phái quát nạt, bắt mọi người phải hầu hạ phục dịch mình. Được cái thơ hay, nên người ta còn nể. Lại còn thế nữa!

Tôi ngẫm nghĩ và như chợt nhận ra thêm một bài học, từ một thói quen khá phổ biến giữa những người cùng nghề, ấy là thích lên mặt với nhau, hách xằng với nhau một chút cho oai. Tôi có tài nghĩa là tôi có quyền được hách với các anh. Đây là một thứ lễ luật không được ghi thành văn bản, nhưng ai cũng biết và cũng chấp nhận. Người được hách thì thích quá rồi. Mà người bị người khác tỏ ý hách cũng thảm sung sướng theo. Vậy là trong nghề của mình, mọi thứ mo-phú tuốt, chỉ có tài năng là đáng giá đồng tiền bát gạo! Tôi chịu anh! Vậy là chờ

đấy, rồi đến ngày tôi viết được, cái mặt tôi có vác lên, các anh cũng chớ khó chịu! Này không chừng thằng ấy nó hách thế, là nó thách đồ mình, thúc đẩy để mình cố viết không biết chừng... Ôi đã lý lẽ được như thế, thì cái sự hách thấy quý hoá quá, việc gì phải bỏ. Lại còn một kiểu hách nữa, mà giá không được nghe bằng tai mình, tôi đã không tin. Hồi còn mồ ma nhà văn Nguyễn Tuân, ông cũng nổi tiếng là kẻ cao ngạo. Nhà văn Kim Lân kể: “ấy, vào nhà mình, có dò hoa nào đẹp là ông ấy tức, hoặc có cái lọ, cái đĩa nào hay hay mất, là lúc về, ông thần nhiên cho vào cặp. Ra những thứ ấy, cái thằng mặt trắng như mình không đáng dùng, mà phải ông ấy mới đáng. Khiếp khiếp, khinh người, ngỗ ngược thế chứ. Được cái lâu ngày anh em cũng quen, chịu thầy, thôi thì thầy cứ việc hách, nhiều khi đã mất của mà anh em vẫn thấy sung sướng!”

Tuy Kim Lân không nói rõ, song có cảm tưởng ông ngầm bảo rằng hách thế cũng là đáng với một người có tài, nhất đấy lại là Nguyễn Tuân, đã tài lúc trẻ, lại còn tài cả lúc già. Vâng, tài cả lúc già là chuyện ai cũng mong, nhưng không phải ai cũng làm được. Khỏi vị chỉ mấy quyển sách chào hàng là đọc tầm tạm, sau đó có viết ra cái gì cũng không bằng cái đầu. Trong trường hợp ấy, vô phúc mà không biết điều, rước cái tính hách vào người, không sao sửa được, thì mới thật khổ cho thiên hạ. Hãy kể trường hợp anh nhà văn nọ, mà giờ đây, cả giới chúng tôi đều gớm! Ngay từ lúc mới vào nghề, con người không ranh tinh quái đó đã học được toàn những đức tính sang trọng của các bậc đàn anh. Thấy ai có gì hay hay cũng muốn phỗng tay trên. Bạ ai cũng sai. Sai đèo đi nơi này, nơi nọ. Sai đi kiếm cho tao mấy cái vé. Sai ra ngoài kia kiếm bia, kiếm lạc về để chúng anh khê khà. Thậm chí, vào nhà người ta chơi ngả ngón ở đấy, sai cả bố mẹ, vợ con người ta điều đóm hâu hạ mình luôn thể. ấy là không kể một phương diện khác của sự hách, là cái tật hay nói, hay dạy khôn, bạ cái gì cũng dúng mồm vào, đến nhiều đám đông, chưa nghe thủng chuyện người ta đang nói đã ào ào như máy nước hồng, thế mới chương! Hồi đang viết được còn đỡ, gần đây, những cái viết ra nhạt nhẽo, không ai để ý nên đâm lười không muốn viết nữa. Song cái bệnh ngông nghênh hay nói thì không bỏ được, vẫn cái tính hách phô ra, người quen cũ lảng dần, mà người mới quen cũng chỉ trở mắt nhìn nhau, không hiểu nết tẻ ra sao cả.

– Tóm lại, cái đạo luật mà trên kia anh tự hào nhắc tới, rằng nhà văn

có quyền hách với nhau, anh A làm bộ hách với anh B chẳng qua để kích thích anh B viết, cái đạo luật không ghi thành văn bản giờ đây đã hết hiệu lực, giới nhà văn các anh đạo này tinh táo, biết điều cả rồi?

– Không hẳn đã đúng. Nói có thể anh không tin, chứ ngay bây giờ chúng tôi vẫn cầu mong có một ông nào đó viết thật hay và do đó dám sống thật hách, và anh em thì cứ lịm đi mà chịu cho ông ấy hành. Với một ngòi bút trẻ trung mà lại có tài, người ta dễ tha thứ lắm. Còn ở trường hợp cái ông nhà văn tôi nói về sau, gọi đúng tên thì phải bảo đó là một thói xấu tầm thường: không biết mình biết người. Và không bỏ được một cái tật đã ngấm vào mình như một bản năng thứ hai. Suy cho cùng, xằng xít như thế không phải là hách nữa, mà là “ám đầu” rồi, thiên hạ có lảng thì cũng là phải. Thành thử cái đạo luật không ghi thành văn bản trên kia nhắc tới vẫn đúng, chỉ có điều phải ghi chú thêm: chỉ nhân nhượng cho những người có tài, khi người ấy đang có tài. Dùng không đúng người, không đúng lúc, sẽ thành lỗi bịch.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

KHI CÁC NHÀ VĂN VIẾT VỀ NGƯỜI CÙNG NGHỀ

Lâu lắm rồi trong một buổi họp, tôi có được nghe nhà văn Nguyễn Đình Thi nêu một nhận xét nhỏ, song lại có ý nghĩ khái quát.

– Cái vốn lớn nhất của mỗi nhà văn chúng ta nhiều khi lại chính là vốn hiểu về các đồng nghiệp. Có thể đến nay, người nói đã quên, song bản thân tôi thì còn nhớ mãi, bởi câu nói đó là một gợi ý giúp tôi giải thích sự tồn tại của một mảng văn chương khá hấp dẫn, là mảng văn chương các nhà văn nhà thơ viết về những người cùng làm nghề như mình. Vâng, đã sống với nhau trọn một đời trong nghề, thương yêu nhau có, chen cạnh nhau có, lúc vui đùa hả hê, lúc lại thư từ thông cảm với nhau hàng ngày, chúng tôi có viết về nhau thì cũng là chuyện tự nhiên. Về mặt nhận thức mà xét, có thể tin chắc là trong khi kể về nhau như vậy, nếu biết khái quát, các nhà văn cũng có thể nêu được những vấn đề chung để những người khác, ở các ngành khác, tìm thấy sự đồng cảm.

Kể ra vài chục năm trước, ở Hà Nội cũng đã tự nhiên hình thành một thứ thói tục không ghi thành văn bản, song ai cũng tuân theo, đó là “không cần và không bao giờ nên viết về giới của mình”. Người cầm bút lúc đó hay xấu hổ, ở chỗ riêng tư, người ta nói với nhau rằng nhà văn mà lại đi viết về chính đám viết lách quen biết thì nó “khí khi” thế nào ấy. Nhân vật trung tâm của văn học lúc ấy phải là con người ở các ngành nghề gian khổ khác... Nhưng thôi, những trò ấy, qua đi đã lâu, giờ cũng không nên nhắc làm gì nhiều.

* Vốn liếng đã sẵn, còn viết ra sao? ở đây có thể thấy những cách thức khác nhau, trong việc chế biến tài liệu. Trong một số ít trường hợp người ta chọn một cách làm kín đáo:

Người viết chỉ sử dụng chi tiết về cuộc đời, lối nói năng sinh hoạt của các đồng nghiệp, rồi đổi tên và thêm bớt ít nhiều, hư cấu thành nhân vật là nhà văn nọ, nhà thơ kia.

Ngay từ trước 1945, bạn đọc đã có dịp đọc mấy cuốn tiểu thuyết loại này như Mực mài nước mắt của Lan Khai, Bức đồng của Đỗ Đức Thu.

Đầu cuộc kháng chiến chống Pháp, lại có Đôi mắt của Nam Cao với nhân vật chính là nhà văn Hoàng.

Cách đây mấy năm một tập truyện ngắn mang tên Tình vờ đã ra đời, ở đó, số phận đau xót và kiếp sống vật vờ của đám người cầm bút được miêu tả qua cái nhìn của những Nguyễn Cong Hoan, Bùi Hiền, Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Khải, Triệu Huân, Trung Trung Đĩnh...

Nhưng không phải nhà văn nào cũng viết được truyện ngắn hay tiểu thuyết, trong khi kinh nghiệm vốn liếng về người trong nghề thì đầy ắp chẳng kém ai. Để cho tự nhiên hơn và giúp bạn đọc hiểu mọi chuyện dễ dàng hơn, nhiều người gần đây có lời viết luôn về các đồng nghiệp, nhỏ thì như các giai thoại, các mẩu chuyện lớn hơn là các bài báo dài, các chân dung. Trong tình hình chung khi mà hoạt động phê bình còn yếu kém, những khô cứng và hơi hợt còn kéo dài chưa biết bao giờ có cơ may sửa chữa, thì việc xuất hiện những mẩu chuyện, những bút ký, hồi ký mà người trong nghề viết về nhau, quả dễ được chú ý: do sự sinh động hấp dẫn, chúng có khả năng trở thành một tư liệu giúp cho bạn đọc hiểu thêm về các sáng tác cụ thể, cũng như những con người cụ thể, đứng sau các sáng tác ấy, và suy rộng ra về cả giới cầm bút. Một người như nhà văn Tô Hoài đã làm việc này khá đều đặn, và có được cái riêng của mình. Viết về Nam Cao, ông làm rõ cuộc đấu tranh giữa lương tâm, khát vọng, với những đòi hỏi lật vật hàng ngày ở một trí thức lớp dưới, tự trọng nhưng lại quá nghèo. Trong khi kể lại chất nghệ sĩ tự nhiên ở Nguyên Hồng, ông không quên chấm phá vài nét thất thường, đồng bóng ở tác giả Những ngày thơ ấu. Ông nhấn mạnh vào đôi mắt “ngơ ngơ như nhìn đâu”, để rồi dự đoán về một căn bệnh tâm lý “không bình thường” ở Võ Huy Tâm, nó khiến cho những trang viết của nhà văn này khi được khi hỏng, đoạn rất hay, đoạn rời rạc, không đâu vào đâu. Đến cả với Nguyễn Tuân, Tô Hoài cũng không khuyên ta “kính nhĩ viễn chí”, mà qua việc kể lại những ốm ờ, xục xặc, những thành kiến trong đối xử, lại khiến ta gần gũi Nguyễn hơn. Chỉ không hiểu sao một cách nhìn phải chăng như thế của Tô Hoài hoặc trước đó, của Nguyễn Công Hoan (trong hồi ký Đời viết văn của tôi) của Vũ Bằng (trong Bốn mươi năm nói láo) không được mấy người chia sẻ, mà phổ biến hơn ở đây, lại là một cách làm ngả sang tô vẽ, nó khiến cho người ta băn khoăn, ngờ vực, và đôi khi là cả khó chịu.

* Trong con mắt những người bình thường, sự sáng tạo thường được tôn vinh như là một sự thăng hoa, một hành động siêu việt, một cái gì cao đẹp đánh dấu khả năng phi thường của con người... Tất cả những điều đó là đúng, nhưng chưa đủ. Đi vào bếp núc của nghề cầm bút, lại có thể thấy một sự thực khác. Khi đã trở nên một nghề kiếm sống, cái gọi là sự sáng tạo văn chương có những khía cạnh “y chang” như mọi nghề khác. Không phải ai cũng là thần thánh cao sang mà ở đây có rất nhiều người bình thường, thậm chí đôi khi phải nói có cả... ma quỷ. Kẻ có tài xen lẫn với người bất tài. Chuyện tâm phào ồn ào thường khi che lấp chuyện nghiêm chỉnh. Đáng tiếc là đáng lẽ phải viết về nghề văn với tất cả các sắc thái ấy, thì ở một số người có lối nhìn khá phiến diện. Vô tình hoặc cố ý không biết, song chỉ thấy họ trung ra toàn những điều tốt đẹp. Công việc hàng ngày của người viết được bao phủ một lớp hào quang, tác phẩm nào cũng ra đời nhưng một sự xuất thần trong một phút mặc khải. Hiện lên sau các trang viết thường là các nhà văn lúc nào cũng toàn tâm toàn ý với nghề. Người này mất ăn, mất ngủ vì một câu một chữ đã viết. Người kia thân tàn ma dại, vì những khát vọng cao siêu. Mượn cách nói của khoa nghiên cứu về tiểu thuyết, có thể bảo là tới nay trong câu chuyện mà những người trong nghề kể về nhau thường nghề viết văn vẫn được đặt vào một khoảng cách sử thi, tức lý tưởng hoá, chứ chưa được tiếp cận theo lối suồng sã như là chính nó vốn vậy. Thoạt đầu, loại bài viết về đề tài này còn ít và người ta, có thể nghĩ rằng vào thuở ấu trĩ mọi chuyện như thế là khó tránh khỏi. Đến khi thấy những hồi ký, hồi ức, những kỷ niệm mẫu chuyện giai thoại xuất hiện ngày một nhiều mà cứ kéo mãi một kiểu, thì những nghi ngại bắt đầu xuất hiện. Khi một tác phẩm “thường thường bậc trung” cũng được mang ra bình tán khấn khứa, và cả những người viết làng nhàng cũng được dành cho những chữ nghĩa quá ư to lớn, người ta phải đặt câu hỏi: hay là ở đây có chuyện phình nình đồng nghiệp, đề đề cao chính mình, và lấy việc viết hồi ức, kỷ niệm, để xác lập một ít uy tín mà bằng chính tác phẩm từng người không thể làm nổi?

* Có những tình thế thuộc loại tẻ nhạt, ở đó tính mức độ dễ bị vi phạm, song bởi vậy, sự thận trọng lại càng đáng quý: chẳng hạn khi có một người viết văn qua đời. Thói thường, trước cảnh đau lòng, người ta sẵn sàng dành cho người đồng nghiệp xấu số những lời tốt đẹp nhất. Song giờ đây, khi những câu văn tẻ đọc bên nắm mồ cũng đã nhanh chóng trở nên văn bia vì ngay sau đó, nó được in lên mặt báo được

tuyển vào sách (nghĩa là cái câu Khôn văn tế đại văn bia không đúng nữa), thì có lẽ nên bảo nhau tỉnh táo một chút. Không ai buộc anh phải nói hết sự thật về người vừa nằm xuống. Thậm chí phải thấy nói những lời lẽ ấy vào lúc ấy là bất nhân! Nhưng ngược lại, cũng không nên “phóng tay áo sô đốt nhà táng giấy” nói cả những điều không đúng sự thật về người vừa chết. Nhà văn Tô Hoài có lần than thở đại ý “Đọc những điều văn với lại cảm nghĩ sau khi một nhà văn qua đời gần đây thấy hình như ai cũng là thiên tài cả, trong khi lúc họ còn sống, không phải thế!”.

* Chỗ xuất phát của một số nhà văn khi đứng ra viết về người cùng nghề khá hồn nhiên và giản dị: Viết cho đời sống văn chương thêm cao sang, thêm hấp dẫn đáng yêu. Hoặc đôi khi chỉ là viết cho vui, hoặc muốn mang lại cho các đồng nghiệp, giữa cuộc đời buồn tẻ, một tí an ủi. Quả thật, nghĩ vậy, thì viết như vậy, cũng không có gì là lạ. Rồi bạn đọc cũng chỉ xem những lời ta ve vuốt nhau ấy như một cái gì vui vui, ngồ ngộ, đọc đấy mà cũng quên đấy. Trong khi ấy, quanh chuyện này, có thể có cách nghĩ khác. Người viết coi mỗi khi đặt bút viết về đồng nghiệp là một dịp tự nhận thức. Từ những dòng viết sâu về nghề văn, học muốn hiểu thêm về năng lực và giới hạn của con người. Qua bóng dáng của một cây bút, họ muốn phác ra một mẫu người thời đại. Rồi ra, bạn đọc sẽ đối xử với những trang viết ấy ra sao, không nói chắc mọi người cũng biết. Chỉ xin lưu ý thêm rằng: để có được những trang viết như thế, mỗi người không chỉ cần có sự chân thành, lòng tốt, mà còn đòi hỏi cả sự dũng cảm, dám nhìn thẳng vào sự thật, cũng như khả năng vượt lên chính mình để đánh giá nghề mình một cách khách quan. Nói nôm na tức là ở đây cần có sự biết điều, không tự huỷ hoại hoặc vô lối.

VỀ 1 LOẠI TIỂU THUYẾT ÁM CHỈ THỐC MÁCH

Nói một cách vắn về thì hình như dạo này khoảng cách giữa hiện thực được miêu tả trong các cuốn tiểu thuyết và chính cuộc đời thực đang được thu hẹp lại. Nhưng mà nhiều người không thích lối nói khái quát vậy. Người ta nói toẹt ra:

– Hết khôn dòn ra đại, dạo này bọn nhà văn toàn mang chuyện có thật vào sách. Nghĩa là chỉ tên người, tên địa điểm thay đổi thôi, còn tất cả i xì. Đọc vui đáo để. Những lời xì xào chung quanh một số cụ thể nghe càng có sức khêu gợi hơn và do đó, là độc ác hơn.

– Này đọc cuốn... chưa? Chuyện ngành X. đấy! Giới quan chức ở đây cay lắm, nhưng nói ra tức là lạy ông tôi ở bụi này, nên phải ngậm bồ hòn làm ngọt.

– Cậu dở quá, nhân vật hoá sĩ trong cuốn tiểu thuyết ấy chính là lão A, chứ còn ai khác nữa? Cả bè ngoài cũng giống hệt.

– Tôi nhận ra rồi, nguyên mẫu của các nhân vật được tả kỳ này toàn người cơ quan sù ấy cả. Từ nay trở đi thấy sù ở đâu là phải biến cho nhanh mới được. Bọn bè đầu hót cho lắm vào, để rồi, lúc thiếu tài liệu, sù lại đưa mình vào sách sớm!

– Tôi chắc nhuận bút cuốn tiểu thuyết này vợ hán phải đòi giữ để tiêu riêng một nửa. Toàn lời lẽ của cô ta khi cãi nhau với chồng mà. Thật là bôi gio trát trấu vào mặt. Nhưng thôi, một người chịu tiếng dễ nhiều người khác có lợi, có thể chúng ta mới biết là mình và người quen mình đang sống như thế nào!

* Viết được một quyển sách đã thú. Viết được một cuốn sách để xung quanh xì xào bàn tán, sự thú vị còn nhân lên gấp nhiều lần. Nên chỉ, khi nghe được một trong những lời đồn thổi nói trên, một người viết văn quen tôi chỉ cười trừ.

– Thì cái nghề cầm bút nó vậy! Đến ông Tolstoi vĩ đại là thế còn mang chuyện gia đình mình vào sách nữa là tui tôi? Có mỗi cái thực tế mình

thông thạo nhất, tội quái gì không viết. Về lý mà xét, sách của tôi là tiểu thuyết chứ đâu có phải người thật việc thật! Một nhà phê bình khi được yêu cầu bình luận về chuyện này cũng đã bày tỏ lập trường một cách rành mạch.

– Nên nhớ rằng xuất xứ của tiểu thuyết không gì khác là chuyện ngồi lê đôi mách. Chả thế mà cả ở phương Đông lẫn phương Tây, tiểu thuyết thoát đầu thường bị khinh rẻ cho rằng không đáng gọi là văn học; và chỉ sau này khi biết mang lại cho những chuyện ngồi lê đôi mách đó một ý nghĩa khái quát, tiểu thuyết mới được công nhận là một thể tài bình đẳng với mọi thể tài khác. Vậy hãy để những lời đồn đại đó sang một bên, và dựa vào tác phẩm mà có sự đánh giá cho cụ thể. Công việc của người viết phê bình không bao giờ lại bao gồm cả cái việc đối chiếu những hình tượng nhân vật được vẽ nên trong cuốn sách với nguyên mẫu (nếu có) của chúng cả. Được lời như cởi tấm lòng, nhà văn sung sướng gật đầu:

– Vậy là coi như tôi trắng án, hả?

* Bây giờ mà nói chuyện lương tâm, không chừng bị kêu là cổ! Nhưng giữa những người kiên trì bàn chuyện lương tâm, bao giờ cũng còn những nhà văn. Bởi vậy, tôi tin sau những câu chuyện trên đây, nếu không phải tất cả, thì vẫn còn một ít người cầm bút động lòng. Vâng, gạt những điều người ta đồn bậy về từng quyển sách sang một bên, thì nói cho cùng vẫn có việc đó: việc các nhà văn lấy chuyện những người quen mình, gán gũ mình ra để viết. Mà đã có việc đó, tức là có dịp để người ta nghĩ ngợi: bộ mặt thực của con người là như thế nào? Khuôn mặt người được nói tới, thật ra nhiều khi cái đó còn khá mờ mờ. Nhưng khuôn mặt kẻ đi nói về người khác, cái đó mới thật rõ, thật minh mạch, không ai giấu nổi, sau mỗi tác phẩm. Để kiểm tra có thể nêu ra hàng loạt câu hỏi:

– Có chắc chắn rằng việc đó đã được làm một cách thận trọng, hay không ít phen người ta đã viết về nhau khinh xuất, cầu thả, theo những thành kiến tầm thường?

– Có chắc những việc đó đã được làm một cách vô tư hay khi vô tình khi hữu ý, người ta chỉ viết để thoả mãn thù hận, thậm chí như là dùng giấy mực để khùng bô nhau nữa?

– Có chắc những việc đó đã được làm vì một yêu cầu nhận thức cao cả, yêu cầu nắm bắt sự thực về con người, về xã hội hay chẳng qua chỉ là câu chuyện túng cái viết quá thì mang nhau ra giỡn chơi, mỗi cuốn sách kiếm vài triệu rồi... phải tay hết chuyện?

Trả lời những câu hỏi đó là việc riêng của từng nhà văn, không ai làm hộ được. Còn về phần những người được (hay bị) mang ra làm tài liệu cho cuốn sách thì sao? Nói cho cùng, biết chắc rằng viết về mình là kẻ không trong sáng, lại đi một nhẽ, kẻ đi bôi xấu người khác trước tiên chuốc lấy tiếng xấu về mình, đấy là lẽ thường. Chỉ có điều ngại: Nhớ ra, xoay đi tính lại, rút cục thấy người ta viết về mình hình như chính xác, cái đó mới phiền. Bây giờ cũng chỉ còn cách tự an ủi:

– Thôi, chưa biết làm nên công trạng gì, nhưng đời mình cũng đã được cái việc là làm tài liệu cho một cuốn tiểu thuyết... đứng đắn. Không biết có ai chịu nghĩ như thế?



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

XUÔI VÀ NGƯỢC

Giờ đây, “ngoại tình” không còn thu hẹp ở nghĩa đen vốn có, mà đã được sử dụng khá phóng túng. Bất cứ nơi đâu có hiện tượng con người đang hoạt động ở lĩnh vực này lại liếc mắt đưa tình sang lĩnh vực khác, chòì sang đó, xoay xở, kiếm chác, đều được người ta gọi đùa... một cách xác đáng là “ngoại tình” ấy cũng là điều xảy ra với giới sáng tác.

Từ thế kỷ XIX về trước, phần lớn các nhà văn nhà thơ ở ta vốn là những ông quan. Cai trị dân là việc chính của họ. Sáng tác chỉ là việc làm thêm những lúc rỗi rãi, viết xong để đấy, chờ đọc cho bạn bè nghe, chứ không hề có chuyện gửi đăng ở một tờ báo, đề nghị một nhà xuất bản nào đó cho in để lấy mấy đồng nhuận bút còm như bây giờ. Tóm lại, viết vì tình chứ không phải vì lợi. Đại khái tình thế của các cụ khi ấy cũng là tình thế của văn hào Nga Tchekhov. Ông nhà văn này vốn học nghề bác sĩ, lúc trẻ từng làm ở các nhà thương, mở phòng mạch, khi đã nổi tiếng trên văn đàn rồi vẫn không quên việc đi khám chữa bệnh cho người nghèo. Có lần ông bảo nghề y là vợ chính của mình, viết văn chỉ là một thứ tình yêu thêm thắt. Có điều, khá nhiều đứa con tinh thần ra đời từ những cuộc ngoại tình này của Tchekhov cũng như của các ông quan — nhà thơ tài năng xưa, lại là những đứa trẻ lực lưỡng đúng như nhận xét của nhân vật Edmund trong vở kịch Vua Lia của Shakespeare: “Sao lại là con hoang? Sao lại ti tiện? Ra đời từ một cuộc ân ái nông say của bản nhiên tính người, ta lại chẳng hơn hàng râu hàng xóc bọn người ngẩn ngơ vợ vẫn, tạo nên trên những cổ giường râu rĩ chán chường, sau những cuộc giao hoan ngủ ngủ hay sao?” Kiểu sáng tác “nghệp dư” ấy, dĩ nhiên đến nay, ở xã hội ta, vẫn đang tồn tại. Nhiều cán bộ ở các ngành chính trị, quân sự, kinh tế, ngân hàng... đã sống cả đời với nghề của mình rồi, vẫn không quên văn chương, thường xuyên ngứa ngáy muốn đọc muốn viết, và trong không ít trường hợp đã viết được những trang sách cảm động. Có thể bảo lối ngoại tình xưa vẫn được tiếp tục và có cái khía cạnh đáng khuyến khích của nó. Có điều đến thời chúng ta, cũng trong phạm vi văn học hôm nay, lại nảy sinh một loại ngoại tình khác. So với loại nói trên, nó diễn ra theo chiều ngược lại. Sau một ít sáng tác trình làng, một số cây bút tạm gọi là có năng lực được điều về làm việc ở các cơ quan báo chí — xuất bản, những bệ phóng của sự sáng tác

văn học. Phải nói, trong hoàn cảnh Việt Nam, đây đã là một cách để giúp đương sự chuyên nghiệp hoá ngòi bút, một điều mà các ông quan ngày xưa có nằm mơ cũng không thấy. Phiền một nỗi, trong khi một số người càng viết lên tay, do đó càng phần chân chuyên chú về nghề, chỉ tâm tâm niệm niệm là suốt đời chung thủy với nghề, thì lại có một số khác càng đi sâu vào công việc, càng hiểu rằng thực ra mình đã nhầm, năng lực của mình rất hạn hẹp, mình sẽ không bao giờ viết được cái gì khá hơn so với mấy sáng tác ban đầu. Có điều nghề này lạ lắm, anh có chán nó mấy nhiều khi nó cũng không chịu buông tha để anh đi với nghề khác. Luôn luôn nó đồ ngon đồ ngọt, rồi hứa hẹn hứa hẹn với anh, rằng có thể mai đây sự thể sẽ khác. Và anh e sợ!

Quả thật, đã vào nghề này rồi, giờ lại có gan nói bô bô lên rằng mình không có khả năng, rồi rút lui, chuyện ấy khó lắm. Bây giờ mấy cây bút bất đắc dĩ này sống với văn chương chẳng khác chi những cặp vợ chồng đã trót đi đăng ký kết hôn, không chừng đã có mấy mặt con với nhau rồi, mà tự nhiên mắc chứng lạnh nhạt, hết hẳn nỗi hứng thú khi phải chung chạ! Không có gì lạ, nếu thấy họ cũng tìm cách ngoại tình và tùy hoàn cảnh, mỗi lần sự đâm dúi ngang tắt của họ lại hiện ra một khác. Đại khái hồi còn bao cấp đủ sống, mấy người ấy có lối lẳng xăng tích cực trong các công việc không phải văn chương (của đảng tội nhiều khi vốn rất cần cho xã hội và nếu không ai chịu làm thì cũng không tiện!). Họ làm các việc đó một cách hào hứng, vô tư, để rồi có cơ mà nhắc nhở với mọi người rằng đạo này bận quá, không lấy đâu ra thì giờ để ngồi trước trang giấy trắng nữa.

Gần đây, văn chương không được bao cấp, viết lơ mơ thì không đủ sống, mà thực ra trong bụng chả có đề tài gì ử sẵn để “đói cũng viết, khổ cũng viết”, mấy người này liền xoay ra buồn dờ. Họ chạy đôn chạy đáo cơ sở này, trung tâm khác, lấy tiếng là viết văn viết báo cần làm quen với thực tế, song tình thực là mắt la này lét chờ xem có dịch vụ gì thì đánh thuê, có món hàng nào cần tiêu thụ thì môi lái, chỉ trở! Có thể sau những lần “thâm nhập đời sống” ấy, họ vẫn phải trưng tên mình sau một vài bài báo, để tiện bề làm ăn, song thực ra là viết cho phải phép, chứ tâm chí đâu còn để vào trang viết nữa.

Cứ thế, họ ngoại tình dai dẳng, ngoại tình đấy mà trên danh nghĩa vẫn chung thủy với cô vợ tao khàng là cái nghề cũ và có ai hỏi vào thực chất thì sẵn sàng chối. Như trên đã nói, chỉ nhà văn thời nay mới có

kiểu ngoại tình thứ hai này, nó đang còn khá kín đáo, nên cũng chưa thấy xã hội có ý kiến gì hết. Còn những đứa con hoang ra đời sau những vụ ngoại tình này cố nhiên không phải là sáng tác, mà chỉ là một ít tiền của, song nghe đâu cũng còm nhom thảm hại lắm.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

NHỮNG CÁCH TỰ TÔ VẼ

Chưa biết nội dung ra sao, nhưng một cuốn sách bìa đẹp, giấy trắng trông lại dày dặn – loại sách có gáy như tiếng trong nghề vẫn nói – đã gây ấn tượng về một cái gì chừng chắc.

Đây là điều mỗi người trên đời đều biết và các nhà làm sách thời nay càng biết. Đối với người viết tiểu thuyết thì cái đó hơi khó. Phải thêm chương thêm hồi, thêm nhân vật, phải xoay lại cả bố cục. Toàn chuyện rắc rối nên người ta ngại đụng tới.

Đa số các tiểu thuyết của ta hiện nay vẫn khoảng ba bốn trăm trang gì đó là cùng. Riêng đối với người soạn sách thì con đường mở ra lại khá thênh thang. Giả sử phải tập hợp các tài liệu về một vấn đề gì đó, hoặc chung quanh một tác giả nào đó. Thời mọi người còn làm ăn tử tế, cái việc biên soạn ấy được quan niệm là việc đeo ngọc trong đá: anh phải giúp cho bạn đọc tiếp xúc với những gì gọi là tinh hoa của văn bản. Từ một tài liệu mười mười lăm trang, anh phải rút ra lấy một hai trang nó là cái phần thiết cốt nhất của tài liệu. Có thể, mới gọi là biên soạn. Nhưng đây là chuyện “xưa” rồi. Nhiều cuốn sách gọi là biên soạn thời nay, chẳng có biên hay soạn gì hết, nhặt được bao nhiêu tài liệu, người ta mang vào sách hết. Có hai cái lợi cùng lúc xảy ra: Một là chả cần lao tâm khổ tứ cắt gọt, cho nhọc vào thân, và hai là cuốn sách mà mình đứng tên biên soạn lại dày dặn thêm. Thế thì tội gì chẳng làm? ở các nước vẫn vậy, mà ở ta hồi trước 1985 cũng vậy, sách được in ra theo lớp lang và việc xếp nó vào thể loại nào đã là một việc định giá rõ ràng. Chỉ có những tác giả đang được coi là lớn, sau một đời lao động vất vả, mới được quyền ra tuyển tập. Hoặc như cái việc in ảnh ta ngay ra ngoài bìa một cuốn sách. Đây lại càng là những sự đặc ân, người ta chỉ dành cho những trường hợp siêu hạng. Nay thì mọi việc lộn phèo tất cả. Một người mới viết độ dăm bảy năm, chưa gây được ấn tượng nào với những người trong giới và dư luận nói chung, cũng tự đứng ra làm Tuyển tập. Có phải vì người đó không biết rằng như vậy là đã làm sang cho mình không? Tôi nghĩ là họ có biết. Chẳng qua thấy mùa võ mĩ chẳng ai xem thì dùng một chút tiểu xảo làm oai thêm. Đến như cái chuyện một tác giả để ảnh mình ngự ngay trên bìa một thì khỏi phải nói! Nó giống như tình cảm trước khi vào một khu vườn, người ta bắt gặp bức ảnh to tướng của chủ nhân đặt ngay trước

công. Chưa biết bên trong hoa thơm quả ngọt thế nào, nhiều người thấy lối trình diện như vậy, đã tính chuyện... chuồn thẳng.

* Có những nhà văn nhà thơ đáng kính, và điều đầu tiên khiến cho người ta kính trọng ông, là cả đời ông rất thận trọng, chỉ cho in ra dăm bảy truyện ngắn, hoặc vài chục bài thơ. Bởi vậy, lẽ tự nhiên là lâu lâu tác phẩm của ông được in lại đây là một việc làm hoàn toàn chính đáng. Thế nhưng, không hiểu do tác giả muốn hay do nhà xuất bản xui đại, tự nhiên thấy có tình trạng như sau: Giả sử nhà văn X có một tập truyện ngắn gồm mấy truyện A, B, C, D và xưa nay, cả tập vẫn đặt tên chung là A, và nói tới ông X, người ta chỉ nhớ tới tập A. Đùng một cái, thấy trên các cửa hàng sách bày ra một tác phẩm của ông, dưới cái tên B. Tưởng là một tập mới, người đọc đổ đi tìm. Hoá ra vẫn tập cũ dọn lại, xưa là A, B, C, D thì nay là B, A, C, D. Sự kính trọng nhà văn nếu không giảm đi thì cũng chẳng tăng lên được chút nào hết.

* Tâm lý thông thường của bạn đọc là khi thấy nói một cuốn sách được in tới lần thứ năm thứ bảy thì phục lắm. Chắc loại tác phẩm hay nên mới được in lại luôn. Có lẽ cũng hiểu điều đó nên có nhà văn tìm cách trình bày mình rất khéo. Không phải anh ta nói dối, anh ta cũng nói thực thôi, ví dụ sách in n lần thật, nhưng mỗi lần chỉ độ vài trăm cuốn, và phát hành trong phạm vi hẹp, ở khu vực tác giả công tác, dư luận chung hầu như biết rất ít. Thành ra nghe thì rất oai mà thực chất chẳng có là bao. Các đồng nghiệp chỉ được một phen tặc lưỡi: “đúng trò lấu cá”.

* Người ta thường nói: đôi khi do tự ti quá, mà một người phải nói khoác, trong một số trường hợp nói trên, sự tình đúng là như thế. Đang thời văn chương ế ẩm nên cả nhà xuất bản lẫn tác giả đều gặp nhau ở ý tưởng là phải trương mọi thứ lên cho thật kêu. Biết đâu, đây lại chỉ là một cách tự thú rằng tình thế đang khá... bí bết.

NỖ LO QUÁ SANG TRỌNG

Người ta không nói gì mới khi bảo rằng Nguyên Hồng là một người dễ cảm động và rất mau nước mắt. Tuy nhiên, câu chuyện sau đây của một nhà văn trẻ, thì thật là lạ: Tại một trại viết nhà văn ấy được dự, Nguyên Hồng ở trong ban phụ trách và ngoài vài bài giảng về kinh nghiệm sáng tác, ông cũng ngồi viết như anh em.

Vốn tính tình nghịch, nhà văn học viên kia có lần rủ mấy cậu bạn đến quan sát cách làm việc của thầy, nói nôm na là rình trộm xem Nguyên Hồng viết ra sao. Quả nhiên thấy tác giả Bỉ vô thỉnh thoảng khóc thật. Đến khi tìm cách lai vãng tới gần để xem cái đoạn thầy mình vừa viết vừa chấm nước mắt là đoạn nào, rồi làm cuộc so sánh, thì mới trặc khác ra: nó không hay bằng các đoạn khác, Nguyên Hồng viết lúc tỉnh táo. Thì ra, sự xúc động là yếu tố cần thiết, nhưng bản thân nó không làm nên văn chương.

Để đạt tới những trang viết mang tính sáng tạo thực sự còn cần đến khâu tổ chức công việc, cần kỹ thuật thể hiện – tóm lại là cần đến lý tính. Mỗi khi bàn về sáng tác, Thạch Lam thường không quên nói về sự xúc động. Trong cuốn Theo dòng mộng mảnh, ông đã viết ở nhiều chỗ khác nhau rằng “sự thành thực mới là cái then chốt của nhà nghệ sĩ. Muốn viết một tác phẩm bất hủ, một tác phẩm mà giá trị không theo thời, ta phải để hết nỗi rung động trong tác phẩm đó”, “Chúng ta cứ là chúng ta, với cái tâm hồn và bản ngã thật của chúng ta”.

Nhân những câu ấy của Thạch Lam và nhiều câu tương tự ở các nhà văn khác, một số người gần đây tìm được lý do để thuyết minh cho chất lượng các trang viết của mình. Một số bạn đang loay hoay viết thử, đến trao bản thảo cho nhà xuất bản, thường không quên khấn khoản nói với các biên tập viên: “Nhờ các anh đọc kỹ cho, cái này tôi viết rất thực, toàn chuyện của tôi cả”. Khi cần giới thiệu nhau trên mặt báo, một số cây bút cũng có thói quen lưu ý bạn đọc rằng bài thơ này, hay cuốn truyện kia, bạn mình đã viết rất thành thực, và yên tâm rằng nói thế là đủ, không ai thờ ơ nổi với bạn mình nữa. Người ta đâu có để ý rằng ngay trong cuốn Theo dòng ấy, Thạch Lam cũng đã viết: “Sự thành thực chưa đủ cho nghệ thuật”. “Không phải cứ thành thực là trở nên một nghệ sĩ”, Và để nhấn mạnh sự dụng công của người sáng tác,

ông dẫn lại một câu của A.Gide “Có hai mươi cách diễn đạt ý tưởng, nhưng chỉ có một cách là đúng”. Có một lý do để một số người viết văn thích nói tới sự xúc động chân thực, ấy là ở họ thường thấp thoáng nỗi lo: lo khéo quá, rồi rơi vào gọt giũa giả tạo. “Làm sao giữ được tự nhiên, mới là cái khéo lớn. Chữ công phu kỹ càng ư, tầm thường lắm”.

Không ít người sẵn sàng ký tên sau những tuyên ngôn lớn lao như vậy. Tìm hiểu quá trình phát triển các nghề thủ công ở ta, các nhà nghiên cứu nói chung đi tới nhận xét là những năm gần đây, thợ khéo ngày một hiếm. Giá cần đúc lại những cái chuông xưa, dựng lại những ngôi chùa xưa, thợ bây giờ không làm nổi. Chưa nói đâu xa, ngay bên sân khấu chèo, người ta cũng nói rằng giờ đây không có những nghệ sĩ khổ luyện để đạt tới trình độ của những bà Cả Tam ông Năm Ngũ ngày xưa. Nếu như trước kia, trong những cảnh cảm động, nghệ sĩ biểu diễn thật tiết chế, thật tinh giản, xúc động kìm nén trong lòng, bề ngoài bình thản như không, mà người xem không nén nổi nước mắt, thì giờ đây có tình trạng ngược lại: trên sân khấu diễn viên khóc thảm thiết, còn ở dưới, người đứng xem đứng đưng, thậm chí thấy buồn cười. Đã rõ là cái tình trạng sút giảm về tay nghề cũng đang có trong văn chương.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Xưa, người trong giới thường vẫn truyền tụng nhau rằng Nguyễn Tuân giỏi về tả gió, mà Nguyên Hồng thì nhất về tả nắng. Nay, ít thấy ai có những ngón nghề chuyên nhất như vậy. Còn trong các sách giáo khoa, khi cần lấy mẫu cho một bài văn tả cơn mưa đầu mùa, người ta vẫn chọn Tô Hoài. ở đây không ai nhận vợ được. Thế thì tại sao nhiều người giờ đây vẫn cứ thích nhấn mạnh tới sự xúc động, hơn là kỹ thuật? Thứ nhất, nêu vấn đề kỹ thuật thì phải tính chuyện học hành rồi thể nghiệm, nhiều việc khổ công phiền phức. Thứ hai, nỗi lo rơi vào tình trạng khéo tay “điều trùng tiểu kỹ” là một nỗi lo sang trọng, thường chỉ có ở các nhà văn lớn. Ồ, tỏ ra nhà văn lớn, lại khỏi vất vả, thích lắm!

VỮ KHÚC KHÔNG BUỒN MÀ TÊ TÁI

Luôn luôn, người ta có thể đọc ra những buồn vui của cả kiếp người, qua những buồn vui của một đời văn. Ai bảo nghề văn là khổ? Cứ xem như đời anh L., một người bạn vong niên của tôi, thì sướng lắm chứ. Hãy nói một chuyện: sự hưởng thụ. Thời ấy đồng bạc có giá, lương anh đã rủng rinh. Vậy mà luôn luôn còn nhuận bút. Những quyển sách trên trăm trang của anh in ra, thường được tính hàng cây. Cái xe đạp quý như cái cúp bấy giờ, mỗi lần sách in đều thừa sức để mua. Thuở ấy, nhà văn được trọng vọng. Anh nổi tiếng. Anh luôn được mọi người nhắc nhở. Nhiều cơ sở – các nhà máy, các đơn vị quân đội – chào kéo mời mọc anh. Mà anh bạn tôi lại có lối chơi rất sang. Người ta mời anh đến, cốt để lấy tiếng, về có viết gì cũng phải khen. Nhưng L. không bao giờ chịu xu phụ, trả nghĩa cái nơi đã cung đốn cơm rượu. Anh viết “khái quát”, anh “đặt vấn đề” hần hoi. Người được viết thì chán, nhưng người đứng ngoài thì thích. Cả giới viết văn cũng thích. Mọi người thấy thơm lây vì anh. Người ta bảo trong sự vận động tiến lên của xã hội, có vai trò của anh, sự đóng góp của anh nữa. Giá kể cuộc sống cứ như thế mãi thì chưa chắc đã vui, hoặc mới vui một kiểu. Mà gì thì gì, chứ vui mãi một kiểu, dễ sinh nhàm chán! Đùng một cái thời bao cấp qua đi, cả xã hội chuyển sang kinh tế thị trường, mà ngành sản xuất văn chương của chúng tôi cũng rập rình lên xuống theo cơ chế thị trường. Nói như một vài người đã nói: từ gà công nghiệp, gà chỉ nuôi trong lồng, chúng tôi trở thành đám gà nhà, gà ta, tự đi kiếm lấy mồi mà ăn. Để bù lại, không khí sáng tác trở nên cởi mở hơn hẳn. Những điều trước kia chỉ anh L. mới biết, thì bây giờ cả làng biết. Vui vậy, hỗn loạn, bảo thế nào cũng được. Trong cuộc thập tự chinh của giới viết văn để lo kiếm sống hôm nay, dĩ nhiên là vẫn có anh bạn tôi, anh L. một thời nổi tiếng sắc sảo đó. Anh cũng phải lẫn lộn với các báo cũng chạy đôn chạy đáo nơi này nơi nọ lấy mấy trăm ngàn mỗi tháng nuôi vợ con. Ban đầu, kể cũng ngại. Anh thử kêu rên. Anh đã thử làm phách như cậu Phước trong Số đỏ, đập chân đập tay em chả, ra đều tôi mà phải lo từng bữa thế này à, thôi tôi không viết nữa, hổng hết rồi còn gì. Mặc! Chẳng thấy ai động lòng. Thằng hoặc cũng có vài người động lòng, song họ cũng nghèo như anh, chả cứu được anh. Kêu mãi chán, anh lại cum cúp lo viết, lòi mọi chuyện cũ ra viết. Nhìn nụ cười đôi khi như đã heo héo ngay trên miệng anh, tôi biết rằng tận trong thâm tâm, anh đau khổ lắm. Và hình

như có cả chút hối tiếc nữa. Hối rằng có lúc đã cố động cho sự nhộn nhịp hôm nay. Giá kể cứ để tất cả đi bằng tay có phải mình khéo nhất hội không; nay đến lúc đi bằng chân như thế này mọi người già trẻ lớn bé đều biết đi, mà mình thì cũng nguên ngoạng chẳng hơn gì ai cả. Nỗi đau của một cây bút từng cho mình là đi trước mọi người là ở chỗ ấy. Mỗi lần nhìn lại cuộc đời viết văn của người bạn vong niên mà bản thân tôi từng chịu ơn rất nhiều này, tôi như có dịp nghĩ thêm và thấm thía thêm về duyên nợ nghề nghiệp. Đứng ngoài nhìn, nghề này đâu có buồn! Hôm qua rước sách tung bừng hoan hỉ đã đành, mà cảnh cả giới bị bõm chìm nổi như hiện nay chắc cũng làm bật cười cho ai đó ngoài giới. Và, những vụ làm ăn những sự xoay sở, những thành bại của mỗi người thì trở thành đề tài cho chuyện đàm tiếu của các đồng nghiệp, buồn làm sao được? Nhưng có lẽ, dưới một góc độ khác mà xét, ở đây luôn luôn có chút thâm trầm. Người hăng hái đi trước có lúc phải hối hận; kẻ báo trước sự nhộn nhịp, mà lúc nhộn nhịp đến, mọi người hái ra tiền ra bạc, còn bản thân lại nhếch nhác như vậy, nhếch nhác hơn cả hôm qua nữa – nhìn cả vũ khúc đời văn, chẳng là tê tái hay sao? Lại còn buồn tê tái hơn, nếu trí nhớ kha khá một chút, người ta nhớ được những cuộc tranh cãi bấy lâu về sứ mạng nhà văn. Người bạn đời của J. P Sartre là S. de Beauvoir từng có lần than thở đại ý:

“Thật không thể ngờ là nghề văn có lắm ý nghĩa đến thế, trong khi nó chỉ có thể!”.

NGHỀ TRẺ- VAI TRẺ

Tuổi trẻ là gì? Là hương sắc của đời, là quà tặng của tự nhiên cho mỗi cá nhân. Là gì gì nữa... nhưng không bao giờ là vai để người ta đóng, là nghề giúp người ta sống.

Khoảng hơn hai chục năm trước, với đám tập tọng làm nghề chúng tôi, tên tuổi nhà văn N. đồng nghĩa với văn học. Mặc dù rất trẻ 24 hay 25 gì đó – nhưng truyện của N. thường xuyên được nhắc nhở trên đầu miệng của mọi người, báo nào cũng chèo kéo mời mọc.

Truyện anh viết được người trong giới truyền tay nhau từ khi chưa in, rồi chờ đợi đọc bản in, rồi chờ lần nữa, đọc bằng tai qua làn sóng phát thanh. Kể đó, từng người lại sung sướng đọc lại từng cái một trong các tuyển tập in chung và tập truyện đầu tay in riêng của N. nữa. Tưởng trên đời này, không còn ai xứng đáng với danh hiệu nhà văn trẻ như N. Trẻ, đồng nghĩa với mới mẻ sáng tạo – xưa nay ai mà chẳng nghĩ thế.

Sức trẻ! Tài trẻ! Vẻ đẹp của tuổi trẻ! Ôi, như anh K. cái mồm sắc sảo nhất trong giới đã gọi, nó là một thứ nhưng, tuyệt, lò mờ, mỏng mảnh, phủ bên ngoài tác phẩm, nhưng chỉ nhờ có nó, sáng tác của người ta mới trở thành sự sống có hương có nhụy, nên ai cũng thêm. Lớp chúng mình già rồi, vẫn lời K. nói, lấy đâu ra thứ nhưng thứ tuyệt ấy được? Khi nói mấy câu ấy, trong mắt K, toát lên cái vẻ u hoài xa vắng.

Thật là buồn khi người ta nghĩ mình không còn trẻ nữa, tuy năm ấy những người như K. chưa đầy 40. Về phần mình, với cái danh hiệu nhà văn trẻ, N. cứ thế tồn tại dài dài. Mỗi khi cần chứng tỏ rằng chúng ta bồi dưỡng được nhiều tài năng mới, người ta lại lấy anh ra làm ví dụ. ở trung ương có. Mà ở địa phương cũng có. Trong hội nghị các nhà văn nói chung, anh là tiếng nói đại diện cho lớp trẻ đang lên rất tự hào. Đến hội nghị các cây bút trẻ, anh lại được yêu cầu ngồi lên hàng đầu, bên lên ngượng nghịu mà ngồi, trở thành cái đích trông ngắm của bàn dân thiên hạ.

Cho đến vài lần đi họp hội nghị quốc tế -thế giới bây giờ người ta cũng chuộng trẻ – lại cũng N. nốt. Nên nói thêm là vào những năm ấy,

đi quốc tế còn là chuyện hạt gạo trên sàng. Đãi đi đãi lại hàng bao nhiêu lượt! Nhưng cuối cùng người ta vẫn thấy cử N. đi là yên tâm nhất, vì dẫu sao cái vai nhà văn trẻ này anh đã sắm hàng chục năm. Thạo rồi, có nghề rồi không ai thay được. Kể ra, khi bảo nhau vậy, loáng thoáng cũng đã có người người nghĩ, lẽ ra nên để người khác, vì N. đâu còn trẻ nữa. Từ lúc anh bắt đầu viết đến nay, đã mười mấy năm, ông nhà văn trẻ này đã là bố của mấy đứa con, và đứa lớn nhất trong đám đã ngấp nghé cái cảnh lên xe hoa về nhà chồng. Khi cái chuyện ấy mà xảy ra thì N. của chúng tôi đã là ông ngoại, gọi là nhà văn trẻ để cháu nó chết sặc vì cười à? Và chẳng sáng tác của N. cũng không trẻ nữa, nó cằn cỗi như vô số các thiên truyện xuềnh xoàng vẫn đăng báo. Nhưng tuyệt đâu còn! Người ta chỉ đăng để lấy lòng anh. Và người ta lập tức tắt đài khi những thiên truyện đó được đọc trên đài.

Nhưng có hề gì! Nghĩ rồi tặc lưỡi để đấy, việc nọ việc kia nối tiếp, không ai hơi đâu bới ra cho mệ. Thời buổi này mọi cái đều tương đối. Thì truyện của N. cằn đi cũ đi có sao? Thì cứ giao cho một ông hai chục năm liền cái vai là nhà văn trẻ đã chết ai chưa? Chính N., ông ấy không phản đối là được rồi chứ gì? Là mọi người bốc lên sừng sộ với nhau mấy câu như thế, chứ hơi đâu mà nhà văn trẻ N. của chúng tôi phản đối. Hình như chính anh cũng biết văn anh không hay nữa, nên chỉ thỉnh thoảng anh mới in cho phải phép, ngoài ra, lấy cớ rằng dạo này cần phải suy nghĩ cho đảm hơn chín hơn, anh không viết. Được cái hợp hành thì anh vẫn cằn mẫn, khi nào có dịp đứng lên phát giễu, anh nói ai nghe cũng bùi tai, lấy đâu ra một người nhập vai nhà văn trẻ ngon lành như thế?

Lại vẫn xưng em với các bậc đàn anh, vẫn khiêm tốn nhũn nhặn như xưa mới quý chứ! Người đưa ra những nhận xét này vẫn là anh K. cây bút thuộc loại “biết người biết của” bậc nhất trong giới chúng tôi. K. nói thế, xuất phát từ những kinh nghiệm làm việc riêng với N. Chả là trời khéo se duyên, hai anh thường cùng được cử đi công tác, một với tư cách nhà văn lớp trước, một đại diện cho các nhà văn trẻ, mặc dù vào những năm sau này, hai anh trông chỉ chênh nhau chút ít, người gần 60, người gần 50, và nhìn kỹ có lúc thấy người gần 50 chân tay còn nhăn nhoe hơn người gần 60.

Đọc các tùy bút mang đậm tính chất tự truyện của Nguyễn Tuân trước 1945, rồi cả khi gặp Nguyễn Tuân trong đời, người ta luôn luôn có

cảm tưởng ông sớm thấm thía hết mọi vui buồn trong cuộc đời, cách nói năng cư xử của ông là của người đã ngấu đã chín với đời lắm rồi. Mà thực ra, lúc viết Vang bóng một thời, ông mới chưa đầy 30 tuổi. Hình như con người ấy sinh ra là để đóng vai một nhà văn già, ông già ngay khi còn trẻ. Đặt bên cạnh Nguyễn Tuân, có cảm tưởng những người như anh N. của chúng tôi được trời giao cho cái vai ngược lại, vai suốt đời làm người trẻ, phải trẻ ngay cả lúc đã già. Thử hỏi trên đời này, có ai không thêm trẻ? Trẻ mới khó, còn già lúc nào chẳng kịp! Được trời yêu thế, còn những nhẽ đòi hỏi gì nữa sao? Giá kể có K. ở đây, anh ấy sẽ để vài câu thật khéo, đại khái như vậy. Thử tưởng tượng một lần nào đó có cuộc gặp gỡ giữa nhà văn trẻ N. với lớp bạn đọc thanh niên thời nay. Một bên như trong các thiên truyện mơ màng màng của Paustovski rón rén bước ra. Một bên như từ các tiểu thuyết Mỹ “sống chuồng” trở về. Một bên như đám thanh nữ hồi đầu hoà bình 1954, tóc kết bím lại thắt nơ, áo xanh xi-lâm và hát ương ca. Một bên quần gín, áo bò, vừa uống bia hộp, vừa nghe nhạc rốc. Nhưng mà xin các bạn trẻ chớ có từ chối. Trên danh nghĩa, N. vẫn là nhà văn trẻ của các bạn! Anh ấy sẽ đóng vai ấy cho đến khi về hưu! Hết nhưng hết tuyệt thì đắp thêm vào. Còn cái mặt nạ trẻ, đã dính vào da thịt rồi, đổ ai mà gỡ ra được.

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

CHẤT LANG CHẠ TRONG MỖI CHÚNG TA

Giao thiệp rộng vốn là một yêu cầu thiết yếu đặt ra với nghề cầm bút. Có giao thiệp rộng, một người viết văn mới có cơ may hiểu đời hiểu người và có vốn để viết. Trong hoàn cảnh mà việc viết lách còn luôn luôn đòi hỏi cả mọi sự thường xuyên động tai nghe ngóng để nắm bắt được sự luận cho chính xác, thì có thể nói là không giao thiệp rộng không viết nổi. Ấy vậy mà có những người trong chúng tôi, vụng về cổ chấp, cả đời chỉ loanh quanh trong một đám bạn bè hẹp. Trong khi ấy lại có những người gần như đi với ai cũng được, đi với ai cũng toe toét cười đùa nói năng bả lả. Cả già lẫn trẻ, cả các ma cũ lẫn đám ma mới, cả đám chuyên môn chúi đầu vào sách lẫn đám sống không ngại bụi đời và quan trọng nhất là cả những người lúc nghiêm chỉnh anh tìm đến để dãi bày tâm sự lẫn đám Chí Phèo thực bụng là anh e ngại, tất cả, tất cả, anh đều khoác tay thân mật như bồ bịch. Trông sự đóng kịch của anh mà thèm. Vâng, chúng tôi cũng hiểu anh X. nói ở đây là người giỏi đóng kịch, giỏi đổi màu, đi với bút mặc áo cà sa đi với ma mặc áo giấy, là sống theo kiểu làm xiếc. Rồi có một lần ai đó buột miệng bảo anh là điếm. Không đánh đu với lão X. ấy được, người ta bảo vậy. Lão ấy điếm lắm, đi với ai cũng thế, chỉ cốt moi tài liệu thôi mà. Người chung quanh ngó ra một lúc rồi cũng thấy phải. Riêng có anh X. vẫn cười nhún nhử, vẻ như muốn bảo ai người trong bọn mình chả có chút lang chạ. Lang chạ trong giao thiệp như tôi còn là chuyện tha thứ được, anh nói thêm. Đến như các bố lang chạ trong viết lách mới thực đáng sợ. Lần này thì lời cảnh cáo của cái con người thập thành ấy có làm cho chúng tôi sững người ra một lúc thật! Trong tiểu thuyết Anh em Karamazov, nhà văn Nga Dostoievski từng nói tới một tình huống kỳ lạ. Smerdiakov thực thi việc giết bố. Nhưng chính kẻ sớm có ý định làm việc ấy và ngấm ngấm khuyến khích hung thủ, tóm lại tội nhân chính phải kẻ là Ivan. Chuyện lang chạ nói ở đây cũng có nét gì đó tương tự. Có những người suốt đời không biết đến người đàn bà nào khác ngoài vợ, nói đến chuyện chơi bời thì ngó mặt ra, muốn bảo vệ nhân phẩm của chị em một cách nhiệt huyết, một cách chân thành... song nhiều người trong họ lại cư xử theo đúng tinh thần của cái nghề mà họ khinh bỉ. Trong sự giao thiệp hàng ngày nhiều khi vì lịch sự mà chúng ta phải tạm xếp cái cá nhân chính đáng của mình lại, để chiều chuộng tất cả những người mà ta có quan hệ. Bảo thế là điếm e còn oan. Nhưng cứ đà ấy mà kéo, nhân danh sự kiếm sống ta tự cho

phép làm tất cả những việc ta vốn không thích, miễn làm vừa lòng khách hàng của mình; việc vốn thiêng liêng đáng ra phải mang tất cả tình cảm và hứng thú ra để làm, lại được tiến hành một cách máy móc, theo nguyên tắc của chiếc tắc xi, khách nào cũng chờ, có tiền là chờ, tiền trao cháo múc... thì đúng là lang chạ vô nguyên tắc rồi còn gì.

Càng những nghề có quan hệ tới công chúng rộng rãi, cái nguy cơ ấy càng lớn. Như trong việc sáng tác văn chương mà chúng ta đang nói. Là lang chạ vô nguyên tắc, những cây bút nào nhận viết về mọi đề tài không phân biệt quen hay lạ, sở trường hay sở đoản, cứ có người đặt tiền vào tay là viết, viết xong lại khinh bỉ ngay cái vừa viết rời tay, song rằng quen mất nét đi rồi, ngày mai lại làm tiếp cái việc hôm qua đã làm. Là lang chạ vô nguyên tắc, những cây bút phê bình không cần biết hay dở, hợp gu hay không hợp gu, viết bạt mạng, viết lấy được, suồng sã xô bồ trong thẩm định và đánh giá. Không phải ngẫu nhiên mà người ta thường so sánh việc cầm bút với tình yêu, coi đó là những hành động nguyên bản, mỗi lần diễn ra là một trường hợp độc đáo.

Bởi trong xã hội hiện đại, sự nhồn nháo có chiều tăng lên, người ta lại càng quý mến những ai giữ được tiết sạch giả trong của ngòi bút (còn việc mang lại cho cái tình yêu đó một sắc thái hiện đại, ấy lại là chuyện khác và chúng ta sẽ nói tới vào một dịp khác!)

TAY PHẢI TAY TRÁI

Thời nào thì việc các nhà văn tham gia vào sinh hoạt báo chí cũng là một chuyện bình thường. Riêng ngày hôm nay, cái sự viết báo lại có ý nghĩa mới về mặt kinh tế. Thử làm một phép tính: Để những tờ báo ra để lấy tiếng, bắt chấp lỗ lãi sang một bên, có thể thấy là hơn bù kém trung bình một tờ báo hiện nay cũng phải in ra một số một bạn bản. Trong khi đó, mỗi cuốn sách in ra chỉ có một ngàn. Theo quy luật kinh tế thị trường, cố nhiên là thứ hàng làm cho một vạn người đọc (tạm tính thế) phải được coi trọng và trả công cao hơn thứ hàng dành cho một ngàn. Nói cách khác, nhuận bút trả cho một bài báo có nhiều hơn nhuận bút của chính bài báo đó khi in vào sách, cũng là dễ hiểu. Thành thử, lại cũng là một điều dễ hiểu khi thấy không ít nhà văn gần đây đồ xô đi viết báo. Ngoài những bài thơ hay thiên truyện nhờ báo giới thiệu trước khi gom thành sách, họ còn viết đủ thứ tạp nham mà chỉ báo chí mới cần. Chỗ trong nghề với nhau, người ta bảo nhiều vị hiện viết cả hai tay, tay phải và tay trái (Sinh thời, nhà thơ Chế Lan Viên đã đặt mấy câu về miêu tả tình trạng “nhà văn làm việc này để có cái ăn và yên tâm tính một việc khác”: Lấy ngắn nuôi dài lấy ngoài nuôi trong lấy Kim Đồng nuôi người lớn). Chỉ phiên một nỗi viết báo một hồi một số nhà văn đâm ra “mãi vui quên hết lời em dặn dò”, ai ới một tiếng nhờ viết cho báo là có mặt ngay, còn lúc quay trở lại với văn chương thực thụ thì hết sức ngần ngại. Đại khái trước mặt chúng ta hiện ra một người tay phải thì nhăn nhúm đồ dẫn còn tay trái thì hồng hào béo tốt và thoăn thoắt hoạt động. Có điều, người ta ai cũng vậy thôi nhìn sự biến dạng ở người khác thì rất nhanh, còn sự biến dạng của chính mình, mấy khi tự nguyện chấp nhận?! So với các nghề khác, nghề viết văn vốn có một nhược điểm rõ rệt: tính chất chập chờn không ổn định. Không phải mọi việc tuần tự như tiền, cái chưa viết hơn cái đã viết, năm trước kém thì năm sau khá lên. Mà nhiều khi chữ nghĩa cứ như ma trơi, cái định làm, bỏ công hừng hực làm thì không thành, còn cái tưởng là “viết chơi viết bời” lại hoá ra đứng được. Huống chi viết báo còn có ích ở chỗ nó tập cho người ta thói quen làm việc đều đều, nhất là không chỉ biết viết theo cảm hứng, mà còn biết làm theo đơn đặt hàng có sẵn trong giới hạn thời gian nghiêm ngặt – tóm lại là những phẩm chất phải nói là cần thiết cho con người trong thời hiện đại. Tuy nhiên, ở đây, còn chứa đựng một nguy cơ nữa mà nếu không cẩn thận người ta rất dễ sa sẩy. Số là thông thường, các nhà

văn khi làm nghề tay trái thường ký các bút danh khác. Tên vợ. Tên con. Tên làng quê. Ai đã vướng vào nghề cầm bút đều biết, khi đã có chút danh rồi, chút danh tưởng là bợ vợ hão huyền kia cũng đủ đề nặng lên mình rất ghê, nó buộc người ta phải đắn đo trước trang giấy, cốt sao viết ra khỏi xấu hổ với cái tên đã phần nào trở nên quen thuộc. Còn khi sử dụng một chút anh không ai biết, giống như một thứ mặt nạ, chao ôi, phải nói là thú vị lắm! Người ta tha hồ muốn viết thế nào thì viết. Tại vậy bắt đầu từ chỗ ấy. Xưa những Thạch Lam, Nguyễn Tuân chỉ viết mấy dòng tin ngắn vẫn có cốt cách riêng, đọc biết ngay, bởi các vị ấy bản lĩnh dày dặn, có muốn khác mình cũng không khác nổi. Còn phần đông chúng ta ngày này “phận mỏng cánh chuồn”, động làm nhanh làm ẩu một chút là hoá làm ẩu. Nếu như lúc ấy không tỉnh táo buộc mình dừng lại, mà còn để con người lười biếng nơi mình ỏn thót huyên hoặc “không, đâu sao bài báo của mình vẫn có chất văn”, “chẳng qua ham vui viết báo, chứ trước sau mình vẫn là nhà văn”, thì cái sự đánh mất mình thật là hoàn toàn, không gì cứu vãn nổi.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

BAO GIỜ CHO ĐẾN THÁNG MƯỜI?

I

Theo cái đà “bung ra” của việc buôn bán trên cả thành phố, dọc khu tập thể chúng tôi dạo này thấy mọc lên khá nhiều lều quán nhỏ. Ông này về hưu tháng trước, tháng sau ra chữa xe đạp. Bà kia còn đi làm nhưng cũng biết là ngày đi làm sắp hết, hãy muối ít dưa cà giữ khách. Một bà khác nữa, nhân chưa có việc liền mở quán. Mới đầu thì phở gà, miến gà, sau cháo lòng, nhưng làm gì cũng ế, cuối cùng xoay ra nấu cháo sườn bán cho bọn trẻ con. Loại cửa hàng thay mặt hàng xoành xoạch như thế này thì rất nhiều, hình như nhiều người ước mãi vẫn không thấy công việc thích hợp. Nói chuyện với nhau, ai cũng kêu khó, nhưng không ai chịu lùi, đơn giản vì nghĩ rằng kiên trì là được. Chẳng qua thời vận chưa đến thôi chứ buôn bán là thứ năng khiếu tạo hoá chia đều cho mọi người có ai phải dạy ai nữa! Nổi cảm cảnh với đám dân buôn vật mới này nọ vừa tẻ, dĩ nhiên có thể cùng lúc gọi ra nhiều loại liên tưởng. Mỗi người nhìn nó một cách. Phần tôi, tôi thấy nó như sự hiện hình của một lớp người cầm bút. Phần lớn chúng tôi cũng tiện thể mà làm cái nghề cao quý này. Thấy đất trống không ai cắm thì mình đổ bộ cắm vội. Vốn liếng là hai bàn tay trắng. Chỉ hoàn toàn trông chờ vào thứ năng khiếu trời cho. Mãi rồi cũng thành. Có nhiên, ở đây trong nghề cầm bút, năng khiếu có vẻ được coi trọng hơn. Nhưng cách nuôi dưỡng năng khiếu thì cũng như đám buôn vật nọ, nghĩa là cũng qua loa vụng về, được đến đâu hay đến đấy. Tính cách nghiệp dư của công việc đã là điều không ai chối cãi được, do chỗ phần lớn chúng tôi xuất phát từ viên chức có lương, mọi người sống bằng lương là chính. Song tính cách nghiệp dư ấy cũng thấy rất rõ qua con đường mọi người đến với nghề. Sự đào tạo quá sơ sài. ở mỗi người, cái lý lợm, hơn nữa, cái lấu cá sống bám vào nghề, cái đó có thừa. Ngặt một nỗi phương thức suy nghĩ tìm tòi để nâng cao trình độ làm nghề, và tồn tại một cách đàng hoàng trong nghề thì rất hạn chế, chắc chắn là có một khoảng cách rất xa, so với trình độ những người cùng làm nghề này, vào lúc này, ở các nước khác trên thế giới.

II.

Nhân nói đến tình cảnh nghiệp dư của công việc viết văn ngoài sự liên

tưởng từ đám buồn vặt có một hình ảnh thường cũng ám ảnh đầu óc tôi, đó là hình ảnh các loài cây dại. Không cần là một nhà sinh học hay một người chuyên về làm vườn, bất cứ ai trong chúng ta cũng có thể biết rằng đôi khi một loài cây dại lại cho loại quả rất ngon, rất lạ, có điều chúng không có khả năng cho quả đều đều, lại càng chắc chắn không thể mỗi ngày cho nhiều quả hơn và có chất lượng cao hơn, là những ưu thế mà chỉ những cây được thuần hoá kỹ mới có. Có thể là sự so sánh hơi thô thiển, song đôi lúc người ta vẫn buộc phải nghĩ đến văn minh non trẻ của chúng ta có nhiều phần giống như một nền nông nghiệp dựa hẳn trên các giống cây chưa thuần hoá ấy. Sự hấp dẫn của nhiều bộ phim không phải do trình độ diễn xuất của các diễn viên chuyên nghiệp, mà ở mấy cô hoa khôi mới được tạm tuyển. Trong các cuộc thi âm nhạc, các ca sĩ nghiệp dư cũng vận dụng kỹ thuật y như các ca sĩ học năm năm bảy năm ở các trường chuyên, vậy mà hiệu quả biểu diễn chưa biết ai hơn ai. Cứ vài năm một lần, giới cầm bút lại cùng xúm xít lại khen những tên tuổi mới phát hiện còn những tên tuổi đại diện cho cái mới của năm ngoái năm kia bây giờ ra sao, thì không ai muốn nghĩ tới nữa vì trình độ như thế nào, tất cả cũng đã biết. Một nền văn nghệ như thế có nhiều cái tiện: luôn luôn có những mặt hàng lạ. Không phải mất công đào tạo, nghĩa là đỡ tốn kém. Lại luôn được tiếng là dựa vào quần chúng, biết xây dựng tiềm năng sáng tạo của quần chúng. Để bù lại, nó chỉ có một chỗ yếu chắc chắn: Nó không hứa hẹn có một mùa màng liên tục, ổn định. Không phải ngẫu nhiên mà gần đây, sau mấy cuốn sách mang lại sinh sắc ít nhiều cho đời sống văn học, như Thân phận tình yêu, Mảnh đất lắm người nhiều ma... nhiều người bảo nhau không biết một hai năm tới lấy đâu ra những cuốn sách tương tự hoặc nhỉnh hơn để tặng thưởng cho nhau đây. Một sự lo xa quá đáng chăng, làm gì mà ban chấm giải không tìm ra những tài năng mới? Nhưng ngay cả trong trường hợp có thêm những tên tuổi khác, người ta vẫn không khỏi cảm thấy buồn buồn! Vẫn là một thứ cây dại, vừa mang ở rừng về chứ không phải cây trong vườn mới kết một mùa chín đẹp. Bao giờ cho đến tháng mười? Câu nói đầu miêng ấy ở đây có thể dịch ra thành: bao giờ chúng ta mới có một nền văn nghệ với những người làm nghề thuần thực, mỗi ngày biểu diễn sáng tác... một hay hơn, thành công chắc chắn và ổn định hơn? Cái ấy hình như khó quá bởi vì nó liên quan đến đủ thứ tiền của, chính sách và phương hướng đào tạo. Văn hoá không bao giờ là chuyện chụp giật, là “mỳ ăn liền”. Văn hoá đòi hỏi thời gian.

NHẢY ĐẠI... VÀO LÀM VĂN HOÁ

Chân dung một số người làm việc biên soạn sách hiện nay Trong cách hiểu chính thức của xã hội ta và ở trình độ sản xuất của chúng ta thì lâu nay văn hoá chưa thành nghề kiếm sống và trong số những người giàu có trong xã hội, thường không có người làm văn hoá. Ấy thế nhưng trong mười năm gần đây, tình hình đã thay đổi. Bắt đầu có những người nhận thấy văn hoá là một lĩnh vực kinh doanh. Tức là họ đứng ra đảm nhận công việc giám đốc thương mại cho các khâu sản xuất và lưu thông văn hoá phẩm. Tiền kiếm không nhiều, nhưng cũng tạm đủ, và phải khách quan mà công nhận rằng trong việc họ đã làm, có cái hay có cái dở, có đóng góp và cũng có kiếm lợi riêng. Thế nhưng trong số này có một số người không dừng lại ở công việc kiếm tiền đơn thuần, mà còn muốn trực tiếp đứng ra làm công việc sáng tạo. Và cả lần này nữa, họ cũng thành đạt, để rồi làm nên một kiểu người làm văn hoá mà chỉ thời nay mới có. Cố nhiên, khu vực mà những người này... nhảy đại vào, không phải loại lời thời, như âm nhạc hay hội hoạ. Hát được phải có giọng trời cho. Tập nhị, tập sáo cũng khó như chơi viôlông. Vẽ sơn dầu hay vẽ lụa đều cần phải khổ công học hỏi. Húc đầu vào tường mà làm gì? Có một khu vực rộng rãi hơn nhiều, mà vẫn có thể có tiếng, đó là văn chương. Chữ nghĩa thì ai mà chả sử dụng được! Nếu như thức thời một chút, không háo danh lao vào làm thơ viết văn, mà chọn nghề biên soạn sách, thì lại càng chắc ăn hơn nữa. Vốn rất nhạy cảm và thực dụng, một số người tinh khôn loại này đã tính toán như vậy, và thực tế cho thấy họ tính đúng. Đối tượng để họ chinh phục thường là các nhà thơ cổ điển (cỡ như Hồ Xuân Hương, Tú Xương) hoặc một vài nhà văn hiện đại đã được liệt hạng (như Thạch Lam, Nam Cao) tức là những người có tác phẩm được bạn đọc ưa chuộng và nhất là học sinh ở trường phải học. Nắm được yêu cầu ấy họ liền lấy văn bản cũ ra để... “xử lý”. Trước đây, thường thường các văn bản thơ Hồ Xuân Hương, Tú Xương phải do các giáo sư có kinh nghiệm, các nhà nghiên cứu đã bạc đầu khảo chứng chú giải. Nhưng có hề gì thời buổi này, ai còn nghĩ “cổ lỗ” như vậy nữa. Thiên hạ giờ là của chung, ông giáo sư tóc bạc kia hoặc đã qua đời hoặc còn sống thì cũng nằm bẹp một góc nào đó biết gì đến thị trường sách vở. Vậy động tác của nhà biên soạn hôm nay rất đơn giản, tức là mang photocopy lại bản in, rồi đảo đi đảo lại một chút cho nó không hoàn toàn giống bản chính. Nếu với một tác giả trước đây có

đến mấy tuyển tập khác nhau thì càng dễ, người ta sẽ lấy ở bản A dăm bài, thêm cho bản B, thế là trông lại càng như mới. Vâng, tuyệt lắm, đến một số thầy bậc đại học bây giờ thường cũng chỉ làm như vậy! Người ta hoàn toàn yên tâm khi đề tên mình vào văn bản rồi mang in, và tự tin rằng mình trở thành nhà biên soạn thứ thiệt, không kém ai hết! Có hai điều kiện tiên quyết khiến cho các nhà biên soạn loại này chắc chắn thành công: Một là, bản thân họ nắm được khâu phát hành. Tức là có nơi tiêu thụ sách. Với người khôn ngoan thì chẳng có gì là khó! Móc với các ông bà trông nom việc mua sách cho thư viện, lót tay cho họ ít tiền là xong. Hoặc, hiệu nghiệm hơn, “đi đêm” với Sở giáo dục các địa phương, đặt vấn đề để họ mua làm tài liệu tham khảo cho các trường. Ngoài ra, còn một ít bán lẻ. Độc giả bây giờ vốn dễ tính. Cứ làm bìa đẹp vào là ăn hết, khôn khổ mỗi cuốn sách in có ngàn bản, ấn vào đâu chẳng hết. Hai là, trước đó, phải xin được giấy phép ở các nhà xuất bản. Nhưng chuyện này cũng dễ ợt. Dân xuất bản đang đói, đúng hơn là thấy mình bị bỏ chân bó tay trong khi xung quanh hái ra tiền. Vậy thì có người làm sách và nộp quản lý phí đầy đủ, là ô kê liền, có cần gì phải oẻ hoẻ, lo chọn chuyên gia với lại chuyên vào cho mệt! Vạn sự khởi đầu nan. Thoạt đầu loại người biên soạn sách này cũng còn có chút áy náy về công việc, có vẻ như mình đã quá liều lĩnh, đã chen ngang nhảy bổ vào một khu vực thiêng liêng. Nhưng rồi tự họ cũng nghĩ ra đủ lý lẽ để cãi cho trắng án. Này nhè thử nhìn kỹ xem, khối nhà văn hoá ở ta, chẳng qua cũng do dám làm dám quyết mà thành, tức là xào xáo cái cũ, chế ra vài quyển sách ký tên mình rồi tự nhiên lưu danh thiên cổ! Không nói đâu xa, chính những người trong giới nghiên cứu và xuất bản cũng có khác gì mình?! Gọi là ông nọ bà kia cho sang đây thôi, chứ cũng chủ yếu làm sách bằng cách photocopy và cắt dán, chẳng thế mà hàng năm mỗi người biên soạn ra đến hàng dăm bảy đầu sách. Trước những tấm gương “tày liếp” như thế, còn có điều gì để người ta phải ngại ngùng trên đường trở thành những nhà biên soạn, nhà nghiên cứu, nhà hoạt động văn hoá!

CÂU CHUYỆN CHUYÊN NGHIỆP

Trên báo Văn nghệ số ra ngày 27-8-1998, nhà văn Nguyễn Khải có một bài phát biểu ngắn, nêu lên một tình trạng có thực trong giới viết văn hiện nay: nhiều người ăn lương nhà nước bằng công việc khác, viết văn chỉ là tay trái. Nói nôm na tức là làm ăn theo lối được chăng hay chớ, không thiết cốt với nghề, không coi việc sáng tác là sống còn với đời mình. Trong khi ấy thì theo Nguyễn Khải các bậc thầy trong nghề văn trước cách mạng là những người khác hẳn. Họ chính là những người làm chuyên nghiệp với nghề “nuôi sống mình bằng nghề văn, chỉ biết có nó, tận tụy với nó”, “đem ngày vật vã với nó”, “lo lắng hy vọng cũng chỉ nhằm vào có nó” “viết xong lập tức nghĩ liền tới cái sẽ viết rồi những cái sẽ tiếp tục viết, viết cần mẫn, viết không ngưng nghỉ cho tới lúc buông bút tắt thở”. Và kết luận mà Nguyễn Khải đi tới chính là cái câu dùng làm đề bài “Đã làm nghề văn, nhất thiết phải chuyên nghiệp”.

* Trong các từ điển Hán Việt, chữ chuyên thường được giảng một cách gọn ghẽ: đơn thuần là riêng một việc; tập trung tâm sức vào đó. Còn chữ nghiệp nghĩa là nghề, cái cách kiếm sống của con người. Cộng cả hai chữ lại, ý tưởng đã quá rõ: Chuyên nghiệp là ngược với nghiệp dư, tay ngang, tài tử. Tuy nhiên, thường khi cũng dùng từ ngữ ấy mà vẫn mỗi người hiểu một khác. ở đây cũng vậy: đáng khái hiện nay không ít người cho rằng cứ ăn lương ở những cơ quan có liên quan đến văn chương chữ nghĩa (các nhà xuất bản, các tờ báo hoặc các hội đoàn chuyên về văn nghệ) thì mặc nhiên đã là chuyên nghiệp. Tức là đánh đồng nơi làm việc với nghề, xem hai cái đó là một. Lại có những người lấy việc trở thành hội viên Hội Nhà văn trung ương là cái đích, sau khi đã có cái danh hiệu này rồi, thì có ườn ra hàng chục năm không viết, cũng vẫn là nhà văn chuyên nghiệp như thường(!). Trong khi ấy, trong xã hội hiện đại, hai chữ chuyên nghiệp đang ngày một trở nên có nội dung chặt chẽ. Người viết không có nguồn kiếm sống nào khác, ngoài công việc trước trang giấy trắng. 90% thu nhập của anh là ở đấy, cho nên cũng đến 90% thời gian tâm lực hàng ngày của anh ta dồn vào đấy. Luôn luôn anh ta phải tự đào tạo để trở thành người làm nghề ngày một sành sỏi. Chả cần ai dạy khôn hoặc luôn miệng nhắc nhở, anh ta vẫn tìm ra cách có “mặt hàng riêng”, sự cạnh tranh là gắt gao, sự đào thải là thường trực, nên toàn bộ nội lực của

con người phải được phát huy, anh ta vừa mãi làm việc trước mắt, vừa lo tích lũy lâu dài, vừa biết tính toán để tự vệ, vừa dám hi sinh khi cần, tóm lại con người được sử dụng một cách tối ưu để trở nên hữu ích cho xã hội.

Chưa nói đâu xa hãy lấy lại dẫn chứng của Nguyễn Khải về các nhà văn tiền chiến: Một mặt, như Nguyễn Khải đã nói, họ là những nhân cách đáng trọng (đôi thì đôi nhất quyết không bỏ nó để làm nghề khác; khổ sở túng thiếu thì nghe kể đã đủ hãi song lúc trẻ viết không đủ ăn thì nhờ vợ gánh vác giùm, về già thì nhờ con chu cấp thêm). Mặt khác năng suất cụ thể của họ, cũng là chuyện không thể coi thường.

Không kể những ví dụ đã trở thành kinh điển như Nguyễn Công Hoan, Khải Hưng, Vũ Trọng Phụng..., hãy nói tới một người như Nam Cao. Trên Tiểu thuyết thứ bảy nửa cuối 1942, người ta liên tiếp đọc được các truyện ngắn như sau: 22-8: Cái mặt không chơi được 12-9: Nhỏ nhen 19-9: Con Mèo 26-9: Những truyện không muốn viết 10-10: Nhìn người ta sung sướng 30-10: Đồn chồng 14-11: Trăng sáng 5-12: Đôi móng giò 19-12: Trẻ con không được ăn thịt chó Qua năm 1943 cũng vậy, cứ khoảng một hai tuần lại thấy xuất hiện một truyện ngắn hay của Nam Cao, loại truyện đến nay còn được in đi in lại trong các tuyển tập, tóm lại là những sáng tác ở lại vĩnh viễn với lịch sử văn học.

* Năm 1963, Nguyễn Khải từng có một bài viết mang tên Con đường dẫn tới “nghề” văn. Riêng việc chữ nghề ở đây được đặt trong dấu ngoặc kép, đã hàm ý một tuyên ngôn: Ông coi nghề nghiệp của mình là một nghề đặc biệt. Bởi vậy, khi có người yêu cầu giảng về nghề, ông không đi vào công việc cụ thể mà toàn nói rằng phải thấy mình may mắn thế này, có trách nhiệm thế kia...

Nhưng đây là chuyện của 35 năm về trước. Trong nhận thức chung của xã hội lúc ấy, cách hiểu của Nguyễn Khải như trên kể cũng không có gì là lạ. Rồi thời gian sẽ làm cho sự suy nghĩ của ông ngày một mềm mại mà cũng là gần gũi với mọi người hơn.

Khoảng mười năm lại đây mỗi lần nói tới công việc, ông đã dùng chữ nghề bình thường chứ không đặt nó trong ngoặc kép nữa. Và ông sẵn sàng dành giấy mực để tâm sự với bạn đọc nào là những bước học

nghề, công phu học nghề, nào là mọi chuyện thăng trầm cùng những biến hoá kì lạ của nghề. Thành thử kể cũng là bước phát triển tự nhiên, khi cuối cùng, Nguyễn Khải cũng đã bắt đầu đả động tới câu chuyện chuyên nghiệp.

Dẫu rằng chuyện này đây đó, người khác nói đã từ lâu nay tác giả Xung đột mới nhập cuộc, song bản thân điều đó lại cho thấy vấn đề nay đã thật chín, người ta không thể cứ lảng tránh mãi. Tác phẩm ra nhiều, song toàn là đồ tầm tầm, không có đỉnh. Sức bền của nhiều ngòi bút có hạn, sau một vài tác phẩm gây ấn tượng, tự nhiên cây bút nọ, cây bút kia cứ chìm chìm hàng chục năm, đến nỗi người ta phải đặt câu hỏi hay là các tác phẩm nổi tiếng trước kia ra đời do ngẫu nhiên ăn may.

Danh sách nhà văn thì đông, nhưng không ít người trong đó chỉ mang hai chữ hội viên để lấy tiếng, còn toàn bộ lo toan hàng ngày là dành cho những việc khác, chẳng dây dưa gì đến văn chương. Trong khi ấy, nhìn vào từng tác phẩm cũng như hoạt động của đám người viết, có thể nhận ra những lỗi ngớ ngẩn, chỉ có thể có ở dân viết chơi bời, chứ người đã sống với nghề thì không được phép...

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Bằng ấy nhược điểm của đời sống văn học đương thời ngày càng rõ rệt đến mức những người có tâm huyết phải tính tới một số vấn đề cơ bản: Bàn về sự chuyên nghiệp hoá chẳng qua cũng là một dịp để xem xét lại cả cách làm việc cách tồn tại, lẫn sự tự đào luyện của người cầm bút.

Chẳng riêng gì nghề viết văn mà nhiều nghề khác ở ta cũng chưa đạt được chuyên nghiệp hoá, tức là người làm nghề thường đến với nghề một cách ngẫu nhiên, việc chuẩn bị học hành đã chẳng là bao, lại nay nghề này mai nghề khác, nên trình độ có thấp thì cũng là chuyện dễ hiểu. Đây quả là một tình hình phải tính tới, nó khiến cho câu chuyện chuyên nghiệp hoá nghề cầm bút còn là rắc rối chưa phải mỗi lúc thực hiện ngay được. Nhưng để lý do đó sang một bên, lại thấy có một số người nghi ngờ sự cần thiết chuyên nghiệp hoá ở một góc độ khác. Rất thành tâm những người này lý lẽ “Đã có chút duyên nợ với nghề cầm bút, ai người lại không hăm hở viết đêm viết ngày cho có tác phẩm hay! Chẳng qua, chưa viết được, nên họ đành chịu, tạm xếp bút nghiên làm công tác khác một thời gian. Ràng buộc họ vào một tờ

báo, bắt họ phải viết đều đều kiếm sống tức là làm hại tới sự sáng tạo rất cao quý ở họ”. Nghe ra, kể cũng có lý, song thực tế, đó là một cách hiểu có phần đã cũ, hợp với kiểu sống và làm việc tài tử của các xã hội “tự cấp tự túc”. Còn một quan niệm hiện đại hơn, thì có phần khác. Thay cho ý niệm trù tượng, nay là lúc người ta có một cách hiểu thiết thực (thông tục) hơn về cầm bút: suy cho cùng, nó cũng là một nghề, tức một hoạt động kiếm sống của con người, vừa phục vụ xã hội vừa nuôi sống bản thân và gia đình. Đại khái anh ta không thể hết lòng với nghề, nếu như chỉ cần viết lách cầm chày là đủ. Anh ta thích điệu đà dong chơi, và sẽ sẵn sàng thi vị hoá kiểu sống gập đầu hay đẩy đầu, gọi nó là phong cách nghệ sĩ. Thành thật mà nói, những kiểu người tài tử như vậy có thể đã kéo dài cả hàng trăm năm, nhưng nay đâu còn thích hợp với cuộc sống mà chúng ta cùng lo gây dựng

* Một trong những lý do khiến cho nhiều người cứ phải ngần ngại khi nói tới chuyện chuyên nghiệp hoá, có lẽ là ngay ở tính chất quyết liệt của nó. Từng người phải vắt kiệt sức mình cho công việc. Mà cả giới thì luôn ở trong tình trạng tự sàng lọc, chỉ ai thích ứng mới tìm được chỗ trong nghề, còn ai kém cỏi sớm muộn sẽ phải bán sới để chuyển sang các nghề khác. Nghe ra quả là tàn nhẫn! Thành thử trong điều kiện hiện nay, đây vẫn là thứ liệu pháp sốc, chưa chắc nên áp dụng, và câu chuyện nói ra ở đây, không phải để làm. Chẳng qua nhân bài viết của Nguyễn Khải, chúng tôi nắc tới chỉ cốt để cắt nghĩa tại sao giờ đây sau lớp vỏ “phồn vinh giả tạo” lại có tình trạng người đọc chán chường, sách vở ế ẩm và guồng máy văn chương trở nên vật vờ chậm chạp đến vậy.

VĂN CHƯƠNG, ĐỒNG TIỀN, SỰ KIẾM SỐNG

Trước khi nổi tiếng vì tác phẩm, một số nhà ăn tiền chiến ở ta đã rất nổi tiếng trong việc... sử dụng ngòi bút để kiếm sống. Vũ Trọng Phụng gánh trên vai cả gia đình bao gồm mẹ, vợ và về sau là con gái. Lưu Trọng Lư chạy đi chạy về giữa các tờ báo và nhà xuất bản, khiến Xuân Diệu phát sợ và phát ra lời than thở Com áo không đùa với khách thơ. Nam Cao từng kể lại việc mình thường chăm chú đi lĩnh nhuận bút về để trả nợ và mua thuốc cho con ra sao trong một số truyện ngắn. Còn nói tới Nguyễn Bình, Tô Hoài cho một câu gọn lỏn: Đó là người làm thơ duy nhất sống được bằng thơ. Kể đã là một lời khen tặng nặng ký.

Từ khoảng 1985 về trước trong đời sống văn nghệ Hà Nội, những chuyện tương tự như thế không được nhắc tới. Người viết văn không sống hẳn bằng ngòi bút, bởi thường thường họ được biên chế vào một nhà xuất bản hoặc một tờ báo nào đó và có lương đều đều, trong khi đời sống chung quanh còn khá đậm bạc. Thành thử có một thói quen trong giới, là mọi người không thích xem viết văn như một việc kiếm sống và ai người nói tới đồng tiền, dễ bị chung quanh khinh bỉ, coi là làm mất đi bản chất cao đẹp của sự sáng tạo. Nay thì tình hình không hẳn như vậy nữa. Một bậc đàn anh của tôi, tuổi gần 70 vẫn viết đều đều. Hỏi thì anh cười, đã quen tiêu rộng rồi, lương hưu lại không đủ, không có nhuận bút là chống chèo ngay. Một người bạn cùng lứa với tôi, sau 15 năm sống ở một tỉnh xa, kéo cả gia đình về Hà Nội. Có bao nhiêu tiền dồn vào mua nhà, lưng vốn đã cạn, sự mưu sinh của cái gia đình bé nhỏ ấy giờ đây trông cả vào ngòi bút của ông chồng. Mỗi buổi sáng thay cho tập thể dục, hãy ngồi găng chế ra một hai báo vật, cốt lấy dăm bảy chục một trăm gì đó

– Anh kể với vẻ tự nhiên, như không có cách nào khác. Một bạn còn trẻ, học xong phổ thông thi đại học trượt, song may mắn được nhận vào trường viết văn Nguyễn Du và đã học xong. Nhưng vào cái lúc mà tờ báo nào cũng ngại lấy thêm người, thì xin việc đâu có dễ. ưu ái lắm, người ta mới thương tình giao cho anh thầu vài ba mục vật, mặc dù nhuận bút với anh lúc này hẳn đã trở thành thứ lương duy nhất. ắt hẳn mấy trường hợp trên không phải là “cá biệt”. Cả với những người đang sống tạm đủ cũng vậy. Không trình bày nổi ám ảnh của đồng

tiền lên mặt giấy song người ta không thể gạt nó ra khỏi đầu óc và nay là lúc đang có nhiều người phải nghĩ về nó. Trong hơn hai chục năm làm nghề biên tập xuất bản, có một diễn biến tâm lý tôi từng quan sát ở nhiều người viết: Đại khái, khi mới đưa bản thảo tới, và cả khi được báo tin rằng bản thảo sẽ in, anh không nói gì đến nhuận bút. Anh tâm sự: Minh chỉ cốt in được thôi. Tiền xong chả thành vấn đề. Nhìn nét mặt và nghe giọng nói của anh, tôi biết rằng anh nói thật. Nhưng cũng anh ấy, lại cũng thành thực không kém là cái dịp đến lĩnh nhuận bút. Mới nhìn con số trên mặt giấy anh đã gờm gợn, như không tin ở mắt mình nữa. ‘Tuy không nói ra, nhưng chắc là anh đang tự hỏi vì sao nó ít thế. Rồi anh cười gượng cho qua, và một lúc sau, mới trở lại được câu chuyện đang bỏ dở. Hoá ra, sự quan tâm đến đồng tiền vẫn đến. Và hình như càng vào sâu trong nghề người ta lại càng hay nói đến nó nhiều hơn. Nói cách khác, thái độ đối với đồng tiền như trên là một thứ thước đo mức độ chuyên nghiệp của các ngòi bút. Để đạt tới sự chuyên nhất trong công việc và khả năng làm việc đều đều, hơn thế nữa, khả năng ngày mỗi hoàn thiện hơn ngòi bút của mình, nhà văn cần có sự yên tâm tin rằng tiền nào của ấy bản thân mình nỗ lực đến đâu, xã hội biết cho đến đâu. Đồng tiền chính là dấu hiệu của mối quan hệ đầy tính năng động đó. Trong tình hình hiện nay, chỉ có một số người mặc dù có thể viết lách đã lâu xong không hay nói đến tiền bạc, đó là những người đã có nghề khác để kiếm sống, thu nhập chính là ở đây có viết cũng chỉ làm vui, hoặc để trang điểm thêm. Chắc chắn đó không phải là bộ phận chủ lực làm nên nhịp điệu đều đều của đời sống văn học.

* Có một sự thực mà người trong giới đang phải chịu đựng, và người ngoài cuộc cũng bắt đầu biết, đó là tình trạng nhuận bút dành cho sáng tác văn chương khá thấp và có xu hướng ngày càng giảm đi. Bởi lẽ công in ngày một cao, giá giấy ngày một đắt, và việc bán sách thì khó, số phần trăm phải chi cho việc phát hành ngày mỗi “thượng” mãi lên, trong khi đó bản in cho mỗi cuốn sách lại giảm đi, cho nên nhuận bút đã hạ tới mức thảm hại. Đại khái, sau khi viết xong một cuốn sách vài trăm trang giờ đây người viết chỉ nhận được một số tiền đủ để mua dăm bảy chục cuốn sách theo giá bán trên thị trường. Vậy nay là lúc câu chuyện về áp lực của đồng tiền đối với sáng tạo chẳng còn có gì để nói? Không. Không hẳn thế. Ngược lại mới đúng: Chính đồng tiền là nguyên nhân dẫn tới nhiều sự phân hoá nho nhỏ diễn ra hàng ngày. Thỉnh thoảng, trong đám những người viết văn, vẫn thấy xảy ra hiện

tượng một người đang viết rất khoẻ thuộc về thời kỳ anh hoa phát tiết ra ngoài – bỗng nhiên “tạnh” hẳn, không viết gì nữa, và con người tác giả thì biến đi tưởng như chưa bao giờ anh ta quan hệ với giới viết văn. Hỏi ra mới biết: do chỗ viết khá, anh ta (hay chị ta) nay đã được mời về bên điện ảnh hay truyền hình. Mà ở các ngành đó thì “cá cã lợn lớn” chứ đâu bèo bọt như bên văn chương. Có điều, đâu có phải rồi người viết văn nào cũng được mời đi như thế?! Đa số, vẫn phải lưu ở lại, bị bõm chìm nổi trong nghề. Vì thế, mới có cảnh mọi người đổ đi viết báo làm “mì ăn liền” như chúng ta đang thấy, hoặc có thể tiếp tục chung thuỷ với văn chương, thì viết ra theo kiểu bôi bác cốt chạy theo số lượng. Nhìn qua ở đây, hình như chẳng có chuyện gì, nhà văn viết nhiều chẳng qua là nhà văn biết thích ứng với hoàn cảnh. Nhưng đứng về quyền lợi lâu dài của cả giới, thì đây là cả một mối di hoạ. Văn chương càng kém cỏi thì bạn đọc càng quay lưng lại với nó, và con số bản in của từng đầu sách (một con số liên quan tới uy tín của một nền văn học) sẽ ngày càng suy giảm. Nảy sinh từ sự thấp kém của nhuận bút, tình trạng viết nhiều viết ẩu lại là một cái cớ đích đáng để cho người ta thấy sự thấp kém kia là có lý. Đứng lùi ra xa một chút mà xét, có vẻ như nay là lúc đồng tiền trả thù. Bị coi thường, nó tác oai, tác quái cho người ta biết. Nó buộc người ta phải nhìn nhận lại nó và tìm tới một mối quan hệ đúng đắn với nó. Nhưng bắt đầu từ đâu thì chưa ai biết.

* Nghiên cứu về các vụ ly hôn, nhiều nhà tâm lý học từng rút ra một nhận xét mang tính nghịch lý: những cặp chỉ lấy nhau thuần túy do tình yêu lại hay bỏ nhau hơn là những cặp vừa có yêu vừa có tính toán. Lý do kể cũng dễ hiểu, có tính toán tức là có vận dụng tới lý trí. Mà lý trí thì có khả năng nhìn nhận phân tích tình thế một cách sáng suốt trong khi tình yêu thuần túy cảm tính dễ cực đoan một chiều. Khi các đối tượng bắt đầu tiếp xúc với nhau, tình yêu thuần túy có thể tạo nên sức thu hút mạnh mẽ. Nhưng để hai bên sống cùng nhau một thời gian dài thì chưa chắc. Với tính cách một sự liên kết, hôn nhân lâu bền rất cần thiết sự có mặt của lý tính. Nhiều nhà văn thực không quá lời khi nói rằng họ đến với văn chương là do tình yêu vì thế cái nhận xét nói trên của các nhà tâm lý có thể mang ra áp dụng: Đồng tiền mà chúng ta đang nói từ đầu đến giờ, chính là một phần của sự tính toán của lý tính trong nghề văn. Vì thiếu sự tính toán, một số người có đang sống vật vờ trong nghề (theo kiểu ly thân chứ chưa ly hôn) kể cũng là hiện tượng dễ hiểu. Văn chương là cả sân chơi rộng rãi: Ai

muốn sống theo kiểu lãng tử, gặp đâu hay đấy, xin cứ tiếp tục. Còn với những cây bút nghiêm túc sống chết với nghề, thì việc giúp đỡ cho họ có được mối quan hệ công khai, rành mạch hợp lý... đối với đồng tiền cũng đã đến lúc thành việc cần thiết, vì đây là tiền đề tốt, để giúp cho họ có thể giải phóng hết tiềm năng sáng tạo vốn có.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

TRĂM NĂM LÀ NGẮN, MỘT NGÀY DÀI GHÊ

Ngay từ những ngày đầu năm 1998, đến nhiều hiệu sách, và thậm chí đến cả các sạp báo, người ta đã nhanh chóng nhận ra một quyển sách mang tên: Truyện ngắn hay 1997. Đặt vào hoàn cảnh mà sách vở báo chí thành ra một món hàng mua bán ồ ạt, một quyển sách như thế có thể lẫn đi giữa bao xuất bản phẩm khác. Nhưng với những người chưa quen ấn tượng về một thời sách vở khó khăn như bọn tôi thì cái việc một tập Truyện ngắn hay 1997 được tung ra bán ngay từ đầu 1998 này đã là một cái gì là lạ.

Trước kia muốn khẳng định một tác phẩm dù là một truyện ngắn, một bài thơ, chúng tôi thường muốn có độ lùi về thời gian, sớm nhất cũng là một hai năm. Và chẳng một chữ hay thôi, là một cái gì thiêng liêng lắm, mọi người khá dè dặt khi tính chuyện ban phát cho đồng nghiệp. Nay thì đời sống văn học vận động thật nhanh nhẩu và cũng thật hào phóng. Không phải tôi khắt khe cổ hủ muốn mọi người quay lui với lối làm ăn ngày trước, chẳng qua chỉ muốn tự nhủ: chúng ta đang viết văn trong một hoàn cảnh thuận lợi hơn bao giờ hết.

* Trong cuốn Nhà văn Việt Nam hiện đại, do Hội Nhà văn cho biên soạn (thực tế chỉ nên gọi là một thứ kỷ yếu, ghi chép về các hội viên của Hội) sau khi kể cho họ tên, năm sinh tháng đẻ, quê quán, các nhà văn hội viên còn có thêm một mục để khai: đó là các giải thưởng họ đã nhận. Có lần tôi tò mò đếm thử 100 người đầu, thì thấy có đến 53 người khai rằng đã nhận được một giải nào đó. Vậy tính đồ đồng cứ khoảng hai nhà văn lại có một người từng trúng giải, gần 800 hội viên, phải tới 400 được vinh thăng. Đã là một sự ghê gớm đấy chứ! Cũng trên cái mạch suy nghĩ về những thuận lợi của người viết hiện nay, lại muốn ghi nhận rằng, chung quanh một cây bút già có trẻ có bấy giờ lúc nào cũng có bao nhiêu giải thưởng đơm sẵn chờ đợi. (Thấy người sang bắt quàng làm họ, thiếu gì trường hợp một cuốn sách được kéo vào để trao giải thưởng ở ngành này ngành nọ, chẳng qua vì nó đọc được, xếp giải cho sang, chứ cả người chấm lẫn người được giải đều biết rõ rằng lúc đầu nó, chẳng liên quan gì đến giải cả.)

* Trong đại gia đình các ngành nghệ thuật, xưa nay giới viết văn vẫn được xếp vào loại “tiếng cả nhà thanh”, tức là tầm quan trọng thì

không ai bằng mà chi phí lại đậm bạc, xoàng xĩnh. Bản thân tôi cũng nghĩ thế, cho đến cái lần tôi có may mắn được cử đến dự tổng kết trại viết do Hội văn nghệ một tỉnh tổ chức. Trại viên có đầu khoảng 20 người. Toàn trại làm việc trong khoảng ba tuần. Do là trại tổ chức ở một tỉnh nghèo nên sự chi phí cho các trại viên cũng từng tèm lấm, chỉ gói gọn trong hai chục ngàn một ngày. Song có những khoản hà tiện mấy cũng phải chi. Chẳng hạn tiền thuê từ Hà Nội về. Lại còn khai giảng bế giảng, báo đài địa phương đều có đưa, làm lúi xùi quá sao tiện!? Tóm lại, bỏ rẻ ra một trại viết như thế cũng xấp xỉ hai chục triệu. Nhưng khi tôi hỏi cái đích phấn đấu của một trại loại này ra sao, thì các đồng chí phụ trách trại, không giấu giếm gì cả, nói một cách thành thực là chỉ mong có một hai truyện ngắn đăng ở báo Văn Nghệ của Hội Nhà văn Trung ương. Với thói quen của người làm nghề và sống phần bằng lương biên tập, phần lo viết lách thêm, tôi thử đoán: ở góc độ của anh A chị B có truyện được đăng ở báo Văn Nghệ, thu nhập cũng chẳng hơn các anh em khác là bao, chừng một hai trăm ngàn gì đó. Nói mãi đã nhàm, nên giờ không ai nói chuyện ấy nữa, là chuyện nhuận bút bèo bọt. Nhưng xét trên phạm vi toàn xã hội, thì lại phải bảo thực chất tiền bỏ ra cho một hai truyện sẽ đăng ấy, là xấp xỉ hai chục triệu, vì phải tính nó bằng tổng số chi phí đã chi cho toàn trại, mức chi đầu có là thấp?

* Trở lên, tôi vừa thử nêu một số khía cạnh của môi trường sáng tác hiện nay và có chút liên hệ với điều kiện làm việc trước kia, để thấy cái cởi mở của hoàn cảnh. Điều trở trêu là ở chỗ chính trong hoàn cảnh ấy, đời sống văn học lại bị kéo xuống thấp tới cái mức khó ai ngờ tới: Tình trạng một dân tộc hơn 70 triệu người mà mỗi cuốn tiểu thuyết in ra loanh quanh ở con số 1.000 bản, là tình trạng thật đáng buồn, không một lý do gì có thể biện hộ nổi, và chừng nào chưa vượt qua được cái con số quái gở ấy, thì mọi sự nhắc nhở tới nó, còn là cần thiết. Nếu cắt nghĩa sao về điều trở trêu này? Trong lúc tôi loay hoay đi tìm sự giải thích, thì thật may mắn một cây bút phê bình mỹ thuật gần đây đã mang tới một ít gợi ý. Nguyên là trên TT & VH số ra 2-8-1997 có in bài viết của Phạm Cẩm Thương mang tên Thoái trào hội họa? Bài viết đã tạo nên một thoáng sôi động. Nhiều người có ý cho rằng tác giả có phần bi quan trong sự nhìn nhận và đánh giá. Giá kể đẩy lên một chút nữa, hẳn sẽ có một cuộc tranh luận thú vị (tuy nhiên, cái sự giá kể ấy không xảy ra, mọi chuyện treo lại lơ lửng). Không rõ giờ đây, giới hội họa còn ai nhớ tới bài báo đó không, riêng tôi cứ

vương vấn mãi với nó. Sở dĩ vậy, vì lâu nay, tôi vẫn nhìn sang cái ngành nghệ thuật của màu sắc và hình khối ấy với nhiều ghen tị. ở bên ấy, việc giao tiếp với thế giới có tính cách hồn nhiên, trực tiếp không bị hàng rào ngôn ngữ ngăn cản. ở bên ấy giờ đây ai vẽ thế nào thì vẽ, tả thực càng hay mà lập thể trừu tượng cũng được, cái điều ngăn cấm ngày nào nay được gỡ bỏ. Cộng với nhiều điều kiện cụ thể khác, có thể bảo rằng hoàn cảnh cho những người cầm bút vẽ đang là một hoàn cảnh khá lý tưởng. Vậy mà không cần một lời rào đón dài dòng, như vẫn thấy ở cánh phê bình văn học chúng tôi, Phan Cẩm Thượng nói tuốt ra rằng hội hoạ Việt Nam, sau vài năm hưng khởi, đang đi xuống, và anh đã đưa ra đủ những dẫn chứng cần thiết, để làm cho người ta tin ở kết luận của bài. Về phần mình, liên hệ với hoàn cảnh cởi mở của sự sáng tạo trong văn học nói riêng, trong các ngành văn nghệ nói chung, tôi tìm được lời giải đáp cho tình trạng trớ trêu hiện nay: Hoá ra điều kiện làm việc, cái khung cái môi trường sáng tạo, dù quan trọng đến đâu cũng không phải tất cả.

Khi một nghệ sĩ thiếu đi đủ thứ, từ học vấn đến lòng tự trọng, nhất là thiếu đi những yêu cầu cao về nghề nghiệp, tóm lại khi thiếu cái nội lực cần thiết, thì chẳng những không thể khai thác tốt mọi thuận lợi, mà trong hoàn cảnh mới lại có dịp bộc lộ ra nhiều nhược điểm nặng nề. ở hội hoạ đó là tình trạng đua nhau mở phòng tranh, sẵn sàng chép tranh của nước ngoài ký tên mình, mọi tìm tòi đều dờ dang, không cái gì đến đâu đến đấy. ở văn học đó là hiện tượng viết nhanh viết ẩu, chạy theo số lượng đầu sách, đi theo những lối mòn cổ lỗ, hoặc chiều dãi những thị hiếu thấp của bạn đọc. ở đâu cũng vậy, khi công chúng quay lưng lại với nghệ thuật, thì những người làm nghề là người trước tiên có lỗi.

* Phong trào Thơ mới là một hiện tượng bùng nổ và chói sáng trong đời sống văn hoá dân tộc thế kỷ XX. Điều kỳ lạ là ở chỗ nếu đo đếm cho kỹ thì cái ấn tượng rực rỡ mà phong trào đó đem lại chỉ xuất phát từ một mặt bằng thơ khá hạn hẹp. Trong hơn chục năm, số lượng những tập thơ được in ra chỉ độ vài ba chục gì đấy (Riêng NXB Đời nay của nhóm Tự Lực văn đoàn suốt trong thời gian tồn tại của mình chỉ in có 8 tập). Báo chí cũng không mấy mặn mà với thơ, mỗi số Phong hoá hay Ngày nay chỉ in có vài ba bài. Lại một điều phần lớn loại bài họ đã in còn lại với lịch sử văn học. Trong khi đó nếu nhìn lại thời kỳ trước 1932, người ta sẽ nhận ra một sự tương phản. Trên tờ tạp

chí Nam Phong mỗi tháng thơ in theo kiểu nối đuôi nhau (gọi chung là Văn Uyển) có số lên tới vài chục bài. Song nếu để Tản Đà sang một bên, chỉ xét đại trà thì, có khi hàng năm trôi qua, không một bài nào về sau còn được tìm đọc. Kết luận rút ra: hình như văn chương cũng giống mùa màng, cũng có thời vụ của nó. Có thời của sự gặt và hái có thời của việc đánh luống, gieo mạ. Bởi biết người ta không ai chọn được thời mà sống, nên tôi cũng tự bảo mình là không nên sốt ruột. Trăm năm là ngắn một ngày dài ghê – mọi chuyện đều có tính cách tương đối. Chỉ khổ một nỗi cách cảm nghĩ của một người lớn lên trong thời buổi khó khăn không phải mỗi lúc rữ bỏ ngay được. Chẳng hạn thấy một quyển sách giấy trắng mực đen in đẹp bìa trình bày sang trọng, những quyển sách ngon lành như trái chín, mà bên trong văn chương lại cầu thả xoàng xĩnh, tự nhiên cứ thấy cảm cảnh và đôi khi không khỏi bực bội.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

TRÊN ĐƯỜNG TÌM TỚI MỘT CÁCH HIỂU ĐÚNG ĐẮN VỀ GIỚI VĂN NGHỆ

“Bữa ăn có Phúc, thú vị hẳn lên. Phúc kể chuyện khéo, ông biết nhiều giai thoại ngộ nghĩnh của giới văn nghệ. Trong một bữa ăn phong lưu, thật chẳng có món gì gia giảm hợp vị hơn là món ấy. Giới này, theo con mắt của các vị công chức cùng sở với ông Thiệu là bọn người lông bông, đầu óc rất những tư tưởng rối ren”. Không biết trong bụng, Nguyễn Huy Thiệp có nghĩ thế không (phần Không chắc nhiều hơn) nhưng mấy năm trước, hồi viết Huyền thoại phố phường, trong một đoạn nói tạt ngang men theo suy nghĩ của nhân vật, anh đã buông một câu lửng lơ về giới văn nghệ như vậy.

Và tôi đoán là nhiều người – ở những cương vị khác nhau và thuộc nhiều ngành khác nhau – đã đọc câu ấy mà không lấy gì làm ngạc nhiên. Dù chưa có dịp nói ra, song, trong tâm trí họ, giới văn nghệ được hiểu như thế là phải: Văn nghệ, ấy là một giới chỉ đáng cho người ta mang ra đàm tiếu trong những lúc ngồi bên bàn tiệc! Người làm văn nghệ, ấy là những con người lêu lổng, lười biếng, lại hay sinh sự, đáng phải cảnh giác! Nói mãi thành quen, những hư truyền như vậy (muốn một cặp tiếng Việt nay đã ít dùng), trở thành những tục truyền. Thậm chí chính những người làm văn nghệ cũng tự đắm ngực nhận tội và dành cho mình và đồng nghiệp của mình những lời lẽ không lấy gì làm tốt đẹp. Trong những đợt sinh hoạt nội bộ, đôi khi người ta nói như phát khùng. Và ngay trong nhiều truyện ngắn truyện vừa của cả những cây bút tên tuổi, các nhân vật làm văn nghệ (nhà văn, hoạ sĩ, nhạc sĩ) thường vẫn hiện lên như những con người nông nghênh, láo lếu, đặc biệt là rất ích kỷ, thường chỉ lo đua đòi hưởng thụ. Có lẽ thói quen chả có gì là hay ho này bắt nguồn từ đạo đức phong kiến chẳng, cái quan niệm phong kiến nhìn người nhà văn nghệ nói chung là một thứ xướng ca vô loài, nên chi, một nhà nho như Trần Tế Xương, khi trình diện mình như một người làm văn nghệ (tự gọi là Tú Xương) cũng tự vẽ ra hình ảnh mình theo phong cách biếm hoạ. Những là : Vị Xuyên có Tú Xương Dờ dờ lại ương ương Cao lâu thường ăn quýt Thổ dĩ lại chơi lường Rồi lại là: Lúc túng toan lên bán cả trời Trời rằng thẳng bé nó hay chơi Cho hay công nợ âu là thế Mà vẫn phong lưu suốt cả đời Nhưng đây chính là ví dụ về một truyền thống lỗi thời, cần phải vứt bỏ. Thay vào đấy, giới văn nghệ cần được

thông cảm bằng những cách xem xét khác. Phàm đã làm cha làm mẹ, người ta đều biết sự dễ bảo ở trẻ không phải bao giờ cũng là một đức tính đáng khen và sự ương bướng chưa chắc là điều đáng chê trách. Vậy phải tùy từng trường hợp cụ thể mà xem xét. Một sự cẩn trọng như thế lại càng cần thiết nếu chúng ta muốn hiểu đúng con người các nhà nghệ sĩ. Trong thực tế, cái gọi là sự ương bướng, bất trị (nguồn gốc của những tư tưởng rối ren mà trên kia, nhân vật Phúc của Nguyễn Huy Thiệp nói) nhiều khi là cách gọi khác đi của sự tự trọng, nhu cầu sống và viết theo lương tâm mình, không vì bất cứ cái gì mà uốn cong ngòi bút. Người làm văn nghệ có được cái cốt cách cao quý ấy lẽ ra phải được kính nể. Còn như những thói xấu vặt vãnh khác, nông nổi ư, hay ghen tị nhau ư, toàn những chuyện thường tình. Lại như thích phô trương, thích nổi, có thói xấu nào phổ biến hơn và đáng tha thứ hơn? Tuy không dám nói chắc là tốt hơn người, nhưng giới văn nghệ – nhìn chung cả giới – cũng không có gì xấu hơn người đời. Huống chi, bên cạnh những thói xấu ấy những văn nghệ sĩ chân chính thường khi là những người chăm chỉ miệt mài khổ công tập luyện, hết lòng vì công việc. Do lòng yêu nghề, có những người trong họ sẵn sàng hy sinh tất cả, từ những niềm vui riêng tư đến danh vị, chức tước, miễn sao đạt tới những đỉnh cao nghệ thuật mà họ ao ước. Cho đến nay, lao động nghệ thuật nói chung, lao động của các nhà văn nói riêng còn đang là một bí mật mà khoa học cần phải dày công khai phá. Sở dĩ tôi muốn dừng lại kỹ hơn ở giới viết văn vì trong văn nghệ nói chung, nghề nghiệp của những người cầm bút lại chịu nhiều thành kiến hơn hết. Câu chuyện sau đây của một người bạn làm chứng cho điều đó. Số là, cũng như số đông anh em làm nghề văn nghệ khác, anh bạn này công tác ở một địa phương. Điều làm anh sừng sốt là các nhà chức trách ở địa phương có một lối đối xử phân biệt rất lạ. Tức là các họa sĩ, nhạc sĩ thì được các vị ưu ái, nói gì cũng nghe, xin gì cũng cho. Riêng giới viết văn, lại bị rẻ rúng. điều tra thăm dò mãi, sau mới vỡ lẽ: Do ngồi vào pi-a-nô không biết đàn, cầm bút vẽ, không phác ra hình dáng gì, nên các vị còn coi những người làm các công việc ấy là có nghề. Chứ thơ văn ấy ư, các vị cũng làm được! Mà thơ lại hay nữa! Đưa thơ của các vị ra cho các cô ở văn công địa phương đọc, nghe cũng véo von lắm, mà người nghe thì vỗ tay rào rào. Sự đối xử của các vị là có tính toán kỹ càng cả đấy chứ (!) Đây là lý do khiến cho một cách hiểu thô thiển như thế có đất sống và tồn tại khá dai dẳng? Một là, so phương tiện để sáng tạo trong văn học là ngôn ngữ, thứ ngôn ngữ này do ngôn ngữ đời thường được tinh lọc mà thành. Khi

chưa hiểu rằng giữa ngôn ngữ đời thường và ngôn ngữ văn học có sự khác nhau, như sự khác nhau giữa đá và ngọc, lại không có ý niệm gì về các nguyên lý kết cấu văn bản, xây dựng hình tượng...., ai người nông nổi một chút dễ nảy sinh ảo tưởng cho rằng nếu muốn là mình có thể sáng tác văn học ngay được. Hai là, bấy lâu công việc viết văn lại thường được xem là một công tác hơn là một nghề nghiệp. Gọi là công tác tức là phần nhiệt tình là chính, ai lập trường vững và có năng khiếu một chút là làm được. Người viết văn được xếp gọn trong hệ thống hành chính, theo thâm niên mà lên lương và hưởng bổng lộc. Khi trao đổi về sáng tác, sự chú ý của mọi người trước tiên hướng vào nội dung tư tưởng, còn các vấn đề nghề nghiệp ít khi được bàn bạc một cách thấu đáo. Một thời gian dài, quá trình văn học ở nước ta gần như đứng tách riêng ra, rất ít liên hệ với quá trình văn học chung của thế giới. Kỹ thuật sáng tác thì lạc hậu, đôi khi là thuần thực ngay trong sự lạc hậu của mình. Vậy lại là những lý do thêm vào khiến cho công việc viết văn bị hiểu lầm thường đi. Chuyện lao động nghệ thuật chưa bao giờ được xem xét một cách chu đáo, công phu, mà thường chỉ được kể lại qua những giai thoại ngộ ngộ, vui vui, rồi truyền đi theo lối tam sao thất bản. Đã đến lúc sự đơn giản, sơ lược ấy cần được khắc phục. Quá trình dân chủ hoá đời sống tinh thần hiện nay mở ra khả năng đề dư luận có thể hiểu kỹ thêm và nhất là hiểu đúng hơn cả vai trò sứ mệnh của văn chương lẫn những đặc điểm của nó, về mặt nghề nghiệp. Những nhà văn xuất sắc ở ta cần được giới thiệu không chỉ như những người có nhiệt tình công dân cao, có khả năng gắn bó với thực tế đời sống chặt chẽ, mà còn là những người có tay nghề vững vàng, biết lao động trong văn chương một cách có kỹ thuật và sáng tạo. Nhiều người trong họ đã viết nên những trang lịch sử nghề văn khá sinh động trong mấy chục năm qua.

Thay lời kết

Thử nhại thánh thán: CHẲNG CŨNG SƯỚNG SAO!

Trong cuộc đời dài đặc và thường khi là nhiều đau khổ này, tại sao chúng ta không thử nhớ lại những giây phút mà ta cảm thấy cực kỳ sung sướng? Để hình dung lại niềm vui lớn lao đã đến với mình khi còn là một cây bút trẻ, được đăng tác phẩm đầu tiên, Nguyên Hồng bảo rằng đại khái nó giống như một phen trúng số độc đắc; hoặc những tình cảm xao động trong lòng một viên tướng khi cảm thấy mình vừa hoàn thành một sự nghiệp lưu danh muôn thuở. Nhưng mỗi đời vẫn là cả một chuỗi dài ngày tháng nối tiếp, trong những ngày tháng ấy có thể bảo là còn bao niềm vui, khi lớn khi nhỏ, mà cái nào cũng đáng quý. Có nên ghi lại không nhỉ? Trong quá trình bình chú Mái Tây (tức Tây sương ký của Vương Thực Phủ), nhà phê bình văn học nổi tiếng Thánh Thán từng dẫn ra một đoạn dài trong đó ông và một người bạn là Trác Sơn kể ra những chuyện sướng ở trên đời “để cho lòng đỡ bạo bực”. Điều lý thú là ở đây, niềm vui được trình bày với rất nhiều cung bậc, có niềm vui cao thượng bên cạnh những niềm vui bị xem là tầm thường, niềm vui bé nhỏ bên cạnh niềm vui cao sang, và niềm vui hư vô giữa niềm vui trần tục, ví như:

– Đoạn 16

– Đêm đông uống rượu, lại thấy lạnh thêm... Mở song thử nhìn, tuyết lớn bằng bàn tay..., đã xuống dày đến ba bốn tấc! Chẳng cũng sướng sao!

– Đoạn 6

– Qua phố thấy hai bác đồ gàn cãi nhau về một chuyện... Cả hai đều đỏ mặt tía tai, tưởng chừng không đội trời chung. Vậy mà còn chấp tay lên, khom lưng xuống, đầy mồm “chi hô giả dã”. Câu chuyện kéo dài, có thể mấy năm không xong! Bỗng có một tráng sĩ vung tay đi lại, ra oai quát một tiếng, thế là nín thít. Chẳng cũng sướng sao!

– Đoạn 11

– Ngủ sớm vừa dậy, hình như nghe tiếng người nhà than thở, nói chàng nọ chết đem qua... Vội gọi hỏi xem, thì là một tay khôn vặt nhất trong cả một thành! Chẳng cũng sướng sao!

– Đoạn 19

– Còn ba bốn mụn lở ở chỗ hiểm, thời thường gọi nước nóng, đóng cửa mà rửa, chẳng cũng sướng sao!

– Đoạn 25

– Món đồ sứ đẹp đã nứt mẻ, chả có cách gì hàn gắn xem đi ngấm lại chỉ thêm rôi ruột. Nhân giao cho nhà bếp dùng làm đồ đựng vật, không bao giờ lại qua mắt nữa, chẳng cũng sướng sao!

– Đoạn 9

– Com xong vô sự, lục lộn hòm nết, thấy các văn tự nợ mới cũ có đến mấy trăm bức. Những người thiếu nợ đó, hoặc chết rồi hoặc còn sống, tóm lại đều không sao trả nổi. Vắng người liền lấy lửa trộn lộn đốt sạch! Ngẩng nhìn trời cao, vắng ngắt không mây...

Chẳng cũng sướng sao! Học cách nói của Thánh Thán, dưới đây cũng xin thử ghi lại một vài niềm vui, mà những người làm nghề cầm bút từng đã thử nghiệm:

1. Không biết làm gì, mở lại sổ ghi chép cũ, thấy một đề tài hay, viết ra thì rất ăn. Vẫn là ý của mình mà như bắt được của người khác. Chẳng cũng sướng sao!

2. Một bài viết đông dài lủng củng, đã xếp xó đầy, bỗng nhiên cắt sửa gọn gàng thành một bài viết sáng sửa mạch lạc, in ra ai cũng khen. Chẳng cũng sướng sao!

3. Bài viết, lúc còn trong ngăn kéo, tưởng cũng bình thường, có người đặt thì viết. Nay đăng ra, trên mặt chữ, bộc lộ nhiều ý bất ngờ sâu sắc. Chợt nhớ tới lời tự nhủ của L. Tolstoi khi đọc lại Anna Karênina “Lão già ghê thật”. Chẳng cũng sướng sao!

4. Viết xong đề đây, vác túi đi chơi, gặp bạn bè anh em cũng đang viết, chuyện trò thật rạn rinh: trở về, thấy cần phải sửa chữa thêm cho khá hơn nữa. Chẳng cũng sướng sao!

5. Một người bạn mình vốn phục vì có tài, song lận đận mãi. Tự nhiên anh ấy viết được một cái thật khá; giống như đi chợ kiếm được thứ ổi trái mùa, ngon lành mà lại lạ miệng, thiên hạ ai cũng thích. Bản thân mình bỗng như tiếp được một nguồn kích thích mới, thêm hăm hở viết, chẳng cũng sướng sao!

6. Ngày rồi xem lại đồng giấy má cũ thấy có một bài viết đã khá lâu, nhưng kém quá, dở quá, may không đâu đăng, chứ đăng ra thiên hạ cười cho thối mũi mà tiếng xấu để đời. Vội vàng châm lửa đốt, nhìn tàn lửa bốc lên, chắc chắn rằng từ nay không ai biết mình có lúc viết nhảm như vậy, chẳng cũng sướng sao!

7. Một quyển sách của ai đó vừa in ra, mình vốn cho là tầm thường, lại được vài tờ báo hùa nhau tâng bốc lên tận mây xanh, thấy rất khó chịu. Bỗng có một bài phê bình viết rất đích đáng, mình định mọi chuyện, hay dở rõ ràng, chẳng cũng sướng sao!

8. Một người bạn giới thiệu mình với một người khác rằng đây là một nhà văn, nhưng mặt người kia vẫn lạnh như tiền, không chút mảy may xúc động, chắc chắn là tên mình không gợi chút ấn tượng gì ở anh ta cả. Nhân có việc đến thư viện, thấy một cô sinh viên đang làm luận văn, cầm quyển sách của mình đọc hết sức hào hứng, chẳng cũng sướng sao!

9. Đang cùng cười giễu nghề văn và than thở với nhau về những bạc bẽo trong nghề bỗng nghe nói một kẻ giàu sang quyền quý cũng háo danh trong văn chương lắm, hắn đang chạy chọt để nặn ra lấy một tập thơ, chẳng cũng sướng sao!

HẾT